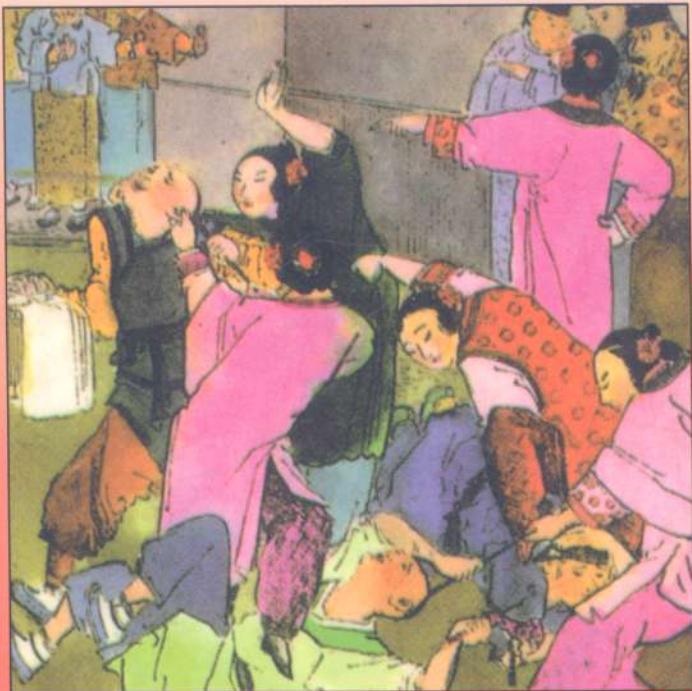


LỤC ĐỨC DƯƠNG



LỊCH SỬ LUỮ MANH

CAO TỰ THANH dịch



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Dịch từ nguyên bản Hoa văn ***Lưu manh sữ***,
Trung Quốc xã hội dân tục sử tùng thư,
Thượng Hải Văn nghệ xuất bản xã, 1995

Lục Đức Dương

Lịch sử lưu manh

Cao Tự Thanh dịch

Nhà xuất bản Trẻ

Mục lục

* Lời người dịch	7
* Lời nói đầu	9
Chương 1. Truy nguyên nguồn gốc lưu manh	21
- Lịch sử thay đổi của từ gọi bọn lưu manh	21
- Các loại hình chủ yếu và đặc điểm hoạt động của lưu manh	26
Chương 2. Sự quật khởi và phát tích của bọn côn đồ	72
- Vô lại ngồi trên ngai vàng	73
- Lưu manh trở thành khanh tướng	87
- Côn đồ hý lộng để vương khanh tướng	102
Chương 3. Các tập đoàn xung bá một vùng	109
- Nguồn gốc và sự phát triển của tập đoàn lưu manh	110
- Thủ lãnh lưu manh này sinh như thế nào ?	131
- Tìm hiểu về các quy định nội bộ	139
Chương 4. Các thủ đoạn hèn hạ vô sỉ	150
- Lừa đảo bằng mọi thủ đoạn kỳ lạ	151
- Dối trá gian giảo tàn độc	159
- Thuật trộm cắp không thể đề phòng	172
- Đốt đuốc vác gây tối ăn cướp	175
- Đánh dập tàn nhẫn vô nhân đạo	183
- Quen thói khát máu giết người	190
Chương 5. Lưu manh và sự tha hóa của tam giáo cùu lưu	195
- Lưu manh và tăng nhân đạo sĩ	197
- Lưu manh và hiệp khách	204
- Lưu manh và ăn mày	213

- Lưu manh và binh lính	220
- Lưu manh và văn nhân	228
Chương 6. Văn hóa thói quen của lưu manh	239
- Ưa chuộng võ nghệ	240
- Xãm minh	243
- Tiếng lóng và lời lẽ thường dùng	248
- Thần thánh và các hoạt động mê tín	257
- Hỗn danh	262
- Lưu manh và các phong tục tập quán khác	265
Chương 7. Lưu manh hoành hành không dứt	271
- Giai cấp thống trị lợi dụng lưu manh	272
- Giai cấp thống trị trấn áp lưu manh	282
Chương 8. Phân tích nguyên nhân hình thành của lưu manh	303
* Lời cuối sách	318

Lời người dịch

Vì nhiều lý do, hiện nay nhiều tệ nạn xã hội đang có chiều hướng gia tăng, trong đó có tệ nạn lưu manh. Với nhiều mức độ, hình thức, lãnh vực và quy mô hoạt động khác nhau, nhóm xã hội này đang hàng ngày hàng giờ phá hoại trật tự xã hội, đe dọa cuộc sống của những người lương thiện, đóng vai trò chủ yếu đối với việc vi phạm pháp luật và suy thoái đạo đức trong xã hội. Có thể nói lưu manh là thành viên đông nhất trong lực lượng tội phạm trong xã hội, là một nhóm xã hội rất phổ biến, tinh nguy hiểm cũng lớn nhất. Không còn gì phải nghi ngờ là tệ nạn lưu manh côn đồ ở Việt Nam hiện nay không những đã lây lan về cả bể rộng lẩn bể sâu mà còn bắt đầu phát triển theo hướng xã hội đen, thế giới ngầm với cả các thành tựu quản lý và kỹ thuật của thời hiện đại, trở thành một thành trì và xuất phát điểm của nhiều tệ nạn xã hội, nhiều hành vi phạm pháp. Quan trọng hơn, trong những xáo trộn có nguyên nhân là sự phân hóa xã hội tất yếu trong thời kinh tế thị trường hiện tại, ý thức lưu manh cũng lây lan và thẩm thấu vào nhiều nhóm xã hội khác, xuất hiện trong tất cả các lãnh vực sản xuất vật chất, sản xuất tinh thần, giao tiếp và thậm chí cả quản lý xã hội. Trong khoảng mươi năm nay người ta đã nghe không ít chuyện về các doanh nhân, văn nghệ sĩ, nhà nghiên cứu, nhà báo, luật sư... thậm chí cả viên chức trong bộ máy Nhà nước lừa đảo, trộm cắp, gian lận, tống tiền, vu cáo... theo một cung cách không khác gì đám lưu manh đầu đường xó chợ, thậm chí cả một số học sinh ở lứa tuổi thiếu niên hiện nay cũng không ngần ngại dùng các thủ đoạn lưu manh kiểu đánh đập dâm chém để giải quyết sự bất hòa nhiều khi rất nhỏ nhói với bạn bè. Rõ ràng lưu manh là một quần thể á văn hóa mang tính phổ biến tồn tại lâu dài, nhưng đồng thời cũng là một sản phẩm luôn được cải tiến theo mẫu mực của sự phát triển xã hội. Việc nghiên cứu một cách nghiêm túc và thấu đáo về nhóm xã hội này từ góc độ cấu trúc xã hội do đó là

vấn đề cần thiết và cấp bách đối với hoạt động ngăn chặn, bài trừ, đẩy lùi và tiêu diệt tệ nạn lưu manh côn đồ, giữ gìn trật tự xã hội, bảo vệ văn hóa dân tộc hiện nay.

Lưu manh sử (Lịch sử lưu manh) của Lục Đức Dương, thuộc Tủ sách Trung Quốc xã hội dân tộc sử tùng thư, Thượng Hải Văn nghệ xuất bản xã, 1995 là một công trình nghiên cứu về lưu manh ở Trung Quốc theo định hướng học thuật và thực tiễn ấy. Ngoài **Lời mở đầu**, sách gồm tám chương **Truy nguyên nguồn gốc lưu manh**, **Sự quật khởi và phát tích của bọn côn đồ**, **Các tập đoàn xưng bá một vùng**, **Các thủ đoạn hèn hạ vô sỉ**, **Lưu manh và sự biến đổi của tam giáo cửu lưu**, **Văn hóa thói quen của lưu manh**, **Lưu manh hoành hành không dứt**, **Phân tích nguyên nhân hình thành của lưu manh**. Mặc dù các cứ liệu được khảo sát và dẫn chứng trong quyển sách chủ yếu lấy từ lịch sử Trung Quốc, công trình này vẫn có những giá trị thực tiễn chung nhất định, và cùng với thái độ không nhân nhượng đối với tệ nạn lưu manh côn đồ xuyên suốt tác phẩm, những ưu điểm nói trên khiến quyển sách trở thành một tác phẩm bổ ích về cả kiến thức lẫn nhận thức không những với người đọc Trung Quốc mà còn cả với người đọc Việt Nam hiện nay.

Nhiều năm nay, khoa học xã hội Trung Quốc phát triển mạnh theo hướng hệ thống hóa và tổng kết truyền thống văn hóa và tiến trình lịch sử của đất nước như một sự chuẩn bị về tri thức và tinh thần cho việc cất cánh của quốc gia này trong thời gian tới. Quyển **Lưu manh sử** cùng các quyển **Kỹ nữ sử**, **Đồ bác sử**, **Khất cái sử**... trong Tủ sách Trung Quốc xã hội dân tộc sử tùng thư của Thượng Hải Văn nghệ xuất bản xã viết về các tầng lớp kỹ nữ, con bạc, ăn mày ở Trung Quốc ngày xưa vừa là sự thể hiện sinh động vừa là sự phản ánh trung thành đường hướng ấy. Cho nên là một người đọc sách, chúng tôi cũng dịch quyển sách này với chút ít ngâm nga "Trông người mà ngắm đến ta"...

Người dịch
Tháng 2 - 2001

Lời nói đầu

Lưu manh là một hiện tượng xã hội xấu xa.

Từ góc độ từ ngữ mà phân tích, Lưu manh là một từ đa nghĩa. Theo những tiêu chuẩn khác nhau để phân định thì hiện từ này thường được sử dụng ít nhất với ba ý nghĩa:

1. Là tiêu chuẩn phân định cá nhân về địa vị kinh tế và thân phận xã hội đơn thuần thì từ Lưu manh có ý nghĩa là “dân trôi nổi không có nghề nghiệp gia sản”.

Hán ngữ cổ có một đặc điểm rất rõ ràng, là phần nhiều dùng từ đơn âm tiết tức một chữ là một từ để biểu thị một khái niệm. Chữ “lưu” trong lưu manh là chỉ sự lưu động, di động, chữ “manh”, âm cổ là meng, nghĩa gốc là chỉ nhân dân. *Thuyết văn giải tự* nói “Manh, dân giả, tùng dân, vong thanh, độc như manh” (Manh là dân, có chữ dân, âm vong, đọc như manh). Dần dần chuyển sang chỉ dân quê. *Mạnh tử* nói Hứa Hành từ Sở qua Đằng, nhón chân nói với Văn công “Viễn phương chi nhân, văn quân hành nhân chính, nguyện thụ nhất triền nhi vi manh” (Người ở phương xa, nghe nhà vua thi hành nhân chính, xin nhận một mảnh đất mà làm dân). Lại đặc biệt dùng để chỉ đàn ông nơi khác tới, người nơi khác tới. Đoàn Ngọc Tài thời Thanh trong *Thuyết văn giải tự chú* cho rằng “Manh dữ dân tiêu biệt, cái tự tha hương quý vãng chi dân tắc vị chi manh, cố tự tùng dân vong” (Manh và dân có khác nhau chút ít, đại khái dân từ nơi khác tới thì gọi là manh, nên viết với chữ dân và chữ vong).

Về bản chất, dân quê và người nơi khác tới, đàn ông nơi khác tới đều thuộc phạm trù tầng lớp thấp nhất trong đời

sống xã hội. Như Tán Văn công Trùng Nhī thời Chiến quốc cũng từng lưu lạc, lánh nạn khắp nơi, đối với các nước chủ nhà mà nói thì qua đúng là người nơi khác tới, đàn ông nơi khác tới. Nhưng ông ta xuất thân cao sang, nhất định không có ai gọi là manh.

Từ Lưu manh gồm hai âm tiết cấu thành dùng để chỉ loại lưu dân không có nghề nghiệp tài sản, Hồ Tố Đức cho rằng đã nay sinh trong phương ngữ ở khu vực Thượng Hải. Năm Dân quốc thứ 12 (1923) ông xuất bản quyển *Hộ ngạn ngoại biển* – *Tân từ khác* có thu nhặt từ Lưu manh, lại giải thích như sau “Người không có nghề nghiệp, chuyên lấy sự lưu lạc làm công việc, Nhật Bản gọi là Lãng nhân, Bắc Kinh gọi là Thổ hồn hỗn, Hàng Châu gọi là Quang côn, Dương Châu gọi là Thanh bì”.

Đương nhiên, cái gọi là từ mới là một khái niệm tương đối. Từ khi nó sản sinh, lưu truyền theo lời ăn tiếng nói, được sử dụng trong thư tịch đến khi thu nhặt vào từ điển có thể đã trải qua một giai đoạn lịch sử khá dài. Nhưng điều đó hoàn toàn không ảnh hưởng gì tới kết luận mà chúng ta sẽ rút ra dưới đây: Từ Lưu manh này sinh ở Thượng Hải, trước khi quyển *Hộ ngạn ngoại biển* xuất bản vẫn chưa có ai thu nhặt chữ này dựa vào các sách công cụ loại từ điển.

Tương tự, Từ Kha thời cận đại biên soạn bộ *Thanh bì loại sao* cũng cho rằng từ Lưu manh thuộc phương ngữ Thượng Hải “Lưu manh là người không có nghề nghiệp, chuyên lấy sự lưu lạc làm công việc, tức loại người mà Nhật Bản gọi là Lãng nhân. Loại người này nơi nào cũng có, Kinh sư gọi là Hồn hỗn, Hàng Châu gọi là Quang côn, Dương Châu gọi là Thanh bì, tên gọi tuy khác nhau nhưng thật ra chỉ là một”¹⁾.

(1) Từ Kha, *Thanh bì loại sao, Phương ngôn loại, Thượng Hải phương ngôn*.

Thanh bị loại sao xuất bǎn năm Dân quốc thứ 16 (1927), vì vậy sự giải thích về từ Lưu manh có thể là theo *Hộ ngoại biển*, đương nhiên cũng có thể là theo thư tịch khác. Có điều Từ Kha giải thích từ Lưu manh cứ trộn lẫn lưu manh với ác côn, hoàn toàn không chú ý về sự khác biệt giữa chúng.

Từ Lưu manh này sinh trong phương ngữ ở khu vực Thượng Hải đã xuất hiện trong công văn của chính quyền nhà Thanh năm Đồng Trị thứ 2 (1863). Theo *Thanh Thực lục* chép, vùng Tô Gia vì “Trong đảng nghịch có người Tây dương bắn pháo hoa, mấy lần bắn vào doanh quân, Bạch Tề Văn lại dắt hai trăm tên lưu manh phi đồ Tây dương theo với Tô phi. Tuy quân ta vẫn có thể chống được, nhưng phải tìm cách cắt đường tiếp tế mới có thể đưa giặc vào đất chết. Lập tức cho Lý Hồng Chương bàn bạc với Lãnh sự các nước Anh Pháp Mỹ ra lệnh nghiêm cấm, không cho lưu manh các nước lén theo Tô phi”. Đọc kỹ lời lẽ trước sau, có thể thấy Lưu manh và Lưu manh các nước ở đây là đồng nghĩa. Thực lục viết về việc Tô Gia, có thể đã theo báo cáo của quan lại các cấp gửi lên. Vì thế từ Lưu manh từ phương Nam đưa lên phương Bắc, đều là giải thích cho kẻ thống trị tối cao.

Đương thời ở Thiên Tân có Mai Thành Đồng cũng từng dùng từ Lưu manh trong một bài thơ “Thanh thần bộ hành thị, Kiến hữu lưu manh tại. Lam lũ hành xích trú, Lai sắc diện bàng cái. Phì nhân liệu kỵ tích, Trường nhân tự xích nụy. Hữu phụ bảo ấu nhi, Thảo tiêu khất nhân mãi. Thùy khắp cáo lộ bàng, Thính chi ngữ khả hãi: Gia trú Văn An huyện, Bị yêm tử đạo giải, Đào hoang phó Quan Đông, Số khẩu tiêu xa tài, Chúc nhi đực đầu sinh, Miền bị gian đồ cài, Dương thử cơ cần niên, Lưu ly huống khổ hải” (Sáng sớm ra ngoài chợ, Thấy có dân trời nổi. Rách rưởi di vật vờ, Mặt xanh như lá cài. Người béo bằng mìn gầy, Người lớn cao hai sải. Có một người đàn bà, Bán đứa con thơ dại. Khóc lóc kể

bên đường, Lắng nghe lòng kinh hãi: Nhà ở huyện Văn An, Lúa chìm theo nước chảy, Chạy đói lên Quan Đông, Mấy người xe nhỏ tái, Bán con mong sống còn, Khỏi bị người gian hại, Gặp năm đói kém này, Lưu ly khó sống nổi)²⁾. Xem ý từ trong bài thì lưu manh là người lưu vong hoặc dân trôi dạt, khác hẳn với ý nghĩa là kẻ đạo đức bại hoại, làm điều bậy bạ xấu xa.

Sự giải thích của Mai Thành Đống về từ Lưu manh rất rõ ràng, nhưng cũng mang tới cho chúng ta một vấn đề: từ Lưu manh trong bài thơ nói trên là thuộc phương ngữ đất Ngô hay phương ngữ Thiên Tân? Vì vé quê quán, hành trạng sinh hoạt của Mai Thành Đống không rõ ràng lắm, nên không sao tìm hiểu được dấu vết ý nghĩa của từ Lưu manh mà ông sử dụng. Nhưng đến nay vẫn chưa có tài liệu nào chứng minh từ Lưu manh là thuộc phương ngôn đất Ngô. Vì thế, ít nhất chúng ta có thể nói rằng Mai Thành Đống đã dùng phương ngữ Thượng Hải để nói việc Thiên Tân.

Từ Lưu manh vốn chỉ dân trôi nổi, không có ý nghĩa xấu. Nhưng vì dân trôi nổi không có tài sản nghề nghiệp, trôi dạt khắp nơi, có lúc vì việc mưu sinh cũng không lựa chọn thủ đoạn, vì vậy dẫn tới...

2. Tiêu chuẩn phân định kết hợp địa vị kinh tế và đặc điểm hành vi. Lưu manh được định nghĩa là “kẻ không có nghề nghiệp gia sản, không lo làm ăn, phá rối trật tự xã hội”.

So với ngoại diên của nghĩa gốc từ Lưu manh thì phần ngoại diên này là thu nhỏ, nhưng tần số sử dụng thì tăng lên rất nhiều. Hoàng Thức Quyền thời Thanh từng nói “Đám dân trôi nổi không có nghề nghiệp trong tô giới họp bọn bất sinh, gặp chuyện là gây sự, tục gọi là Chiết sao (Bè cành), cũng gọi

(2) Trương Đào, *Tân Môn tạp ký*, quyển trung, Các thiện cù, Phụ thi.

là Lưu manh”⁽³⁾. Lại như Từ Kha cho rằng lưu manh chính là du dân, đồng thời còn cho rằng lưu manh là dân trôi nổi làm điều bậy bạ xấu xa, “Sát bạch đảng cũng là lưu manh, chuyên làm việc dù dỗ phụ nữ nhà giàu sang để lừa lấy tiền bạc. Nữ Sát bạch đảng là nữ lưu manh, chuyên làm việc dù dỗ đàn ông để lừa lấy tiền bạc. Chiết sao là nói hành vi phi pháp, thủ đoạn dọa dẫm, mượn cớ gian dối lừa gạt làm tiền, phàm lưu manh thường quen lấy đó làm kế sinh nhai”⁽⁴⁾. “Lưu manh ở Thượng Hải tức địa côn. Loại người này rất hèn hạ, đều có kẽ đứng đầu, hoành hành ở chợ, họp bọn thông đồng với nhau, ít nhất cũng có hơn tám ngàn tên. Bình nhật đều không có nghề nghiệp, chuyên rong chơi lêu lổng, bày kế hại người. Nay nếu bắt một tên mà hỏi: Làm nghề gì?, át sẽ hiên ngang đáp: Bạch tướng, như chỉ có hai chữ Bạch tướng ấy là nghề nghiệp duy nhất vậy”⁽⁵⁾. Thế nào là Bạch tướng? Nói như Lô Tấn “Nếu dịch từ Lưu manh ở Thượng Hải ra tiếng phổ thông, chỉ có cách dịch là Ngoạn yêu (Chơi rong), còn như từ Ngật bạch tướng phạt (Ăn không) thì e còn có thể dịch ra văn ngôn là Bất vụ chính nghiệp, du đảng vi sinh (Không lo làm ăn, du đảng để sống), thì có thể so sánh rõ ràng hơn với người từ nơi khác tới”⁽⁶⁾. Cuối thời Tống hậu duệ của thi nhân Trần Quan nổi tiếng từ Cao Du di cư tới Thượng Hải, qua nhiều đời truyền tới Cống sinh Trần Quang Vinh sống cuối thời Thanh, ông dùng hình thức đoán thi trong *Thượng Hải huyền Trúc chí từ – Phong tục cùu miêu tả hoạt động và hành vi của lưu manh, thử trích sao vài bài “Đả hàng tụ đồ tác doanh sinh, Thương hỏa lan tang đảng hoành*

(3) Hoàng Thực Quyền, *Tùng Nam mộng ảnh ký*, quyển 1

(4) Từ Kha, *Thanh bị loại sao, Phượng ngôn loại, Thượng Hải phượng ngôn*.

(5) Từ Kha, *Thanh bị loại sao, Côn biến loại, Thượng Hải chí địa côn*.

(6) Lô Tấn, *Ngật “Bạch tướng phạt”* (Ăn “Cơm Bạch tướng”), *Lô Tấn toàn tập*, quyển 3

hành, Tê tục tông do Minh thất chính, Chuyển di phong hóa
trương quan Thanh” (Đánh thuê cờ bạc mưu sinh, Dao gươm
súng ống lộng hành khắp nơi, Thời Minh tục xấu bời bời,
Chuyển dời phong hóa cậy thời quan Thanh). “Lục thập niên
lai cánh bất kham, Lưu manh du dũng mãn Tùng Nam, Tam
kinh binh phần tam hồi biến, Tục ích hiêu lăng thí lược đàm”
(Sáu mươi năm khó nỗi kham, Lưu manh du dâng Tùng Nam
chật đầy, Lửa binh ba độ đổi dời, Bàn qua phong tục thấy đời
càng suy).

Từ Lưu manh có nguồn gốc từ Thượng Hải rất mau
chóng được sử dụng rộng rãi ở một dải Giang Chiết lân cận.
Hàn Bang Khánh xuất thân ở Tùng Nam Giang Tô có viết
trong *Hải thương hoa liệt truyện*, hồi 61 “Hoa Thiết Mi nói:
Kiều lão tử nói với ta rằng bọn Lại đầu ngoan tới nhờ trị tội
mấy đứa lưu manh cờ bạc. Vì lúc trước Lại đầu ngoan cùng Lý
Hạc Định, Kiều lão tử ba người đi đánh bạc, gặp một đám lưu
manh lớn họp bọn dùng kế Đảo thoát hải, ba người thua tới
mười mấy vạn đồng. Lại đầu ngoan nhất định muốn quay lại
trị tội”.

Hải thương hoa liệt truyện viết bằng phương ngữ Tô
Châu. Hải thương Lại Thạch sinh từng viết trong *Thoái tính
lư bút ký* rằng chính Hàn Bang Khánh từng nói “Tào Tuyết
Cần soạn *Thạch đầu ký* đều dùng ngôn ngữ kinh đô, sách của
tôi làm sao biết mà không dùng phương ngôn đất Ngô”, dù
làm bằng chứng.

Tương tự, chúng ta còn có thể đọc thấy trong *Phong
nguyệt lâu* của Thốc Lục sơn phòng như “Bày cơ quan lưu
manh gởi điện tín, Bán phong tình danh kỵ viếng Tiêu lang”
(Hồi 18), “Sán vào phòng lưu manh ngang làm bậy, Trị vô lý
danh sĩ giận vung quyền”, “Bọn lưu manh cùng đi thấy thế
đều tức giận nói: Cái gì thế, còn dám đáng ghét thế à! Mọi
người chúng ta cùng xông vào, đánh cho y một trận!” (Hồi
89), “Vườn Đại Quan lưu manh tranh miệng lưỡi, Xóm Lạc

Nhân danh sĩ gập Thu nương” (Hồi 123), vân vân.

Từ Lưu manh với ý nghĩa là dân trôi nổi không có nghề nghiệp làm điều bậy bạ, có lúc cũng viết là Lưu manh (*manh = trùng+vong*). Cát Nguyên Cù thời Thanh trong *Hộ du tạp ký* quyển 2, *Lưu manh* viết “Đất Thượng Hải là nơi thông thương tụ họp, người khắp nơi cư ngụ xen lẫn. Phàm bọn dân trôi nổi không có nghề nghiệp gập chuyện sinh sự đều được kể vào loại lưu manh. Xét: chữ Manh (*dân+vong*) có khi viết là Manh (*trùng+vong*), tự điển chú là Sâu bay cắn người, ý nghĩa cũng gần như vậy”. Theo đó có thể thấy chữ Manh (*trùng+vong*) chẳng qua chỉ là ngẫu nhiên vay mượn hoặc so sánh với chữ Manh (*dân+vong*), và lại trong khối lượng lớn từ ngữ nói về lưu manh thời Thanh cũng rất khó tìm được thêm chứng cứ nào khác.

Thủ đoạn làm điều bậy bạ mà dân trôi nổi quen sử dụng về sau được gọi là hành vi hoặc thủ đoạn lưu manh. Có điều, thủ đoạn lưu manh mà dân trôi nổi biết sử dụng thì các tầng lớp khác trong xã hội cũng biết sử dụng, vì vậy lại nảy sinh...

3. Tiêu chuẩn phân định chỉ lấy hành vi phá hoại trật tự xã hội làm đặc điểm. Lưu manh được định nghĩa là kẻ phóng túng, lười biếng, dùng các thủ đoạn hạ lưu, như các hành vi đánh nhau, cưỡng gian phụ nữ hoặc sử dụng nhiều hành vi xấu xa để gây rối, phá hoại trật tự xã hội.

Nội hàm vốn có là Kẻ không có nghề nghiệp tài sản trong nghĩa gốc của từ Lưu manh đã nhạt nhòa, mất đi, dẫn tới việc đưa đặc điểm không lo làm ăn, làm điều bậy bạ lên thành nội dung chủ yếu. Kẻ có nghề nghiệp mà quen sử dụng thủ đoạn lưu manh cũng có thể gọi là lưu manh. Như bài *Lộ biên điểm tảo miêu* (Dọn dẹp quán ven đường) trong *Dân chủ và pháp chế* số 9 năm 1991 viết “Chiều 21. 1. 1991, một bọn lưu manh nhỏ do Trương Kiến Phú làm thợ nhuộm cầm đầu

kéo bè lũ tới quốc lộ 104, liên tiếp quấy nhiễu bốn quán ăn Tịnh Ngọc Lâu, Thư Muội, Kim Thành, Trường Sinh ven đường, cưỡng bức hạch sách, chọc ghẹo nhân viên nữ, cướp tiền bạc trong quán, lại đánh bị thương hai chiến sĩ Giải phóng quân và một người khách từ nơi khác tới đứng ra can thiệp”, đủ thấy thợ nhuộm có nghề nghiệp mà làm việc xấu xa cũng có thể gọi là lưu manh.

Theo với sự sử dụng của mọi người, ngoại diên của từ Lưu manh với ý nghĩa làm điều bậy bạ còn mở rộng ra, thân phận và địa vị xã hội của lưu manh cũng dần dần được nâng cao. Như Diệp Thiết Xuân Phó Giám đốc Công ty Thực phẩm Cục Thương nghiệp thành phố Hải Thành quen thói lưu manh, tùy ý đánh đập, bức hại người khác, bị gọi là lưu manh ác ba⁽⁷⁾. Có điều lãnh vực hoạt động của họ vẫn là ở tầng lớp dưới của xã hội.

Ngoại diên của từ Lưu manh lại mở rộng thêm một bước, tới mức bao quát cả những người trong một thời gian dài không lo làm ăn, làm điều bậy bạ, tạo ra ảnh hưởng xấu xa nhất định cho xã hội, thành viên của các tổ chức lưu manh đã lan rộng ra các lãnh vực xã hội, hình thành loại lưu manh chuyên nghiệp ở mọi lãnh vực, như lưu manh chính trị, văn nhân lưu manh, lưu manh bóng đá (lưu manh gây sự trong lúc thi đấu bóng đá) vân vân.

Nếu muốn trong một quyển sách nhỏ bao quát cả ba loại lưu manh nói trên thì không thực tế, nên từ Lưu manh được đề cập tới trong sách này có một giới hạn tất yếu về ngoại diên: chủ yếu luận thuật về đám lưu manh không có tài sản nghề nghiệp, chuyên việc du dãng và phá rối trật tự xã hội, đồng thời bàn tới đám lưu manh có tài sản nghề nghiệp nhưng không lo làm ăn, thi triển thủ đoạn lưu manh làm

(7) *Ký giả dịch thiên chức* (Thiên chức của nhà báo), *Dân chủ và pháp chế* tháng 12. 1999

điều bậy bạ ở tầng lớp dưới của xã hội, gây ra hậu quả nghiêm trọng.

Nghiên cứu lịch sử lưu manh không chỉ vì lưu manh là một hiện tượng xã hội xấu xa, tồn tại một cách khách quan và có ảnh hưởng to lớn trong lịch sử, mà quan trọng hơn là vì đến nay lưu manh vẫn tiếp tục lan tràn, gây nguy hại nghiêm trọng cho xã hội ở Trung Quốc và cả thế giới. Theo báo chí, lúc 11 giờ ngày 11. 10. 1993, một phụ nữ họ Trương có thai sáu tháng tan sở về nhà đang đi trên đường Sa Hà Quảng Châu. Đột nhiên có một bọn lưu manh xúm lại giật ví tiền của chị, còn đè chị xuống đất, lột sạch áo quần, thay phiên đâm cuồng nắn bóp cào cấu vào ngực và hạ thể. Chị Trương bị hành hạ đến mươi mấy phút, máu me đầy người, cơ hồ ngất đi, đến lúc cảnh sát tới mới được giải cứu⁽⁸⁾.

Hoạt động rông rắc của lưu manh dĩ nhiên khiến người ta vô cùng căm ghét, đồng thời điều khiển người ta lo ngại chính là trong loại hoạt động này của lưu manh còn xuất hiện tình hình trẻ hóa. Trong một băng nhóm lưu manh nő, “ngoài một tên 29 tuổi, còn lại đều từ 25 tuổi trở xuống, khá nhiều tên chưa đầy 18 tuổi, nhỏ nhất là 15 tuổi, tuổi trung bình là 21”⁽⁹⁾. Trong lịch sử Trung Quốc, hoạt động của loại lưu manh là thanh thiếu niên cũng không phải là việc hiếm thấy.

Hoạt động rông rắc của lưu manh còn lan cả ra nước ngoài, gây tổn hại to lớn tới hình ảnh của Trung Quốc. Theo báo chí, từ tháng 2 đến tháng 5. 1993, trong 314 chuyến xe lửa quốc tế từ Bắc Kinh tới Mạc Tư Khoa liên tiếp xảy ra

(8) *Sa Hà thi bạo xao hướng dịch cảnh chung* (Gióng tiếng chuông báo động về vụ bạo hành ở Sa Hà), *Văn hối báo* ngày 15. 11. 1993

(9) *Nhân dân công an báo đại án yếu án tuyển, Đặc đại cường gian luân gian tập đoàn lạc vong* (Tuyển tập các vụ án lớn và quan trọng trên báo Công an nhân dân, Băng nhóm lớn chuyên cường hiếp và luân phiền cường hiếp lợt lưới).

nhiều vụ án lưu manh cướp bóc, luân phiền cưỡng hiếp. Trong một thời gian người ta run sợ, không dám đi tuyến đường sắt ấy. Qua việc điều tra theo dõi của “Ban chuyên án 314 chuyên xe lửa quốc tế” thuộc Bộ Công an, đã phá được bốn băng nhóm tội phạm lưu manh cướp bóc, bắt được 71 tên, ngoài ra còn có vài tên ra tự thú.

Đầu tháng 2. 1993, tên tội phạm lưu manh Ngưu Đốn trấn lột một thanh niên họ Mạnh người Bắc Kinh ở Mạc Tư Khoa. Mạnh chỉ có ba trăm ngàn đồng Rumani, Ngưu Đốn chém ít, chém hai nhát dao vào hai tay, ba nhát vào đầu Mạnh, nói “Hôm nay là ngày Phá ngũ (mồng 5 tháng giêng âm lịch – ND.), chém mày năm dao”.

Bọn lưu manh ăn cướp rông càn gây án, thủ đoạn tàn ác. Có khi cưỡng gian bạn gái cùng đi trước mặt bạn trai, có khi cưỡng gian vợ trước mặt chồng. Đối với đối tượng bị trấn lột thì bất kể có đưa tiền hay không, trước hết chúng cũng đánh một trận tàn nhẫn. Có khi dùng dây điện chích điện, có khi lột sạch quần áo lực soát, có người bị chặt năm ngón tay, chúng còn thường dùng vỏ chai đập vỡ và dao găm kề vào miệng người bị hại, buộc phải đưa tiền. Có lần một người Tây An vì nhìn thêm tên cướp Hoàng Á Quân hai cái, bị mười mấy tên trong băng nhóm của Hoàng xúm lại đánh chết ngất, tiền bạc cũng bị cướp sạch⁽¹⁰⁾.

Hoạt động của lưu manh rông càn phá rối trật tự xã hội, phá hoại an ninh xã hội, mà ý thức lưu manh vô hình trung lại lây lan tiêm nhiễm vào tư tưởng của mọi người, làm mục ruỗng cơ thể xã hội. Có người từng đánh giá rằng “Xuất hiện trong chúng ta như lông dê lan trên đất”, “Từ dược

(10) Báo san văn trich ngày 3. 1. 1994, *Khảo quốc phạm tội phần tử tác án châm tướng* (Châm tướng của các phần tử tội phạm gây án ngoài quốc gia), đăng lại bài trên Tân thế kỷ tháng 12. 1993, tác giả là Mãng Nguyên.

phẩm già, thuốc lá giả cho tới gian trá hạch sách, qua mặt lừa đảo, cướp bóc trấn lột, giết người cướp của, e rất khó đổ lỗi cho giai cấp tư sản. Vậy thì đổ lỗi cho ai đây? Phải đổ lỗi cho lưu manh – dân trôi nổi. Tầng lớp này chán ghét lao động, không lo sản xuất, bất chấp lương tâm, không giữ luật lệ, Engels nói đó là Lớp người cặn bã gồm những phần tử sao dọa thuộc tất cả các giai cấp, là bạn đồng minh xấu nhất trong tất cả các bạn đồng minh có thể có. Dám người hèn hạ này rất dễ bị mua chuộc và vô cùng mặt dày vô liêm sỉ¹¹¹, chỉ rõ tính chất nguy hại to lớn của ý thức lưu manh, rất đáng để mọi người suy ngẫm.

Nghiên cứu lịch sử lưu manh chắc chắn có tác dụng soi rọi, đẩy mạnh đối với hoạt động tấn công tội phạm lưu manh trên thực tế, và lại trên phương diện văn hóa phong tục học cũng có giá trị học thuật rất cao. Lưu manh là một hiện tượng xấu xa trong xã hội, một tầng lớp cặn bã phức tạp, trong quá trình phát triển, hoạt động lâu dài đã làm hình thành một loại á văn hóa khác hẳn văn hóa chủ thể của xã hội, như quy củ, sự phân phôi, tiếng lóng trong nội bộ các tập đoàn lưu manh, tâm lý, quan niệm giá trị, quan niệm thẩm mỹ của lưu manh v.v.v. Văn hóa thói quen ấy của lưu manh gắn chặt quan hệ giữa lưu manh, tiện lợi cho việc câu kết thông đồng trong nội bộ lưu manh, vì thế cũng phản ánh một số đặc điểm trong bản chất lưu manh. Mặt khác, văn hóa thói quen của lưu manh có quan hệ mật thiết với văn hóa chủ thể của xã hội, nhất là một số phong tục lạc hậu trong dân gian đều rất dễ trở thành mảnh đất màu mỡ nuôi dưỡng lưu manh, thang thuốc bổ giúp cho hoạt động lưu manh lan rộng. Ví dụ sự hung hăn thích đánh nhau của lưu manh có quan hệ mật thiết với phong tục mạnh mẽ hung tợn, coi trọng võ nghệ lưu truyền nhiều đời ở một số địa phương.

(11) Kinh tế học chí báo ngày 20. 11. 1988, Xã hội công hại – Lưu manh ý thức (Mối nguy hại chung của xã hội – Ý thức lưu manh).

Phong tục ở Lạc Bình Giang Tô thời trước nếu sinh được con trai đều phải cúng mười hoặc hai mươi cân sắt cho đèn miếu để chế tạo khí giới. Bà con bạn bè tới dự lễ mừng đầy tháng cũng đem ba cân sắt làm lể vật. Dòng họ càng mạnh thì khí giới súng đạn càng nhiều, gấp một chuyện tranh chấp còn con cũng họp bọn đánh nhau⁽¹²⁾.

Mà một số lưu manh cũng biết lợi dụng phong tục lạc hậu để cưỡng gian phụ nữ. Cư dân ở Xương Hóa Chiết Giang thời Thanh, nếu phụ nữ không trinh tiết, nam nữ tư thông thì gọi là Đốt nỗi đồng (Thiêu đồng oa)⁽¹³⁾. Phụ nữ không trọng trinh tiết thì rõ ràng là đã bật đèn xanh cho lưu manh làm nhục, cưỡng gian. Vì vậy, phân tích từ góc độ phong tục học thì công việc giải quyết tổng hợp tệ nạn lưu manh còn phải bao gồm cả việc thay đổi phong tục, xóa bỏ những hủ tục trong lịch sử còn rơi rớt lại.

Để tiêu diệt hiện tượng xã hội xấu xa là lưu manh mà mọi người phỉ nhổ, căm ghét thì việc làm rõ nguyên nhân hình thành, sự phát triển, thủ pháp thường dùng, hình thức hoạt động, hình thái nội bộ cho tới quan hệ của nó với các tầng lớp khác mà nhất là với xã hội giang hồ dưới đáy xã hội là vô cùng cần thiết. Chỉ mong quyển sách này có chút ít tác dụng giới thiệu, tham khảo trong việc tìm hiểu, nghiên cứu tới tận gốc rễ lưu manh.

(12) Từ Kha, *Thanh bị loại sao*, *Phong tục loại*, Lạc Bình giới đầu.

(13) Từ Kha, *Thanh bị loại sao*, *Phong tục loại*, Xương Hóa tục thường.

Chương 1

Truy nguyên nguồn gốc lưu manh

Theo sự phát triển lịch sử, từ lưu manh biếu thị khai niệm vô lại xấu xa đến thời Minh Thanh mới nảy sinh, nhưng bọn vô lại xấu xa đã xuất hiện lúc xã hội nguyên thủy tan rã, trong loài người đã hình thành sự phân biệt giàu nghèo. Từ lúc ấy đến nay, từ gọi bọn lưu manh cũng theo thời mà đổi, dù hình dù vẻ, đáng để xem xét.

I. Lịch sử thay đổi của từ gọi bọn lưu manh

Những tác phẩm dùng văn tự chính thức ghi về khái niệm bao quát cả bọn lưu manh vô lại phá hoại đạo đức, trật tự xã hội sớm nhất là kinh *Dịch*, Cõi “Kiến ác nhân, vô cựu” (Gặp người ác, không xấu) và *Lễ ký*, *Vương chế* “Thượng hiền dĩ tôn đức, giàn bất tiêu dĩ chuyết ác” (Trọng người hiền để tôn đức, bỏ kẻ xấu để ngừa ác). Cái gọi là ác, ác nhân ở đây hoàn toàn không phải để chỉ riêng lưu manh nhưng cũng bao gồm cả lưu manh trong đó, dù làm chứng cứ về việc dùng từ Ác để tạo thành những từ có hai âm tiết về sau. Ví dụ từ Ác tử trong *Hán thư*, *Doãn Thương truyện* “Tập cử Trường An trung khinh bạc thiếu niên ác tử” (Nêu ra những kẻ xấu là thiếu niên khinh bạc ở Trường An), từ Hung ác chi bối (Bọn hung dữ xấu xa) trong *Nghiêm khoa thị tinh trung hào lệnh* của Hậu Đường Trang tông “Hựu văn thị tinh chi trung hữu đà hung ác chi bối, trú tắc tu đồ đố bác, dạ tắc kết đảng xuyên thâu” (Lại nghe ở chợ búa có nhiều kẻ hung dữ xấu xa,

ban ngày họp bọn đánh bạc, ban đêm kết đảng trộm cắp), từ Ác thiểu tích côn trong *Thiền chán dật sử* hồi 25 “Bị hai chú cháu ác thiểu tích côn Đỗ Ứng Nguyên dùng đủ cách rủ rê, trước vào kỹ viện chơi bài, sau dẫn về nhà uống rượu đánh bạc”, đủ thấy từ Ác tử cũng dùng để chỉ bọn vô lại lưu manh. Đường nhiên, từ Ác tử trên đây còn bao hàm cả sự đánh giá đúng sai theo quan điểm đạo đức của giai cấp thống trị.

Theo với việc phát triển về số lượng và hoạt động, lưu manh bị kể vào số người xấu, dần dần trở thành một tầng lớp xã hội đặc biệt, một hiện tượng xã hội xấu xa, tương ứng với điều đó cũng xuất hiện tên gọi riêng biệt. *Tả truyện*, *Tương công thập niên* viết “Cố ngũ tộc tụ quần bất sínch chí nhân nhán công tử chi đồ dĩ tác loạn” (Nên năm họ họp những kẻ bất sínch nhân bè đáng của công tử để làm loạn). Những kẻ bất sínch (Quần bất sínch chí nhân) cũng gọi là Bọn bất sínch (Quần bất sínch) hoặc Bất sínch, về sau thường dùng để chỉ lưu manh. *Hậu Hán thư*, *Sử Bật truyện* chép “Ngoại tụ tiêu khinh bất sínch chí đồ” (Bên ngoài thì tụ họp bọn bất sínch khinh bạc). Sách *Dân gian tật khổ trạng* của Hồ Đỗ Duật thời Nguyên chép “Tiền sảnh tuyển nhân viên, lệ dĩ hưu lộ dắc quan, đồ cô thư hội, thị tinh vô lại, quần bất sínch chí đồ thập cư thất bát” (Nhân viên mà quan trước tuyển, theo lệ thường nhờ hối lộ mà được chức quan, bọn bất sínch đồ tể bán rượu viết thuê, vô lại ở chợ búa chiếm tới bảy tám phần mười). Lai như *Điển cố ký văn* của Từ Kế Đăng, quyển 15 ghi lời Minh Hiến tông “Trước kia Quách Giải thời Hán nhờ hào hiệp nên xưng hùng mà thôi, nhưng Vũ đế theo lời Công Tôn Hoằng giết đi để trừu trị bọn bất sínch, người ta bàn nói điều đó có quan hệ với thế thống chính trị. Nay bọn ác thiểu dựa nhau làm gian, e mai đây những kẻ giỏi hơn sẽ không gì không làm, nên ra lệnh cấm”, cùng nhắc tới Ác thiểu và Bất sínch như nhau, rất đáng lưu ý.

Thế nào là Ác thiểu? Tuân tử giải thích là “Nhà nho

ngại việc, vô liêm sỉ mà thích rượu chè, thì có thể gọi là Ác thiếu (thiếu niên xấu xa); lại thêm hung hăn bất chấp đạo lý, hiềm ác mà không tôn trọng bậc trưởng thượng, cũng có thể gọi là Bất tường thiếu (thiếu niên không tốt), dù có khép vào tội chết cũng được". Nhan Sư Cố chú trong *Hán thư*, *Chiêu dế ký* "Bạn thiếu niên xấu xa là gọi con em vô lai". *Lý Quảng Lợi truyện* chú "Bạn thiếu niên xấu xa là gọi kẻ không làm theo đạo nghĩa".

Điều đáng chú ý nhất là, việc trước từ thiếu niên thêm những từ có ý nghĩa nhất định chuyên chỉ lưu manh xuất hiện với số lượng khá lớn trong thư tịch thời Tần Hán. Ví dụ như Lư hạng thiếu niên (Thiếu niên trong xóm), Vong lại thiếu niên (Thiếu niên vô lai), Lư lý thiếu niên (Thiếu niên trong làng), Kiệt hiệt thiếu niên (Thiếu niên kiệt hiệt), Ấp trung thiếu niên (Thiếu niên trong huyện), Dâm ác thiếu niên (Thiếu niên dâm ác), Khinh bạc thiếu niên (Thiếu niên khinh bạc), Phiếu khinh thiếu niên (Thiếu niên trộm cướp khinh bạc) vân vân.

Thời Hán lai dùng từ Vô lai để chỉ lưu manh. Lưu Hâm trong *Tây kinh tạp ký* quyển 2 viết "Cho nên ở Tân Phong có nhiều kẻ vô lai, bọn con em không áo mũ chính vì thế". Dương Hùng trong *Phương ngôn* quyển 10 viết "Ương, trên giang hồ hoặc gọi là vô lai, hoặc gọi là Hao (kẻ quấy nhiễu). Phàm trẻ con hay đối trá mà gian giảo, gọi là Ương vong, có khi gọi là Mặc niệu". Về sau từ Vô lai cùng những từ gọi lưu manh khác cấu thành những từ như Vô lai chi đồ, Điện dã vô lai tử, Vô lai quang côn, Vô lai phỉ đồ vân vân, đều chuyên chỉ lưu manh, đến nay vẫn được sử dụng rộng rãi. Vô lai cũng gọi là Lai tử, *Tân Ngũ đại sử*, *Nam Bình thế gia*, *Cao Tùng Hải truyện* chép "Dân gian gọi kẻ cướp bóc không biết xấu hổ nhã là Lai tử, còn gọi là Vô lai".

Thời Đường ngoài việc kế thừa các từ ngữ từ thời Tiên Tần trở đi, các từ ngữ chỉ lưu manh thường thấy trong thư

tịch còn có Nhàn tử, Nhàn nhân. *Tân Đường thư*, *Cao Nhân Hậu truyện* chép “Ở kinh sư có bọn bất tiếu, đều mặc áo đội mǎo, cầm gậy gộc cướp bóc làng xóm, gọi là Nhàn tử”. Bài *Ü Kinh triệu phủ tróc hoạch gian nhán chiếu* của Đường Tuyên tông viết “Nghe nói gần đây có nhiều kẻ nhàn nhân, không lo làm ăn, quen thói hung ác, buông thả làm càn, chuyên ra chốn chợ búa cướp tài vật của người ta”. Đủ thấy cái gọi là Nhàn ở đây hoàn toàn không phải nhàn rỗi không có việc gì làm, mà Nhàn nhân là từ chỉ kẻ không lo làm ăn, làm điều bậy bạ.

Thời Tống xuất hiện rất nhiều từ ngữ chỉ lưu manh, trong đó từ Phá lạc hộ (Nhà sa sút) rất thường được dùng. Tân Thuyết Hữu trong *Hàm Hanh Lâm An chí*, quyển 89 viết “Ngày Giáp tuất tháng 4 năm Thiệu Hưng thứ 12, vua nói với các đại thần: Gần đây phủ Lâm An thu gom những nhà sa sút, dời ra các châu huyện ngoài, vốn là để trừ hại cho dân gian”. Nhà sa sút và hoa hại được gộp làm một, dù biết Nhà sa sút ở đây không phải chỉ các gia đình suy sụp mà là chỉ bọn con em du đảng vô lại phá hoại gia đình. Chúng ta có thể lấy từ *Thủy hử truyện* miêu tả sinh hoạt thời Tống thêm một chứng cứ “Nguyên người này là một gã lưu manh con nhà sa sút nổi tiếng ở kinh sư, tên là Một mao đại trùng Ngưu Nhị, chuyên quấy rối, hành hung, gây sự trên đường phố” (hồi 12).

Thời Tống lại lấy từ Ngoan đồ để chỉ lưu manh. Từ Thủy Tiềm phu trong *Nam Tống thị tú ký* chép “Đến như bọn ngoan đồ như Lan nhai hổ, Cửu điêu long càng là mối hại nơi chợ búa”⁽¹⁾. Lại có bọn du thủ du thực, bình thời chuyên giở trò Vở người đẹp (Mỹ nhân cục), Vở Thủy công đức (Thủy công đức cục), Vở đánh bạc (Quỹ phường đồ cục)⁽²⁾, cũng là bọn du thủ du thực lười biếng chuyên làm điều bậy bạ.

(1) (2) *Thuyết phu*, quyển 60.

Đến thời Nguyên, về từ chuyên dùng để chỉ lưu manh có Vô đồ. *Cửu phong trấn* 4 nói “Đâm loạn tâm tình xấu, Hung tàn túi mật to, Vô đồ làm chuyên bậy bạ khắp nơi”. *Ma hợp la* 4 nói “Bắt vô đồ thương luân bại tục, Ra chợ búa theo phép chém đầu”. Lại có tên là Vô lộ tử, *Ngũ Viên xuy tiêu* màn 3 nói “Tuy bản lĩnh chỉ có thể, nhưng đánh đá tranh giành thì không sợ chết, mọi người không biết tên họ ta nên gọi ta là Vô lộ tử”. Lại có tên là Ác đảng hung đồ, *Diên An phủ* màn 1 nói “Đó là bọn ác đảng hung đồ xấu xa, làm bại hoại phong tục, bôi bẩn những nhà lương thiện”.

Trong rất nhiều từ dùng chỉ lưu manh thời Nguyên thì đáng chú ý nhất là Quang côn và Côn đồ. Từ Quang côn thấy xuất hiện trong *Sát cẩu khuyến phu khế tử* của Tiêu Đức Tường “Mới biết hai gã quang côn này làm hư hỏng con cái nhà ta”. Lại *Đông đường lão* của Tân Giản Phu, màn 3 “Đưa tiền cho y, y đi buôn bán gì đó ở đây, nghe nhiều người nói bị hai gã quang côn này lừa gạt”. *Tục ngữ khảo nguyên*, Quang côn viết “Tục thường gọi bọn vô lại phi đồ chuyên làm việc lừa đảo là Quang côn”.

Thời Minh thường dùng từ Lai bì để gọi lưu manh.

Thời Minh Thanh trên giang hồ còn hình thành một số tiếng lóng chuyên dùng để chỉ bọn lưu manh vô lại, như Mao du sinh (Gã lồng tron), Bá Ngưu hữu ngân (Bá Ngưu có sẹo), Xuất thủy hà mô, Du hoạt sinh (Gã lồng bông), Tọa đồng dao lạc, Thuận tử, Liễu sinh, Cán diện trương, Cốc sơn, Đảo ảnh khô trường vân vân⁽³⁾.

Thời Thanh từ gọi lưu manh có màu sắc địa phương đậm hơn. Ví dụ Tứ Xuyên gọi là Quắc lỗ tử, Thiên Tân gọi là Hỗn hỗn nhi hoặc Hỗn tinh tử, Hàng Châu gọi là Liêu đảng

(3) Khúc Ngạn Bân, *Trung Quốc dân gian bí mật ngữ* (Tiếng lóng dân gian Trung Quốc) chương 7 mục 4, *Lưu manh ăn ngữ dù khát cái ăn ngữ* (Tiếng lóng của lưu manh và tiếng lóng của ăn mày).

hoặc Lạm liêu, Thượng Hải gọi là Bạch tướng nhân, Chiết sao, Phủ đồ. Trong tiểu thuyết bút ký thì thấy có các từ Du hoạt tặc, Du hoa, Lưu đăng tử, Bạch lại, Tinh thị gian hung vân vân.

Hình thành nhiều từ ngữ để chỉ lưu manh như thế thì lý do đầu tiên là lịch sử Trung Quốc kéo dài lâu đời, trong sự biến đổi của xã hội không ngừng này sinh các từ ngữ mới có sức biểu đạt phong phú, lý do thứ hai là lãnh thổ Trung Quốc rộng lớn, có nhiều dân tộc, rất nhiều từ ngữ đầy màu sắc địa phương, lý do thứ ba là cách gọi ở mỗi thời kỳ, mỗi địa phương hoàn toàn không chỉ phân biệt rạch ròi giữa lưu manh có đặc điểm nổi bật là thích nhàn ghét nhọc, hung hăn dữ tợn, làm điều bậy bạ, phá hoại trật tự xã hội và các băng nhóm tội phạm xã hội khác, mà còn tiến tới thể hiện các đặc điểm nào đó của một loại lưu manh nào đó. Ví dụ thiếu niên các loại chính phản ánh phần lớn lưu manh trong thời kỳ ấy là người vị thành niên, hay bọn côn đồ dù loại có thể phản ánh bản chất hung dữ vô lại.

II. Các loại hình chủ yếu và đặc điểm hoạt động của lưu manh

1. Bọn anh chị xưng bá một vùng

Anh chị (Hào hoạt) vốn là từ chỉ bọn cường hào bất chấp pháp luật. *Sử ký*, *Khốc lại truyện*, *Chất Đô truyện* chép "Họ Hướng ở Tế Nam tông tộc có hơn ba trăm gia đình đều là anh chị côn đồ, quan Thái thú không chế phục được". Về sau cũng dùng chỉ bọn phạm pháp nổi tiếng. *Tam quốc chí*, *Ngụy chí*, *Triệu Nghiêm truyện* chép "Thái tổ lấy Nghiêm làm Huyện lệnh Lăng Lăng, trong huyện có nhiều kẻ anh chị, không sợ sệt gì. Nghiêm chọn những kẻ hung ác nhất bắt giam xử án, đều khép vào tội chết".

Loại anh chị này ở một khu vực nhất định cũng giống như ông chúa, hoành hành bất chấp pháp luật, muốn gì làm nấy, không ai cai quản chế phục được, quấy phá khiến cả vùng gà chó không yên, tr�m họ oán thán. Căn cứ theo khu vực hoạt động, có thể chia anh chị làm vài loại nhỏ.

Anh chị trong làng (Thôn bá). Lấy thôn trấn chỗ cư trú làm phạm vi hoạt động, lấy láng giềng chung quanh làm đối tượng cướp bóc, mặc tình mổ xé người khác. Chu Diên Niên thời Tấn lúc trẻ hung hăng lộng hành, đánh đập nhân dân, người Nghĩa Hưng gọi y và thuồng luồng dưới nước, cọp trán trắng trong núi là Ba loại ác (Tam hoành), mà Chu là gây họa cho xóm làng nhiều nhất⁴⁴. Loại này thì trong lịch sử Trung Quốc quyết có không ít. Đầu niên hiệu Chính Đức thời Minh (1506 - 1521) Hề Tam Tích ở trấn Hề Thành ngày thường tác oai tác phúc, mừng giận tùy ý, người làng đều dám giận không dám nói. Hề Tam Tích dùng kẽ cướp ruộng của Tào Mỗ nhà láng giềng, lúc kiện tụng lại đem tiền hối lộ quan lại nhờ bắt giam Tào. Tào được tin vội bỏ nhà trốn đi, không ngờ tất cả người thân và bạn bè đều phải chịu oan khuất. Người trong trấn rất bất bình, ngầm phóng hỏa đốt nhà Hề Tam Tích. Hề Tam Tích tố cáo lên quan, quan đem quân lính xuống bắt bớ Tào đảng, người trong thôn gióng trống tụ họp lại chống cự, đánh mấy tên lính bị thương. Tin báo về triều, bèn phát thêm binh mã bao vây đòn áp, toàn thôn có mấy trăm người bị giết, thôn ấy cũng thành gò hoang⁴⁵. Theo đó thì Hề Tam Tích muốn cướp ruộng của Tào Mỗ, không những khiến nhà họ Tào gặp đại họa mà còn làm chết lây nhiều người vô tội trong thôn, hủy diệt cả xóm làng, gây thành hậu quả nghiêm trọng.

Bọn anh chị trong thôn ngày thường tác oai tác phúc

(4) Lưu Nghĩa Khánh, *Thể thuyết tân ngữ, Tự tân*.

(5) Mao Tường Lân, *Mặc dù lục*, quyển 12, *Hề Hành trấn*.

trong xóm làng, nếu ai vô ý xúc phạm chọc giận chúng thì sẽ phải chịu những tai họa không thể tưởng tượng nổi. Như Mao Mô ở trấn Đức Hùng thuộc Thông Châu thời Thanh, xước hiệu Thổ tử nhai hung dữ lông hành, có nuôi một con chó tên A Sinh, vô cùng thương yêu, ăn chung ngủ chung với nó, tương truyền hàng năm đến ngày 6 tháng 6 âm lịch là ngày sinh nhật của con chó, Thổ tử nhai còn rót rượu cúng xuống chúc thọ nó. Một hôm con chó A Sinh ấy bị người láng giềng là Vương Trường Lâm đánh chết, Thổ tử nhai nghe xong nổi trận lôi đình, bắt Vương Trường Lâm "Sám quan tài chôn cất, mặc áo sổ gấu đưa ma, lại phải đích thân viết tờ cáo phó dựng bảng trên phố". Áo sổ gấu là tang phục quan trọng nhất trong năm loại tang phục ngày xưa, dùng vải gai thô chế thành áo tang, hai vạt và dưới gấu không may. Con trai và con gái chưa lấy chồng để tang cha mẹ, cháu để tang ông bà nội, vợ để tang chồng đều mặc áo sổ gấu. Còn tờ cáo phó viết mới càng ly kỳ "Con trai bất hiếu là Vương Trường Lâm tội nghiệt nặng nề, không tự giải nạn được, làm hại lây tới cả cha chó là A Sinh phủ quân, ngày tháng năm ấy thọ chung, lập tức thành phục chịu tang, kính cẩn cáo phó"⁽⁶⁾. Chuyện lạ như thế quả thật đời trước ít có. Thời cổ Sở Trang vương có một con ngựa quý bị chết, định sai quần thần để tang, chôn cất theo lễ đại phu, kế vì Uu Mạnh can gián nên thôi. Thế mà con chó A Sinh lại được để tang đưa ma, thì có thể biết gã anh chị Thổ tử nhai ghê gớm tới mức nào.

Để tùy ý lồng hành trong xóm làng, loại lưu manh này còn câu kết với quan lại xấu ở nhà môn, lấy đó làm chỗ dựa vững chắc, "Thông đồng tác tệ, dọa dẫm dân đen, sách nhiễu người lành, kẻ bị hại càng không có cửa nào để tố cáo"⁽⁷⁾.

(6) Du Việt, *Hữu Đài tiên quán bút ký*, quyển 4.

(7) Trịnh Quang Ứng, *Thịnh thế nguy ngôn*, *Thư lại*.

Dưới đây là chuyện có chép trong sách sử. Đường Tử thời Tống lưu manh thành nết, bị gọi là "Hổ lang trong bọn tiêu nhán". Ban đầu y dùng trò cờ bạc bịa thang được Viên Bát là con nhà giàu tám ngàn quan nên trở thành giàu có, lại lấy đó kết giao với nhau lại, tới mức "Chế riêng gông cùm, hoành hành trong xóm làng, không chỉ nhận đơn kiện của dân mà còn tự chọn lựa viết đơn kiện để thỏa lòng tham không đáy". Vả lại còn ưa bối chuyện, "hoặc vu cáo người khác cắt trộm lúa", "hoặc cản trở khách buôn muối", "hoặc vu hộ thợ nhuộm lấy vải", "hoặc bịa đặt là có chứng cứ, bắt bớ người ta ra đổi chứng việc công", "hoặc nhân việc kiện tụng lên quan" mà bắt bớ, tróc nã người, mượn cơ hạch sách tiền bạc, tính tất cả được "Hơn một vạn một trăm mươi tám quan tiền tang vật". Để "mưu cướp đoạt nhà cửa sản nghiệp của người láng giềng là Biểu Ngũ Thất, bèn bắt người ấy thông gian với tớ gái nhà mình, bắt bớ người ta, lại cắt hai vành tai". Mà Đường Tử làm hại một xứ rất lâu không bị trừng trị, vì "Quan lại châu huyện đều là thân thích bạn bè, người bị hại không dám kêu ca"⁽⁸⁾.

Lại có Mỗ Giáp ở Tiêu Sơn thời Thanh cũng tương tự. Vốn nhà y nghèo quá không biết làm sao để sống "bèn giao kết với bọn nha lại, lo việc kiện cáo" được trả công nhiều tiền tối mắt, bản tính lưu manh lại phát triển thêm một bước, "Ngày càng làm nhiều việc xấu xa hơn, từ tuổi trung niên trở đi tham dâm tàn ác cơ hồ không còn đạo lý của con người"⁽⁹⁾.

Lưu manh và quan lại dựa vào nhau làm điều gian trá, lùng đoạn một vùng, hú gió gọi mưa, các nhà giàu sang cũng khó chế ngự được uy thế của họ, còn trăm họ là dân đen không có tiền bạc thế lực thì ngoài việc đe họ mặc ý khinh khi hà hiếp cũng không còn đường nào khác.

(8) *Danh công thư phán thanh minh tập*, quyển 14, *Trường ác môn*.

(9) Du Việt, *Hữu Dài tiên quán bút ký*, quyển 10.

Anh chị đứng bến (Độ bá). Theo tên xét nghĩa, thì anh chị đứng bến là chỉ dám lưu manh bá chiếm bến đò làm khu vực hoạt động, hạch sách người qua đò, nếu không chịu thì tay đánh chân đá, có khi còn giết người cướp hàng, gây nguy hiểm lớn cho sự an toàn của người đi đường. Hoạt động của anh chị đứng bến vào thời Tống từng rộ lên một dạo, như Phạm Tây Đường thời Tống nói “Đến các nơi bến đò, kết giao với bọn vô lại, lừa gạt dọa nạt hành khách, sách nhiễu tiền bạc hàng hóa, hơi có chỗ không được như ý thì xúm vào ẩu đả, không khác gì ăn cướp”⁽¹⁰⁾, tất cả khách đi đường đều không dám tranh cãi với chúng.

Theo sử sách chép thì người thời Tống là Bùi Ất qua đò, Trịnh Tứ đòi tiền, vì thế cãi nhau. Bè đảng của Trịnh Tứ là bọn Du Bát, Trịnh Tam sinh sự. Bùi Ất phải chịu lép. Bùi Ất bị mất tiền, càng nghĩ càng tức, bèn lên quan kiện Trịnh Tứ đòi tiền qua đò và đánh người. Trịnh Tứ lại “mua được đơn kiện của Bùi Ất bèn làm đơn đối phó”, nguy tạo chứng cứ, vu cáo “Bùi Ất cùng mọi người chung vốn buôn trà, lại nói Bùi Ất tự gánh vác việc chuyên chở”, “để dứt việc Bùi Ất kiện tụng”⁽¹¹⁾, có thể nói là gian trá tàn ác dã thường.

Lúc ấy có họ Dương ở huyện Quảng Tế qua bến Lam Độ, bọn khách giờ đã mưu ma chước quỷ để lừa gạt dọa nạt, cướp lấy hành lý, đòi phải chuộc lại⁽¹²⁾. Có một số anh chị đứng bến chờ khách lên đò xong mới sinh sự, dùng chèo giữa sông đòi tiền, chẳng khác gì bọn cướp⁽¹³⁾. Có một gã anh chị

(10) *Danh công thư phán thanh minh tập*, quyển 14, *Khiêu nhän Phạm Cảnh Công tung Ích Dương Từ Giáo luyện đắng đá đám trưng*.

(11) *Danh công thư phán thanh minh tập*, quyển 14, *Bùi Ất tố Trịnh Tứ lặc độ tiền hành đá*.

(12) *Danh công thư phán thanh minh tập*, quyển 14, *Ước thúc Trương Gia độ khát mịch*.

(13) *Danh công thư phán thanh minh tập*, quyển 14, *Quảng Tây vi tranh độ tiền nich từ Nhiều Thập Tứ*.

đứng bến tên Trịnh Tại Cửu, sau khi cướp được một tấm vải của khách qua đò là Phương Thái còn trói nan nhẫn lại đánh đập. Chính vì bọn anh chị đứng bến thời Tống lộng hành như thế nên đương thời có quy định rõ "Ở các bến đò sâu rộng nguy hiểm mà hăm dọa để lấy tiền thì trị theo tội cướp"⁽¹⁴⁾. Bấy nhiêu đủ để thấy bọn lưu manh anh chị đứng bến thời Tống rất lộng hành, làm hại rất lớn.

Bá chiêm bến đò, làm việc phạm pháp cũng là cách kiểm sống quen thuộc của đám vô lại (Hỗn hồn nhi) ở Thiên Tân. Năm ấy các sông ngòi ở Thiên Tân chưa có nhiều cầu, cứ cách một quãng lại có một bến đò, phần lớn đám chèo đò là bọn trẻ ấy. Có khi một nhà làm ăn, có khi hai ba nhà hợp tác, mỗi người qua sông phải trả một đồng.

Tuy nhiên bến đò có hạn mà bọn vô lại lại đông, chúng bèn mở ra việc chặn sông thu thuế để kiếm sống. Chặn sông là dùng một sợi dây dài căng ngang không cho thuyền qua lại, cắt người canh giữ. Thuyền qua lại phải nộp một món tiền chúng mới thả dây cho qua, ai chống lại ắt sẽ ném mùi đau khổ. Dương thời có câu "Đã nhất sáo, hưu nhất sáo, Trần Gia câu từ Nương nương miếu, Tiếu thuyền yếu ngũ bách, Đại thuyền yếu nhất điếu" (Qua một chặng, lại một chặng, Chỗ rạch Trần Gia miếu Bà Nàng. Thuyền nhỏ thì năm trăm, Thuyền lớn phải một ngàn) là chỉ vào chuyện ấy⁽¹⁵⁾.

Anh chị ở chợ (Thị bá). Từ thời Hán, tại thành Trường An đã có Trương Cấm cắt, Triệu Phóng rượu (Tiễn Trương Cấm, Tứu Triệu Phóng) "thông đồng họp đảng với bọn xấu, dung dưỡng bọn gian, trên phạm vào vương pháp,

(14) Thái Cửu Hiên, *Bá độ, Danh công thư phán thanh minh tập*, quyển 14.

(15) Lý Nhiên Tê, *Cựu Thiên Tân dịch hỗn hồn nhi*, *Văn sử tư liệu tuyển tập*, tập 47.

dưới làm loạn việc tri an, lại bóp nặn, hà hiếp dân đen, là lang sói đôi với trăm họ”⁽¹⁶⁾. Vũ Văn Hóa Cáp thời Tùy cũng “Thường giao du với bọn buôn thịt để kiếm lợi”⁽¹⁷⁾. Có thể nói việc thu tiền thông qua thị trường buôn bán vẫn là điều lưu manh quan tâm, chú ý trước nay.

Lưu manh tham gia hoạt động kinh tế, mua bán hàng hóa hoàn toàn không giống các nhà buôn yêu công bằng trọng pháp luật, dựa vào tài trí và sự vất vả của mình để thu một khoản chênh lệch, mà chủ yếu là dùng các hành vi phi pháp để vơ vét lợi nhuận. Vì vậy cái gọi là anh chị ở chợ là chỉ bọn lưu manh phạm tội trong quá trình hoạt động kinh tế, bao quát cả những hành vi bậy bạ như thao túng thị trường, quyết định giá cả, thậm chí công nhiên cướp đoạt hạch sách.

Tình trạng này dưới thời Đường là khá nghiêm trọng, lúc ấy có không ít bọn lưu manh “Giả người tốt nói thật, Múa tay hiểm cẩn gian. Cân thiếu đong gian, múa lưỡi nói át, nâng giá nói thách, gian trá dù trờ”⁽¹⁸⁾, đến nỗi “Trong các chợ búa ở kinh, phàm là tơ lụa lương thực than củi, vật nào cũng có Nha nhân”⁽¹⁹⁾; “Bọn du thủ lêu lổng ở kinh sư có mấy ngàn mấy vạn nhà, không có nghề nghiệp gì, toàn dựa vào chợ búa mà sống”⁽²⁰⁾, trở thành tai họa lớn cho thị trường lúc bấy giờ.

Thời Tống kinh tế thành thị phát triển rất mạnh, thị trường phồn vinh, việc buôn bán thịnh vượng, bọn lưu manh thấy buôn bán có lợi, nhao nhao đổ xô vào buôn bán kiếm tiền. Nhưng rốt lại chúng cũng là bọn người bất chấp pháp

(16) *Hán thư*, quyển 76 *Vương Tôn truyện*.

(17) *Tùy thư*, quyển 85, *Vũ Văn Hóa Cáp truyện*.

(18) *Lưu Mộng Đắc tập*, quyển 25.

(19) *Ngũ đại hội yếu*, quyển 26.

(20) *Cựu Đường thư*, quyển 140, *Trương Kiến Phong truyện*.

luật, công nhiên thao túng chợ búa, lùng đoạn việc mua bán, thường kéo bầy hàng chục hàng trăm tên liên thủ với nhau, gắp dân quê tới chợ búa mua bán, nếu không qua tay mình thì ăn sê xúm lại đánh đập, gọi là Đòn hội chợ (Xã gia quyền), đến mức phàm những thức ăn cái mặc, không có vật gì không do dân quê, đàn ông cày bừa, đàn bà canh cối làm ra, vô cùng vất vả mà thu lại chẳng qua chỉ được vài đồng, mà cái lợi gấp nhiều lần thì rơi vào tay bọn người du đãng lười biếng. "Có lần người nông dân Điền Thát ngẫu nhiên vào thành bán cá, tên lưu manh chuyên mua bán cá trong thành là Phan Ngũ Thập Nhị vì muốn lùng đoạn thị trường để một mình thu lợi nên tìm mọi cách để sinh sự, đánh Điền Thát một trận. Điền Thát tuy có lý nhưng không thể nào tranh hơn thua được với bọn du thủ du thực trong chợ"⁽²¹⁾.

Thời Minh chợ Gia Định chưa sáng đã họp, đến mùa bán bông bọn anh chị lưu manh lại tụ tập dám thiếu niên làm vây cánh, giăng đèn giữa đường chặn nông dân vào thành mua bán, nhân lúc hỗn loạn cướp đoạt hàng hóa. Lại có một số bọn gian hoạt lúc mua bán, hoặc dùng tiền giả, hoặc rót đồng, đóng sắt, đồ chì vào giữa nén bạc để lừa dối nông dân. Đến nỗi có nhiều người bụng đói mà đi, khóc lóc mà về, không biết tố cáo ai⁽²²⁾.

Cuối thời Thanh trong bọn vô lại ở Thiên Tân cũng có một số anh chị ở chợ. Một dãy ven thành một năm bốn mùa cần rất nhiều rau quả tươi, đều do các thôn xóm và huyện ngoài thành cung cấp. Dân quê chờ hàng tới Thiên Tân dọc theo một dãy bờ sông và những bến quan trọng, tự do mua bán hoàn toàn không phải đóng thuế gì. Bọn vô lại quanh đó bèn đứng ra buôn bán, bắt phải giao tất cả cho chúng chuyen

(21) Ông Hạo Đường, *Nhân tranh bán ngư nhí tri đấu ấu*, *Danh công thư phán thanh minh tập*, quyển 14.

(22) Vạn Lịch, *Gia Định huyện chí*, quyển 2, *Cương vực khảo hạch Phong tục*.

đi bán. Buôn bán xong đôi bên sẽ cùng chia lời. Lúc đầu đương nhiên không ai chịu nghe, bọn chúng bèn dùng vũ lực giải quyết, đánh đập mấy người, không sợ gì anh không cui đầu cup tai, khép nép theo lệnh. Cái đó gọi là "Đất đem nắn bánh, tiền giật mà dùng", về sau thì trở thành định lệ trên đời, cứ theo đó mà làm⁽²³⁾.

Hoạt động rông càn của bọn anh chị ở chợ không những khiến những người buôn bán bị hại rất nhiều, khổ cực không sao nói xiết mà còn phá hoại cả sự phát triển kinh tế của các thị trấn, trực tiếp dẫn tới hậu quả nghiêm trọng là làm các thị trấn suy sụp. Trần Nam Dương ở Gia Định thời Minh, "Trước đây có nhiều nhà buôn tới làm ăn, mọi thứ hàng hóa đều dồn về, đứng đầu các trấn, nhưng vì bị bọn vô lại hoành hành nên họ dần dần tránh đi nơi khác khiến nơi ấy trở nên điêu tàn"⁽²⁴⁾.

Lưu manh còn xưng bá ở kỹ viện. Lưu manh và xướng kỹ đều thuộc cửu lưu, đều dựa vào nhau mà sống: lưu manh dựa vào kỹ nữ để kiếm tiền, nghề xướng kỹ dùng lưu manh làm chỗ dựa. Nhưng đôi bên tuyệt nhiên không bình đẳng với nhau, lưu manh có thể hà hiếp, chơi quyt kỹ nữ, nhưng kỹ nữ chẳng qua chỉ có thể là công cụ kiếm tiền của chúng.

Có lúc lưu manh trực tiếp mở kỹ viện, hoạt động kinh doanh thương phong bại tục, bức ép kỹ nữ bán dâm thu tiền. Bọn Hỗn hồn nhi ở Thiên Tân lúc đến tuổi trung niên thường chắp nối với một kỹ nữ già, mở ra một Ban tử hoặc một kỹ viện hạng bét, cũng có thể hàng ngày tiền tới tay cơm tới miệng, rảnh rỗi nuôi chim đua ngựa, uống trà, nghe kể

(23) Lý Nhiên Tè, *Cựu Thiên Tân dịch hỗn hồn nhi*, Văn sử tư liệu tuyển tập, tập 47.

(24) *Vạn Lịch*, Gia Định huyện chí, quyển 2, *Cương vực khảo thương*, Thị trấn.

chuyện, đánh bạc. Có kẻ còn kết giao với quan lại thân hào, được món tiền bất ngờ. Thiên Bảo ban nổi tiếng mười năm là một ví dụ điển hình. Nữ ban chủ Thiên Bảo ban là má Lý vốn là người Tây Hương tới Thiên Tân, lúc đầu làm tôi tớ trong nhà thương nhân buôn muối Chấn Đức điểm có xước hiệu là Hoàng Tam đại vương, sau quen với người đứng đầu bọn công sai ở huyện là Lục Khánh Tăng, hai người mở một ban sau ngõ Hầu Gia. Không ít các thân hào quan lại phú thương tới đó. Hai người nhân đó làm không ít những việc mua quan bán chức, kiếm tiền ở cửa quan, trở nên giàu có. Sau năm Canh tý dời tới cạnh Hoa lâu ở Nam Thị. Sau khi Lục Khánh Tăng chết, toàn dựa vào một mình nữ ban chủ chỉ tri ứng phó⁽²⁵⁾.

Lưu manh ngoài việc chơi quyt, bức ép kỹ nữ bán dâm thu tiền còn nhúng tay vào hoạt động của kỹ viện, có khi bắt cóc người ta làm kỹ nữ, có khi khuyên kỹ nữ hoàn lương, có khi ép kỹ nữ đã hoàn lương trở về nghề cũ, sáng ba chiều bốn, cứ có lợi là làm. Ví dụ như kỹ nữ "Bị chủ chứa đánh đập, được một câu hứa suông, ai cũng lập tức được ra khỏi hầm lửa, đó vẫn là việc quan hiền có đức tốt. Nhưng phép lâu ngày sinh moss tệ, lại có kẻ thông đồng với bọn con em nhà vô lại, thác cớ hoàn lương, ngầm lên công đường tố cáo. Đến khi được xóa tên khỏi sổ rồi, nợ nần chồng chất, cơm áo khó khăn. Không đầy vài năm, lại làm kỹ nữ ở nhà riêng, thậm chí có người bị bọn ác thiếu ép buộc, lại rơi vào cảnh phong trần"⁽²⁶⁾.

Có lúc lưu manh còn kéo vào gây náo loạn trong kỹ viện. Đó là vì có lúc kỹ viện đắc tội với chúng, hoặc lưu manh tạm thời muốn hạch sách tiền bạc ở kỹ viện, giả làm khách

(25) Lý Nhiên Tè, *Cựu Thiên Tân đích hồn hồn nhì*, Văn sử tư liệu tuyển tập, tập 47.

(26) Hoàng Thức Quyền, *Tùng Nam mộng ảnh lục* quyển 4.

chơi, khiến kỹ viện không có cách nào "kinh doanh bình thường". Ở Thượng Hải, lưu manh bắt cóc kỹ nữ làm con tin, bắt cóc kỹ nữ rồi đòi chủ chứa tiền bão kê hoặc chi phí. Vì thế một số kỹ viện để duy trì an ninh, tránh bị dám lưu manh quấy nhiễu, bèn mời một số tên vô lại hung dữ làm chỗ dựa. Lưu manh danh chính ngôn thuận nhận tiền của kỹ viện thì đương nhiên sẽ không tới đó gây rối, nếu có lưu manh khác tìm tới sinh sự, chúng cũng ra mặt bảo vệ lợi ích của kỹ viện. Cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc ở Thượng Hải có một tập đoàn lưu manh chuyên môn bảo vệ trật tự bình thường của kỹ viện. Như ở Tiểu Đông môn có đám nữ lưu manh Thi Kim Tú vợ Phàm Khai Thái lập ra tổ chức "Mười chị em" nữ lưu manh, mở ra Đường tử gà lè cho bọn chủ chứa ở Nam Thị, được rất nhiều người bái làm sư nương. Lại có sử liệu chép rằng "Kỹ viện gà lè át phải có một người làm bùa hộ mạng, nếu không thì không thể tồn tại, ví dụ lôi kéo khách trên đường trái phép thì theo lệ phải bắt vào sở cảnh sát phạt một đồng, năm sau có lệnh mới, sau khi vào sở cảnh sát phải bị giam một đêm, sáng hôm sau giải ra công đường phạt từ năm tới mươi đồng, nhưng nếu có chiêu bài sau lưng sẽ không bị bắt"⁽²⁷⁾. Cái gọi là chiêu bài là chỉ vào đám anh chị lưu manh. Bắc Kinh cũng thế, theo *Bắc Kinh thố ngũ giới thiệu* thì "Kỹ viện vốn không phải là doanh nghiệp bình thường, trước đây lại không có tuần Cảnh bảo vệ nên thỉnh thoảng lại có bọn lưu manh vào quấy phá. Vì thế các kỹ nữ không thể không kết giao với bọn lưu manh có sức khỏe, nhờ chúng giữ cửa, đó gọi là Chia ba (Chàng xoa đích)".

Hoạt động của lưu manh lan ra các lãnh vực dưới đáy xã hội, thậm chí Đường tế viện chúng cũng không khinh dị bỏ qua. Đường tế viện là cơ quan chuyên thu gom nuôi dưỡng ăn mày và người tàn tật trong xã hội phong kiến. Nhưng một

(27) Tiền Kha Sinh, *Thượng Hải hắc mục hối biến*, tập 2 quyển 8 trang 9.

số lưu manh tuy còn trẻ tuổi khỏe mạnh lại nẩy ra ý bá chiếm Dưỡng tế viện. Chư Hồi Hương thời Thanh trong *Minh Trai tiểu thức*, quyển 8, *Dưỡng tế viện* có chép "Dưỡng tế viện ở huyện tôi có hơn mười gian, ở phía tây Hồng Kiều, có định ngạch là bốn mươi lăm người, mỗi tháng cấp cho hai đấu bốn thăng gạo, bốn mươi lăm bốn mươi sáu quan tiền, cứ ngày mồng hai hàng tháng thì tới nhận ở kho Bình thương". Tuy Dưỡng tế viện được cung cấp vô cùng đáng thương, nhưng có một số bọn lưu manh giảo hoạt chiếm cứ trong đó, "đến kỳ thì sai những kẻ tàn phế ra mặt lanh tiền gạo", cưỡng đoạt miếng cơm trong miệng của những người ăn mày già nua tàn tật để cung cấp cho sự tiêu pha xa xỉ của mình, xem đó đủ thấy việc lưu manh xưng bá hoạt động đã đạt tới mức cực kỳ vô sỉ.

Các lãnh vực mà lưu manh xưng bá trong xã hội không chỉ có bấy nhiêu, ví dụ trong việc buôn muối, đóng mờ cửa thành, chi phối kho bãi vô cùng phổ biến, chỉ có thể nói qua.

2. Bọn vô lại hoàn toàn không có liêm sĩ

Bọn vô lại mặt dày trong lưu manh quen sử dụng lối mặt dày cướp bóc trán lột, giả điên giả dại, thủ đoạn vô sỉ nổi tiếng trên đời. Đám người này da mặt đặc biệt dày, hoàn toàn không có lòng hổ thẹn, để đạt được mục đích hèn hạ của mình thì không chuyên gì không làm.

Những yếu tố làm nẩy sinh bọn vô lại mặt dày có rất nhiều phương diện, nhưng khởi nguyên thì dường như có thể tìm tới đám Bãi dân hoặc Nợ dân thời Tiên Trần. Cái gọi là Bãi dân, theo *Chu lê, Thu quan, Tư đồ, Thu Bãi dân* có chú "Bãi dân là nói những kẻ gian ác không tuân giáo hóa, trở thành mối lo của bách tính, nhưng chưa tới mức phạm vào ngũ hình". Tất cả bọn họ có đặc điểm là "Không muốn vất

vá", "Coi thường đạo nghĩa", "Vô hạnh", "Lêu lổng"⁽²⁸⁾. Cái gọi là Nọa dân, thì kinh *Thư, Bàn canh* giải thích như sau "Lười làm ruộng để an nhàn, không muốn vất vả, không lo tròng trọt, cắt trộm lúa của láng giềng". Bãi dân, Nọa dân không muốn lao động, nghèo mà vô hạnh, cùng mà không có chí, để sống qua ngày, không chọn thủ đoạn trộm cắp, cũng không kể gì tới đạo đức xã hội và thể diện, liêm sỉ.

Về sau, Bãi dân, Nọa nông dần dần sa đọa thành bọn vô lại mặt dày, tự thành một chi phái riêng trong đám lưu manh, hành động rất kỳ lạ, không như thói thường. Người nào bị họ lăng nhăng thì giãy không thoát, trốn không được, chỉ còn cách mất hết thể diện, cam bái hạ phong.

Sử ký, Hoài Âm hâu liệt truyện có tên thiếu niên đồ tể, có thể nói là một điển hình của bọn vô lại mặt dày. Hàn Tín lúc chưa hiển đạt chỉ là một người áo vải, nghèo mà vô hạnh, không được chọn làm lại, lại không biết buôn bán mưu sinh, chỉ còn cách ăn bám người khác, sinh hoạt thiếu thốn, rất là đáng thương. Ông ta cũng không gây sự khinh khi ai, chỉ có một thói nghiện là thích đeo kiếm trong người. Không ngờ một tên thiếu niên đồ tể nhìn thấy ngựa mắt, trước bao nhiêu con mắt bèn làm khó ông ta "Hàn Tín, ngươi tuy là người lớn, thích đeo dao kiếm, nhưng rất hèn nhát. Nếu ngươi quả không sợ chết thì rút kiếm đâm ta đi, nếu sợ chết thì chui qua dưới khổ ta!". Hàn Tín nhìn y hồi lâu, rốt lại không dám tuốt kiếm đâm, đành khom lưng bò dưới đất chui qua háng tên thiếu niên đồ tể ấy, khiến những người nhìn thấy đều chế nhạo.

Tên thiếu niên đồ tể là một gã vô lại mặt dày danh phó kỳ thực. Y cố nhiên không hề rút đao hoặc động quyền đánh đập Hàn Tín, mà chỉ mặt dày làm khó người ta, khiến người ta mất mặt. Về sau Hàn Tín làm tới chức Sở vương,

(28) Xem Tôn Di Nhượng, *Chu tết chính nghĩa*.

dụng đồ ở đất Phì, "Bèn gọi tên thiếu niên làm nhục bắt mình chui qua dưới háng y tới phong làm Sở Trung úy", lại nói với chư tướng "Người này là tráng sĩ, lúc y làm nhục ta, chẳng lẽ ta không giết được y sao? Nhưng giết y thì chẳng có danh nghĩa gì, nên nhịn nhục như thế". Thật ra đó chẳng qua chỉ là lời Hàn Tín pha trò sau khi chuyện đã xảy ra mà thôi. Loại lưu manh là vô lại mặt dày thật vô cùng khó đối phó, nếu quả Hàn Tín tuốt kiếm giết y thì mình cũng khó mà thoát khỏi bị xử tử, còn nếu không muốn vì chuyện nhỏ như thế mà chết thì chỉ còn cách chui qua dưới háng y, mất hết thể diện, hai điều phải chọn một, chứ ngoài ra còn có cách nào khác đâu?

Loại lưu manh như tên thiếu niên đồ tể ấy quen gây sự với người ta, ai một sờm bị chúng đụng phải thì cẩn bản không còn cách nào tránh né đối phó, chỉ còn cách để chúng tác oai tác phúc.

Tên lưu manh Chu Phúc Bảo ở Ngô huyện thời Thanh, chuyên làm chuyện lừa gạt, năm Đạo Quang bị cách chức Cử nhân giam vào ngục. Năm Tân Hợi niên hiệu Hàm Phong gặp dịp đại xá được tha, lại hoành hành như lúc đầu. Một hôm y ngẫu nhiên đi ngang một cửa hiệu bán đồ cổ, nhìn thấy một cái bình sứ cổ, sắc rất tươi đẹp, chất lượng rất tốt, bèn mở miệng hỏi giá. Chủ cửa hiệu đáp "Ít nhất cũng phải mươi đồng bạc trắng". Chu Phúc Bảo nói "Theo ta thấy thì cái bình này chỉ đáng một đồng". Chủ cửa hiệu khịt mũi với Chu Phúc Bảo một cái, lại thong thả trả lời "Một đồng thì chỉ có thể mua hai cái quai bình thôi". Chu Phúc Bảo nghe xong im lặng bỏ đi. Hôm sau y lại tới cửa hiệu, bước vào cửa không nói gì, móc một đồng bạc trong bọc ra ném lên quầy, khom lưng nhặt một viên gạch trên mặt đất, đập gãy hai cái quai bình cho vào bọc bỏ đi, cái bình cổ giá mươi đồng bị hủy, nhưng chủ hiệu sợ Chu Phúc Bảo nổi giận cũng không dám

lén tiếng đồi co⁽²⁹⁾.

3. Dám lêu lổng theo cợp làm ma trành

Nhàn hán (Kẻ lêu lổng), còn gọi là Miệt phiến, Du thủ, Tư ba, Nhàn tử, Nhàn nhân, Ngật bạch thực. Họ có quan hệ với chế độ dưỡng sĩ thời cổ ở Trung Quốc, có thể nghĩ rằng bắt đầu từ các thực khách thời Chiến quốc. *Sử ký, Mạnh Thường quân liệt truyện* chép đương thời Mạnh Thường quân "Có vài ngàn thực khách không phân biệt sang hèn". Trong các thực khách có đủ loại người, đã có những kẻ "Nghèo túng không thể sống nổi" mà "Xin tới làm thực khách dưới cửa"⁽³⁰⁾, cũng có "Mưu phu thuyết khách bàn trời chạm rồng, theo thuyết Kiên bạch", lại có "bọn múa kiếm nháy đinh trộm gà cắp chó", mà Tô Thức cho rằng đều là "Bọn gian dâm đục khoét nước nhà, đến nỗi dân làm sao chi trì nổi, mà nước làm sao chịu nổi!"⁽³¹⁾. Kết luận ấy không khỏi có phần quá vô đoán nhưng cũng không phải hoàn toàn vô lý, trong các thực khách quả thật cũng có trộn lẫn không ít "bọn vong mạng có tội", và những người tập nhiễm dù thói hư tập xấu của lưu manh. Có một số thực khách thậm chí còn dụ dỗ gian dâm vợ của chủ nhân, không những hạ lưu vô sỉ mà còn vong ơn bội nghĩa. Theo truyền thuyết, "Xá nhân của Mạnh Thường quân có người gian díu với phu nhân của ông. Có người nói với Mạnh Thường quân: Đã làm xá nhân của ông mà còn gian díu với phu nhân, cũng quá bất nghĩa, xin ông giết đi. Mạnh Thường quân nói: Thấy mặt mà ưa thích đó cũng là tình

(29) Từ Kha, *Thanh bị loại sao, Côn biến loài, Chu Phúc Bảo thực đại chân nhĩ*.

(30) *Chiến quốc sách*, quyển 11, *Tê nhán hữu Phùng Hoan giả*.

(31) Tô Thức, *Đông Pha chí lâm*, quyển 5, *Du sĩ thất chức chí họa*.

người, cái lối ấy xin đừng nói ra⁽³²⁾. Nhưng Mạnh Thường quân hoàn toàn không phải là một người nhu nhược không có huyết khí. Theo sử sách, có lần ông ta đi qua nước Triệu, người nước Triệu nghe đồn Mạnh Thường quân hiền tài thông tuệ, nhao nhao ra chiêm ngưỡng tôn nhan. Đến khi nhìn thấy đều không nhịn được phì cười nói vung với nhau "Tướng Tiết công nhất định phải là người thân thể khôi ngô hùng tráng, ai ngờ là một gà đần ông loắt choắt". Mạnh Thường quân thấy, "tức giận cùng tân khách xuống xe giết chết mấy trăm người, đốt cháy cả huyện rồi bỏ đi"⁽³³⁾. Mạnh Thường quân huyết khí phượng cương mà biết khách thông gian với vợ mình, tại sao lại không hỏi tới? Chỉ có một cách giải thích duy nhất, là bọn lêu lổng lúc bấy giờ đã trở thành một thế lực hung dữ, ngay chủ nhân là Mạnh Thường quân cũng có lúc không thể không nhường nhịn ba phần. Cái gọi là "Cái lối ấy xin đừng nói ra" chẳng qua chỉ là ông ta giả làm ra vẻ độ lượng, pha trò cho mình mà thôi.

Dựa vào quan lại, ôm chặt gối họ như chó trung thành với chủ, không tiếc sức hút mủ liếm trĩ, thậm chí bán cả lương tâm, bất kể đạo lý theo sự sai khiến của chủ làm những việc thương luân bại lý, hoặc vạch bày kế sách, giúp Trụ làm ác, đó là chỗ sờ trưởng của bọn lưu manh lêu lổng. Như gã Càn ô đầu Phú An trong *Thủy hử truyện*, vì việc chơi bời của Cao Nha nội, cưỡng gian vợ Lâm Xung, hăm hại Lâm Xung mà bày đủ mưu kế xấu xa.

Trong việc miêu tả đám lưu manh lêu lổng giúp kẻ ác, không gì hơn bài *Đảo thích* mà Ưng Bá Tước tự biên tự diễn trong *Tục Kim Bình Mai* hồi 45:

(32) *Chiến quốc sách*, quyển 10. *Mạnh Thường quân xá nhán hữu dữ quân chi phu nhán tương ái già*.

(33) *Sử ký*, quyển 75, *Mạnh Thường quân liệt truyện*.

*Tam cá dâm phụ bất tiêu thuyết
Đương thời hữu cá Ưng Bá Tước
Sa đường thiệt dầu loan loan chày
Đáo xứ hữu tha tháp thượng cước
Sào oa lý bang nhàn thuyết tha năng
Bang hổ ngặt thực nhán bất giác
Thiệt tiêm khẩu khoái lộng ngu nhán
Bối hậu khiêu thuân bả nhán thuyết
Ngoại danh xước hiệu Ưng Hoa tử
Quang côn hành lý thị cá trác
Nhất sinh ngặt đích Tây Môn Khánh
Đại sự tiêu sự bả tha thác
Ân nhán thân từ biến liễu tâm
Lão bà gia nhán vãng ngoại phát
Hồng trú quá phụ mại trang trạch
Lưu hạ ngàn tử lập văn ước
Nhất thiên văn tiền mại Hiếu Ca
Bất niệm tiền tình ba kiếm mạt
Vong ân phụ nghĩa hắc tâm tặc
Thiên lý nan dung na lý trước
Thê nhi lão tiểu tử cá tình
Hạt nhán khiếu hóa bả thư thuyết
Tam nhật bất đắc nhất đốn phạn
Nhán hoàn địa hắc tử tại bạc
Nhát khuông cốt dầu ối liễu lang
Cẩu dã bất ngặt hiềm tha ác
Ngã kim biên xướng khuyển thế nhán
Hữu học quang côn Ưng Bá Tước*
(Ba con dâm phụ không cần nói
Đương thời có một Ưng Bá Tước
Miệng lưỡi ngọt ngào môi cong cong
Khắp chốn có y theo đón rước
Trong hang động bọn nói y tài

Giúp cọp ăn thịt người không biết
Miệng mồm lanh lẹ lừa kẻ ngu
Sau lưng đâm thọc lời người khác
Ngoại danh xước hiệu Ưng Hoa tử
Trong đám quang côn tài giỏi nhất
Nhất sinh nương tựa Tây Môn Khánh
Việc lớn việc nhỏ đều cậy thác
Àn nhân vừa chết đã thay lòng
Vợ con già nhẫn đem bán tuốt
Dọa dẫm quả phụ bán nhà cửa
Tiền bạc lưu lại lập khoán ước
Một ngàn đồng tiền bán Hiếu Ca
Chẳng nghĩ tình xưa mặt dày thật
Vong ơn phụ nghĩa lòng xấu xa
Đạo trời khôn dung làm sao được
Vợ con già trẻ đều chết cả
Àn mày mắt mù kẽ chuyện trước
Ba ngày không được một bữa cơm
Mắt vàng đất đen chết bến nước
Một bộ xương tàn no sói lang
Chó cũng không ăn chê y ác
Ta nay biến xướng khuyên người đời
Đừng học quang côn Ưng Bá Tước)

Tên lưu manh lêu lổng Ưng Bá Tước cuối cùng bị mù, luân lạc làm ăn mày, lại bị Tây Môn Khánh sau khi chết thác sinh thành một con chó cắn đứt một miếng thịt đùi trái, máu tươi chảy đầm đìa, sau cùng thành ghe lan cá lên mặt, lúc ra ngoài ăn xấy chân chết đuối⁽³⁴⁾.

Trong *Thiên chấn hậu sử* của Phương Nhữ Học thời Minh, hồi 13 cũng có một đoạn khắc họa cực kỳ tinh tế về loại lưu manh lêu lổng giúp đỡ kẻ ác như sau:

(34) Đinh Diệu Cang, *Tục Kim Bình Mai*, hồi 45.

"Lang quán mặt trăng, học việc quấy rối, không lo sai đúng chỉ lo bạc tiền. Mặt như vỏ măng, lòng như bông hẹ, miệng như đường mật, lưng như không xương. Nói chơi gái thì vỗ tay, hân hoan bàn tối; bàn uống rượu thì xé dít, sot sắng ngồi trên. Gặp việc công chí Trương nói Lý; ra cửa quan nói Triệu theo Yên. Xử sự lập lờ quen theo lối tắt, nói năng bừa bãi tự thấy có duyên. Lúc tụ họp, ra giá bán muôn ngàn công đạo; nơi giao dịch, không chịu nhường một nửa đồng tiền. Bịa chuyện bắt gió đuổi bóng, làm việc trước nhớ sau quên. Hại người trong lòng chứa độc, dọa người trong bông giấu kim. Phụng thừa bọn tài chủ, hỏi này nọ, ôm đầu gối, vàng vâng dạ dạ; giao kết cửa ông chủ, lời thản thiết, gọi tên hiệu, bác bác em em. Loại người ấy như ăn mày đọc phở, cùng hưởng cuộc sống không ai cầu thúc tự tại thanh nhàn".

Đám lêu lổng trong tác phẩm văn học được miêu tả khá rõ ràng sinh động nhưng bon lêu lổng trong thực tế đời sống thật ra cũng hoàn toàn không thua kém.

Lý Thiệu Văn trong *Văn gian tạp thức* quyển 1 viết "Năm Nhâm thìn đời Vạn Lịch trong quận có đám đàn ông đàn bà lêu lổng, đàn ông như bọn Cù Diễn Tuyền, Chu Nghi Xuyên, Chu Lương Tễ, đàn bà như loại Ngô Đậu Bà, đều có thể làm mất tiếng tăm người ta, phá sản nghiệp người ta, quả thật là sáu mọt trong quận".

Những kẻ lưu manh lêu lổng nói trên trung thành với chủ, hèn hiếp người vô cô, bán rẻ lương tâm để vơ vét cái hay, rốt lại vẫn là vì ích lợi cho mình. Xuất phát từ chỗ cốt lõi này, họ có lúc để vơ vét thêm nhiều tiền bạc, bèn giăng bẫy, bẫy mê hồn trận, dụ dỗ một số chủ nhân ít lịch duyệt, không rõ thế tình mắc câu, đến nỗi táng gia bại sản. Đó là một bộ mặt khác của bọn lưu manh lêu lổng.

Diêu công tử ở phủ Ôn Châu Chiết Giang thời Minh, cha là Thượng thư bộ Bình, cha vợ họ Thượng Quan cũng là quan lớn. Gia thế giàu có, tích lũy cự vạn, Diêu công tử cha mẹ đều mất, lại không có anh em, một mình coi sóc việc nhà. Vợ là Thượng Quan thị tính tình mềm yếu rụt rè, không quản tới việc ngoài, công tử dậy nhả có tiền bạc, xa xỉ thành nếp. Một số bạn bè xấu xa tâng bốc y, dỗ dành y, nói "Tù xưa bậc anh hùng hào kiệt tất nhiên không màng tới chuyện làm ăn, hành sự khắng khái, không coi tiền bạc ra gì, chỉ ngồi ăn không, mới là kẻ sĩ kiệt hiệt". Công tử tâm tính thiếu niên, cho đó đều là lời bay, ghi nhớ trong lòng, tụ họp hai loại người bên cạnh, một loại là những người khéo bông đùa, mồm mép lanh lợi giỏi pha trò châm chọc, loại kia là bọn mạnh khỏe dũng cảm, vung quyền phóng cước tranh cường hiếu thắng, tự xưng là hào hán, gặp được càng thấy vui vẻ, nói tới đều là đúng ý, làm gì cũng có vẻ hơn người. Hai loại người này lại mời mọc bạn bè người tiến cử ta, ta tiến cử người. Bọn thiếu niên vô lại ở chợ búa cũng phần lớn theo về dựa dẫm, khoe khoang tài năng, vuốt ve nịnh nọt, cả trăm người ăn bám vào công tử, lấy tiền của công tử về nuôi gia đình, lại thâm tính toán, trăm mưu ngàn kế qua mặt để công tử mắc lừa. Bọn họ mua một hai mươi cỗ ngựa hay với giá cao gấp mấy chục lần giá chợ, ba bốn mươi bộ cung, lúc đi săn xéo nát lúa ruộng khoảng sáu mẫu, nhưng trước đó đã bàn với những nhà có ruộng, nâng cao giá đài công tử bồi thường, lừa công tử lấy tiền chia nhau. Lúc ấy Diêu công tử không có tiền, họ bèn dụ công tử bán ruộng, ngầm bàn với người mua trả rẻ, dùng đủ mưu kế để ép công tử. Tiền vừa tới tay, lại dụ dỗ công tử phung phí bừa bãi, minh thì nhân đó kiếm chác, một sớm công tử hết tiền, săn nghiệp bán sạch, trống tay rời, họ lại như chim sẻ bay tứ tán, không bao giờ tới nữa⁽³⁵⁾.

(35) Nhị khắc phách án kinh kỳ, quyển 22.

Thời Thanh cũng có một người con quan, gia tư cự vạn. Một số tên vô lại làm ra vẻ muôn phần thân thiết, dẫn dụ y chơi bời uống rượu đánh bạc. Không được vài năm, gia tài cự vạn tan tác không còn gì, ngay cả nồi gạo cũng không còn một hạt. Đến lúc ấy người con quan kia mới biết rõ tâm lý hiềm ác của bọn bạn tồi khách xấu kia, vừa tức vừa giận, lúc bệnh nặng nằm trên giường, nói với vợ "Ta bị đám giặc bọ kia lừa tới nước này, nhất định sẽ kiện dưới âm phủ", về sau bị chết đói⁽³⁶⁾.

Từ đó có thể thấy bọn lưu manh lêu lổng bình thường rất ít trực tiếp làm điều xấu, trên khuôn mặt xấu xa đều mang một cái mặt nạ che đi, nhưng về thủ đoạn đê tiện xấu xa so với bọn lưu manh khác thì chỉ có hơn chứ không có kém. Cố nhân có câu rất hay "Phàm bạn tồi khách xấu như kẻ đào hầm đợi thú, không rơi xuống không chịu dừng, như kẻ móc mồi câu cá, không cần câu không chịu thôi. Cho nên cõi dương có hình phạt công khai, cõi âm có báo ứng rõ ràng vậy"⁽³⁷⁾.

4. Bọn dâm côn phóng đăng dâm loạn

Từ xưa đến nay loại lưu manh phóng đăng dâm loạn có nhiều tên gọi như Dâm côn, Sắc lang, Dâm tặc hái hoa, Thâu hoa vân vân. *Tết Công truyện* hồi 10 có một đoạn có thể chỉ ra địa vị của bọn lưu manh phóng đăng dâm loạn "Hai người bọn ta đều là giặc, nhưng không phải là bọn dâm tặc hái hoa hạ tiện" bộc lộ rõ sự kỳ thị và khinh miệt đối với loại lưu manh phóng đăng dâm loạn. Có nhiều tên lưu manh trộm cướp thậm chí còn cho rằng lúc gây án mà gian dâm vợ con người ta là điều bất nghĩa, sẽ bị đạo trời soi tố, sẽ bị tru lục⁽³⁸⁾. Thật ra nếu lưu manh biết được thế nào là đạo trời soi

(36) (37) Ký Quân, *Duyệt Vi thảo đường bút ký*, quyển 7.

(38) *Thanh bị loại sao, Côn biến loại, Hoàng bác tử ty trọng tựu khinh*.

tô thì đã sớm không làm chuyện bậy bạ. Có điều cách nhìn ấy cũng phản ánh việc bọn lưu manh phóng dâng dâm loạn thông thường cũng bị những loại lưu manh khác khinh bỉ.

Loại lưu manh này hoặc nghĩ cách làm ô nhục, dụ dỗ cưỡng gian phụ nữ, cũng có loại nữ lưu manh tính tình dâm dâng, không kẽ liêm sỉ dụ dỗ đàn ông thông gian, hoặc đàn ông dụ dỗ đàn ông, đàn bà dụ dỗ đàn bà làm việc đồng tính luyến ái, thương phong bại tục không gì hơn thế. Theo cách nhìn của họ thì trật tự xã hội, tiết tháo đạo đức, quan niệm gia đình gì gì cũng có thể tùy ý chà đạp, tùy ý phá hoại.

Thời Minh trước miếu Ngọc Hoàng xứ nọ có một chiếc cầu Thông tiên, người tới thấp hương vào dâng hương ắt phải đi qua đường ấy. Bọn thiếu niên quang côn kết thành bầy đứng ở đầu cầu hoặc giữa cầu, thấy phụ nữ đi qua thì mắt nhìn ngó, tay chỉ trỏ, miệng phảm bình, không gì không làm. Lưu Siêu Thái con Quân môn đại sảnh Lưu Tá, một hôm dẫn hai ba mươi tên gia đình cùng vô số con em đi chơi, đứng ở trên cầu, thấy phụ nữ đi qua là quát mắng tiếng sấm lên vây chặt. Tên thì nói tóc đẹp, tên thì nói bàn chân đẹp, tên nói thoa phấn hơi nhiều, tên nói bôi dầu thơm quá ít, hoặc chê bai miệng rộng, hoặc bình phẩm mông to, sờ mó nắn bóp không thôi. Những cô gái bị vây chặt có thể dám giận không dám nói, nếu không biết thời vụ mà hơi tỏ ý phản kháng, bọn lưu manh sẽ sấn tới cởi hết quần áo, lột hõ giày tất, ngay cả tóc cũng bị nhổ trụi, còn đánh cho thừa sống thiếu chết⁽³⁹⁾.

Ngày 28 tháng tư năm Đồng Trị thứ 11 nhà Thanh (1872), hai tên vô lại thấy một phụ nữ xinh đẹp một mình vào miếu Thành hoàng ở Thượng Hải, bèn đuổi theo chọc ghẹo, cười đùa chỉ trỏ, lăng nhăng không thôi, lại đưa tay bóp vú nàng, làm chuyện sàm sỡ. Thiếu nữ cả kinh thất sắc, kêu lớn bắt giặc. Người đi đường nghe tiếng xúm lại, bắt hai tên

(39) Tây Chu Sinh, *Tinh thể nhân duyên truyện*, quyển 73.

vô lại đưa lên quan huyện⁽⁴⁰⁾. Dâm giờ trò đùa cợt khả ố, làm nhục phụ nữ giữa ban ngày ban mặt như thế, quả thật có thể nói là lòng hiếu sắc to bần trời, không kẽ liêm sỉ.

Dâm dâm côn không những chọc ghẹo phụ nữ, mà còn dụ dỗ để thông gian, cưỡng gian phụ nữ để thỏa mãn thú tính, hoạt động tội phạm về tình dục. Đậu Khai Sơn thời Thanh, nhũ danh là Nhĩ Đôn, cứ nửa đêm là vượt tường vào nhà người ta, cầm dao sấn thẳng vào phòng ngủ, bắt kế đàn bà già trẻ cũng đều gian dâm. Nếu có ai xinh đẹp Đậu Khai Sơn sẽ dùng chăn bọc lại vượt tường mang về nhà, gần sáng thì mang trả lại. Nếu cô gái bị gian dâm không cần thận tiết lộ gian tình, thì đêm sau sẽ bị y vượt tường vào bắt đi, không đưa trả y nữa⁽⁴¹⁾. Mô Giáp ở Hàng Thành, vốn vô hạnh, học được tà thuật, nghe nói cô gái họ Trần xinh đẹp, lại đang có thai, bèn giữa ban ngày mang theo ba người ngầm vào phòng thay phiên cưỡng gian khiến nàng bị truy thai⁽⁴²⁾.

Nếu người bị hại kiên quyết phản kháng, không chịu thỏa mãn thú tính của bọn dâm côn, chúng còn sử dụng hành vi của bọn ác thiểu cưỡng bức, nỗi giận đùng đùng, thủ đoạn hèn hạ, có lúc đạt tới mức như điên cuồng. Ví dụ như Hàng Châu thời Thanh có Tôn Tú Cô mười sáu tuổi, là con dâu được nhà họ Lý nuôi từ lúc nhỏ. Lý ông cùng con trai đi vắng, trong nhà chỉ còn có Lý bà lớn tuổi và Tú Cô. Nghiêm Hồ nhà láng giềng thấy Tú Cô xinh đẹp, mượn cớ qua xin lửa buông lời khêu gợi, bị Tú Cô cự tuyệt. Nghiêm Hồ không cam tâm, lại "Sai người tình là Mô làm mối câu, ưỡn eo làm duyên, làm kế khêu gợi". Tú Cô đem mọi việc kể lại với Lý bà, Lý bà tức giận chửi mắng Nghiêm Hồ. Nghiêm Hồ căm giận, cũng chửi lại "Con nữ nò không biết xấu tốt, ta không

(40) *Thán báo* ngày 29 tháng 4 năm Đồng Trị Nhâm thân.

(41) *Thanh bị loại sao, Dao tac logi, Đậu Khai Sơn đao phụ nữ*.

(42) Du Việt, *Hữu Dài tiên quán bút ký*, quyển 7.

ngủ được với người thì không thôi đâu!". Rồi sáng chiêu cứ ném đá liệng gạch vào nhà để quấy nhiễu, nhà họ Lý vốn nghèo, tường vách mỏng yếu, lại không có thân thích bạn bè gì, Nghiêm lại là kẻ vô lại, lảng giềng cũng không dám ra mặt can thiệp, hai mẹ con chỉ còn cách nhìn nhau khóc lóc. Một hôm Tú Cô dậy sớm chải đầu, Nghiêm Hồ và người tình trèo lên nóc nhà, "Cởi hết quần chìa dương vật cho xem" để làm nhục, chọc ghẹo Tú Cô. Tú Cô chịu không nổi việc bị loại người này làm nhục, lại không có cách nào cắt đứt sự lăng nhăng của chúng, bèn ngầm dùng kim may kín áo trong áo ngoài, chồng chồng lớp lớp bó chặt, nuốt muối sống mà chết. Người mẹ chồng khóc lóc muốn tố cáo lên quan, nhưng ngay cả người viết cáo trạng giùm cũng không có ai⁽⁴³⁾.

Trong bọn dâm côn còn có một loại đàn ông chuyên môn cải trang làm đàn bà, công nhiên ra vào khuê các, gian dâm phụ nữ. Phụ nữ thấy tóc dài áo đỏ, cùng ở một chỗ cũng không đề phòng, thậm chí còn chủ động mời chúng nằm chung giường, đắp chung chăn, đến nỗi khiến chúng rất dễ dàng thành công. Sau khi việc phát giác ra, người bị hại phần lớn là khuê tú nhà đại gia, chỉ sợ người ta đồn ra thì mình sẽ mất hết thanh danh, không còn mặt mũi nào nhìn thấy ai, nên không những không dám làm ầm lên, mà ngược lại còn tìm đủ cách để bảo vệ cho chúng. Loại dâm côn này hiểu sâu tâm lý ấy của phụ nữ, nên ép họ phải giữ quan hệ lâu dài với mình, biến họ thành công cụ để thỏa mãn dục vọng.

Càng đáng sợ hơn, là loại lưu manh vô sỉ này có lúc còn dụ dỗ gian dâm với thê thiếp của cha mình, cưỡng gian con gái ruột hoặc con dâu, quả thật không còn gì đê tiện hơn, việc làm như cầm thú.

Theo *Tùy sử*, Vũ Văn Hóa Cáp truyện, thì Vũ Văn Trí

(43) Viên Mai, Tân Tè hài, quyển 15, Hộ hương nhị tác.

Cập lúc trẻ bướng bỉnh hung dữ, thích đánh nhau, những người y giao thiệp đều là bọn bất lương, cùng nhau đá gà đi săn, và lại còn "Chung dâm xú uế không gì không làm". Thế nào gọi là "Chung"? *Tả truyện*, *Hoàn tháp lục niên* chép "Vệ Tuyên công chung Di Khương, sinh Cáp Tử". Chú "Di Khương là thứ mẫu của Tuyên công". Vì thế cái gọi là "Chung", theo nghĩa thông thường là chỉ việc thông gian với những người thuộc hàng mẹ mình. Cho nên vợ Trí Cập là Trường Tôn ghen tuông tố cáo với cha Trí Cập là Thuật, Thuật nể mặt con trai mà che giấu nhưng rất tức giận, tìm cớ khác trị tội, đánh đập rất nặng, lại mấy lần muốn giết y.

Thời Thanh trong thành Sơn Dương ở Thiểm Tây có Triệu Thành, vốn là kẻ vô lại, càng già càng hung ác vô sỉ. Muốn cưỡng gian con dâu, nhưng con dâu không chịu, Triệu Thành cầm dao bắt ép. Người con dâu bất đắc dĩ phải nghe lời, nhưng trong lòng quả thật không muốn, ngầm bàn với chồng là Triệu Hữu Lượng dời ra ở nhà người bà con bên ngoại là Ngưu Diên Huy ở cách đó ba mươi dặm để khỏi bị Triệu Thành quấy rầy. Qua hơn một tháng, Triệu Thành nghe tin tìm tới đó, lại muốn cưỡng gian con dâu, nhưng vì con trai là Hữu Lượng ở bên cạnh, khó mà hạ thủ. Triệu Thành biết người láng giềng là Tôn Tứ tính tình hung ác, lại có sức khỏe, người cả thôn đều sợ như cọp, bèn tới bàn với y giết Ngưu Diên Huy để chia tài sản. Tôn Tứ lúc đầu không chịu, Triệu Thành lại nói "Con dâu ta rất đẹp. Nếu ngươi giúp ta giết được Ngưu Diên Huy, vu tội cho Hữu Lượng, Hữu Lượng bị bắt, ta sẽ giao con dâu cho ngươi làm vợ". Tôn Tứ động tâm, ban đêm cùng Triệu Thành cầm dao vào nhà họ Ngưu, giết sạch cả nhà, kể lên báo quan, nói là do Hữu Lượng giết⁽⁴⁴⁾.

Triệu Thành cưỡng gian con dâu đã là rất vô sỉ, khi

(44) *Tục tử bắt ngũ*, quyển 6, *Triệu Hữu Lượng cung hình*.

cảm thấy sự tồn tại của con trai đã trở thành chướng ngại vật của mình lại vu cáo con giết người, nhất định đẩy con vào chỗ chết, nói ra quả thật cũng khiến người ta khó mà tin được.

Bọn lưu manh phóng dăng dâm loạn còn đem con gái ruột của mình làm đối tượng thỏa mãn dục vọng, dùng bạo lực để thi triển dâm uy.

Theo *Kim sử*, quyển 97 *Khổng Nhan Chu*, Nhan Chu tự Cự Tế, lúc trẻ vô lại vô hạnh, không lo làm ăn, nhiều lần trộm cướp phạm tội, sau phát tích lẩn tới Thượng thư bộ Công, bộ Bình, Hà Nam doãn, được phong Quảng Bình quận vương, địa vị thay đổi nhưng tính nết lưu manh vẫn không hề thay đổi, sử nói "Đắm chìm vào sắc đẹp, có hành vi cầm thú. Người thiếp sinh được con gái đẹp, Nhan Chu đổi xử tàn ác với người mẹ, bắt nói đó không phải là con gái của mình rồi nạp làm thiếp. Các quan lại thuộc cấp muôn mượn tiền công thì tư thông với vợ họ mới cho phép".

Có điều ngàn vạn lần không nên cho rằng loại lưu manh phóng dăng dâm loạn đều là đàn ông. Trong thực tế đời sống còn có loại nữ lưu manh dâm dăng, chuyên dẫn dụ đàn ông làm việc dâm loạn. Nhân vật "Cô Đa" vợ Đa Quan nhi đầu bếp phủ Vinh Quốc trong *Hồng lâu mộng* là một nữ lưu manh loại này. Cô ta tính khinh bạc, chỉ cần cho cô ta tiền là có thể tùy ý đưa giỡn, vì thế người trong hai phủ Ninh Vinh phần lớn đều thông gian với cô ta. Cô ta thấy Giả Liễn vì con gái bị đậu mùa, sau khi cúng Đậu chẩn nương nương bèn ra thư phòng nghỉ ngơi, không có việc gì cũng ra vào ba bốn lần, khêu gợi khiến Giả Liễn thèm thuồng như một con chuột đói. Vừa nghe Giả Liễn gọi vào hứa cho vàng lụa, lập tức đồng ý đưa thân xác của mình ra bán.

Hoạt động tính dục bừa bãi của bọn dâm côn, trong đó còn có một loại là đồng tính luyến ái, kê gian, làm bại hoại

phong khí đạo đức xã hội.

Thời Thanh, ở kinh thành có một phú ông là Phan Kỳ Quan, hơn bốn mươi tuổi, dáng người tuy rất xấu xí nhưng gia tài có hàng trăm vạn, mở ba nhà Tiền trang, hai hiệu cầm đồ, một cửa hàng bán hương liệu, quyên được một chức quan lục phẩm. Phan Kỳ Quan là một con quý hiếu sắc, lại rất thích nam sắc, thấy đứa nhỏ sai vật trong cửa hiệu của mình là Hứa Lão Tam mới mươi tuổi nhưng mặt mũi sáng láng liền muốn dan díu với nó, nhưng dù dỗ nhiều lần đều bị cự tuyệt. Vì vậy y bèn nhân ngày rằm tháng giêng, đám người làm đều về nhà ăn tết liền chuốc rượu cho Hứa Lão Tam rồi cưỡng gian, lại nhặt tóc vụn trong hiệu cắt tóc cho vào hậu môn nó, về sau ngứa ngáy không thôi, sẽ chủ động tìm tới nài nỉ mình. Hứa Lão Tam tỉnh lại, biết mình đã bị gian dâm nhưng nghĩ tới thể diện không dám làm ầm lên, ngoan ngoãn tuân theo, từ đó lại bị mắc bệnh ngứa ngáy không thôi, không sao sinh hoạt, lao động bình thường⁽⁴⁵⁾.

Lại có Thường công tử trong kinh, mùa xuân lên Phong Đài thưởng hoa, lúc về nhà thì trời đã tối, trên đường đi gặp ba tên lưu manh, bọn họ thấy công tử mặt mày tuấn tú, bèn buông lời chọc ghẹo, lúc đầu thì kéo áo, kế là hôn hít, cuối cùng "Cởi dây lưng trói chân tay công tử, cởi hết áo quần, hai tay đập trên lưng, một tay cởi quần, đè lên móng cương hiếp"⁽⁴⁶⁾.

Vì có bọn lưu manh ác bá thích nam sắc, nên có bọn lưu manh dùng nam sắc làm vốn, chuyên làm việc dãy dụ khêu gợi đàn ông, để lại một trang cực kỳ xấu xa trong lịch sử lưu manh Trung Quốc.

Loại người chuyên môn buôn bán nam sắc này ngày xưa gọi là Long Dương, vốn lấy tích từ *Chiến quốc sách*,

(45) Trần Sâm, *Phẩm hoa bảo giám*, quyển 40.

(46) Viên Mai, *Tân Tề bài*, quyển 6, *Nghĩa khuyển phụ hồn*.

Ngụy tử. Ngụy vương và Long Dương quân ngồi chung thuyền câu cá, Long Dương quân câu được hơn mươi con cá thì sa nước mắt. Vua hỏi "Tại sao ngươi khóc?". Long Dương quân nói "Thần khóc vì những con cá câu được. Đầu tiên câu được cá, trong lòng thần mừng rỡ, về sau câu được con khác lớn hơn thì lại muốn vứt con nhỏ đi, theo lý mà suy thì thần xấu xa thế này lại may mắn được dọn dẹp giường chiếu cho đại vương, mà trong bốn biển người đẹp rất nhiều, biết thần được may mắn cũng nhất định sẽ tới phụng thừa đại vương. Như thế thì thần cũng như con cá nhỏ câu được lúc đầu, sẽ bị ném đi, làm sao không khóc?". Ngụy vương vì thế ra lệnh trong cả nước, có ai dám nói tới người đẹp sẽ bị giết. Chú: Long Dương quân là kẻ hạnh thần. Bão Bưu nói là hạnh cớ chứ không phải là hạnh thần.

Về sau ở Trung Quốc qua các đời có nhiều người làm Long Dương.

Có Chư Muội Tử, lúc trẻ là kẻ vô lại, rượu chè cờ bạc đến nỗi ngày càng khốn cùng, không sao sống nổi, chỉ dành "lấy sân sau để dẫn dụ đám thiếu niên ở chợ búa tới chơi. Năm hai mươi lăm tuổi nhan sắc sút kém, mọi người đều bỏ rơi, nhưng vẫn uống rượu cờ bạc như cũ, không bao lâu chỉ còn học việc đào tường khoét vách"⁽⁴⁷⁾. Chư Muội Tử từ chỗ là kẻ vô lại trở thành người chuyên môn "lấy sân sau để dẫn dụ đám thiếu niên ở chợ búa", lại trở thành kẻ đào tường khoét vách, hoàn toàn không có chỗ nào đặc biệt khiến người ta phải kinh ngạc, đều là những hoạt động và thủ pháp thông thường quen thuộc của bọn lưu manh mà thôi.

Sau cùng còn một vấn đề phải nói, là có một số lưu manh đã làm Long Dương quân kê gian với người khác lại thừa cơ gian dâm phụ nữ, trở thành kẻ vô sỉ trong cả hai môn. Vương Đại Quan thời Thanh, khoảng mươi bảy mươi

(47) Tuyên Định, *Dạ vū thu đăng lục tục tập*, quyển 2, *Mộc hàn đồng*.

tám tuổi, tướng mạo tuấn tú, dùng tài nghề Long Dương tiến thân với Ngụy Hoàng, nhưng hàng ngày vẫn ngầm ngầm dòm ngó vợ con của Ngụy Hoàng. Về sau y học trộm được phép thuật của Ngụy Hoàng dụ dỗ giàn dâm con gái và vợ Ngụy Hoàng, sau đó bỏ trốn⁽⁴⁸⁾.

5. Bọn con bạc mở sòng sát phạt

Cờ bạc là một hiện tượng xã hội xấu xa phổ biến thời trước, bị người ta gọi là nguồn gốc của muôn tội ác, nhiều lần cấm mà không dứt được. Bọn con bạc gọi là Đỗ đỗ, Đỗ côn. Tương truyền Ô Tào là người đầu tiên sáng chế ra trò đánh bạc. *Thể bản* nói: Bề tôi của vua Kiệt nhà Hạ là Ô Tào chế ra trò đánh bạc. *Thuyết văn* nói: Bạ là trò chơi có sáu thẻ mười hai thanh do Ô Tào thời cổ chế ra⁽⁴⁹⁾. Bạ là chữ Bác thời cổ. Dĩ nhiên người đánh bạc không nhất thiết là lưu manh, nhưng trong đó quả thật có không ít kẽ dự vào việc kinh doanh sòng bạc, lấy chuyện cờ bạc để sinh sống, lấy cờ bạc để lừa đảo làm điều bậy bạ - chúng ta gọi chung loại người này là con bạc.

Mở chỗ chứa bạc, bày sòng mời gọi con bạc là một trong những phương thức hoạt động chủ yếu của bọn lưu manh tham gia cờ bạc các đời. Từ thời Tống, ở Cù Châu đã có một người tên Chi Ất mở ra một sòng bạc, đương thời gọi là Cự phường, lấy vợ làm mối câu, tụ họp con bạc, bị người ta gọi là "Khi biển uyên tầu" (Vực lừa đảo)⁽⁵⁰⁾. Ở Hàng Châu là trung tâm chính trị của nhà Nam Tống cũng có một số con bạc bày ra Quỹ phường đánh bạc, chuyên chiêu tập bọn du

(48) Nhàn Trai thị, *Dụ dâm tùy lục*, quyển 1, *Ngụy Hoàng*.

(49) Chữ Ô Tào các bản *Thuyết văn* đều chép là Ô Trụ, đây theo *Thuyết văn giải tự chú* của Đoàn Ngọc Tài.

(50) Phiên ty lý tự, *Nhân đỗ bạc tự ái*, *Danh công thư phán thanh minh tập*, quyển 14, *Trứng ác môn*, *Đỗ bác*.

thủ du thực hoặc kẻ ưa đánh bạc⁽⁵¹⁾. Ngoài thành Giang Tô lại có Tiếu Trương Át dỗ phòng, ngoài chủ nhân là Tiếu Trương Át, còn phối hợp đặt thêm các loại người như Thảo đầu, Thập tiền, Bả mòn tới đối phó với các con bạc cướp tiền, chơi quyt⁽⁵²⁾. Từ những ví dụ trên dù thấy tình hình chung về con bạc và sòng bạc thời Tống. Thời Minh Thanh cũng không thiếu bọn con bạc lưu manh mở nơi chứa bạc để kiếm tiền. Như đám Hỗn hỗn nhí ở Thiên Tân, chủ sòng thường chọn Hỗn hỗn nhí làm nhà cái, sai bọn đánh mướn giúp đỡ là lập tức thành sòng bạc. Trong đó Áp bảo, Bài cẩu, Gieo xúc xác thu lợi là nhiều nhất, mỗi ngày có thể thu được hàng trăm hàng ngàn quan. Ngoài một phần trả lương cho những người chấp sự còn có một món thu nhập lớn, không sợ gì chủ sòng không có tiền ăn. Chỉ có điều đối với quan lại thì phải tùy thời thù ứng, lễ tết biếu xén này nọ thì có thể bình an vô sự, còn gấp lúc có chuyện lôi thôi thì bọn đánh mướn của mình cũng có thể ứng phó⁽⁵³⁾.

Ở Thượng Hải cũng sớm có lưu manh mở chỗ chứa bạc. *Thượng Hải huyện chí* đời Gia Khánh chép "Bọn phỉ đồ tập hợp đám lưu manh, mở sòng bạc, lừa tiền của. Những binh lính coi thường luật pháp trong doanh, lại vì lợi câu kết mà bọn trộm cướp càng đông". Cái gọi là phỉ đồ ở đây là chỉ bọn lưu manh vô lại. Có tư liệu chứng minh vào cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc bọn lưu manh nước ngoài tới đất Hộ (Thượng Hải), ngoài việc đánh bạc trong các tổng hội ngoại quốc còn lập ra các loại sòng bạc. Ví dụ có người mang quốc tịch Bồ Đào Nha vì không có Lãnh sự quản thúc, họp thành một đoàn thể xấu xa mở ra "nhà 13A" trên đường Bảo Sơn, tục xưng là sòng bạc "13 ái" là nơi đầu tiên đưa lối đánh

(51) Tứ Thủy Tiềm phu, *Nam Tống thị tứ kỷ*, *Thuyết phu*, quyển 60.

(52) *Thủy hử truyện*, hồi 38.

(53) *Cựu Thiên Tân dịch hỗn hỗn nhí*, *Văn sử tư liệu tuyển tập*, quyển

bạc bi da vào Thượng Hải.

Nhưng hoàn toàn không phải tên lưu manh nào cũng mở sòng bạc, vì thế có một số lưu manh lại sống chết quấy rối, vào sòng bạc đòi hỏi hạch sách, ngược lại có một số lưu manh được sung làm anh chị bảo vệ sòng bạc, đối phó với kẻ cướp tiền chơi quyt, từ đó tìm được tiền bạc, đúng là ngũ hoa bát môn, không loại nào không có.

Lấy bọn Hỗn hỗn nhi ở Thiên Tân làm ví dụ. Sòng bạc mở ra, có thể nói là Ngày vào đấu vàng, tự nhiên có rất nhiều người hâm mộ. Nhưng muốn dây phẫn vào đó cũng không phải dễ. Ất phải đơn thân độc mã xông vào sòng bạc đại náo một trận. Phương thức phương pháp đều không giống nhau, có kẻ đến lúc ấy thì dựng mày trợn mắt, ngoác mồm chửi lớn đòi giao sòng bạc lại cho y làm vài hôm. Người chủ sòng thấy tai họa đã tới, bước ra ứng phó, nói không được đôi ba câu, đôi bên trở mặt, một lệnh ban ra, bọn đánh mướn rút búa ra đánh nhau. Người tới cũng phải lập tức ngã xuống. Ngã xuống cũng có tư thế nhất định: trước tiên chắp hai tay lại ôm chặt gáy, hai khuỷu tay che kín huyệt Thái dương, hai đùi kẹp chặt che kín hạ bộ, nghiêng người ngã ra. Lúc ngã thì lăn ra chặn ngang cửa, không được nằm dọc. Đó là quyết ý cho đánh chứ không nhường đường cho người trong sòng bạc. Nếu quả nhất thời vội vàng ngã sai kiểu, chủ nhân sẽ mượn đó xuống thang, nói rằng y yên tâm nhường đường, không phải tới đây gây sự, buông lời châm chọc chứ không đánh. Như thế sẽ thành thế giằng co, người tới làm ầm suông một trận không có cách nào bỏ đi, kết quả là chỉ mất mặt mà thôi, đã không đạt được mục đích còn mang tiếng xấu. Nằm ngang ra cửa xong, lại không ngừng chửi mắng cho đối phương xúm lại đánh bốn phía. Thật ra chỉ có thể đánh ba phía, đánh phía trước mặt dễ gây nguy hiểm, đã không phải thâm cùu đại oán thì không ai muốn gây ra án mạng, vì thế thì không thể mở sòng bạc được nữa. Lúc đánh thì trước

tiên đánh vào hai bên sườn, kế đánh vào lưng. Đánh tới mức dở sống dở chết, chủ sòng bèn ra lệnh “Nhẹ tay thôi! Thế đủ rồi”. Đám đánh mướn lập tức dừng tay, chờ xem xử lý. Có người bước qua hỏi tên họ kẻ bị thương, băng bó, đưa vong hoặc cánh cửa tới, trên phủ chăn bông đỏ, nhẹ nhàng khiêng người bị thương đi, đắp chăn tử tế, đưa về nhà trị thương dưỡng bệnh. Chủ nhân lê phép đích thân tới thăm bệnh, ngọt ngào an ủi, lúc ấy đổi căm ghét thành thân thiết, đưa tới không ít tiền bạc lễ vật. Đó chính là câu tục ngữ ở Thiên Tân thường nói “Không đánh thì không quen”. Sau khi chữa khỏi thương thế, qua người trung gian nói mỗi ngày do sòng bạc tặng một hai quan tiền, chỉ cần sòng bạc tồn tại một ngày, không bị mưa gió trở ngại thì tiền bạc không thiếu, hoặc tự tới lấy hoặc có người đưa tới, gọi là Đòi tiền treo (Nā quái tiền), tiếng lóng của giang hồ gọi là Đòi vòng lông (Nā mao diền). Từ đó trở thành bạn tốt, người kia tính ra cũng đã có sự gia tăng về thu nhập, lại có thể yên ổn mà hưởng thụ. Nếu lúc bị đánh lại kêu đau thì không những bị đánh no đòn mà còn phải chịu thiệt, tự mình bò về, cũng kể như xong. Lúc bấy giờ có rất nhiều người chưa từng trải vừa ra khỏi lều tranh, khinh suất hành động, đành phải mất mặt trở về.

Còn có bọn côn đồ dùng cách khác: vào cửa rồi không động thanh sắc, tới trước bàn đánh bạc dùng dao cắt một miếng thịt đùi của mình đặt cược thay tiền bạc. Có khi nhà cái làm ra vẻ không thấy, lúc chung tiền theo định lệ đưa gấp ba lần. Như thế thì không dễ kết thúc, đôi bên tạo thành thế giằng co. Phải do người khác bước qua, vẻ mặt tươi cười ngọt ngào khuyên bảo, kết quả vẫn phải Cấp tiền treo (Cấp quái tiền). Nếu không may người cắt thịt thua, nhà cái cầm miếng thịt bỏ đi cũng không dễ hạ đài. Đôi bên chỉ còn cách theo đòn sinh sự, tiến tới khiêu khích, không tránh khỏi một trận đánh nhau. Nếu gấp con bạc biết chuyện vội bước lên cười nói “Băng hữu, chuyện này không đáng gì...”, rồi nói với đầy tớ

"Mau rịt thuốc cho băng hữu đây". Sẽ có người cầm ra một nắm muối rắc lên vết thương, lúc ấy nếu người kia vẫn cười nói như thường, không có vẻ đau đớn, thần sắc thần nhiên thì át có người tới khuyên giải, kết quả cũng có thể lấy được tiền hàng ngày. Tóm lại nếu không gây ra chuyện thì không xong. Còn đến khi thỏa thuận được, lại trở thành bạn bè thân thiết, chính là câu tục ngữ vẫn nói "Hảo hán tiếc hảo hán".

Còn như tập thể gây chuyện thì phải dắt một bọn, phao tin cả bọn kéo tới. Trong sòng bạc đã có phòng bị, đôi bên sẽ thành một trường ác chiến. Chỉ xem kết quả ra sao, bên thua rút lui, bên thắng chiếm cứ, cũng chính là nói kẻ thua không còn có thể đặt điều kiện, cắm đầu bỏ chạy không hề ngoại lai. Nếu không phân thắng phụ, át phải qua người ngoài giảng hòa, sòng bạc trở thành của chung, cùng nhau hợp tác, thu nhập chia đôi⁽⁵⁴⁾.

Bấy giờ bàn tới việc lưu manh làm một con bạc đánh bạc ra sao. Lưu manh tham gia cờ bạc, phần lớn là bày mưu tính kế, tiếng là cờ bạc nhưng thật ra là lừa đảo, cướp bóc. Từ Thủy Tiềm phu thời Tống đã sớm chỉ ra điểm trí mạng "Vở đánh bạc", "Lấy việc cờ bạc, đánh nhau, kết bè đảng để lừa lấy tiền bạc"⁽⁵⁵⁾, chỉ rõ sự khác biệt giữa lưu manh và con bạc.

Nói cụ thể, lúc bấy giờ Chi Ất ở Cù Châu mở sòng bạc, lấy vợ làm môi cầu tụ họp con bạc, kết bọn lừa đảo. Đêm 16 tháng nhuận năm nọ, Trịnh Trù Tư rủ Lục Chấn Long tới đánh bạc. Chi Ất và Trịnh Trù Tư, Dương Bài Quân bàn bạc xong, đem xúc xắc ra chơi, "Suốt hồi lâu bọn Dư Tế gieo hai con xúc xắc như ý, cứ gieo ra mặt sáu, hoặc người xuống bài

(54) Lý Nghiên Tê, *Cự Thiên Tân đích hồn hồn nhi, Văn sử tư liệu tuyển tập*, quyển 47.

(55) Tú Thủy Tiềm phu, *Nam Tống thị tứ kỷ, Thuyết phu*, quyển 60.

kêu lên làm hiệu, không cho Lục Chấn Long xuống bài, khiến Lục Chấn Long thua hơn 250 quan mang theo", Lục Chấn Long thua nhiều quá muối gõ vốn, canh hai về lấy tiền nhà 156 quan lại đánh bạc với bọn Dư Tế, Chi Át lại mang xúc xác ra đánh "Bọn Dư Tế thường gieo được mặt năm mặt sáu, cùng lừa Lục Chấn Long. Lục Chấn Long thua sạch tiền mang theo, lại rút 35 quan ngân phiếu trong người ra đánh, không bao lâu lại thua sạch, lại thiếu 20 quan ngân phiếu, đến nỗi cởi trần về nhà. Vì thua quá nhiều, lại bị Chi Át đòi nợ ráo riết, không còn đường nào thoát thân, Lục Chấn Long chỉ còn cách treo cổ tự tử"⁽⁵⁶⁾.

Lưu manh lừa dối người máu mê cờ bạc, thường dùng cách "Muốn bắt thì thả". "Lúc đầu vào sòng, ắt để người kia thắng, ba người đều rút tiền mặt ra trả. Qua hai ba ván thì người kia có thắng có thua, nếu người kia thắng thì ba người trả tiền, không để y nghi ngờ. Hồi lâu ba người sẽ dùng hết sức sự tử bất thỏ, tập trung lột tiền người kia, người kia thua liên tiếp, tính lại cạn túi, không đủ tiền mặt, có khi viết giấy nợ ngay trên sòng hoặc về nhà lấy tiền, nếu có thì nhất định sẽ thua nhiều hơn". Ngoài ra trong thuật ấy còn có "các kiểu Phiên thiên ấn, Đảo thoát hài". Năm Tân sửu đời Quang Tự, "Vương Thọ Khanh người Sơn Âm buôn bán tới đất Hè, từng bị lừa gạt, không đầy ba tháng mất sạch toàn bộ tiền bán hàng 3.800 lượng bạc".

Con bạc đánh bạc, làm bại hoại phong tục, tạo ra hậu quả nghiêm trọng. Người thời Tống đã chỉ rõ "Trên đời có bọn ác thiếu vô lại, bừa bãi bất sính, nhỏ thì cờ bạc, lớn thì trộm trâu ngựa đúc tiền giả, công nhiên không sợ sệt. Kẻ thua bạc không có gì trả, ắt đào tường khoét vách. Nếu bè lũ

(56) Phiên ty lý tự, *Nhân đồ bạc tự ái, Danh công thư phán thanh minh tập*, truyện 14 Trùng ác môn, Đồ bác.

đông hơn thì đi ăn cướp, phóng hỏa cướp của giết người”⁽⁵⁷⁾. Thời Minh cũng thế “Bạn quang côn lêu lổng đánh bạc, nhô thì được ăn uống, lớn thì lấy tiền bạc”⁽⁵⁸⁾. Một sờm bị thua, túng quẫn không còn gì thì đem vợ làm tiền đánh bạc. Mô Giáp ở Hàng Châu thời Thanh đánh bạc thua sạch tiền bạc trong nhà, bèn đem vợ đặt bạc. Trước khi vào sòng, mày lần cầu khẩn mong được thắng, ai ngờ vừa gieo xú xác là thua. Vừa khéo có Mỗ Ất ở Nghiêm Châu đi buôn tới thành Hàng Châu, muốn cưới một người vợ, đã thỏa thuận bỏ ra 80 lượng vàng cưới cô ta. Hôm cưới Mô Giáp tới, người vợ lừa Mỗ Ất nói “Đây là anh tôi” lúc đi ngủ Giáp lên giường nằm trước, Ất nhìn thấy cả giận, hỏi muốn làm gì. Giáp thản nhiên nói “Cô ta vốn là vợ ta, người cướp trong tay ta, còn muốn làm nhục ta, ngày mai sẽ đi báo quan xử trị”. Ất nghe thấy cả kinh, vội bỏ trốn⁽⁵⁹⁾. Việc làm của Giáp quả thật khiến người ta vừa tức giận vừa buồn cười.

Các triều đại ở Trung Quốc đều có lệnh cấm đánh bạc, nhưng hiệu quả thu được rất ít. Bạn lưu manh con bạc đều là loại người quen thói làm điều bậy bạ, đều có cách đối phó, về cơ bản không hề sợ lệnh cấm của triều đình. Theo sử sách, Diêu Tứ Bảo thời Thanh từng làm Tri huyện Ba Lăng Hồ Nam, về sau có tội bị cách chức, sinh sống bằng nghề cờ bạc. Y thạo cách đánh bạc, mỗi khi tới sòng đám con bạc đều đánh theo y. Chủ sòng khổn khổ quá, xin y không cần tới nữa, mỗi tháng biếu y ngàn vàng. Một hôm Tứ Bảo đánh bạc ở sòng nọ bị nha môn bắt, cùng bị giải tới nha môn Đề đốc. Đám công sai vô ý hạch sách Diêu, khi đám con em nhà giàu đã đút lót xong, bèn mở tiệc ăn uống, Tứ Bảo ngồi đó, giả say nằm ngủ. Không bao lâu mọi người thắp đèn ra về, y vẫn còn ngủ say, lại ngáy ồ ồ. Một người công sai vỗ vai y nói “Dậy đi, về được rồi”. Diêu nói “Về đâu?”. Người công sai đáp “Họ

(57) (58) Điền Nghệ Hành, *Lưu thanh nhật trát*, quyển 3, *Đỗ bác*.

(59) *Thanh bị loại sao, Đỗ bác loại, Mô Giáp dĩ thê tác đỗ chú*.

về rồi, ngươi cũng về nhà đi thôi". Diêu nói "Lúc các ngươi bắt ta, đã nói là sáng ra mới thảm vấn bọn con bạc. Ta là con bạc đây! Để sáng mai thẩm vấn ta sẽ khai với các quan về việc hôm nay các ngươi ăn hối lộ!", người công sai nói "Thật ra ngươi muốn gì?". Diêu nói "Việc công phải theo phép công, theo lý là thế". Người công sai định quát tháo, Diêu lại lớn tiếng "Các ngươi có nghe đại danh Diêu Tú Bảo chưa? Bọn chuột nhắt vô danh lai dám thế à! Sáng mai trưởng quan tới, ta sẽ kêu oan", người công sai cả sợ, đành đưa tiền cho y⁽⁶⁰⁾. Loại mặt dày như Diêu Tú Bảo thì đám công sai không biết đối phó thế nào, chỉ đành cúi đầu chịu thua.

Phát triển đến sau, bọn lưu manh thậm chí còn công nhiên vô trang chống lại lệnh cấm cờ bạc, tấn công binh lính trước. Năm 1897, có một gã đầu mục lưu manh người Quảng Đông, giỏi võ nghệ, từng tàn nhẫn móc hai mắt đổi phương, sau khi tới Thượng Hải chiêu mộ bè lũ người Quảng Đông tổ chức thành tập đoàn cờ bạc, hàng ngày hội họp đánh bạc ở miếu Cao Xương, ngoài cửa đặt trạm canh gác và bọn đánh mướn để đề phòng chuyện bất trắc. Năm 1874 bọn lưu manh cờ bạc ở đê Lục Lý tại Kim Sơn dựng 60 gian nhà tranh họp con bạc sát phạt nhau, lúc ty Tuần kiểm đem binh lính tới bắt, bọn con bạc trước tiên đốt nhà làm rào cản, sau đó cầm binh khí đánh 60 tên lính chạy tán loạn⁽⁶¹⁾.

6. Bọn thây kiện âm hiểm gian trá

Thây kiện (tụng sư) còn gọi là Tụng côn, Tụng quý, Chàng côn, Hoa quý, Hoa đồ, hàng ngày nhàn tản trong xã hội, không lo làm ăn chính đáng, làm điều bậy bạ. Loại người này không có gan như bọn hào hoạt xưng bá một phương,

(60) Tiều Hoành Hương thất Chủ nhân biên, *Thanh triều dã sử đại quan*, quyển 12, *Thanh nhân thuật dị*, Đỗ côn Diêu Tú Bảo.

(61) *Thân báo* ngày 25. 4. 1874.

cũng không muốn hút mủ liếm trĩ, dựa vào chủ nhân như đám vô lại lêu lổng, mà có một đặc điểm rõ ràng là đầu óc đặc biệt nhanh nhạy, quỷ kế cũng nhiều, lại có học biết chữ, sở trường chuyện bút mực, từ đó chuyên "Giở mưu thắn kế quý khích bác chuyện kiện tụng đến nỗi gây ra tai họa, không sao ngăn cấm" ⁽⁶²⁾ trong xã hội.

Nguồn gốc của thầy kiện có quan hệ với nhà nho, có thể coi là sự sa đọa của nho sĩ. Họ tuy có học biết lễ nhưng hoàn toàn không tuân thủ lề pháp Nho gia và đạo đức xã hội, chuyên xúi giục kiện tụng: hoặc bỗng không kiểm chuyện kết tội người khác, hoặc dùng mưu ma chước quỷ để chạy tội cho người.

Thiên chán dật sữ hồi 25 có một thiên *Thoa tụng phú* khắc họa vạch trần bộ mặt xấu xa của bọn lưu manh làm thầy kiện:

"Thế đạo suy mà kiện tụng dây, điêu phong thịnh nên thầy kiện ra. Ý ác như cọp đói, lòng tham tựa vực sâu. Rất sợ yên lành, chỉ giỏi lầm chuyện. Cậy miệng lưỡi kiếm sống, không ruộng mà cày; nhờ bút mực mưu sinh, không vốn cũng lãi. Dấy mầm họa bịa lời di kiện tụng; tụ bè đảng bày kế múa văn chương. Phiệt duyệt kết thông già thì làm rẽ duyên Tần Tán; ruộng đất chia yên sở thì khiến dấy việc tranh giành. Xúi giục đôi bên, giả chứng cứ đả thương nhân mạng; ly gián ruột thịt, bịa chúc thư tranh chiếm gia tài. Viết lời trình ra giá, làm đơn kiện đòi tiền. Xé bản nháp thử lòng, sửa lời đơn giấu tội. Giá cao thì chử nghĩa dù lỗi, chỉ mong quan phủ động lòng; giá rẻ thì qua loa một hơi, bất kể sự tình vùi lấp. Diên đảo thị phi, gởi mảnh giấy dù giết tươi vài mạng sống; xóa

(62) *Tử Vũ Phong Trung* thừa khám ngũ, quyển 2, *Hồ Nhâm Sĩ quán* đăng chế biến án.

nhòa đèn trăng, bịa nửa câu là phá sản một nhà giàu. Xác chết trôi thành món hàng lợ^(*); lúa ngoài đồng thành vật thị phi. Giao kết toàn bọn trộm cướp, xúi làm oan gia; nuôi dưỡng vài người bệnh già, sai đi ăn vạ. Đổi lý thì chứng cứ nêu bừa, thay đèn đổi trăng; giáng hòa thì tiền bạc đút lót, lộng già thành chán. Điều luật nắm vững trong tay, pháp lệnh thuộc lòng trên miệng. Tàn cuộc trà nói chuyện là vỗ tay vui vẻ kêu "Lão ông cao kiến hay thật hay thật, bọn tôi không bằng được"; giữa bữa rượu bàn kế thì nghiêng đầu trầm ngâm nói "Tiểu sinh ngu ý như thế như thế, các vị thấy ra sao?". Lấy viện ty làm sư phụ, sống dây đất bằng, mượn phủ huyền làm trung gian, trời quang sét nổ. Sáng lợi ở phía Triệu, thì giúp Triệu để hại Tiền; chiều lợi ở bên Tiền, lại theo Tiền mà lật Triệu. Lai có thể đem lời Lý kể cho Trương, rồi dò lời Trương khoe với Lý. Kẻ cương cường quyết thắng thì bày mưu xui kiện thua; người nhu nhược muốn yên thì hiến kế khuyên hòa giải. Được chỉ dạy lấy lòng bồ khoái; theo nhờ vã giao kết lại ty. Nếu may thắng thì nói: Không vất vả sao được như vậy; nếu rủi thua thì nói: Dù thần thông há biết mệnh ư? Hoặc làm đơn vu cáo hại người; hoặc viết thư nặc danh gây họa. Họ đã mặc áo gấm ở nhà cao, còn mang lồng dù; ai dám vin vẩy rồng vượt râu cọp, làm rõ mặt gian? Nếu muốn chấn hưng phong tục, giáo luật nên nghiêm; ngăn chặn phong hóa suy đồi, bút gian phải giết".

(*) Lấy tích một nhà giàu có cha chết đuối, người khác vớt được xác, đều tới hỏi thầy kiện. Thầy kiện bảo người vớt được xác cứ đòi giá thật cao, nói "Cứ để yên, y còn chuộc cái xác ấy ở đâu được mà sợ?", lại bảo người có cha chết cứ trả giá thật thấp, nói "Cứ để yên, y còn cho ai chuộc được cái xác ấy mà sợ?", xúi giục đôi bên tranh chấp để mình ở giữa thủ lợi.

Bài văn này khái quát được một số hoạt động cơ bản của bọn thây kiện lưu manh. Văn từ tuy có phần cổ kính sâu xa, nhưng nếu đọc kỹ chỗ gợn giữa cũng có thể hiểu rõ ràng, khiến chúng ta có thể có được một nhận thức tổng thể về loại lưu manh ám hiểm giảo trá này.

Hoạt động của bọn thây kiện lưu manh vào thời Tống đã khá nhộn nhịp, ở vùng Tùng Âm còn hình thành các tổ chức Tinh chày xã, "Chuyên lấy việc biện bác khéo léo làm sự tài giỏi"⁽⁶³⁾, theo thói cũ của bọn thư lại gian tà, lấy việc gian trá lừa người để kiếm sống. Lúc bình nhật chỉ sợ thế đạo yên ổn, xóm làng hòa mục, nên "cứ khích bác thị phi trong thân tộc bạn bè, gợi sự tranh chấp khơi việc kiện tụng, minh thì giả đứng ra điều đình, ngao cò tranh nhau ông câu được lợi"⁽⁶⁴⁾. Hoặc bỗng không đặt chuyện dựng chuyện không đâu, hoặc bắt gió đuổi bóng, thói phồng chuyện nhỏ, làm điều bậy bạ, vô pháp vô thiên, khuấy động tới mức dội bên dương sự lưỡng bại câu thương, không ai thắng ai.

Theo sử sách, lúc Triệu Nguyên Khanh làm Huyện lệnh Nhạc Châu, "Có người đàn bà vô lại chuyên dấy việc kiện tụng, là mối họa của cả huyện, gọi là Lan nhai hổ (Cọp chặn đường)"⁽⁶⁵⁾, rất có tiếng tăm trong dân gian. Lại có Thành Bách Tứ, vốn là một kẻ tiểu nhân trong xóm, về sau bắt đầu tiếp nhận đơn kiện, khích bác xúi giục, chuyên nói tới việc công, nhận hồi lộ rất nhiều, thậm chí bày kế dẫn dụ, uy thế rất lớn. Cách làm cụ thể của y là nếu đương sự không muốn kiện tụng, y sẽ tìm đủ cách khuyên nhủ, dụ dỗ đương sự đi kiện, nếu đương sự chưa biết hồi lộ, y sẽ làm áp lực ra oai, ép đương sự phải đưa tiền biếu xén. Trong khi kiện tụng, y quen lấy cong làm thẳng, lấy đúng làm sai, vì vậy lừa đảo

(63) Chu Mật, *Quý Tân tạp thức tục tập*, quyển thượng, *Tụng học nghiệp chày xã*.

(64) Tuyên Bình, *Dạ vũ thu đăng lục tục tập*, quyển 4, *Độc giác thư*.

(65) Hồng Mại, *Di kiện át chi*, quyển 9, *Lan nhai hổ*.

lấy được "tiền bạc hàng vạn", Thành Bách Tứ lại tự xưng là Triều phụng, tung hoành giữa ban ngày ban mặt. Một số tên vô lại hung đồ thấy y có tiền lại có thể, nhao nhao tìm tới dựa dẫm, giúp Trụ làm ác⁽⁶⁶⁾. Lưu manh tiếng tăm không hay, nhưng tại sao mọi người lại cứ để dám lưu manh này làm thầy kiệ? Hồ Thạch Bích thời Tống từng chỉ rõ một cách chính xác "Phần lớn nông dân ở ruộng đồng, chân chưa tới công đường, mắt chưa thấy quan lại, miệng không thể biện luận, tay không thể viết đơn", lúc bọn thầy kiệ tìm đủ cách xúi giục, thì "Dân ngu vô tri, thấy chúng miệng lớn lưỡi dài, ăn nói rành mạch, cho rằng có thể nhờ vả, bèn khom mình vâng lời, hết sức cung phụng. May mà thằng kiệ thì lợi lộc về tay người, không may mà thua thì tai họa về mình"⁽⁶⁷⁾, phân tích sâu sắc về việc tại sao bọn thầy kiệ lưu manh có thể khích bác xúi giục chuyện kiệ tụng thành công, thừa nước đục thả câu.

Bọn Hoa đồ thời Tống Minh gọi là Tụng côn, chuyên "Xúi giục kiệ tụng, sắp xếp cáo trạng, đưa đơn trình bày, mua chuộc quan phủ"⁽⁶⁸⁾, thi triển tài nghề lưu manh, điên đảo trăng đèn, xoa nhòa phai trái, khiến người vô cõi mắc oan, kẻ có tội thì tiêu dao ngoài vòng pháp luật.

Chuyện kể ở Chiết Trung có một ông già hơn bảy mươi tuổi bị con trai đánh gãy răng. Ông ta tức giận nhặt răng lên quan kiệ. Đứa con trai vô cùng sợ hãi, vội tìm thầy kiệ thỉnh giáo cách làm sao để thoát khỏi bị trừng trị, hứa sau khi việc xong sẽ tặng trăm lượng vàng. Ban đầu gã thầy kiệ cảm thấy rất khó xử trí, nhưng thấy đổi phương nài nỉ

(66) Thái Cửu Hiên, *Giáo toa dù lại vì thị*, *Danh công thư phán thanh minh tập*, quyển 12.

(67) Hồ Thạch Bích, *Tiên tri giáo toa chí nhân*, *Danh công thư phán thanh minh tập*, quyển 12.

(68) Hoàng Minh chiêu lệnh, quyển 5 Giới dụ ngũ phụ cầm phóng diêu ngoan đào quân sắc.

cầu xin và trăm lượng vàng hấp dẫn không kìm lòng được, bèn ưng thuận sẽ tìm cách giúp. Hôm sau tới nói "Có cách rồi! Nhưng việc rất bí mật, phải kề vào tai nói, xin đuổi người hâu ra". Lúc ấy gã thầy kiện kề miệng vào, bập một tiếng, dùng sức cắn đứt nửa vành tai người kia. Người kia máu tươi phun ra, vừa đau vừa sợ. Gã thầy kiện nói "Đừng kêu! Như thế này thì anh có thể thoát tội rồi. Nhưng bắt đầu từ bây giờ phải núp kín trong nhà, khi nào lên công đường hãy ra mặt". Đến ngày ra công đường, người con lớn tiếng nói là cha cắn đứt vành tai mình. Quan tin là đúng, nói "Ai cũng không thể cắn đứt vành tai của mình. Nhất định là rắng ông già yếu nên lúc cắn tai con mới bị rụng ra", rồi lập tức xử cho người cha thua kiện, đưa con bình an vô sự về nhà. Về việc này, Phùng Mộng Long đã chỉ ra một cách chính xác "Đánh cha mà dùng kế thoát được tội, việc thầy kiện điên đảo vương pháp mới đáng sợ làm sao!"⁽⁶⁹⁾, biểu thị sự phản khái vô cùng.

7. Dám con cái hư hỏng phá gia

Trên đây đã khảo sát qua rất nhiều hoạt động rông càn của lưu manh trong xã hội, bây giờ sẽ khảo sát họ phá tán gia nghiệp, làm hại thân tộc, mang tới tai họa và sự nhục nhã đáng sợ cho gia đình, thân tộc ra sao.

Tôn Quang Hiến thời Tống từng nói một cách hình tượng rằng "Bạn con em hư hỏng có ba lần biến. Lần thứ nhất là biến thành Hoàng trùng (cào cào), ăn gia sản để lại. Lần thứ hai là biến thành Đổ trùng (một sách), ăn chúc thư để lại. Lần thứ ba biến thành Đại trùng (cọp), bán tôi tớ mà

(69) Phùng Mộng Long, *Tân quang trí nang bối*, quyển hạ, *Tạp trí, Giáo hiệt, Xì nhī tụng sự*.

ăn. Bọn người ăn ba thứ ấy, đời nào không có?"⁽⁷²⁾. Điền Nghệ Hành thời Minh thì nói con hư lần thứ nhất biến thành Lâu cò (Dế trui), gọi là "Ăn bùn, sẽ bán ruộng đất", lần thứ hai biến thành Bạch nghei (mồi trắng), gọi là "Ăn gỗ, sẽ bán nhà cửa", lần thứ ba biến thành Đại trùng (cọp), gọi là "Ăn người, sẽ bán thê thiếp con cái"⁽⁷³⁾.

Con hư còn gọi là Bại tử, cũng không hoàn toàn giống lưu manh. Nhưng lưu manh nhất định là con hư, việc họ làm táng gia bại sản so với bọn con hư thông thường chỉ có hơn chứ không có kém, thủ đoạn càng đê tiện hơn, hậu quả càng nghiêm trọng hơn.

Thời Tống có người dân là Thạch Cư Kính vì vợ là Hà thị chưa sinh nở bèn nhận một đứa con nuôi đặt tên là Thạch Kỷ Tử, không ngờ đến khi khôn lớn lại trở thành con hư. Cư Kính chết rồi, Kỷ Tử lại càng không có người quản thúc, chỉ lo rong chơi, bán hết trâu cày, cầm cố ruộng đất, ăn trộm tiền bạc vải vóc, vay mượn của các tân khách. Ông nội là Thạch Vi Ngọc và cha là Cư Kính nối nhau qua đời, xương còn chưa lạnh, Kỷ Tử lúc còn chịu tang, trong ngày chưa bỏ tang phục, đang lúc cưng tang chịu lễ lại làm những việc phi lễ, thậm chí bỏ nhà ra đi, cả năm không về. Mẹ nuôi sai đầy tớ là Vương Thiên Nhất đi tìm, Thạch Kỷ Tử lại đánh Vương Thiên Nhất một trận tàn nhẫn rồi về nhà chỉ mặt Hà thị lớn tiếng chửi mắng, vung dao cầm gậy hăm dọa. Hà thị không biết làm sao đành kiện lên quan phủ, qua quan phủ xử đoán, bèn giải Thạch Kỷ Tử về giao lại cho cha mẹ ruột⁽⁷⁴⁾.

Bọn lưu manh vô lại còn mang thói hoành hành bá

(72) Tôn Quang Hiến, *Bắc mộng tòa ngôn*, quyển 3, *Bất tiểu tử tam biến*.

(73) Điền Nghệ Hành, *Lưu thanh nhật trát*, quyển 3, *Bất tiểu tử đê tam biến*.

(74) *Danh công thư phán thanh minh tập*, quyển 7, *Hộ hôn môn*, *Quy tông*, Xuất kể từ bất tiểu lặc lệnh quy tông.

đạo về nhà, không biết kính trên nhường dưới, không biết nhân luân đạo đức như trâu ngựa, mặc ý sai phái hành hạ cha mẹ ruột nuôi dưỡng mình thành người, có khi thậm chí còn tùy ý chửi mắng đánh đập.

Trương Nhị ở Phụng Hoàng sảnh tại Hồ Nam, cha mất sớm, sống dựa vào mẹ. Y tính nết hung dữ, coi bà mẹ già bảy mươi tuổi như lão tỳ, hơi có chỗ không vừa ý là chửi mắng, láng giềng tức giận muôn báo quan nhưng bà mẹ thương con nên nhịn nhục, lại che giấu cho y. Ngày bảy tháng sáu năm Canh dần đời Càn Long là sinh nhật Trương Nhị, y mời gọi đám bè bạn xấu tới uống rượu ăn miến, một mình bà mẹ già tất tả nấu nướng thức ăn trong bếp. Trương Nhị uống rượu nóng mặt, người mẹ nói "Củi ướt không cháy, chờ thêm một lúc". Trương Nhị cá giận, sấn vào bếp quát mắng. Bà mẹ hoảng sợ bưng một tô miến run rẩy đưa lên, lúc vội vàng quên nêm hành gừng. Trương Nhị càng tức giận, cầm bát miến đập vào mặt mẹ. Người mẹ ngã lăn ra đất, ngửa đầu khóc lớn⁽⁷⁵⁾.

Vì lưu manh trong gia đình sinh sự tới mức không sao kể xiết, có ảnh hưởng rất xấu trong xã hội, mọi người đều tức giận, nên quan phủ cũng không thể không ra mặt can thiệp, trừng phạt nặng bọn lưu manh chửi cha đánh mẹ. Năm Càn Long thứ 39 tên vô lại Hàn Lực ở kinh sư đánh cha ruột bị thương, liền bị xử tử theo luật⁽⁷⁶⁾.

Lưu manh trong gia đình không những phá tán cơ nghiệp, hành hạ cha mẹ mà còn dùng đủ thủ đoạn lưu manh hung hoành bá đạo, đối xử với anh chị em ruột thì cướp bóc hà hiếp, không điều xấu nào không làm.

Thời Tống có hai anh em Đinh Lưu, Đinh Tăng, lúc cha chết để lại sáu bảy quan tiền. Đinh Lưu không thể tự lập,

(75) Viên Mai, Tân Tề hài, quyển 23, Lôi tru bất hiếu.

(76) Viên Mai, Tân Tề hài, quyển 23, Quý hồ đồ.

say đắm một người đàn bà trong thôn, mặc tình uống rượu đánh bạc, dù biết là kẻ vô lại không lo làm ăn mà chỉ làm điều bậy bạ. Lúc anh em chia gia tài, Đinh Lưu cậy lớn hiếp nhỏ, chiếm không ít những đồ vật tốt, nhưng không bao lâu đã cầm cố tất cả ruộng của mình. Kế dòm ngó nhà em, cậy mạnh cướp đoạt không thôi. Đinh Tăng có hai con bò gởi nuôi ở nhà Khuê Châu Bát thì Đinh Lưu dắt đi bán, Đinh Tăng có hơn ba ngàn hộc lúa cất trong kho ở ruộng đồng thì Đinh Lưu tới xúc về nhà mình. Đinh Tăng không biết làm sao bèn lên phủ huyện, lại tới nói chuyện với người mua trâu mua lúa. Truy cứu tới Đinh Lưu, y lại giữa công đình cãi bừa, nói bò là hai người mua chung, lúa là bà nội để lại. Khi quan tra xét lại thì Đinh Tăng có giấy tờ mua bò, bà nội thì chết đã lâu làm sao đến nay còn lúa để lại. Quan bèn phán xét: Đinh Lưu quả là cậy lớn hà hiếp em, sinh cường cướp đoạt tài sản của em, lại còn già mồm chối cãi, che giấu tội lỗi, bèn trị tội nặng thêm⁽⁷⁷⁾.

Lưu manh lại thường đem những người đàn bà trong gia đình, nhất là chị dâu góa chồng làm một loại súc vật đưa ra bán để thu tiền, đáp ứng sự tiêu pha phung phí của mình. Nếu người bị hại chống đối, chúng sẽ bày kế, hội họp đồng bọn dùng sức chế phục, đến nỗi người bị hại có khi bị ép phải đoạt chí, chịu đủ nhục nhã, có khi không chịu nổi, tự tử mất mạng.

Năm Tân Hợi niên hiệu Tuyên Thống nhà Thanh có cô gái ăn mày họ Trần, chồng là Mô Giáp bị bệnh dịch chết, không có con cái, làm thuê cho láng giềng để sống qua ngày. Em Giáp là Ất, là kẻ vô lại, thấy chị dâu tuổi trẻ có sắc, bắt kẽ xương thịt anh còn chưa lành, ép nàng cải giá. Sau khi bị cự tuyệt, Ất ngấm ngầm tụ họp đồng bọn đang đâm phá cửa

(77) Lưu Hậu Thôn, *Huynh xâm lăng kỳ đệ*, Danh công thư phán thanh minh tập, quyển 10, Nhân luân môn, Huynh đệ.

vào bắt cóc chị dâu đi, tới nửa đường đẩy lên kiệu khiêng bừa tới một nhà giàu, muốn ép nàng vào khuôn phép thành hôn. Cô gái ăn mày họ Trần xuống kiệu thấy nhà giàu ấy đèn lửa sáng rực, bày tiệc lớn, biết là Ất bán mình, đau lòng khóc lớn. Chủ nhân khuyên giải cũng không nghe, cưỡng ép nàng thì nàng xin được chết. Chủ nhân cả giận, chỉ còn cách đưa lên quan phủ phát lạc⁽⁷⁸⁾.

Lại *Tân Tề hài* quyển 17, *Lôi tru Vương Tam* có chép một chuyện như sau:

Vương Tam là Tụng côn ở Thường Châu, bị quan phủ truy bắt, lẩn trốn ở ngoài. Em là Vương Tử, là sinh viên ở Vũ Tiến, đang lúc cưới vợ, cô dâu vừa về, sai dịch không bắt được Vương Tam bèn bắt người em gông lại nhốt trong phòng trục. Vương Tam biết người nhà đã đi, quan lại cũng lơi lỏng, nửa đêm giả làm chú rể vào phòng em thành thân với cô dâu. Hôm sau Thái thú ra công đường thấy Vương Tử là thư sinh yếu ớt, thương là vô tội, lại biết đang lúc tân hôn bèn tha cho về. Vương Tử vào phòng an ủi vợ, vợ mới biết người này là tân lang, đêm qua đã bị kẻ xấu gian dâm, xấu hổ phẫn hận treo cổ tự tử. Cha mẹ tân lang đau đớn không thôi, lo đám ma rất lớn. Vương Tam nghe tin, lại động dục niệm "Tìm tới nơi quàn quan tài quật mồ lên, mở quan tài ra thấy người đàn bà vẫn như lúc sống, bèn cởi quần gian dâm. Khi gian dâm xong lột hết châu ngọc trang sức cho vào bọc, chạy lên trên đường. Đột nhiên trên không có một tiếng sét nổ rền, Vương Tam bị sét đánh chết, người đàn bà sống lại". Cái gọi là trên không có một tiếng sét nổ, Vương Tam bị sét đánh chết này nọ hoàn toàn là người sau dựa vào tâm lý và óc tưởng tượng theo thuyết nhân quả báo ứng đặt ra mà thôi, chứ trong thực tế cuộc sống không thể xảy ra chuyện như thế. Nhưng việc gã lưu manh Vương Tam lừa dối em dâu và

(78) Từ Kha, *Thanh bị loại sao, Trinh liệt loại, Trần cái nữ thủ tiết*.

cưỡng gian xác chết lại rất phù hợp với lối sinh hoạt bừa bãi và đặc điểm lưu manh, là sự ghi chép chân thực đời sống.

Trên đây giới thiệu bảy loại lưu manh, tuy phương thức hoạt động không hoàn toàn giống nhau nhưng đều có đặc điểm chung là đạo đức bại hoại, không lo làm ăn, không trọng phép nước, làm điều bậy bạ, về hoạt động thì can dự vào rất nhiều lãnh vực chính trị, hành chính, kinh tế, phá hoại nghiêm trọng trật tự xã hội và an ninh gia đình.

Chương 2

Sự quật khởi và phát tích của bọn côn đồ

Lưu manh thuộc cửu lưu trong xã hội, đế vương khanh tướng ở tầng cao nhất của xã hội, hai tầng lớp này ở hai cực khác hẳn nhau, như nước giếng không phạm nước sông. Nhưng trong quá trình dâu bể đổi dời của lịch sử lại phát sinh rất nhiều hiện tượng kỳ quái, cung cấp các loại cơ hội khiến giữa lưu manh và đế vương khanh tướng này sinh những quan hệ không sao đoán trước. Không nói tới việc sau khi đế vương khanh tướng suy bại, hậu duệ luân lạc làm lưu manh vô lại, cũng có một số lưu manh xuất thân vô lại dựa vào rất nhiều điều tao ngộ, dũng cảm thay đổi triều đại, quật khởi trên vũ đài chính trị, phát tích trở thành đế vương khanh tướng gào mây thét gió một thời, lưu danh trong lịch sử, không thể không khiến người ta phải coi trọng. Về hiện tượng lịch sử này, năm 1931 Lỗ Tấn từng khái quát sâu sắc cho chúng ta rằng "Cũng không thể quá coi thường lưu manh, vì nếu lưu manh có được thời cơ cũng rất lợi hại. Phàm mỗi thời đại, chỉ cần chính trị suy yếu, lưu manh sẽ thừa cơ nồi lên, quấy đảo ầm ầm, gây ra một trường biến động, thậm chí lật đổ chính quyền, cướp ngôi thay quyền cũng không phải ít"⁽¹⁾.

I. Vô lại ngồi trên ngai vàng

Xuất thân từ lưu manh mà lên ngôi trên ngai vàng của hoàng đế thì phải tôn Lưu Bang "Về sau nghiêm nhiên

cũng xưng là Tiên chúa" là người đầu tiên. Theo sử sách, ông ta "Xuất thân cũng là một tên lưu manh, về sau phạt Tân diệt Sở, trở thành Hán Cao tổ"⁽²⁾. Tát Mạnh Vũ cũng có ý kiến như thế⁽³⁾.

Nói Lưu Bang là lưu manh cũng không phải nói ông ta không có nghề nghiệp tài sản, lưu lạc sống qua ngày, mà là nói trước khi phát tích ông ta đã tập nhiễm thói lưu manh rất nặng, quen làm việc bậy bạ. Gia đình Lưu Bang không nghèo, nhưng hoàn cảnh và gia giáo rõ ràng lại không tốt, cha ông ta "Bình sinh rất thích bọn thiếu niên vô lại, ăn uống nhậu nhẹt, đá gà đua chó, lấy đó làm trò vui"⁽⁴⁾. Cái gọi là bọn thiếu niên vô lại phần lớn là những kẻ không lo làm ăn, chỉ làm điều bậy bạ. Về sau Lưu Bang làm vua nhà Hán oai chấn thiên hạ, cha ông ta tự nhiên trở thành Thái thượng hoàng, hưởng thụ vinh hoa phú quý, nhưng thỉnh thoảng vẫn buồn bã không vui. Bọn mập thám của Lưu Bang về sau lần dò hỏi tả hữu, mới biết Thái thượng hoàng không có bọn thiếu niên vô lại bên cạnh thì không quen. Lưu Bang quyền lớn trong tay, lập tức ra lệnh xây dựng cung Tân Phong ở cách phía tây nam huyện Tân Phong Ung Châu bốn dặm, tất cả bọn lưu manh vô lại quen biết ngày trước đều được tới đó ở, Thái thượng hoàng lập tức vui vẻ⁽⁵⁾.

Chịu ảnh hưởng của gia đình, hoàn cảnh, Lưu Bang thời trẻ lêu lổng chơi bời, cản bản không lò chuyện làm ăn, đến nỗi cha ruột cũng không chịu được, phải chửi mắng ông

(1) (2) Lê Tấn, *Lưu manh dữ văn học* (Lưu manh với văn học), đăng trên tạp chí *Điểm phong* Nhật Bản ngày 25. 12. 1991, đăng lại trên *Văn học báo* ngày 16. 1. 1992.

(3) Tát Mạnh Vũ, *Thủy hử truyện dữ Trung Quốc xã hội* (Truyện Thủy hử với xã hội Trung Quốc).

(4) (5) Sử ký, quyển 8, *Hán Cao tổ bản kỷ*, chú thích dẫn theo *Quát địa chí*.

ta là vô lại, đó hoàn toàn không phải là cha vì mong con nên người mà nghiêm khắc chỉ trích quá đáng, Tuy Cảnh Thần trong vở hý khúc *Cao tổ hoàn hương* cũng đã miêu tả rất rõ ràng.

Nói ông ta lúc trẻ từng giúp người ta "chăn trâu cắt cỏ, đắp bờ đi cày", đương nhiên là chuyện không đáng gì, nhưng ông ta lại "Mùa xuân hái dâu trả lúa mùa đông đã vay, số lúa lè hoàn toàn không đóng trả. Cân vừng ba lần đổi vẫn khế xong, trả hết nợ rượu lại xúc trộm máy đấu đậu". Đã gian trá lại trộm cắp, về phẩm chất rõ ràng có vấn đề.

Nếu ngẫu nhiên mà làm thì cũng không thể kể là lưu manh thật sự. Nhưng Lưu Bang lại hoàn toàn không phải thế. Về sau lúc ông ta làm Đinh trưởng, vẫn cứ "Ham mê rượu chè", "Thiếu tiền thì sai phát tiền công để trả, thiếu thóc thì lấy thóc thuế trừ riêng". Những việc xấu xa mà ông ta làm không phải chỉ có bấy nhiêu. Lời tác giả không khỏi có chỗ khoa trương, nhưng chính sử ghi chép ắt là đáng tin. Như "Lúc Báu công ở Sơn Đông, tham tiền bạc, thích nữ sắc"⁽⁶⁾, lại "Thi làm lại, làm Đinh trưởng Tứ Thủy, kẻ lại trong đinh không ai không bị làm nhục, ưa thích tảo sắc. Thường tới chỗ Vương Ôn, Vũ Phụ uống rượu chịu", mắc nợ không ít, "Cuối năm hai nhà ấy thường xé giấy xóa nợ cho". Lại có lần Lữ công mời khách, lúc ấy "Tiêu Hà coi việc tiếp đón và nhận quà của tân khách, nói với các đại phu: Ai mừng dưới một ngàn đồng thì mời ngồi dưới. Cao tổ làm Đinh trưởng, vốn coi thường các viên lai, bèn nói: Tôi mừng một vạn đồng, nhưng thật ra không có đồng nào. Người đưa tin báo vào, Lữ công cả kinh đứng dậy ra cửa đón. Tiêu Hà lại nói: Lưu Quý vốn hay khoác lác, khó tin được. Cao tổ vì coi thường khách khứa nên ngồi lên ghế trên, không chút nhún

(6) Sử ký, quyển 7, Hạng Vũ bản kỷ.

nhiường”⁽⁷⁾.

Dưới sự chi phối của dã tâm chính trị và thói quen lưu manh, Lưu Bang dần dần đóng một vai trò chính trị rõ ràng, trở thành bá chủ một phương, có nhiều người tới dựa dẫm, ông ta lại không bỏ nét lưu manh, thường làm những việc hả hê. Vì “Không thích nhà Nho, nên những khách khứa đội mũ nhà nho tới, Bá công lập tức giật mũ họ ra rái vào. Nói chuyện với người ta thì thường mắng chửi”⁽⁸⁾. Thói quen lưu manh thường thể hiện ở Lưu Bang ấy mấy lần gây nguy hiểm cho sự nghiệp to lớn Hán Sở tranh hùng “Bá công vào cung điện nhà Tần, thấy màn trướng chó ngựa châu báu phụ nữ trong cung có tới hàng ngàn, có ý muốn ở lại. Phàn Khoái khuyên Bá công ra ngoài ở, Bá công không nghe”⁽⁹⁾.

Lưu Bang sau khi làm hoàng đế, trở thành tôn nghiêm cao quý rồi nhưng thói quen lưu manh vẫn thỉnh thoảng ngẫu nhiên bộc lộ, có lúc còn đùa cợt với cả Thái thượng hoàng “Cung Vị Ương làm xong. Cao tổ triệu tập tất cả chư hầu quần thần, bày tiệc trước điện Vị Ương. Cao tổ bụng cái nậm ngọc bước lên chúc thọ Thái thượng hoàng, nói: Trước kia cha thường nói là tôi vô lại, không lo làm ăn, không bằng anh Trọng. Hôm nay thì công nghiệp của tôi so với anh Trọng ai hơn? Quần thần trên điện đều reo vạn tuế, cười lớn vui vẻ”⁽¹⁰⁾. Có điều, bất kể Lưu Bang lúc trẻ vô lại ra sao, cũng bất kể phẩm hạnh ông ta xấu xa thế nào, nhưng sau khi ông ta thành công cũng trở thành một vị đế vương có ảnh hưởng rất lớn tới lịch sử Trung Quốc, khai sáng cơ nghiệp hơn hai trăm năm của nhà Hán.

(7) Sử ký, quyển 8, Cao tổ bản kỷ.

(8) Triệu Dực, Tráp nhất sử trát ký, quyển 2, Hán sơ bố y tướng tướng chi cục điêu.

(9) Sử ký, quyển 55, Lưu hầu thế gia.

(10) Sử ký, quyển 8, Cao tổ bản kỷ.

Kể từ khi Lưu Bang là một gã lưu manh thành công trong việc trở thành hoàng đế tháng 6 năm thứ 5 nhà Hán (202 trước công nguyên), sau đó hàng ngàn năm, đến thời Đường mạt Ngũ đại, lưu manh lại nhao nhao đại hiền thân thủ trên vũng đất chính trị, có ảnh hưởng rất lớn tới lịch sử Trung Quốc. Trước sau có Lương Thái tổ Chu Ôn, Hậu Chu Thái tổ Quách Uy, Tiền Thục Cao tổ Vương Kiến đến Ngô Vũ Túc vương Tiền Tham. Có thể nói là các hoàng đế xuất thân lưu manh trong một khoảng thời gian nhất định xuất hiện trên toàn Trung Quốc, ảnh hưởng tới tiến trình lịch sử.

Trước tiên chúng ta lấy sau làm trước, nói tới Lương Thái tổ Chu Ôn. Chu Ôn (852 - 912) người Câu Lý, cha là Chu Thành, dạy Ngũ kinh trong làng xóm, sinh được ba con, đặt tên là Lạp, Tồn, Ôn. Chu Thành chết sớm, ba con nghèo khổ, không thể mưu sinh, cùng mẹ làm mướn cho nhà Lưu Sùng ở Tiêu huyện. Toàn Lạp phẩm chất rất tốt nhưng tầm thường không có tài cán. Tồn và Ôn thì dũng cảm có sức khỏe, nhất là Chu Ôn càng hung dữ, lớn lên lại vô lại, làm hại xóm làng, đến nỗi "Trong huyện đều lấy làm khổ". Chủ thuê là Lưu Sùng rất ghét Chu Ôn lười biếng không làm việc, nhiều lần đánh đập trách mắng. Ngay mẹ y cũng phải nói "Chu Tam lêu lổng vô hạnh". Chỉ có mẹ Lưu Sùng thì yêu thương Chu Ôn, thường gọi đầu cho y, còn nói với người nhà rằng "Chu Tam không phải là kẻ tầm thường, nên đối xử tốt với nó". Về sau Chu Ôn và anh là Chu Tồn tham gia cuộc khởi nghĩa nông dân của Hoàng Sào, lúc đánh chiếm Quảng Châu, Chu Tồn chết trận. Chu Ôn rất mau quên mối thù giết anh, làm phản Hoàng Sào theo nhà Đường, làm ma trành cho cọp, thường tấn công nghĩa quân, lập công lớn, bèn được trấn giữ Tuyên Vũ, sử gọi là "Cứng rắn hay giết người".

Có lần Chu Ôn đánh bại Chu Cẩn, lại chiếm luôn vợ. Vợ Chu Ôn là Nguyên Trinh Hoàng hậu Trương thị biết chuyện, vội tới gặp vợ Chu Cẩn, buồn rầu khóc nói "Tệ phu

quân và quan Tư không cùng họ, cũng như anh em, vì chuyện nhỏ mà dây can qua khiến chị phải gặp cảnh này, nếu bất hạnh Biện Châu thất thủ thì thiếp cũng thế này thôi!". Nói xong lại khóc. Chu Ôn nghe thế mới không thể không đưa vợ Chu Cẩn vào chùa làm ni cô.

Nhưng tính nết dâm đãng lưu manh của Chu Ôn chỉ chế ngự được nhất thời chứ hoàn toàn chưa nhổ cỏ tận gốc. Lúc quân Lương đánh nhau với quân Tấn ở Hà Bắc, quân Lương thua trận bỏ chạy, Trương Toàn Nghĩa cứ tìm quân đội giáp mā, hàng tháng bổ sung vào chỗ khuyết, Chu Ôn lại tới nơi nghỉ hè của Trương Toàn Nghĩa là Tiết viên nghỉ ngơi, đối với người bê tôi trung nghĩa này y cũng "Gian dâm với cả vợ con". Con trai Trương Toàn Nghĩa là Kế Tộ tức giận nhục nhã không sao kìm được, tuốt kiếm muốn giết Chu Ôn, bị cha ngăn chặn khuyên giải mới thôi. Thân làm vua một nước mà buông thả gian dâm vợ con đại thần, lễ phép vua tôi chẳng còn gì, quả thật có thể nói là hoang dâm vô sỉ⁽¹²⁾. Về điểm này Chu Ôn so với Lưu Bang từng được mưu sĩ Phạm Tăng của Hạng Vũ khen "Ngày nay vào cửa quan mà không lấy tài vật, không chiếm phụ nữ, chí không nhô đâu"⁽¹³⁾ thì quả thật còn thua xa. Đại khái cũng chính vì thế nên đế quốc Hậu Lương mà Chu Ôn khai sáng chỉ tồn tại được có mười bảy năm ngắn ngủi rồi suy sụp như trúc chẻ ngói tan, bị nhà Hậu Đường thay thế.

Chu Thái tổ Quách Uy thời Ngũ đại trước khi phát tích và sau khi phát tích có hành vi lưu manh nào? Quách Uy người Nghiêu Sơn Hình Châu, tự Văn Trọng. Vốn họ Thường sau khi cha ruột chết, mẹ tái giá với họ Quách, bảo đổi thành họ Quách. Quách Uy lúc tuổi trẻ nghèo hèn, từng xăm trên cổ hình chim sẻ bay, người ta gọi là Quách Tước nhi. Sau khi

(12) Sử ký, quyển 7, Hạng Vũ bản kỷ.

(13) Tân Ngũ đại sử, Chu bản kỷ, Thái tổ.

lớn lên, hình dáng khôi vĩ, thiên hướng kỳ lạ, thích việc binh ưa võ nghệ chứ không lo làm ruộng. Năm mươi tám tuổi ưng mộ làm quân sĩ dưới trướng quan Lưu hậu Lý Kế Thao ở Lô Châu, tính rất cố chấp, thích uống rượu, hay đánh nhau, rất khỏe mạnh, thường lén lút phạm pháp, Lý Kế Thao cũng không truy cứu xử trị. Lúc ấy ở chợ có một gã đồ tể, thường lấy sức khỏe hiếp đáp người trong chợ. Quách Uy uống rượu say, cố ý tới đòi gã đồ tể phải cắt cho mấy miếng thịt. Gã đồ tể cắt không đúng cách, y bèn cao giọng quát mắng, tên đồ tể không chịu nổi, phanh áo để lộ bụng ra nói "Người can đảm đấy, có giết được ta không?". Quách Uy giả say rút dao cầm ở tay đâm chết tên đồ tể. Cả chợ đều hoảng sợ, Quách Uy mặt không biến sắc, tim không đập mạnh, nghênh ngang tự đắc. Tục ngữ nói Giết người đền mạng, Kế Thao lại không nỡ giết, ngầm thả y ra. Không bao lâu lại gọi về dưới cờ, tiếp tục trọng dụng.

Sau khi Quách Uy tung quân, lập nhiều chiến công. Đến thời Hậu Hán làm Lưu thủ Nghiệp Đô, dấy binh làm phản giết Ân đế Lưu Thừa Hựu, đón lập Tương Âm công Lưu Phú. Quân Khiết Đan vào cõi, Thái hậu sai Quách Uy đem quân đón đánh, tới Đàm Châu thì Quách Uy tự lập làm vua, phế bỏ nhà Hán, xây dựng vương triều Hậu Chu, mở ra cơ nghiệp mươi hai năm của nhà Hậu Chu. Tuy nói không khỏi là một vương triều ngắn ngủi, nhưng nhìn từ chỗ lưu manh xuất thân thì như thế cũng không phải dễ, cũng có thể nói là siêu quầnẠt tụy⁽¹⁴⁾.

Bây giờ nói tới Vương Kiến. Theo sử sách, Vương Kiến là người sáng lập ra vương triều Tiền Thục thời Ngũ đại, lúc trẻ cũng là một tên địa côn vô lại hồn hoi. Vương Kiến tự Quang Đồ, người Vũ Dương Hứa Châu. Lúc trẻ vô lại, chuyên dự vào những việc bất pháp như dắt trâu trộm ngựa, buôn

(14) Tân Ngũ đại sử, quyển 63, Tiền Thục thế gia, Vương Kiến.

muối lậu, bị xóm làng gọi là "thằng giặc khốn khiếp". Về sau y gia nhập Trung Vũ quân, dần dần được thăng làm tướng. "Hy tông ở đất Thục", Vương Kiến cùng các tướng lãnh khác mỗi người dẫn đầu một đội quân, chạy vào đất Thục, được Hy tông khen là một trong "năm cánh quân tùy giá". Y lại không bỏ qua thời cơ, lạy hoạn quan Diên Lệnh Tư làm cha nuôi, để làm chỗ dựa về chính trị. "Khi Hy tông về Trường An, sai Kiến và bọn Tấn Huy coi Thần sách quân túc vệ", đường công danh thuận lợi, cứ từng bước từng bước được thăng quan. Tháng 3 năm Quang Khải thứ 2, Hy tông chạy ra Hưng Nguyên, "lấy Kiến làm Tiêu đạo sứ, mang ngọc tỷ đi theo. Tới trạm Dương Tử, Lý Xương Phủ đốt đường sạn đạo, đường sạn đạo cơ hồ đứt gãy, Kiến kéo ngựa của Hy tông, mạo hiểm xông qua khói lửa. Đêm ngủ lại dưới đèo, Hy tông gối đầu lên đùi Kiến ngủ, đến khi tỉnh lại, rơi nước mắt khóc lóc, cởi ngự y ban cho". Vương Kiến báo đáp Hy tông, coi nhau như gan ruột, lập được công lao hân mã.

Về sau Chiêu tông sai Vi Chiêu Độ đem bọn Nhan Lăng cầm quân đánh Trần Kính Nguyên là em cùng mẹ khác cha với Diên Lệnh Tư nghĩa phụ của Vương Kiến, sai Vương Kiến làm Chiêu thảo nha nội Đô Chỉ huy sứ. Vương Kiến dòm ngó binh quyền của Chiêu Độ, ăn nói rất vô lễ "Ông đem mấy vạn quân làm khổ người Lưỡng Xuyên, nhưng quân lâu ngày không có công lao gì, định làm thế nào? Vả lại nhà Đường lấm việc, các trấn ở phía đông binh lửa lan tràn, ông nên quay về giúp đỡ thiên tử, dẹp yên Trung nguyên để giữ chỗ căn bản, chứ nơi Man Di này không đáng để ông ở lại!". Rồi công khai đòi Chiêu Độ giao lại binh quyền. Vi Chiêu Độ ngần ngừ chưa quyết, Vương Kiến bèn sai quân bắt thư lại thân tín của Chiêu Độ tai quân môn, xéo thịt mà ăn, lại quỳ xuống nói với Chiêu Độ "Quân sĩ đói đều lấy cái này để ăn!". Chiêu Độ că sợ lập tức đưa phù tiết cho Vương Kiến rồi trở về đông. Vương Kiến đoạt được binh quyền của Chiêu Độ rồi,

đem quân chặn ngang Kiếm Môn, cắt đứt Lưỡng Xuyên, dấy quân liên tiếp hạ được mấy thành, lại tấn công Thành Đô⁽¹⁵⁾, nhưng ba năm không hạ được. Lúc bấy giờ Vương Kiến nghĩ tới "bọn tôi tớ giữ kỷ cương" của y, "có mấy trăm tên vô lại hung hăn không sợ chết, không ai chống nổi", bèn "dùng lời lẽ ngọt ngào để dụ dỗ", nói "Lưỡng Xuyên có hiệu là Miền Hoa thành, một sorm hạ được thì vàng lụa con gái cho các ngươi tha hồ khoái hoạt"⁽¹⁶⁾. Câu này của Vương Kiến gai đúng chỗ ngứa của bọn bộ hạ, đám tôi tớ giữ kỷ cương đánh thành càng gấp. Nghĩa phụ của y là Điền Lệnh Tư thấy tình hình nguy cấp, lên mặt thành gọi Vương Kiến nói "Lão phu đối xử với ông rất tốt, tại sao ông ghét nhau như thế!". Vương Kiến cao giọng trả lời "Cái ơn cha con trong quân, làm sao quên được! Nhưng quân đi đánh kẻ không chịu vâng lời, là lệnh thiên tử!". Điền Lệnh Tư không biết làm sao, đành nửa đêm đích thân tới quân Vương Kiến, đưa án Tiết độ Quan sát cho Vương Kiến. Sáng hôm sau, Trần Kính Huyên mở cửa thành đón tiếp Vương Kiến. Vương Kiến sắp vào thành, phong Trương Kinh làm Đô Ngu hầu, nói với quân sĩ "Ta phong Trương Kinh làm Đô Ngu hầu, các ngươi không được trái lệnh y. Nếu để Kinh bắt tới gặp ta, thì ta còn tha được, nếu để y chém trước bẩm sau, thì ta cũng không thể nói gì được đâu". Vương Kiến đưa quân vào thành rồi, quân sĩ làm reo, Trương Kinh giết chết cả trăm người mới yên. Về sau Vương Kiến đưa Kính Huyên qua Nhã Châu, lại sai người tới giết ông ta, lại lấy nghĩa phụ Điền Lệnh Tư làm Giám quân. Có thể Vương Kiến tự biết đã đủ lông đủ cánh, người cha nuôi từng có ơn với y ngày trước theo với thời thế đổi dời đã mất ý nghĩa đối với y, vì thế Vương Kiến trở mặt không nhận cha, lại toan tính giết Điền Lệnh Tư, trừ khử một đối thủ chính trị.

(15) Tôn Quang Hiến, *Bắc mộng tỏa ngôn*, *Đại văn*, quyển 2.

(16) *Tân Ngũ đại sử*, quyển 63, *Tiền Thục thế gia*, *Vương Kiến*.

Tháng 10 năm Đại Thuận thứ 2, nhà Đường phong Vương Kiến làm Kiếm hiệu Tư đồ, Thành Đô doãn, Phó Đại sứ Tri Tiết độ sứ Kiếm Nam Tây Xương, coi việc cai trị chiêu phủ tám nước ở Vân Nam. Vương Kiến đại quyền trong tay, lại nghĩ tới việc làm người trên mọi người, dòm ngó ngôi vua, tháng giêng năm Vũ Thành thứ 1 (908) tế trời ở Nam giao, ra lệnh đại xá, đổi niên hiệu, lên ngôi làm hoàng đế, phong vương cho các con trai, trị vì mươi hai năm⁽¹⁷⁾.

Thời Ngũ đại Thập quốc còn có Tiền Tham từ chối là một tên lưu manh lén ngai vàng đế vương, xây dựng chính quyền ở vùng Ngô Việt, trị vì hơn hai mươi năm từ 908 đến 932. Tiền Tham (852 - 932) người Lâm An, tự Cụ Mỹ, tiểu danh Bà Lưu. Năm năm, sáu tuổi dần dần có cốt cách hơn người, tướng mạo hùng vĩ, sức khỏe phi thường, bụn trẻ con chín mươi tuổi trong làng đùa nghịch đánh nhau không đứa nào đánh lại, đành phải để ý đứng đầu. Tiền Tham đến năm mươi bảy mươi tám tuổi đội mũ kết tóc, thân cao hơn trượng, vai to hùng rộng, tinh thông cả mươi tám ban võ nghệ nhưng không chịu chuyên tâm đọc sách, lại không chịu làm nghề buôn bán. Chỉ chuyên trộm gà bắt chó trong làng, uống rượu đánh bạc, phá tán bảy tám phần gia tài. Nếu cha mẹ quở mắng thì tức giận bỏ đi, hai ba ngày không về nhà. Cha mẹ không làm gì được, đành phải để ý tùy ý muốn làm gì thì làm. Một hôm Bà Lưu hỏi mượn Thích Hán Lão mở sòng bạc hai mươi lượng bạc đánh bạc với hai công tử Chung Minh, Chung Lượng làm Lục sự ở huyện Tiền Đường, bị thua nhẵn nhụi. Vậy thì làm sao? Muốn trả nợ, hôm sau đi đánh bạc lại phải có tiền vốn, Bà Lưu bèn tìm tới Cố Tam Lang buôn muối lâu hồi mượn, bị Cố Tam Lang rú đi đánh cướp thuyền của gia đình Vương Tiết sứ. Bà Lưu tay cầm thiết lăng bỗng đì dầu, xông qua thuyền đồi phuong trước nhất, bụn vồ lại đem

(17) *Dụ thế minh ngôn*, quyển 21.

tất cả muối đổ vào thuyền mình, chèo vào bái lau chia nhau.

Tiền Bà Lưu được chia khá nhiều, trả nợ cho Thích Hán Lão, lại đi đánh bạc với Chung Minh, Chung Lượng. Ba người rất hợp nhau, hận là gặp nhau quá muộn, chỉ thích uống rượu đánh nhau, giới uống rượu đánh bạc gọi là Tiền Đường tam hổ. Cùng lúc ấy, Tiền Bà Lưu còn thường cùng đi buôn lậu ăn cướp với Cố Tam Lang, làm rất nhiều chuyện bất pháp. Y không tiêu vào vốn nhưng có thể tiêu dùng hoang phí, may mà không bị lộ nên được khoái hoạt hưởng thụ. Nhưng từ xưa đã nói: Muốn người ta không biết, trừ phi mình đừng làm. Rốt lại cũng có một ngày việc Tiền Bà Lưu và Cố Tam Lang buôn lậu ăn cướp bị lộ, may là hai người Chung Minh, Chung Lượng trong Tiền Đường tam hổ ngầm báo tin cho, bày kế giúp đỡ, y mới không bị bắt.

Trong niên hiệu Càn Phù đời Đường Hy tông, Tiền Bà Lưu ứng mộng đầu quân, tham gia trấn áp nghĩa quân nông dân Hoàng Sào, lại đổi tên là Tiền Tham, tự Cụ Mỹ. Vì y từ nhỏ đã khỏe mạnh hung dữ, võ nghệ cao cường, sau khi đầu quân ra trận dũng cảm, lăm mưu nhiều trí, nhiều lần lập công, nên nhiều lần được thăng chức. Về sau nhà Đường mất về tay nhà Lương, Lương vương Chu Toàn Hưng đổi niên hiệu là Khai Bình, phong Tiền Tham làm Ngô Việt vương, kế phong là Thiên hạ binh mã Đô Nguyên súy. Tiền Tham tuy được phong vương nhưng thật ra hành vi không khác gì hoàng đế, cũng ra đường cảnh vào đường tất, được tung hô vạn tuế. Năm 908, Tiền Tham đổi niên hiệu là Thiên Bảo, quốc hiệu là Ngô Việt. Có một bài thơ rất hay, không ngại gì trích ra đây "Tướng tướng bắn vô chung, Đế vương tự hữu chân. Tích niên diêm đạo bối, Kim nhật cầm y nhân. Thạch giám trình hình dị, Liêu sinh quyết tướng thần. Tiếu tha "Hoàng đế đồng", Bi sấm uống tàn thân" (Khanh tướng không dòng giống, Đế vương riêng số phần, Xưa dù buôn lậu muối, Nay cũng gấm đầy thân, Gương đá soi hình lạ, Đời qua rõ tướng

thần, Cuối y Hoàng đế già, Bia sấm uồng tàn thân)⁽¹⁸⁾.

Bàn tới việc lưu manh phát tích làm đế vương thì không thể bỏ qua Chu Nguyên Chương nhà Minh.

Chu Nguyên Chương vốn tên Trùng Bát, sau đổi là Hưng Tông, sinh giờ Mùi ngày 18 tháng 9 năm Thiên Lịch thứ 1 nhà Nguyên (1328). Cha là Chu Ngũ Tứ vốn thành thật giữ phận, là một người phu kéo xe, bị một người chủ tức giận, đã sớm từ huyện Hu Đài Tứ Thủy (nay là huyện Hu Đài An Huy) dời tới huyện Linh Bích (nay là huyện Linh Bích An Huy), lại dời tới Hồng huyện (nay là Tứ huyện An Huy). Đến năm năm mươi tuổi lại dời tới Đông hương Chung Ly, làm ruộng mười năm, bị chủ ruộng vô cớ cướp ruộng thuê, không biết làm sao lại dời tới Tây hương, sau dời tới Cô trang Thái Bình hương Chung Ly thuộc Hào Châu (nay là huyện Phượng Dương An Huy) cư trú. Chu Nguyên Chương là con út của Chu Ngũ Tứ.

Chu Nguyên Chương mặt đen bóng, xương trán nhô cao, mũi to, vành tai to, lông mày rậm, mắt lớn, quai hàm rộng hơn khuôn mặt mấy phân. Toàn bộ khuôn mặt như một chữ sơn hình khối, xương chẩm nhô cao như một tòa núi nhỏ, tướng mạo rất cổ quái.

Vì nhà nghèo, Chu Nguyên Chương từ nhỏ đã chăn trâu chăn dê thuê cho chủ ruộng, bọn trẻ con đều nghe lời, ba lần quỳ chín lần khấu đầu trước mặt ông ta, đồng thanh hô vạn tuế. Đó có lẽ là vì đám trẻ chăn trâu thường bị ông ta hành hạ nên không thể không làm như vậy.

Chu Nguyên Chương tính tình ranh mãnh, lại to gan, bắt đầu qua mặt chủ ruộng. Có lần bọn trẻ chăn trâu dòi bụng, theo lời Chu Nguyên Chương đề nghị, cả bọn ra tay giết một con nghé ăn thịt. Chiều tối về thôn, Chu Nguyên

(18) Ngô Hàm, *Chu Nguyên Chương truyện*.

Chương chôn tất cả da và xương của con nghé, lấy đất dính máu phủ lên, cắm cái đuôi nghé vào một tảng đá bị nứt, nói là con nghé đi vào hang núi, không kéo ra được. Đại khái những trò lừa đời không thành thật đều như thế. Lời bịa đặt đương nhiên không lừa được chủ ruộng, tối hôm ấy Chu Nguyên Chương bị đánh một trận tàn nhẫn rồi đuổi về nhà.

Một năm mất mùa to, cả nhà Chu Ngũ Tử liên tiếp có ba người chết, để sống còn, Chu Nguyên Chương tới chùa Hoàng Giác xuất gia làm sư. Làm hòa thượng phải làm lụng, Chu Nguyên Chương nhịn không được nổi giận phát tác, lén lấy chổi đánh đập tượng Già lam, còn viết mấy chữ "Đày đi ba ngàn dặm" trên lưng tượng, làm điều bậy bạ trong chùa.

Làm hành đồng mới được năm mươi ngày, vì tình trạng mất mùa quá nặng, chùa Hoàng Giác không thu được thuế ruộng, Chu Nguyên Chương đành ra khỏi chùa đi vân du. Ông ta cứ tìm tới những chỗ nào có cơm ăn mà đi, qua thành thị vượt thôn xóm, cứ tìm tới trước những nhà giàu göm, lúc thì nài nỉ hóa duyên, lúc thì giở giọng đòi tiền⁽¹⁹⁾.

Sau khi rời chùa Hoàng Giác, Chu Nguyên Chương bắt đầu lưu lạc giang hồ. Có lần theo đường Mã Mai tới Trù Châu, gặp Trần Dã Tiên lập lõi dài tỷ vò, đánh cuộc một ngàn lượng bạc. Chu Nguyên Chương đánh bại Trần Dã Tiên, bọn Đặng Dũ, Thang Hòa, Quách Tử Hưng cùng đi cũng đánh lui được đám tay chân của Trần Dã Tiên. Tối hôm ấy Chu Nguyên Chương nghỉ lại trong miếu Huyền Đế, nghe ở tiền điện phía trước kèn trống inh ỏi, nguyên là bọn bại tướng dưới tay ông ta là Trần Dã Tiên đang uống rượu giải sầu. Chu Nguyên Chương dùng dùng nổi giận, phỏng hỏa bốn phía, đốt rụi điện thờ, giết chết Trần Dã Tiên⁽²⁰⁾.

Về sau Chu Nguyên Chương khởi nghĩa ở Hào Châu,

(19) *Anh liệt truyện*, hồi 7.

(20) *Tam thỉnh Tử Đạt*.

nghe Từ Đạt nổi tiếng tài giỏi muốn mời ra giúp, bèn sai Quách Anh đem lễ vật tới mời, nhưng Từ Đạt chưa ưng thuận. Chu Nguyên Chương bảo Quách Anh giả làm giặc núi bắt mẹ Từ Đạt, phóng hỏa đốt hết trang viện, Từ Đạt không biết làm sao, chỉ còn cách về theo Chu Nguyên Chương⁽²¹⁾.

Đưa lễ vật mời bấy tài giỏi vốn là ý tốt, nhưng dùng thủ đoạn lưu manh phóng hỏa bắt cóc để uy hiếp thì đúng là đã bộc lộ bản tính lưu manh của ông ta.

Sau khi Chu Nguyên Chương lên ngôi, tính tình lưu manh cũng chưa trừ bỏ, lại cậy có ngai vàng hoàng đế càng bộc lộ rõ ràng hơn. Có một lần ông ta và Lưu Cơ ra chơi Vũ miếu, thấy trong ngoài điện bày bài vị danh tướng các đời, Chu Nguyên Chương dựa vào sự thương ghét theo cảm tính của mình tùy tiện phẩm bình, thăng Triệu Vân, Vương Bá Dương mà truất Hàn Tín, Trương Lương, nhất là Ngũ Tử Tư đánh vào xác Bình vương thì tức giận đập bỏ luôn tượng thờ. Lưu Cơ biết Chu ngờ ghét mình, sợ sẽ mắng họa, bèn từ quan về nhà⁽²²⁾. Hành động của Lưu Cơ là rất sáng suốt, nếu không một sớm bắn tính lưu manh của Chu Nguyên Chương phát tác thì cái đầu trên cổ có thể sẽ lập tức rơi xuống.

Đây hoàn toàn không phải là những lời bịa đắt vu vơ. Lỗ Tấn từng nói "Minh Thái tổ xuất thân cũng rất thấp hèn, về sau làm hoàng đế sợ bị khinh thường, nên thường xem văn chương của người ta. Có một văn nhân làm văn có câu Quang thiên chi hạ (dưới bầu trời sáng), Thái tổ cho rằng ý tứ câu ấy là Thêc thiên tử chi hạ (dưới thiên tử trọc), vì Minh Thái tổ từng làm sư nêu cho rằng có ý khinh rẻ mình, bèn giết người ấy" (23). Về sau phàm thơ phú của đình thần có phạm tới những chữ Quang, Thích, Hòa, Thượng đều bị coi là "nói gièm", "nặng thì bị giết, nhẹ thì bị giáng chức".

(21) Kinh kịch, *Du Vũ miếu*.

(22) Lỗ Tấn, *Lưu manh dù văn học*, bđd.

Về việc này, nhà sử học Triệu Dực thời Thanh từng nói "Đại khái Minh Thái tổ mang cá tính tình thánh hiền, hào liệt, lưu manh"⁽²⁴⁾. Mà Vương Xuân Du trong *Minh đại dịch lưu manh dù lưu manh ý thức* (Lưu manh và ý thức lưu manh thời Minh) cũng nói rất rõ ràng về tính chất lưu manh, thì "Chu Nguyên Chương so với Lưu Bang còn hơn một bậc"⁽²⁵⁾.

Sự phát tích của những người như Lưu Bang, Chu Ôn, Quách Uy, Vương Kiến, Chu Nguyên Chương cho thấy rõ lưu manh hoàn toàn không phải là bọn bất tài. Trong bọn họ cũng xuất hiện không ít những người có tài lãnh đạo, tổ chức, giỏi việc ràng buộc nhân tài, chế ngự người khác, khéo léo kết thành một mảng lưới thế lực chính trị, từ đó đánh chiếm giang sơn lên ngôi hoàng đế.

Lưu manh về tính cách thì vong mang, không sợ trời không sợ đất, gấp lúc quan trọng đều có thể khích lệ bọn lưu manh hành sự không úy kỵ, bất chấp dư luận, sai lầm thì một trận thua sạch, đúng đắn thì đều đạt được thành công không ngờ, tạo ra sự nghiệp kinh thiên động địa.

Lưu manh thuộc tầng lớp thấp nhất trong xã hội, cá nhân lưu manh sinh hoạt lâu dài dưới đáy xã hội, hiểu rõ tình hình xã hội, hiểu biết các loại người, có thể ứng dụng đối phó với các tình huống đột ngột nảy sinh, đổi nguy thành yên, thu được thành công.

Đó đều là lý do về phương diện tố chất của cá nhân lưu manh. Ngoài ra, cũng không thể coi thường nguyên nhân khách quan. Lưu manh dựa vào các điều kiện lịch sử, xã hội và sự hỗn loạn của xã hội, sự rối ren của thế cuộc mới có thể hú gió gọi mưa, "Đời loạn xuất hiện anh hùng" làm nên sự nghiệp lớn trong lịch sử.

(24) Xã hội khoa học nghiên học, số 3, năm 1991

(25) Triệu Dực, Tráp nhất sử trát ký, quyển 2, điều Hán sơ bố y tướng tướng chi cục.

II. Lưu manh trở thành khanh tướng

Lưu manh đã có thể ngồi lên ngai vàng hoàng đế thì việc trở thành thành viên quan trọng của tập đoàn thống trị phong kiến cũng không phải là việc hiếm có. Triệu Dực từng nói "Hán Cao tổ là một người thất phu khởi sự, vượt lên quần hùng trở thành bậc chí tôn. Vua đã là người áo vải nổi lên, thì bê tôi phần nhiều cũng từ trong bọn vô lại vong mạng, lập công trở thành khanh tướng, đó là vì khí vận xui khiến nên như thế"⁽²³⁾.

Lưu manh trở thành khanh tướng, làm kẻ thống trị cũng thoát ly tầng lớp lưu manh trước đó, trong bọn họ có người quả thật cải tà quy chính, tạo nên sự nghiệp trị quốc an dân, nhưng cũng có kẻ khó bỏ thói quen, tiếp tục làm điều bậy bạ, trở thành một lực lượng nguy hại cho quốc gia và xã hội.

Lưu manh phát tích trở thành khanh tướng thì không thể một lời mà khái quát được, tao ngộ cũng nhiều màu nhiều vẻ, rất khó nói khái quát. Nhưng cắt chỗ dài bù vào chỗ ngắn, bỏ cái khác mà giữ cái giống, thì đại khái có mấy tình trạng như dưới đây.

1. Dũng cảm dũng tận, lập công nhận chức

Lưu manh tuy không phải là hiệp khách, nhưng tính tình thích chuyện vung đao múa kiếm, luyện công tập quyền, một sớm tham gia quân ngũ, thì đều nhờ võ nghệ cao cường mà phá trận giết giặc, vì dũng cảm dũng tận nên bất kể sống chết, lúc đời loạn lập công dựng nghiệp, lên thẳng mây xanh. Trong lịch sử có rất nhiều lưu manh thời trẻ bị địa phương hoặc gia đình không dung, tức giận bỏ nhà ra đi, về sau lại có thể làm rõ ràng tổ tiên, áo gấm về làng chính là nhờ thế.

(23) Triệu Dực, *Tráp nhất sử trát ký*, quyển 36.

Thứ nêu vài ví dụ.

Trương Thú Công thời Hán, lúc trẻ từng làm điều bậy bạ, cướp bóc đánh nhau. Về sau nhờ dũng cảm tùng quân, dám xông sâu vào đất giặc, được phong là Ngạn đầu hầu⁽²⁶⁾.

Chu La Hầu thời Tùy, tự Công Bố, người Tầm Dương Cửu Giang, xuất thân trong gia đình quan lại. Cha là Pháp Cảo, làm Quán quân tướng quân, Thái thú Thủ Khoa, thăng Tân kỵ thường thị, Nội sử Nam Khang, Lâm Chung huyện hầu nhà Lương. Vị công tử này sinh ra trong gia đình quan lớn, lớn lên trong phú quý vinh hoa, nhưng lại dối đời không giữ phận, không chịu yên phận giữ mình, năm mươi lăm tuổi đã giỏi cung ngựa, thích ưng chó, du hiệp phóng đăng, tụ tập bọn vong mang, lén học binh thư, gây ra không ít chuyện thương luân bại lý, ngay người chú là Cảnh Ngạn cũng không thể không nói rằng "Nhà ta nhiều đời cung kính cẩn thận, một mình ngươi lại phóng túng, khó có thể giữ được cơ nghiệp. Nếu không mất mạng, ắt sẽ gây ra cái họa diệt tộc". Về lời nói này, Chu La Hầu cứ nghe tai này lọt qua tai kia, không hề để ý.

Nhưng sau khi Chu La Hầu tùng quân, nhiều lần lập công được khen thưởng. Thời Trần Tuyên đế lại nhờ quân công được thăng làm Khai viên tướng quân, Huyện lệnh Cú Dung. Về sau theo Đại Đô đốc Ngô Minh Thiết đánh nhau với quân Tề ở Giang Dương, bị tên lục bắn trúng mắt trái. Minh Thiết bị quân Tề vây ở Túc Dự, tướng sĩ nhìn nhau, không còn lòng dạ nào chiến đấu, chỉ có La Hầu giục ngựa xông ra, đánh quân Tề hàng ngũ tán loạn. "Thái bộe khanh Tiêu Ma Ha nhân đó xông ra theo, giết được vô số quân giặc. Quân tới Từ Châu, đánh nhau với tướng Chu là Lương Sĩ Ngạn ở Bành Thành, Ma Ha lâm trận ngã ngựa, La Hầu xông vào cứu được Ma Ha ra khỏi vòng vây, dũng mãnh đứng

(26) *Hán thư*, quyển 90, *Khốc lại truyện*, *Nghĩa Tung truyện*.

đầu tam quân". Vì thế được phong là Quang viễn tướng quân, Thái thú Chung Ly. Năm thứ 11 lại được phong Tiết độ sứ, Đô đốc Giang Châu¹¹⁽²⁷⁾.

Long Bao trong *Giang Nam dã sử* quyển 10 có chép về Thân Đồ Lệnh Kiên ở Sơn Đông từ nhỏ sức khỏe hơn người, vô lại cờ bạc. Trong thời Tấn Hán lại ăn cướp, bị chúa quận bắt được giải lên kinh. Được nửa đường, Thân Đồ Lệnh Kiên đút lót cho quân áp giải, nói "Ta và các anh là người đồng hương, mong được uống chung một bình rượu để vinh biệt". Quân áp giải không biết là kế, uống tới say mèm, Thân Đồ Lệnh Kiên thừa cơ bỏ trốn, về theo Hàm súy Lâng, cùng cướp bóc ở Hoài Bắc. Trong mấy lần đánh nhau sau đó Thân Đồ Lệnh Kiên dũng mãnh đứng đầu tam quân, xông lên không ai chống được, giết rất nhiều giặc, nhờ công lao được phong làm Đô Ngu hầu quân Thần vệ. "Khi Hậu chủ lên ngôi, lại được tin tướng thân cận, thường chầu hầu bên cạnh". Năm Khai Bảo thứ 5 tháng làm Thủ sứ Cát Châu, ủy nhiệm công việc ngoài biên, sử chép ông ta điều động việc quân, xây đắp thành trì, trấn áp bọn giặc ngoài biên, rất có tài năng. Sau khi Kiến Khang bị hăm, Hậu chủ ra lệnh cho Lệnh Kiên đầu hàng, nhưng ông ta ngầm hẹn ước với Thủ sứ Viên Châu Lưu Mậu Trung làm phản giết chết Giám quân, cát cứ ở trấn không chịu đầu hàng.

Thân Đồ Lệnh Kiên nhờ dũng cảm dữ tợn mà được trọng dụng, trị lý việc ngoài biên rất có kết quả, cuối cùng lại bất khuất không chịu đầu hàng, có thể nói là người lỗi lạc trong đám tướng lĩnh xuất thân lưu manh.

Lại như Lưu Mậu Trung thời Ngũ đại, "Từ nhỏ đã hiếu biết binh thư, không lo làm ăn, tự coi là bậc hào kiệt, kết nạp bọn vô lại, cướp bóc xóm làng, làm hại cho dân rất nhiều. Bị quân áp bắt được, khép vào tội chết, may gặp kỳ

(27) *Tùy thư*, quyển 56, *Chu La Hầu*.

dại xá được chuộc mạng". Dù biết ông ta vốn cũng là một gã vô lại. Sau khi ra khỏi tù, Lưu Mậu Trung và đồng bọn cùng đầu quân. Lúc tấn công bọn cướp ở Giang Thượng, động Giả Cô tại Lư Lăng lập được công lớn, trước tiên "được phong chức Bình mã Giám áp Cát Châu", lại "được phong làm Chế tri sứ ở Bình Hương Viên Châu, ủy nhiệm coi việc vùng Tương Đàm". Tuần phủ sứ Đàm Hành là Tố Bạc, nhân lúc Mậu Trung mở tiệc ngày Đông chí, suất lĩnh quân kỵ và dân ở đất Đàm dựng mấy ngàn dinh trại cạnh ranh giới đất Đàm, ý muốn đánh úp. Lửa hiệu bốc lên, đại dịch đã vào đất, nhân dân sợ hãi cuống quýt. Lưu Mậu Trung lúc trẻ quen kết nạp bọn vô lại, cướp bóc làng xóm lại thản nhiên như thường, vẫn sai rót rượu ăn yến. Rượu được vài tuần, kỵ mã báo tin lại tới, các tướng xin ra trận. Mậu Trung cười nói "Hôm nay là ngày Tướng can, nếu ra quân thì bất lợi cho chủ tướng". Rồi sai quân ngầm ra mai phục ở đường tắt, đốt sạch cầu, sau đó mặc giáp trụ, rời dinh ra mười dặm gặp quân đất Đàm. Hai bên đánh nhau một lúc, chưa phân thắng bại. Lưu Mậu Trung bỏ ngựa, cầm đại dao xông vào trận giặc, tới đâu giặc đặt ra tới đó, bèn thừa thắng đánh gấp. Quân đất Đàm thua chạy, hàng ngũ rối loạn, dọc đường lại gặp phục binh, cầu lại bị đốt, rơi xuống nước chết đuối không biết bao nhiêu mà kể, cơ hồ toàn quân tan vỡ. "Hậu chủ thường công cho Mậu Trung, thắng làm Thủ sứ Viên Châu"⁽²⁸⁾.

Lưu Mậu Trung xuất thân là lưu manh giặc cướp, làm điều bậy bạ, nhưng vì mình cũng không thiếu dũng cảm muu trí, nhất là dùng trí phá giặc, dũng mãnh đánh nhau với quân đất Đàm, biểu hiện rõ ràng tính cách của ông ta. Chức Thủ sứ Viên Châu của ông ta là dùng tính mạng của mình mà đánh đổi, cũng rất không dễ.

(28) Long Bao, *Giang Nam dã sử*, quyển 10.

2. Đế vương nhìn bằng mắt xanh, bất ngờ trọng dụng

Trong xã hội phong kiến ở Trung Quốc có lưu hành một câu danh ngôn "Vua bảo bầy tôi chết, bầy tôi không thể không chết". Đầu kia của câu danh ngôn ấy là vua bảo ai vinh hoa phú quý thì người ấy được vinh hoa phú quý. Lưu manh một sờm được đế vương ưng ý thì sẽ được phong thưởng quan cao lộc hậu, sẽ được thu dụng, cam tâm tình nguyện ra sức trung thành với đế vương, từ chỗ là kẻ phá hoại trật tự xã hội đổi ngược thành lực lượng duy trì trị an. Thế giới rộng lớn như thế, số người đông đảo như vậy, mà vì sao vua chúa phong kiến lại ưng ý bọn lưu manh mà người đời đều chán ghét? Lý do vốn có rất nhiều, không thể loại trừ khả năng có cơ hội ngẫu nhiên. Vua chúa lúc bình thời ăn ở trong thâm cung đại viện, ngoài các cận thần thì không tiếp xúc với người ngoài. Như vậy một sờm có ai tiến cử lưu manh cho họ, mà lại hoa ngôn xảo ngữ trên gáy thêm hoa, vua chúa chỉ cần ra một đạo thánh chỉ là có thể khiến y nhẹ bước mây xanh, băng trình vạn lý.

Nghĩa Tung thời Hán quê Hà Đông, lúc trẻ từng cùng Trương Thủ Công đi ăn cướp, chuyên làm chuyện bậy bạ, tiếng tăm rất không tốt. Nhưng gã vô lại này số phận rất may mắn, có một người chị ruột là Nghĩa Câu nhờ tài năng y thuật cao minh được Vương Thái hậu mẹ Vũ đế yêu mến. Một hôm Thái hậu buột miệng hỏi Nghĩa Câu "Có con trai anh em nào làm quan không?". Nghĩa Câu thành thực đáp "Có một đứa em vô hạnh, không thể làm được". Sau đó Thái hậu đem việc nói với hoàng đế, hoàng đế nghe xong lập tức phong Nghĩa Tung làm Trung lang tướng, bổ làm Huyện lệnh ở quận Thượng Đặng.

Đối với việc được hoàng đế bất ngờ trọng dụng, Nghĩa Tung đương nhiên đội ơn không ít, không những sửa bỏ những việc làm xấu xa ngày trước mà còn dốc lòng trung thành, tận tâm tận lực, cùc cung tận tụy bảo vệ thiên hạ của

hoàng đế. Theo sử sách ghi chép, sau khi Nghĩa Tung làm quan, "Dám làm việc, ít lơ là, trong huyện không có việc lầm lỡ, được cử vào bậc nhất". Vì thế không lâu lại được "thăng làm Huyện lệnh Trường Lăng rồi Trường An". Thời y làm quan, "theo phép mà làm, không sợ người quý thích". Lại nhờ "bắt Trung là con Tu Thành cháu ngoại Thái hậu", được hoàng thượng coi là có tài năng, đặc biệt khen thưởng, "thăng làm Đô úy Hà Nội". Nhà vua tín nhiệm thường công khen Nghĩa Tung vì bảo vệ lợi ích của hoàng gia mà hoàn toàn không ngần ngại dùng cách thức nghiêm khắc tiêu diệt lưu manh, cai trị Hà Nội tới mức người đi đường không nhặt của rơi⁽²⁹⁾.

Nhà vua tín nhiệm, trọng dụng Nghĩa Tung thì việc Vương Thái hậu tiến cử cố nhiên là một yếu tố quan trọng, đồng thời đó cũng là một thủ đoạn lung lạc nhân tâm, cất nhắc người thân tín nhưng gã lưu manh Nghĩa Tung thì có thể từ đó mà nhẹ bước mày xanh, một bước lên trời.

Thời Đường có một người tên Vương Vô Đạo, thích cờ bạc, giỏi săn bắn. Văn Vũ Thánh hoàng đế lúc chưa lên ngôi, có lần đánh bạc cãi nhau với Vô Đạo, nhờ Lý Dương Chi khuyên can mới thôi. Sau khi vua lên ngôi, Vô Đạo trốn tránh không ra mặt. Vua sai quan Cấp sứ mang một con chim ứng ra chợ bán, nói giá hai mươi ngàn đồng. Vô Đạo tới xem, bỏ ra mươi tám quan mua về. Cấp sứ về cung báo lại, vua nói "Người ấy nhất định là Vương Vô Đạo!", rồi phái người đi gọi y. Vô Đạo vừa thấy hoàng thượng, dập đầu hoảng sợ thỉnh tội. Không ngờ nhà vua không những không trách phạt mà còn cho y tới cửa Xuân Minh chờ xe thuế của các châu, phàm tiền bạc tài vật trong ba ngày đều ban thưởng cho cá. Vừa khéo cầu Bá Kiều bị hư, suốt ba ngày chỉ có ba xe gai, ngoài ra không có gì. Hoàng thượng biết Vô Đạo phúc

(29) Hán thư, quyển 90, *Khốc lại truyện*, *Nghĩa Tung truyện*.

mỏng, bèn không ban thưởng nữa. Vô Đạo lại không chịu thôi, xin ban cho một chức quan ngũ phẩm. Vua nói "Không phải ta không cho ngươi, nhưng vì ngươi khó mà làm nổi". Vô Đạo cứ năn nì, hoàng thượng nể mặt cũng dành đồng ý⁽³⁰⁾. Một tên vô lại cờ bạc lại dễ dàng nhận được một chức quan ngũ phẩm như thế đấy.

Cao Cầu từng giữ chức Điện súy phủ Thái úy dưới triều Tống Huy tông, rất được Huy tông tin dùng, trở thành trọng thần nắm đại quyền trong quốc gia thì quá trình phát tích cũng rất ly kỳ.

Cao Cầu (? - 1126) vốn là một gã con em nhà sa sút trong quân Tuyên Vũ ở Biện Lương phủ Khai Phong Đông Kinh, là con thứ hai trong gia đình, từ nhỏ không lo làm ăn, chỉ thích luyện thương múa gậy, lại đá cầu rất giỏi, người trong kinh vì vậy thuận miệng gọi y là Cao Cầu. Sau khi phát tích mới bỏ chữ Mao trong chữ Cầu, thêm bộ Nhân vào, đổi thành Cao Cầu. Cao Cầu lúc trẻ dựa vào việc đàn sáo ca hát, luyện thương múa gậy, thông thạo những trò chơi và thi thư từ phú, lêu lổng rong chơi ngoài thành Đông Kinh, dụ dỗ con Vương Viên ngoại là Sinh Thiết rượu chè cờ bạc trai gái hoang phí, bị Phủ doãn đánh hai mươi gậy trực xuất khỏi Đông Kinh. Người trong thành Đông Kinh đều không ai chịu chứa y, Cao Cầu không còn đường nào dành tới Lâm Châu Hoài Tây, nương tựa một gã vô lại là Liễu Đại Lang, thế thúc của y mở sòng bạc ở đó. Liễu Đại Lang rất thích nuôi dưỡng bọn lêu lổng làm khách, chiêu nạp lưu manh bốn phương. Cao Cầu và y rất hợp nhau, một lần tới ở lại ba năm, về sau Triết tông hoàng đế ra lệnh đại xá thiên hạ, Cao Cầu nghĩ cách trở về Đông Kinh. Liễu Đại Lang lại cho y về nương tựa người bà con là Đồng Tướng Sĩ mở cửa hiệu bán thuốc ở cầu Kim Lương trong thành Đông Kinh. Đồng Tướng Sĩ biết Cao Cầu

(30) Triều dâ thiêm tài, Thái bình quảng ký, quyển 146, Định số loại.

là kẻ vô lại, sợ giữ y lại thì con em trong nhà sẽ hờn, lại tiến cử y cho Tiêu Tô học sĩ. Tiêu Tô học sĩ cũng không muốn chứa y, lại tiến cử y tới phủ Tiểu vương Đô Thái úy.

Tiểu vương Đô Thái úy là anh rể của Triết tông hoàng đế, phò mã của Thần tông hoàng đế, rất thích nhân vật phong lưu, đang muốn dùng người như Cao Cầu, bèn giữ y lại. Một hôm Cao Cầu mang nhẫn ngọc của Tiểu vương Đô úy qua biếu Đoan vương. Lúc ấy Đoan vương đang đá cầu với mấy tên Tiểu hoàng môn. Quả cầu bị đá tung lên, rơi xuống cạnh Cao Cầu. Cao Cầu thấy quả cầu rơi, ngứa nghề không kìm được, bèn ra một ngón Uyên ương cái đá về phía Đoan vương. Đoan vương thấy thế cả mừng, hôm sau bèn tới xin Tiểu vương Đô Thái úy cho Cao Cầu theo mình làm tùy tùng. Từ đó trở đi, Cao Cầu cũng dốc lòng dốc sức hàng ngày truy tùy, gang tấc không rời. Không bao lâu, Triết tông hoàng đế băng, vì không có Thái tử nên vẫn vắng bá quan thương nghị, sách lập Đoan vương làm vua, lấy hiệu là Huy tông. Huy tông vì thích Cao Cầu đá cầu giỏi, đầu tiên sai Khu mật viện ghi tên làm người tùy giá, không đầy nửa năm đã thăng Cao Cầu lên tới chức Điện súy phù Thái úy. Dương thời có bốn câu thơ nói rõ chuyện này "Bất câu quý tiễn Tề vân xã, Nhất vị mô lăng thiên hạ viên. Đài cử Cao Cầu cầu khí lực, Toàn bằng thủ cước hội đương quyền" (Đá cầu vào hội chẳng sang hèn, Một chuyện dùng dằng thiên hạ yên, Cất nhắc Cao Cầu mong sức lực, Toàn nhờ chân cẳng nắm binh quyền)⁽³¹⁾.

Cao Cầu trở thành bậc trọng thần, tự hồ có chỗ buồn cười, đã dễ dàng lại khúc chiết, nhưng cũng phản ánh sự khinh miệt kỳ thị của mọi người đối với loại lưu manh phát tích trở thành trọng thần của hoàng đế phong kiến. Cho dù lưu manh sau khi trở thành trọng thần đã thay đổi trở thành người khác, thì trong tâm lý mọi người, phía sau lớp trang

(31) *Thủy hử truyện*, hồi 2.

phục màu tía màu xanh bên ngoài của họ vẫn là cốt cách lưu manh.

Tâm lý ấy của mọi người hoàn toàn không phải không có lý. Có một số lưu manh lọt vào mắt xanh của đế vương, lẽ ra phải khắc cốt minh tâm, tích cực trả ơn, nhưng do đã tập nhiễm thói quen lưu manh làm điều bậy bạ khó sửa đổi từ trước, khiến đế vương không thể không trừng phạt nghiêm khắc. Đế vương sử dụng lưu manh, vốn là để thu phục nhân tâm, bồi dưỡng kẻ thân tín, tuyệt đối không cho phép trong đội ngũ thống trị của mình tồn tại những kẻ lưu manh hát giọng khác với họ, quấy rối phá hoại.

Theo sử sách, Phương Thái nhà Trần thời Nam triều lúc nhỏ thô hào dữ tợn, cùng bọn thiếu niên xấu chơi bời vô độ. Thế tổ vì Phương Thái là con của Nam Khang vương nên đặc biệt khoan hồng. Năm Thiên Gia thứ 1 (560), ban chiếu nói "Nam Khang vương Huyện Lāng, công nghiệp hơn người, tử sinh khó biết, miếu mạo vừa sửa, việc cung tế cần người làm chủ, có thể lấy trưởng nam là Phương Thái làm Nam Khang thế tử, phụng dưỡng Nam Khang vương". Về sau Huyện Lāng chết, Phương Thái tập tước làm Nam Khang vương, không bao lâu được phong là Nhân Uy tướng quân, Phủ doãn Đan Dương, làm Tá sứ. Năm Thái Kiến thứ 4 (572), đổi làm Đô đốc cầm cờ tiết coi việc quản mười chín châu Quảng Hành Giao Việt Thành Định Minh Tân Hợp La Đức Nghi Hoàng Lợi An Kiến Thạch Nhai^(*), Bình Việt Trung lang tướng, Thủ sứ Quảng Châu. Một kẻ vốn trong bọn ác thiểu, không khác gì bọn ác thiểu mà trong một thời gian ngắn ngủi lại gánh vác được bấy nhiêu chức trách to lớn của quốc gia, tuy có quan hệ chặt chẽ với việc xuất thân trong gia đình Nam Khang vương cao quý nhưng cũng nhờ nhà vua khoan thứ, tha thiết hy vọng mà tạo nên. Nhưng Phương

(*) Có lẽ nguyên bản in sót, vì trên đây chỉ có mười tám châu.

Thái lai không bỏ thói lưu manh, ngang ngạnh thành nết "làm chính sự tàn bạo, vì quan Hữu ty tâu lên nên bị cách chức". Thật ra hoàng thượng không nỡ xử trí nghiêm khắc, cách chức y một thời gian, lại "khôi phục làm Nhân Uy tướng quân, coi việc Tá sứ. Năm thứ 6, trao cho chức Tiết độ sứ, Đô đốc quân sự các quân Dự Chương, làm Nội sử Dự Chương". Nào ngờ Phương Thái không biết hối cải, thói cũ lại bộc lộ, "lúc ở quận không coi việc dân, lúc hết hạn mấy lần thả quân sĩ ra cướp bóc, lại phóng hỏa đốt nhà trong quận, nhân đó cướp bóc, xua đuổi người giàu, sách nhiễu tiền bạc. Đến hết hạn, lại dây dưa không chịu về triều". Chuyện đó còn không kể, nhưng "năm thứ 15 (580) được khôi phục làm Ninh Viên tướng quân, Trực điện sảnh, kế gia phong là Tán kỵ thường thị, chước lượng cho làm Tá sứ", tháng 8 năm ấy, "Cao tông ra cửa quan Đại Tráng, nhân đó đại duyệt binh sĩ, sai Đô đốc Nhiệm Trung suất lãnh mười vạn quân bộ quân mã bày trận ở hồ Huyền Vũ, Đô đốc Trần Cảnh suất lãnh năm trăm lâu thuyền ra sông Qua Bộ, Cao tông lên cửa Huyền Vũ họp quần thần bày tiệc cùng xem. Nhân đó vào vườn Lạc Du, cho tấu nhã nhạc nhưng vẫn lên cửa quan Đại Tráng, tập họp quân đội kéo về". Việc to lớn quan trọng như thế, Phương Thái vốn phải theo làm tùy tùng, nhưng y lại mượn cớ "nói mẹ bệnh nên không đi, nhân đó cùng mười hai tên vong mệnh bọn Dương Chung Kỳ mặc quần áo thường xuống nhà dân, hăm hiếp vợ con người ta, bị chúa quan biết, lại họp bọn chống cự, bị quan Hữu ty tâu lên hạch tội". Những hành vi chống lệnh làm loạn như vậy, rốt lại khiến "chúa thượng cả giận sai bắt Phương Thái hạ ngục". Nhưng Phương Thái quen làm điều bậy bạ, "lúc đầu vẫn nhận là có làm bậy nhưng không nhận là có chống cự Hữu ty, vua nói không nhận thì vua sẽ đích thân tra xét, Phương Thái vẫn khai như cũ"⁽³²⁾.

(32) Trần thư, quyển 14, Nam Khang Dận vương Huyền Lăng.

Phương Thái ương ngạnh như vậy đại khái Trần Tuyên để không ngờ tới. Ông ta đềbat trọng dụng Phương Thái, nhưng không thể thay đổi tính nết của y.

Một tình hình khác của việc đế vương coi trọng lưu manh, nhiều lần lục dụng là lưu manh quan sát sự chuyển biến của thời cuộc, không tiếc sử dụng các thủ đoạn phao tin vu cáo xấu xa, hăm hại chống đối người khác, tò ro lòng trung thành với đế vương. Mà đế vương cũng xuất phát từ các nhu cầu chính trị khác, đềbat trọng dụng một số lưu manh vào địa vị trọng yếu hoặc làm bọn chó săn thân tín, hoặc làm tấm gương về lòng trung thành với mình. Như vậy đế vương dùng lưu manh làm vũ khí, mà lưu manh thì lấy đế vương làm chỗ dựa chính trị, dối bên câu kết, lợi dụng lẫn nhau, vô cùng ăn ý.

Hầu Ân Chi thời Đường, từ nhỏ đã du thủ du thực, không lo làm ăn, nhà rất nghèo nhưng không chịu làm ăn. Y tuy không biết một chữ nhưng vô cùng vô lại quý quyết, khéo nắm cơ hội, theo hầu Tham quân Hằng Châu Cao Nguyên Lễ. Có lần Thủ sứ Hằng Châu Bùi Trinh phạt đòn một viên Phán ty, viên Phán ty căm hận, lén nói với Hồ Ân Chi "Ngày nay chư vương nhiều người bị tru lục, sao không tố cáo?". Viên Phán ty quá rát có nhân lực, Hầu Ân Chi quả nhiên linh tê nhất điểm thông, thấy đương thời "trời giáng họa cho vương thất, việc phe cánh bè đảng đã nhóm lên", bèn "dâng đơn tố cáo, nói Thư vương và Bùi Trinh mưu phản". Chiêu ấy rất hợp ý Vũ Tắc Thiên, bà ta lập tức "ban chiếu xét hỏi, tru di tam tộc". Hầu Ân Chi thì vu cáo hại người có công được phong là Du kích tướng quân, một bước lên quan. Cao Nguyên Lễ vốn là ân chủ của Hầu Ân Chi đến lúc ấy cảm thấy vị khách nghèo ngày trước hung ác phi thường, "bèn cẩn thận ra sức lấy lòng, mời ngồi ngang hàng, gọi là Hầu Đại", lại nói với y "Quốc gia dùng người không chừng, nếu nói Hầu

Đại không biết chữ, thì có thể tâu rằng: Con giải trai⁽³²⁾ cũng không biết chữ, nhưng có thể húc kẻ xấu". Qua mấy hôm, Tắc Thiên triệu kiến Hầu Ân Chi quả nhiên nói "Muốn dùng ngươi làm Ngự sử, nhưng người ta nói ngươi không biết chữ". Ân Chi trả lời bằng câu về con giải trai, Tắc Thiên cho là có lý, lập tức phong y làm Ngự sử. Nguyên Lê lại ngầm dặn y "Thánh thượng biết Hầu Đại không có nhà ở, nếu ban cho nhà thì cứ lấy tạ chứ đừng nhận. Thánh thượng át sẽ hỏi lý do, cứ tâu rằng: Đó là nhà cửa của bọn phản nghịch, ghét tiếng xấu nên không muốn vào ở". Hầu Ân Chi như con két học nói tiếng người cứ thế làm theo, Tắc Thiên lại rất vui vẻ, ban thưởng cho rất nhiều⁽³³⁾.

Tuy nói chó cũng có đạo của chó nhưng Hầu Ân Chi lại không biết siểm nịnh, toàn dựa vào người khác dạy bảo mà sống qua ngày. Nhưng y tàn ác dám làm, không hề úy kỵ, thậm chí dám giờ thủ đoạn vu cáo, thành công thì làm vương hầu, thất bại thì bị bêu đầu, một gã mặt dày vong mạng đối đời lừa người lại thu được thành công không ngờ.

Thời Đường còn có Vương Hoằng, xuất thân ở Hành Thủy Ký Châu, lúc trẻ vô lại, chuyên bịa đặt hăm hại người tốt, từng tới Triệu Định ở Hà Bắc, gặp phụ lão làm chay ở huyện hàng năm bèn giết hai trăm người, được phong làm Du kích Tướng quân, kế thăng làm Thị Ngự sử. Lúc ấy có người tố cáo việc làm bất pháp của Đô đốc Thống Châu Vương An Nhân, triều đình mật lệnh cho Vương Hoằng tới điều tra. Vương Hoằng dùng gông lớn gông Vương An Nhân, tra tấn tới chết, lại sai bắt con trai Vương An Nhân đang trong quân chém đầu. Có lần y và Tư Mã Mao Công ăn cơm ở Phàn

(32) *Giải trai*: một loại thần thú trong thần thoại Trung Quốc, có sừng, tính ngay thẳng, gấp ké gian tà là xông vào húc, sau được dùng làm biểu tượng cho chức Ngự sử trong triều đình.

(33) *Thái bình quang ký*, quyển 240, *Sâm nịnh loại*, vốn chép trong *Danh tần lục*.

Châu, đột nhiên trở mặt sai người giết chết Mao Công⁽³⁴⁾. Vương Hoằng dựa vào việc đơn đặt bịa chuyện, tàn hại người khác mà nhẹ bước đường mây, làm bậc đại quan như thế đây.

Ngoài ra còn có lý do vì trong gia đình có quan hệ thông gia với đế vương, được quan viên che chở, khiến lưu manh được đế vương đặc biệt lục dụng trở thành quan lại hiền hách, không cần kể ra ở đây.

3. Lấn hiếp đế vương, nhân loạn đoạt quyền

Trong sự phát triển của lịch sử, xã hội thay đổi mau lẹ, sự ổn định và hỗn loạn của chính trị vẫn liên tục nối tiếp nhau. Lúc thế cuộc hỗn loạn, địa vị của đế vương nguy ngập, lưu manh sẽ nhân loạn triển khai hoạt động rông càn, lợi dụng thời cơ, công khai đòi chức tước với đế vương. Thiên tử trong lúc loạn lạc đã mất sạch oai phong, không còn sự oai nghiêm thần thánh, thánh chỉ cũng chỉ như một tờ giấy lộn, không thể không phong bừa lưu manh làm đại quan cận thần để thoát nạn. Loại người thật việc thật này tuy không khỏi có tính ngẫu nhiên và màu sắc hài kịch, nhưng là sự thật lịch sử. Đúng như lời tục vẫn nói "Rồng vào ao cạn tôm đùa cọt, Cọp xuống đồng bằng chó dối lửa".

Ví dụ Vương Luân thời Tống, tự Chính Đạo, người Sầm huyện, là chất nội Vương Trợ em Vương Đán Tê tướng nhà Tống. Tuy là một gia tộc hiền hách nhưng đến đời Vương Luân đã suy sụp bần cùng, y lại vốn là kẻ vô hạnh, dàn düm với bọn vô lại, qua lại kinh đô Lạc Dương, nhiều lần phạm pháp. Nhiều lần được miễn không trị tội, nhưng không lo hồi cải, năm bốn mươi tuổi vẫn bê tha trong đám ác thiêu ở chợ búa, không làm việc gì hay.

Đứng khinh Vương Luân là lưu manh thành nết, chứ y

(34) Vốn chép trong *Thái bình quảng ký*, quyển 129, *Bảo ứng loại*.

cũng giỏi việc xem mây ngắm gió, đoán định thời cuộc, lại kịp thời phát huy thủ đoạn lưu manh một cách thông thạo. Lúc Biện Kinh thất thủ, Khâm tông ngự ra cửa Tuyên Đức, người ở kinh kêu khóc không thôi, ầm ĩ náo loạn. Vương Luân nhân dịp tới trước mặt hoàng đế nói "Thần có thể trấn áp được". Khâm tông trong lúc khẩn cấp đang luống cuống hoảng hốt, nghe thấy câu ấy lập tức cởi thanh bảo kiếm Phục quốc đưa cho y, bảo y mau đi thu xếp việc hỗn loạn trước mắt. Vương Luân nhận bảo kiếm, lại tiến thêm một bước yêu cầu "Thần chưa có quan chức gì, làm sao trấn áp?", mượn dịp khoe khoang tài cán của mình. Khâm tông chỉ còn cách viết mấy chữ lên một tờ giấy "Vương Luân được phong làm Thị lang bộ Bình". Vương Luân cầm bảo kiếm và sắc phong xuống lầu, dắt máy tên ác thiếu không lo làm ăn, làm điều bậy bạ ở địa phương truyền chi vỗ về, không bao lâu ngay cả hoàng đế và đại thần cũng không sao đối phó được với cục diện nguy hiểm, lại bị bọn Vương Luân khống chế⁽³⁵⁾.

Tuy nói Vương Luân nhân thời thế bức hiếp để vương đòn hồi quan chức, nhiều đời nay bị người ta mỉa mai, nhưng nói đi cũng phải nói lại, trong những biến cố thông thường vẫn xảy ra trong lịch sử thì quả thật y cao minh hơn các đại thần của Khâm tông rất nhiều.

Khâm tông về việc Vương Luân nhân lúc loạn lạc chìa tay đòi chức quan, lúc bấy giờ tung ban những án diên gì thì vì sử sách không ghi chép nên chúng ta không thể đoán bừa. Tuy sau khi dẹp loạn Khâm tông cũng rất tôn trọng Vương Luân, nhưng lúc bấy giờ ông ta ban cho Vương Luân thanh bảo kiếm ngự dụng và chức Thị lang bộ Bình thật ra là quyết định lúc bị tình thế bức bách. Nếu để vương hơi có biện pháp, quyết không thể để bị lưu manh vô lại xỏ mũi đất đi như thế.

(35) *Tổng sử*, quyển 371, *Vương Luân truyện*, *Kim sử*, quyển 79, *Vương Luân truyện*.

Trong lịch sử Trung Quốc thì Lý Hân Chi thời Ngũ đại cũng từng đòi nhà vua chức tước đất đai nhưng hoàn toàn không có cơ hội may mắn, thu được kết quả như Vương Luân. Lý Hân Chi là người Hạng Thành Trần Châu, lúc trẻ đi học nhưng không có chút thành tựu gì, đổi qua làm sứ, người ta lai vì y là kẻ vô lại, "tới đâu cũng không ai chứa", y lại đi ăn xin trong chợ Toan Táo, "trong chợ không ai coi là người". Lý Hân Chi tức giận ném hết bị gãy ăn mày xuống đất, xé hết quần áo, sau đó đi làm trộm cướp, trở thành một gã lưu manh trộm cướp đúng nghĩa.

Về sau Lý Hân Chi đầu quân, cùng bọn Trương Ngôn Quân giúp đỡ nhà Lương, hai người cắt máu ăn thè, thè sống chết không quên nhau. Rốt lại Lý Hân Chi tính tình hung dữ, đòi hỏi Trương Ngôn Quân không thôi, lại chửi mắng Trương Ngôn Quân, khiến đôi bên trở mặt coi nhau là kẻ thù, dấy động can qua. Lý Hân Chi không đánh nổi Trương bèn phản Lương hàng Tấn, được tiến cử làm Thứ sứ Trạch Châu. Lúc bấy giờ, "nhà Tấn mới có được đất Sơn Đông, dựa vào Hân Chi làm bình phong". Hân Chi cũng tự cho rằng mình có nhiều công lao với Tấn bèn sai thuộc hạ tới xin với Tấn vương Lý Khắc Dụng "Từ khi tôi thoát khỏi Hà Dương, nhờ được nhà Tấn bao dung mà chưa báo đáp được gì, nay đã già rồi, không làm gì được nữa. Nếu nhà vua thương xót ban cho một trán nhỏ để lui binh dưỡng bệnh rồi cáo lão thì may lắm!". Lời lẽ tuy rất mềm mỏng nhưng ý tứ vô cùng minh bạch. Lý Khắc Dụng thấy rõ chỗ ấy, cũng lo y "giống chim ưng chim cắt, cho ăn no sẽ bay mất" nên lúc "chọn các tướng giữ trấn, không hề nhắc tới Hân Chi". Hân Chi trong lòng bức rứt, chỉ đành chờ cơ hội khác. Năm Quang Hóa thứ 1 (898) Tiết độ sứ Lộ Châu Chí Cẩn chết, Lý Hân Chi sốt ruột không chờ được liền kéo quân vào Lộ Châu, tạo thành việc đã rồi mới sai người báo với Tấn vương "Chí Cẩn đã chết, Tiết độ sứ mới chưa tới nên phải làm thế để đề phòng trộm cướp

thôi!". Lý Khắc Dụng cá giận, sai Lý Tự Chiêu đem quân đánh. Lý Hân Chi cho con trai là Lý Thạc giải bọn tướng Tấn là Mã Khái, Y Đàm qua Lương xin nhà Lương phát quân cứu viện⁽³⁶⁾.

Lý Hân Chi chìa tay đòi đất đòi chức, Lý Khắc Dụng chưa đáp ứng vì còn tạm thời có khả năng khống chế được cục diện. Tuy Hân Chi lập tức phản Tấn hàng Lương, tạo ra mối nguy nhất định, nhưng nếu lúc ấy Lý Khắc Dụng ngần ngại không quyết, giao cho y làm tướng giữ một trấn lại là dưỡng hổ di họa, tạo ra hậu quả nghiêm trọng hơn.

Vương Luân, Lý Hân Chi đòi quan đòi quyền vì hoàn cảnh của đế vương khác nhau nên kết quả hoàn toàn khác nhau nhưng cùng chứng minh một điều, là lưu manh quen thua cơ bức hiếp đế vương, nhân lúc loạn lạc đòi chức quyền.

III. Côn đồ hý lộng đế vương khanh tướng

Tất cả bọn lưu manh hoạt động rông rὸn trong xã hội, phá hoại trật tự trị an, nhưng có lúc họ cũng lớn mật làm càn, hý lộng đế vương khanh tướng, từ đó trực tiếp chứ không phải gián tiếp trở thành mối nguy hiểm đối với tầng lớp trên của xã hội. Trong đó có không ít chuyện ít nhiều quan hệ tới đại cuộc, lại rất thú vị mang ý vị đùa cợt, cũng biểu hiện sự giáo hoá và vô lại của lưu manh.

Bao Túc công Doãn Kinh thời Tống, đứng đắn oai nghiêm, chưa ai dám xúc phạm tới ông. Một hôm nhà láng giềng phát hỏa, đang lúc chưa cháy, một bọn vô lại hẹn nhau nhẫn dịp chọc ghẹo Bao Túc công, chạy tới trước mặt ông thỉnh thị "Lấy nước ở Ngõ Nước ngọt hay ở Ngõ Nước đắng?". Bao Túc công sực hiểu ra, lập tức cương quyết hạ lệnh chém ngay bọn ấy⁽³⁷⁾.

(36) Tân Ngũ đại sử, quyển 42, Lý Hân Chi truyện.

(37) Tăng Mẫn Hành, Độc tinh tạp chí, quyển 1.

Một bọn vô lại vì khinh nhòn chọc ghẹo Bao Túc công mà đầu lia khôi cô, tuy nói pháp luật không cần phải như vậy nhưng cũng là có lý do. Nếu không nghiêm khắc trừng trị thì bọn vô lại ấy lại càng trong mắt không có vương pháp, lại càng rông ràn trong xã hội.

Câu chuyện trên tuy có chỗ tồn thắt tới sự oai nghiêm và oai quyền của kẻ làm quan, nhưng chưa gây ra nguy hiểm. Nhưng nếu cho rằng lưu manh hý lộng để vương khanh tướng bất quá chỉ có thể thì là lầm to.

Trên kia từng nói, Vương Luân nhân lúc hỗn loạn ép Khâm tông thường tới quan hàm Thị lang bộ Binhh như ý, sau khi dẹp yên được loạn cũng là lúc y bắt đầu cuộc đời làm quan. Năm Kiến Viêm thứ 1 (1127), Tống Cao tông lấy Vương Luân làm quyền Thị lang bộ Hình, sung làm sứ sang Kim, bị nước Kim an trí không hồi tới. Được vài năm, Vương Luân lâu ngày khổ cực, bèn nêu ra ý nghị hòa để được về. Phủ Nguyên soái nước Kim sai người nói với y "Đó không phải là Giang Nam thật lòng muốn thế, chỉ là người tự nói ra thôi". Vương Luân bèn hạ giọng thì thào "Sứ giả làm việc có chỉ dụ, nếu không thì vì sao mà tới đây. Xin Nguyên soái xét cho", rất nhục quốc thể.

Năm Thiệu Hưng thứ 2 (1132), Niêm Hân đích thân tới sứ quán bàn việc hòa nghị với Vương Luân, lại ưng thuận cho y về báo lại với nhà Tống. Mùa thu năm ấy Vương Luân về tới Lâm An, vào triều tấu đối, hoa ngôn xảo ngữ, tới mức nhà vua phong thưởng rất hậu, thăng làm Tu soạn Hữu Văn điện, Chủ quản Vạn Thọ quán. Tháng giêng năm Thiệu Hưng thứ 9 (1139), Vương Luân từ Biện Kinh tới nước Kim bàn bạc, lại bị an trí không hồi tới. Năm năm sau, tức năm Hoàng Thống thứ 4 nước Kim (1144), nhà Kim chính thức phong Vương Luân làm Chuyển vận sứ lộ Bình Châu. Vương Luân lạy phục xuống dưới chân vua Kim, dập đầu xưng thần, hoàn toàn đánh mất nhân cách, làm nhục quốc thể. Về sau

không biết vì sao Vương Luân lại muốn chối từ quan chức của nước Kim, khiến vua Kim cho rằng y là kẻ phản phúc vô thường, đúng đùng nói giận, một đao chém chết.

Vương Luân từ chối là một kẻ tiểu nhân vô lại được thăng làm quan lớn của nhà Tống, lại không lo báo ơn, ra sức đề xướng việc nghị hòa, nhận chức quan của nước Kim, bán rẻ lợi ích của đất nước và dân tộc, thật ra cũng là hành động rất bất kính và nhạo báng đối với vua chúa phong kiến. Đương nhiên việc này phát sinh hoàn toàn không phải vào lúc Vương Luân làm điều bậy bạ dưới đáy xã hội mà đang lúc vây vùng bay liêng, xem ra nên quy vào bọn lưu manh chính trị. Nhưng không thể phủ nhận rằng hành động của Vương Luân sau khi đã đắc chí cũng có mối quan hệ nội tại với thói quen lưu manh của y lúc trẻ. Thoát Thoát thời Nguyên từng nói "Không từ nói: Làm việc có liêm sỉ, đi sứ bốn phương không làm nhục mệnh vua, có thể gọi là kẻ sĩ vậy. Vũ Văn Hư Trung đi chầu lén kinh, nhận chức quan xấu xa. Vương Luân là con cháu công hầu, vô lại ở chợ. So với kẻ sĩ làm việc có liêm sỉ, há lại có thể sai làm sứ giả sao. Hai người ấy tuy chết oan nhưng phần lớn cũng là tự mình chuốc lấy"⁽³⁸⁾. Lời ấy của Thoát Thoát rất có kiến thức, nói đúng chỗ quan trọng, rất đáng để chúng ta suy ngẫm.

Những điển hình nhất trong đám lưu manh hý lộng vua chúa không ai bằng đám lưu manh được vua chúa liên tiếp đề bạt trọng dụng, sau khi giữ chức quan to, lại lấy oán báo ơn, vì lợi ích của riêng mình mà không tiếc bán rẻ lợi ích của dân tộc, quốc gia, công khai thành lập ngụy triều chia cắt đất nước.

Theo *Kim sử*, quyển 102 *Bộc xạ An Trinh truyện* chép, Dương An Quốc là người huyện Ích Đô, lúc trẻ vô lại,

(38) *Kim sử*, quyển 79, *Vương Luân truyện*, *Tống sử*, quyển 371, *Vương Luân truyện*.

làm nghề bán yến ngựa, người ta gọi là Dương Yên nhi (Thằng nhỏ Dương bán yến ngựa), vì thế y tự lấy tên là Dương An Nhi. Trong niên hiệu Thái Hòa thời Tông, bọn vô lai ở Sơn Đông đua nhau hợp đảng cướp bóc, triều đình ra lệnh cho các châu quận đánh dẹp. An Nhi ra hàng, gia nhập quân ngũ, bắt đầu phát tích, dần dần làm tới Thủ sứ, Phòng ngự sứ. Năm Đại An thứ 3 (1211), chiêu mộ được quân Thiết Ngõa hơn ngàn người dùng cẩm, thiện chiến, lấy Quát Hợp Đã làm Đô thống, An Nhi làm Phó Đô thống, ra đóng thủ ngoài biển. Tới núi Hạc Minh, quân đội không chịu đi nữa. Vệ Thiệu vương ban chiếu hỏi tình hình, An Nhi đáp "Quan Bình chương có mấy mươi vạn quân ở phía trước, chẳng có gì phải lo. Quân đóng lại ở núi Hạc Minh là để đề phòng bị lột". Triều đình tưởng thật, An Nhi bèn thừa cơ trốn về Sơn Đông, cùng Trương Nhữ Tiếp họp đảng đánh cướp châu huyện, giết hại quan lại, một dải Sơn Đông đại loạn. Về sau An Trinh tới Ích Đô, đánh bại An Nhi ở phía đông thành, An Nhi chạy qua Lai Dương. Từ Nhữ Hiền ở Lai Dương dâng thành hàng An Nhi, thế lực An Nhi lại mạnh lên. Thủ sứ Đăng Châu Cảnh Cách mở thành đầu hàng Tráu Đô thống của giặc, giao ấn tín và ra ngoài thành đón tiếp An Nhi. An Nhi được một số lớn của cải, bèn tiếm hiệu xưng vương, đặt quan lại, cai nguyễn là Thiên Thuận, công khai chống cự với triều đình ngày trước đã thu dung, cất nhắc y⁽³⁹⁾.

Không lẽ thì có đôi, Lưu Trạch Thanh thời Minh cũng là một gà lưu manh xuất thân, đã nhận ơn lớn của nhà Minh, nhưng lúc đất nước nguy nan lại không nghĩ tới việc báo đáp, uốn gối hàng Thanh, đánh mất quốc sỉ. Lưu Trạch Thanh tự Hạc Châu, người Tào Châu, lúc trẻ vô lại, bị xóm làng khinh ghét, về sau tùng quân nhờ có công được thăng tới Tông binh, Tả Đô đốc, gia hàm Thái tử Thái sư. "Lập Phúc vương ở Kim

(39) *Kim sử*, quyển 102, *Bộ c xạ An Trinh truyện*.

Lăng, trở thành phên giậu, khai phủ ở Hoài Dương", Trạch Thanh làm quan lớn, nhưng khí chất lưu manh hoàn toàn không thay đổi, "là người ám độc hung dữ, báo oán ngay cả một cái trứng mít, sĩ đại phu ở Tào huyện bị hại rất nhiều. Nhà cũ của Trạch Thanh ở huyện Giang Hoài bỏ trống không ai ở. Một hôm có mười mấy Chư sinh vào đó uống rượu, có người nhặt được một chiếc hài gấm trên gác, chuyền tay nhau cười đùa, trong bọn có người nói mỉa, Trạch Thanh biết được, sai bọn kiện tốt theo tên họ bắt hết về đất Hoài, giết chết cả bọn. Có người anh con cô con cậu là Mồ hơi có lời chê trách, bèn sai người mời tới. Người biểu huynh sơ, "lạy lục nǎn nỉ với mẹ Trạch Thanh nhờ nói tốt cứu mạng mình". Trạch Thanh ngoài mặt rất khách sáo, chiêu đãi ưng thù rất tử tế, nhưng đến khi người ấy cáo từ ra về thì sai kiện tốt đuổi theo giết chết dọc đường. Về sau Đa Phong vây Dương Châu, Hoài Tháp chia quân từ Từ Châu đánh tới Hoài An, "Trạch Thanh ra hàng, bị giải về kinh sư"⁽⁴⁰⁾, phản Minh hàng Thanh, quên hết ân điển của nhà vua.

Trong lịch sử, người đời đối với thói quen xấu xa của bọn lưu manh sau khi đắc chí quên ơn phụ nghĩa, hý lồng vua chúa thì vô cùng căm hận, khinh ghét, nghiêm khắc lên án, chê trách. Theo Cố Công Quý chép trong *Đan Ngõ bút ký*, *Điền Hùng hiệp Hoàng Quang xuất hàng*, thì Điền Hùng người Huy Châu, lúc trẻ vô lại, là mối họa của xóm làng. Có Trịnh Triều phụng thường chu cấp cho y, mỗi lúc Điền Hùng đánh nhau với người ta, chỉ cần Triều phụng nói một câu là thói ngay. Về sau y tung quân, nhờ có công lao được thăng làm Trung quân của Tĩnh Nam bá Hoàng Đắc Công. Khi Nam Đô bị hâm, Hoàng Quang chạy tới dinh Hoàng Đắc Công, hàng tướng Lưu Trạch Thanh đuổi riết không tha, Đắc Công cầm thương lén ngựa ra đánh. Điền Hùng nhân lúc ông ta không đề phòng lén bắn Đức Công ngã ngựa, bắt Hoàng

(40) Vương Sì Trinh, *Hương tổ bút ký*, quyển 8.

Quang ra hàng. Hoằng Quang dùng sức cắn chặt vào vai Điền Hùng khóc lớn, Điền Hùng vì thế được phong tước hầu. Điền Hùng sau khi phát tích, dương dương tự đắc, sai người đón Trinh Triều phụng tới phủ đệ. Trinh thấy cảnh phú quý vinh hoa, vừa mừng vừa sợ, hồi nguyên cớ, Điền Hùng kê thật lại. Trinh Triều phụng nghe xong, nổi giận dùng dùng "Ăn lộc mà phản chủ, không phải là con người. Người quân tử không uống nước suối Đạo Tuyền (suối Ăn trộm)", rồi lén ngựa bỏ về. Điền Hùng rất thận, liền mang ngàn vàng tới tặng, nhưng Trinh Triều phụng không nhận.

Sau cùng, xin xem thêm một ví dụ về việc lưu manh trả thù riêng mà lập công nhận thưởng, đơn đặt vu cáo cho chú, đến nỗi ông ta mất quan vào tù, theo đó đủ thấy sự tàn độc và hèn hạ.

Thời Thanh có tên Mỗ quen thói vô lại, rượu chè cờ bạc với Tống binh Vu Thát. Vu Thát vốn là thổ phi ở Sơn Đông thời Minh mat, sau khi hàng Thanh được trao chức Tống nhung, nhưng thói xấu vẫn không bỏ. Chú của Mỗ tên Tống Lệ Thường là Cảo sứ Sơn Đông biết chuyện, nổi giận dùng dùng, nói "Như thế át là tai họa cho dòng họ, để nó về đây sẽ trói lại mang ra từ đường đánh chết!". Mỗ nghe phong thanh lời ấy, bỏ nhà trốn tới Đức Châu. Đêm tới ngủ lại trong miếu Thổ địa, nằm mơ thấy thần Thổ địa nói "Đừng sợ. Đại phú quý sắp tới rồi. Hiện Vu Thát đang định làm phản, ngươi nên mau tới kinh khai báo với Đề đốc!". Lại nói "Ở chỗ nọ có chôn trăm lượng vàng, có thể lấy làm tiền lộ phí". Mỗ theo lời đào lên, quả nhiên được vàng, cả mừng. Vì trong lòng oán hận chú, bèn tới chỗ Đề đốc vu cáo chú cùng Vu Thát thông mưu làm loạn. Không đầy mười ngày, quả nhiên Vu Thát làm phản, Tống Lệ Thường bị liên lụy bị bắt, Mỗ thì nhờ ra tố cáo mà được thưởng⁽⁴¹⁾.

(41) Viên Mai, Tân Tề hài, quyển 15, *Tống Lệ Thường thụ ác Thổ địa chí lụy*.

Quan hệ giữa lưu manh và đế vương khanh tướng trên thực tế là phản ánh một số hoạt động của lưu manh ở tầng lớp trên của xã hội. Từ đó chúng ta cần thêm một điều vào rất nhiều kết luận chung, là tính nét của lưu manh rất khó sửa đổi, nên một khi đã trở thành khanh tướng vẫn còn giữ thói quen làm điều bậy bạ ngày trước, so với bọn lưu manh bình thường thì gây ra mối nguy hại cho xã hội và quốc gia lớn hơn không biết bao nhiêu mà kể.

Chương 3

Các tập đoàn xưng bá một vùng

Cùng với hoạt động ngày càng phổ biến của lưu manh, đáp ứng với yêu cầu hoạt động của lưu manh lúc lưu manh đã cảm thấy hoạt động đơn độc khó có thể công khai chống đối lại với áp lực to lớn của xã hội hoặc khó chống lại sự xâm lấn, tranh đoạt của các đoàn thể tội phạm khác trong lãnh vực, phạm vi hoạt động vốn có, thì bọn lưu manh có chung đặc điểm chủ yếu là rong chơi lười biếng, không lo làm ăn, phá hoại trật tự xã hội cũng họp lại, kéo bè kết đảng, tổ chức thành tập đoàn lưu manh.

Nói chung, cái gọi là tập đoàn lưu manh chính là một đoàn thể phối hợp hành động được tổ chức nhằm một mục đích nhất định của lưu manh.

Nếu cần chú thích thêm, thì tập đoàn lưu manh còn có một số đặc điểm chủ yếu sau đây: 1. Tập đoàn do bọn rong chơi lười biếng, không lo làm ăn, làm điều bậy bạ hoặc do chúng làm lực lượng chủ yếu tổ chức ra; 2. Nội bộ của nó có một phương thức hoặc chuẩn mực hành động, sinh hoạt đặc biệt; 3. Hoạt động phạm tội giữa các tập đoàn có nội dung, lãnh vực khác nhau; 4. Đặc điểm chủ yếu trong hành động của tập đoàn là đối trả, càn quấy, thi triển các thủ đoạn hèn hạ; 5. Hai trọng tâm lớn trong hoạt động của tập đoàn là chiếm đoạt tiền bạc bất nghĩa và cưỡng gian phụ nữ.

I. Nguồn gốc và sự phát triển của tập đoàn lưu manh

Căn cứ vào nhiều nhân tố tông hợp như số lượng này sinh, mức độ nguy hại đối với xã hội và tương quan giữa các tập đoàn lưu manh với các tầng lớp xã hội khác về hoạt động và ảnh hưởng trong tiến trình lịch sử Trung Quốc mà xem xét, thì đại khái có thể chia quá trình phát triển của các tập đoàn lưu manh từ thời Tân Hán đến Thanh mạt làm ba thời kỳ này sinh, trưởng thành và thịnh vượng. Trong ba thời kỳ ấy, tập đoàn lưu manh đi từ chỗ này sinh một cách ngẫu nhiên, rồi rạc tới chỗ xuất hiện và phát triển thành đoàn thể tội phạm xã hội đông đúc phô biến rồi tiến tới trở thành đoàn thể chủ yếu nhất trong các tầng lớp tội phạm xã hội. Xu thế phát triển chủ yếu của tập đoàn lưu manh là số lượng từ ít tới nhiều, hoạt động ngày càng phô biến, lộng hành, sự nguy hại đối với xã hội ngày càng lớn, ngày càng được mọi người chú ý, nhưng cũng ngày càng bị mọi người căm hận sâu sắc.

1. Tập đoàn lưu manh thời kỳ này sinh

Từ thời Tân Hán đến thời Tùy là thời kỳ này sinh của tập đoàn lưu manh. Trong thời kỳ này, tập đoàn lưu manh phát triển chậm, số lượng đã ít, hoạt động cũng không phong phú bằng các tập đoàn khác trong xã hội như hiệp khách, trộm cướp, thổ phi, nên tạm thời vẫn chưa khiến xã hội và mọi người để ý đúng mức. Vì trong các tập đoàn tội phạm xã hội từ thời Tùy trở về trước thì trộm cướp là lộng hành nhất, nên mọi người cũng dần dần quy một số tập đoàn lưu manh tiêu biểu vào loại trộm cướp. Nhưng từ thời Tân Hán đã có sự này sinh và hoạt động của các tập đoàn lưu manh, đây là một sự thật lịch sử.

Hán thư. Khoác lại truyện, Doãn Thường truyện chép

“Ở Trường An những kẻ gian hoạt ngày càng nhiều, bọn thiểu niêm trong làng xóm họp bọn giết quan lại, nhận tiền trả thù giúp, cùng lấy đạn bốc thăm, được đạn màu đỏ thì giết vỡ lại, được đạn màu đen thì giết vẫn lại, được đạn màu trắng chửi tanh, trong thành cứ đến chiều là bụi bay mù mịt, cướp bóc người đi đường, xác chết đầy đường, trống mõ không ngớt”. Đoàn thể của bọn thiểu niêm trong làng xóm ở đây thật ra đã có đủ một số đặc điểm của các tập đoàn lưu manh về sau: trong nội bộ có một đặc điểm về hành vi (cùng lấy đạn bốc thăm), lấy việc hung dữ giết người làm nghề nghiệp, có thể bị người ta thuê mướn (nhận tiền trả thù giúp), hiếu dũng hung hăng, làm điều bậy bạ (cướp bóc người đi đường). Theo đó, chúng ta hoàn toàn có lý do để coi đó là tập đoàn lưu manh.

Song phải thừa nhận rằng trong suốt thời Tân Hán, các nhóm thiểu niêm từ đoàn thể tới thành viên đều mang đủ tính chất cường đạo cướp bóc, du hiệp giết người, ví dụ như trên là rất cá biệt.

Vào thời Tam quốc thì phải nói tới tập đoàn lưu manh Cam Ninh.

Cam Ninh tự Hưng Bá, người Lâm Giang Ba Quận, lúc trẻ có sức khỏe, thích du hiệp, chiêu tập bọn thiểu niêm khinh bạc cả vùng, “làm cù súy của họ”. Họ “hop bọn theo nhau, mang cung tên, đeo lục lạc”, “gặp gỡ người ta, cho tới trưởng quan ngũ trong thành, ai tiếp đãi trọng hậu thì kết giao, nếu không lập tức cướp đoạt tiền bạc, ở trong đất trưởng quan vẫn bị giết hại, qua hơn hai mươi năm”⁽¹⁾.

Tuy Ngô thư nói tập đoàn lưu manh Cam Ninh mang nhiều tính chất du hiệp ác bá “Ninh du hiệp giết người, chúa chấp bọn vong mạng, nổi tiếng trong quận”, nhưng cơ sở thành viên của tập đoàn đã là thiểu niêm khinh bạc, Cam

(1) *Tam quốc chí*, quyển 55, Ngô thư, *Cam Ninh truyện*.

Ninh lại tự xưng là “cù súy”, không chỉ đơn thuần làm việc cướp bóc, vì vậy có thể quy về loại tập đoàn lưu manh.

Thời Hậu Ngụy lại có tập đoàn lưu manh cướp bóc của Phòng Pháp Thợ. Phòng Pháp Thợ tiêu danh là Ô Đầu, người Giáng Mạc Thành Hà. Lúc nhỏ mồ côi cha, tính hờ hững quâ cảm, chỉ thích rong chơi săn bắn, kết bạn với một bọn du dân vô lại trộm cướp trong làng. Chú là bọn Nguyên Khánh, Phạm Trấn vì vậy nhiều lần bị châm quật quở trách, theo thời gian người trong họ cũng đều coi y là tai họa. Năm Phòng Pháp Thợ hai mươi tuổi, quan châm mời làm Chủ bạ. Về sau y lại lấy cớ mẹ mình tuổi già sức yếu, không sao làm quan nữa, về nhà rồi lại trộm heo cướp dê, chiêu mộ tráng sĩ, có tới hàng trăm người⁽²⁾.

Bản thân Phòng Pháp Thợ vốn đã nhiều lần trộm cướp, thì bọn tráng sĩ mà y chiêu mộ hẳn cũng không làm được việc gì tốt đẹp, mà nhân số có tới hàng trăm người, làm hại cho xóm làng tất nhiên nghiêm trọng hơn.

Nhìn chung về các tập đoàn lưu manh xuất hiện trong thời kỳ từ thời Tần Hán đến thời Tùy, thì trong các hoạt động lưu manh phạm tội mà chúng tiến hành phần lớn có tính chất trộm cướp, phản ánh một số đặc điểm của các tập đoàn lưu manh trong thời kỳ này sinh.

2. Tập đoàn lưu manh thời kỳ trưởng thành

Đến cuối thời Đường đầu thời Tống, tập đoàn lưu manh này sinh đông đảo, hoạt động rộng càn thêm một bước, địa vị trong các đoàn thể tội phạm xã hội mau lẹ nâng cao, cơ hồ có thể sánh ngang với bọn trộm cướp, không hề thua kém. Tập đoàn lưu manh hoạt động khác hẳn các đoàn thể tội phạm khác, xâm phạm lợi ích của mọi người, gây nguy hại

(2) *Ngụy thư*, quyển 43, *Phòng Pháp Thợ truyện*.

cho an ninh trong cuộc sống một cách nghiêm trọng, khơi gợi sự chú ý và cảnh giác cao độ của kẻ thống trị và mọi người.

Đầu niên hiệu Khai Thành thời Đường, nhiều ác thiếu vùng Hà Nam “có khi mũ cao áo dài, đá cầu lớn, chặn đường cái, xe ngựa không dám đi”⁽³⁾. Có thể đoán định rằng nếu họ không tổ chức thành tập đoàn ắt không có sức mạnh to lớn như vậy. Lại như lúc Vi Trụ giữ chức Thứ sử Vĩnh Châu, “Bọn thiếu niên trong quận thường đến tháng bảy thì đánh trống họp bọn kéo vào nhà người ta, gọi là Ăn cướp (Hành đạo), đều được đón bằng vật dùng, gọi là Nhắc chậu (Khởi bồn), sau đó cởi dây, hò hét ầm ĩ”⁽⁴⁾. Chữ họp bọn cùng cho thấy rất rõ lưu manh đã kết thành đoàn thể.

Những sự thực lịch sử nói trên cho thấy rõ thành viên của tập đoàn lưu manh rong chơi lười biếng, không lo làm ăn, mà còn công khai hoạt động giữa ban ngày ban mặt, gây nguy hại cho trị an và trật tự xã hội. Mà quan lại và tất cả nhân dân đối với đám ác thiếu trong tay không cầm dao kiếm này cũng không biết phải làm sao, tránh được thì tránh, không tránh được chỉ còn cách chịu thiệt mất phần.

Tất cả các tập đoàn lưu manh thời Đường đều lấy việc xăm mình làm tiêu chí về thân phận. Đoàn Thành Thức trong *Tây dương tạp trớ*, quyển 8, Kinh chép “Bọn thiếu niên xấu ở chợ búa trong kinh đô buộc tóc mà xăm mình, dù hình trạng các giống vật, cây dông người đi ăn cướp, tụ họp như bầy rắn trong quán rượu, khoác áo giáp đánh cướp nhà người ta”, “khoảng hơn ba ngàn người”. Đúng thế, buột tóc mà xăm mình thì cho dù lưu manh lè loi cũng chưa chắc không làm được, nhưng chữ “tụ họp” trong câu “tụ họp như bầy rắn trong quán rượu” và câu “khoảng hơn ba ngàn người” lại cho thấy rõ là bọn thiếu niên xấu này đã họp thành bọn, cùng nhau

(3) *Tân Đường thư*, quyển 18, Lý Thân truyện.

(4) *Tân Đường thư*, quyển 197, Tuần lại truyện.

hành động. Nếu không có kẻ đứng đầu, thì khó mà điều động sắp xếp bọn người xấu xa quen thói rong chơi lười biếng, làm điều bậy bạ này hành động nhất trí được.

Hoạt động rông càn của tập đoàn lưu manh thậm chí còn khiến vua chúa phải chú ý. Hậu Đường Trang tông vì thế mà làm ra *Nghiêm khoa thị tinh hung đồ lệnh* chỉ rõ “Lại nghe ở chốn chờ húa có nhiều kẻ hung ác, ban ngày thì họp bọn đánh bạc, ban đêm thì kết đảng trộm cướp”⁽⁵⁾. Cái gọi là họp bọn kết đảng cũng chính là chỉ việc tụ tập bọn nghịch đồ bất pháp kết thành đoàn thể, cùng nhau làm điều bậy bạ. Các sự thực lịch sử nói trên đều chứng minh rõ ràng vào thời Đường các tập đoàn lưu manh đã xuất hiện khá nhiều, trở thành một mối hại lớn cho toàn xã hội.

Về sau các tác gia thời Minh Thanh đều rất chú ý tới hiện tượng xã hội này. Lúc ấy họ căn cứ vào những sự thật lịch sử nhất định mà diễn dịch ra rất nhiều câu chuyện về hoạt động của tập đoàn lưu manh, nêu rõ thông tin về tổ chức hoạt động cũng như về hành vi thủ đoạn của các tập đoàn lưu manh đương thời, trở thành tư liệu quý báu cho việc nghiên cứu lịch sử lưu manh.

Trong niên hiệu Trinh Quán đời Đường Thái tông, ở Kinh Châu có một nhóm lưu manh gồm ba tên, một tên họ Trương tên Ngọc, xước hiệu Hoa lý châm (Kim trong hoa), là một kẻ tiểu nhân vô lại, quen làm những việc phạm pháp, bạn bè giao du toàn là loại mèo mả gà đồng. Y có một người bạn rất thân, tên Giang Thái, hồn danh là Thích mao trùng (Sâu lông nhọn), chuyên Nhóm mớ lửa (Trát hỏa đòn) người ta, lửa gạt phụ nữ nhà người ta. Lại thường làm trò áo thuật, bán thuốc kích dục, hoặc xem tướng, bán thuốc giả trên đường kiếm tiền, không lửa trẻ con thì gạt phụ nữ. Còn một người là Chu Ngọc Muội vợ Trương Ngọc, sau khi bị Trương

(5) *Toàn Đường văn*, quyển 103.

Ngọc lừa lấy thì ba người ngủ cùng một giường, lang chạ bừa bãi. Họ thông đồng với nhau, đầu tiên bày kế giúp viên quan nhỏ Trương Lục Lang dù dỗ gian dâm với Vũ Mỹ Nương, kế đó hai người Trương Ngọc, Giang Thái chia nhau cưỡng gian nàng, còn định bán nàng lấy vài trăm lượng bạc⁽⁶⁾.

Đây là một tập đoàn lưu manh nhỏ chuyên làm việc dâm loạn, lừa gạt, cưỡng gian do ba người tổ chức thành.

Tác phẩm *Lâm An lý Tiền Bà Lưu phát tích* thời Minh cũng phản ánh lúc Tiền Bà Lưu chưa phát tích đã kết nghĩa anh em với Chung Minh, Chung Lượng con nhà quan, tụ họp bè đảng, chỉ thích uống rượu đánh người, rất nổi tiếng trong giới rượu chè cờ bạc, gọi là Tiền Đường tam hổ⁽⁷⁾. Uống rượu, đánh người, cờ bạc chính là thói quen thông thường của lưu manh. Danh hiệu Tam hổ nói rõ họ là một bọn, đồng tâm hiệp lực làm điều bậy bạ.

Đi nhiên, hai câu chuyện này không khỏi bị pha trộn với nội dung phong tục của xã hội thời tác giả sống, cũng có những chỗ hư cấu, nhưng cũng ít nhiều phản ánh một số sự thật lịch sử từ thời Đường đến thời Ngũ đại, chứ không phải hoàn toàn là lời bịa đặt.

Đến thời Tống, các tư liệu ghi chép về hoạt động của tập đoàn lưu manh càng nhiều, như lúc Thạch Công Bật lấy hàm Khu mật Trực học sĩ ra làm Tri châu Dương Châu, “Bọn bất sinh du hiệp nơi làng xóm, tự xưng là Vong mệnh xà (Hội Vong mệnh)⁽⁸⁾. Bọn vô lại Hà Gia Lâu vì dùng ác vật bức người, nên bị gọi là Hà Lâu (Lâu gì), chứ thật ra tự xưng là Lâu Đầu⁽⁹⁾. Vả lại vào thời Tống tập đoàn lưu manh còn dần dần theo xu hướng chuyên nghiệp hóa hoạt động tội phạm.

(6) *Nùng tình quyết sử*, hồi 1.

(7) *Dụ thế minh ngôn*, quyển 21.

(8) *Tống sử*, quyển 348, *Thạch Công Bật truyện*.

(9) *Điền Nhữ Thành*, *Ủy hạm chiung đàm*, *Thuyết phu tục*, quyển 18.

Trần Thế Sùng thời Tống trong *Tùy án mạn lục* quyển 5 chép “Bạn vô lại ở Tiên Đường có tới mấy vạn, lấy việc lừa đảo làm nghề nghiệp. Lúc đầu xin kết giao, có khi gọi là Khế gia, họ hàng làng xóm hòa thuận với nhau. Dần dần mời tới nhà mình, gọi thê thiếp ra tiếp đãi, chàm ngọc dây bàn, phòng ốc hoa lệ. Với người thích uống rượu thì cho uống say khuất, khách trong tiệc kẽ thì ở vương phủ, kẽ thì họ hàng làm quan trong triều, kẽ là Thái học sinh, ôm gái cười đùa huyên náo. Đột nhiên giả bị mất cửa, bắt phải bồi thường. Với người thích đi chơi thì rủ la cà dây đó, có khi mời vào nhà giàu, hợp sức với kẽ có thể lực để lừa đảo. Với người thích tiền bạc thì có khi cho chứng kiến, lấy vàng ngọc thế chấp làm tin để vay tiền nhưng tráo gach ngói vào, tới hồi thì đóng cửa không tiếp. Có khi giả thua để dẫn dụ, ít nhất là hợp mưu móc sạch túi người ta, có khi trộm đồ vật của đối phương làm chứng cứ về lừa gia đình họ, thay đổi cách thức ảo diệu như thần”. Đó đều là tập đoàn lưu manh chuyên lừa đảo. Những kẻ gọi là thê thiếp, khách trong tiệc và kẻ hợp mưu là chỉ đồng bọn trong tập đoàn lưu manh.

Nam Tống thi tứ kỷ cũng ghi chép khá chi tiết tương tự. Ở Lâm An, bạn vô lại tổ chức thành các tập đoàn khác nhau làm Vở người đẹp (Mỹ nhân cục), Vở sòng bạc (Quỹ phường đồ cục), Vở công đức (Thủy công đức cục), chia nhau triển khai các hoạt động “dùng kỹ nữ làm thê thiếp dẫn dụ bọn thiếu niên”, “dùng các trò cờ bạc họp bọn đánh bạc bịp lấy tiền”, “giả ra thanh thế, làm thất thoát tài vật”. Cái gọi là “kết đảng” ở đây cũng đồng nghĩa với chữ “kết đảng” trong câu “kết đảng ăn cướp” của Đường Trang tông, đều chỉ việc kết thành đoàn thể, cùng nhau làm điều bậy bạ.

Xin giới thiệu cụ thể thêm một số tập đoàn lưu manh có ảnh hưởng lớn hơn dưới thời Tống và tình hình hoạt động của chúng.

Như tập đoàn lưu manh lừa đảo ở chùa Tịnh Từ tại

Hàng Châu. Một hôm có một vị Ngu hầu dắt theo tám người lính khiêng một cỗ kiệu tới trước chùa Tịnh Từ tại Hàng Châu, nói với bà già mù chuyên dấm bóp ở đó “Nương tử phủ Mỗ mời bà tới một chuyến”. Rồi dùng kiệu khiêng bà ra đi, tới trước cửa hiệu bán vải lụa của họ Trương ở phường Thanh Hà thì dừng lại, viên Ngu hầu nói “Nương tử đích thân tới mua mấy mươi cây gấm”. Vào cửa hiệu chọn hàng xong, viên Ngu hầu và một người lính đem gấm về phủ lấy tiền, bảy người lính ngồi chờ trước cửa hiệu rất lâu vẫn không thấy tới, hai người bèn về giục, một lúc hai người lại lấy cớ về xem thế nào bỏ đi, sau cùng trước cửa hiệu chỉ còn chiếc kiệu và bà già mù ngồi bên trong⁽¹⁰⁾. Té ra viên Ngu hầu và tám người lính đều là bọn vô lại giả trang. Chín người thật ra là một bọn, lừa lấy được gấm của cửa hiệu vải lụa.

Thủ pháp gây án của tập đoàn lưu manh lừa đảo này rất khéo léo, hoạt động rông càn, đều không phải lần đầu lừa đảo, mà đặc thủ cũng nhất định không chịu rửa tay bỏ nghề, không biết sau đó còn sẽ gây ra những vụ án kỳ lạ gì nữa.

Hay như tập đoàn lưu manh Bốc Nguyên Nhất. Bốc Nguyên Nhất vốn là một tên tù giết người gấp kỳ án xá nên thoát chết về nhà, nhưng bản tính lưu manh vẫn không hề thay đổi. Y cậy đất Nhất Khê hiểm trở, chiêu tập bọn Bốc Ô Nhi, Từ Bách Cửu mày chục tên vong mệnh chuyên giết người đốt nhà, cướp của cưỡng gian trong làng xóm, phá hoại nhà cửa, đào bới mồ mả người ta, trước mắt không có quan phủ, trên đầu không có triều đình, rèn đúc binh khí. Dân làng có 217 người từng tố cáo tội ác滔天 của chúng với quan phủ. 1. Giết người. Trước sau đánh chết hai người Ngô Bách Ngũ, Diêu Tứ Nhị. 2. Cướp của. Cưỡng đoạt cướp bóc đồ dùng, vải vóc, giường tủ, áo quần, thóc lúa, khoai đậu, trâu cày, vàng bạc, heo dê chó gà trong làng xóm. 3. Phá hủy của

(10) Trần Thế Sùng, *Tùy án man lục*, quyển 5.

cái vật dùng của người ta. Như phá hủy thuyền của người khác, đào bới mộ tổ, đập phá bia mộ, phá đổ đền thờ. 4. Cưỡng gian phụ nữ. Theo sử sách, “Bát con gái nhà họ Thôi, cưỡng gian hơn một tháng mới thả về, chiếm vợ Giang Bát Nương đến khi được tiền chuộc mới cho về, chọc ghẹo vợ Phương Thiên Nhất, thấy người chồng giàn dữ bèn nỗi giận, nhổ đay cướp đất của nhà họ”, “cưỡng gian vợ Từ Tam, bị người chồng cản trở bèn nỗi giận, cày đất phá dâu của nhà họ”. 5. Hăm dọa, cưỡng ép người ta làm điều bậy bạ. “Giận Tiền Tang Bát không chịu nhập bọn, bèn đập hết nồi niêu của y, giận bọn Ngô Tăng Át không chịu theo hùa, nhổ tóc lột da họ”, “cướp sạch gia tư, đốt hết nhà cửa”. 6. Điên cuồng trả thù. Bố Nguyễn Nhất tụ tập hơn năm mươi tên đồng bọn cầm khí giới, đội mũ trụ, mặc giáp sắt, giương cờ xí kéo tới nhà người tố cáo là Ngô Khương Tôn ở Thú Sơn đốt nhà giết người, thậm chí bắt trói lính tuần, đánh đập thư lại, phá kiệu Tuần kiểm, chặn thuyền Tri huyện, công khai đối địch với quan phủ⁽¹¹⁾. Đủ mọi tội ác, khiến người ta không sao nhớ hết.

Lại như tập đoàn lưu manh Tưởng Nguyên Quảng. Tưởng Nguyên Quảng là một kẻ xấu xa ở Diền Gian Đông Dương, “hành sự rất bất đạo, mau chóng trở nên giàu có”. Y nuôi dưỡng bọn ác thiếu Kim Cửu hơn ba mươi người trong nhà làm nanh vuốt, xưng hùng mộ cõi, ngang tàng đũ trò, đến nỗi “huyện lại nghe tiếng là sợ, không gì không nghe lệnh, những kẻ lương thiện một vùng nuốt tiếng nén giận, không ai dám tranh cãi với y”. Có một lần, tớ gái của Hứa Dung là Quách Thu Hương giặt quần áo không cẩn thận sảy chân ngã xuống ao chết đuối, cha ruột của cô ta ở ngay bên cạnh cũng nhìn thấy. Nào ngờ Quách Thu Hương được chôn cất xong, Tưởng Nguyên Quảng lại kiếm chuyện sai người

(11) Thái Cửu Hiên, *Nguyên ác*, *Danh công thư phán thanh minh tập*, quyển 14, *Trừng ác môn*, *Gian ác*.

"Bịa đặt làm đơn, vu cáo Hứa Dung, đẩy y tới chõ chết". Tuy Huyện lệnh đã xét rõ nhưng Tưởng Nguyên Quảng lại sai người thưa kiện không thôi, khiến Hứa Dung "gia đình rối ren, tiền bạc mất sạch", "sau cùng làm ma nơ đất khách"⁽¹²⁾.

Lại như tập đoàn lưu manh mẹ con Quan Thất Bát ở Thuận Xương. Mẹ con Quan Thất Bát là anh chị lưu manh giúp nhau làm điều ác, dưới tay "nuôi dưỡng hàng trăm tên ác thiếu tùng phạm tội làm khuyển ưng nanh vuốt", hoành hành không sợ pháp luật, làm điều bậy bạ. Nói tóm tắt thì chúng đánh người đến chết, bức bách người ta tới mức phải tự tử; làm nhà ngực riêng, đánh người tới mức tàn phế; cướp bóc buôn lậu, buôn bán trốn thuế; làm trạm thuế riêng, chặn đường người buôn; bá chiếm ruộng vườn nhà cửa; vơ vét tiền bạc có tới hàng vạn; bắt vợ con người ta về làm tôi tớ; cướp vợ người ta gả cho bọn ác thiếu vân vân⁽¹³⁾.

Đối tượng trực tiếp chủ yếu trong hoạt động của tập đoàn lưu manh mẹ con Quan Thất Bát là nhân dân tầng lớp dưới của xã hội, và lại chúng có nhiều dạng nhiều loại cách thức, phá hoại nghiêm trọng trị an xã hội, nếu không xử trí nghiêm khắc thì nguy hại vô cùng.

Hoạt động của tập đoàn lưu manh thời Tống lại có tính công khai, tất cả đều không che giấu dư luận, bộc lộ tính chất hoành hành một cõi; thủ đoạn gây án cũng có các đặc điểm như bọn lưu manh hiện đại, phần lớn là cướp bóc, đánh nhau, phá phách, gian dâm, có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của lưu manh thời Minh Thanh.

(12) *Danh công thư phán thanh minh tập*, quyển 13, *Tư cấp nhân vụ cáo*.

(13) Lưu Tự Thừa, *Mẫu tử bắt pháp đồng ác tương tế, Danh công thư phán thanh minh tập*, quyển 12, *Trừng ác môn, Hào hoành*.

3. Tập đoàn lưu manh thời kỳ thịnh vượng

Trong thời Nguyên sau thời Tống, hoạt động của tập đoàn lưu manh Thiên đàm xã lộng hành một thời. Thành viên của nó phần lớn là “bọn người rong chơi lười biếng các nơi”, xuất phát từ lợi ích gắn bó mà mục tiêu chung nhất mà “hợp thành bè đảng, gọi là Thiên đàm xã”. Chúng chuyên làm việc cướp bóc, “cầm dao búa gậy gộc, nửa đêm lén chặt gỗ, cắt lúa đào khoai”, khiến nông dân không sao chịu nổi. Nếu muốn bắt chúng, chúng sẽ “quát tháo chống cư, đến nỗi gây ra án mạng”⁽¹⁴⁾. Về hành động có thể nói là có ảnh hưởng lớn nhất trong các tập đoàn lưu manh thời Nguyên.

Bây giờ hãy bàn về tập đoàn lưu manh thời Minh.

Thời Minh tập đoàn lưu manh xuất hiện đông đảo, bất luận về quy mô hay số lượng đều vượt xa thời Tống, trong đó nổi tiếng nhất phải kể tới những đoàn thể do đám Dậu dân (dân xấu) tổ chức ra loại Thập tam Thái bảo, Tam thập lục Thiên cang, Thất thập nhị Địa sát, Đả hăng (Hăng đánh mướn) ở Tô Châu, tập đoàn lưu manh Tân Hoài kiện nhi vân vân.

Dậu dân vốn chỉ loại người bất pháp “lòng dạ hung dữ, hoặc khỏe mạnh cương cường, đã không chịu ra sức làm lụng để nuôi sống mình và gia đình, lại không thể cam lòng chết già cùng cây cỏ”, “bộc lộ tính tình hung ác, cậy có ám muội gian trá”. Chúng họp bọn hiếp đáp người khác, kết thành bè lũ. Các thành viên lúc bình thời có một đặc điểm nổi bật là đều mang vũ khí đánh nhau như côn bồng, rựa gỗ, dao búa trong người. Tập đoàn lưu manh dậu dân có quy mô hoặc mười ba người, hoặc ba mươi sáu người, hoặc bảy mươi hai người, lớn nhỏ khác nhau, việc làm bảy bạ của chúng đều đại đồng tiểu dị, “phạm vào điều cấm”, “hoành hành ở chợ búa”, “coi thường quan lại”, “dánh bạc rượu chè”, “vu cáo cướp

(14) Hình Thống phú sơ thông loại biên niên.

bóc"... ngay cả quan phủ cũng không xử trí được chúng, nhân dân ở thành trấn mà nói tới chúng thì giữa tháng sáu cũng thấy trong lòng lạnh buốt⁽¹⁵⁾.

Tập đoàn lưu manh Hăng đánh mướn tồn tại phổ biến ở Gia Định, Tô Châu, Tùng Giang dưới thời Minh, trong đó Hăng đánh mướn ở Tô Châu trong niên hiệu Gia Tĩnh đời Minh Thế tông là lộng hành nhất. Thành viên của Hăng đánh mướn ở Tô Châu chủ yếu là bọn thiếu niên côn đồ ở chợ búa, quy mô cũng không lớn lốm, nhóm họp vài mươi tên, bình thường chuyên làm những việc gian trá bất pháp như Nhóm mớ lửa, lường gạt, trấn lột, trộm cắp, hà hiếp phố phường, khiến nhân dân rất phẫn uất. Lúc Tuần phủ Ứng Thiên Ông Đại Lập đối với Hăng đánh mướn "đều sai phủ huyện bắt về trị tội, hối thúc rất gấp", Hăng đánh mướn ở Tô Châu đại nạn lâm đầu bèn cùng nhau cắt máu ăn thề, lấy khăn trắng quấn lên đầu, cầm dao to búa lớn, xông vào nhà giam thả tù làm loạn, lại tấn công Đô sát viện, phóng hỏa đốt dinh thự. Lúc ấy Ông Đại Lập và gia đình đang ngủ ở Tô Châu, thấy tình thế không hay, vội vàng mang họ leo qua tường chạy trốn mới thoát chết⁽¹⁶⁾.

Hoạt động lộng hành của tập đoàn lưu manh thời Minh ảnh hưởng rất xấu tới xã hội thời Minh, khiến văn nhân thời phong kiến rất lưu ý, thúc đẩy các tác phẩm văn học viết về tập đoàn lưu manh và lưu manh xuất hiện rất nhiều, đây là một hiện tượng chưa từng có trong văn học trước đó. Cứ lấy các sách loại Tam ngôn lưỡng phách mà nói, thì những truyện viết về lưu manh có Tiền Đường tam hồ, tập đoàn lưu manh lừa đảo Triệu Ngũ Hồ, tập đoàn lưu manh trộm cắp Tống Tứ Công, tập đoàn lưu manh lừa đảo Triệu Đại Phu giả mạo Triệu Đại Phu chuyên diễn Vở người đẹp,

(15) Cố Khởi Nguyên, *Khách tọa ngao ngữ*, quyển 4, *Dậu dân*.

(16) Minh Thực lục, quyển 478, *Thế tông Gia Tĩnh Thực lục*.

tập đoàn lưu manh Điêu nhi thủ chuyên cướp bóc, lừa gạt, cưỡng gian phụ nữ, tập đoàn lưu manh cướp bóc Vương Lâm Lưu ở Giang Hà Trấn Giang, tập đoàn lưu manh lừa đảo chuyên gây án bằng người đẹp, tập đoàn lưu manh lừa đảo lừa gạt hai con dâu của một gia đình. Xin nêu hai ví dụ trong đó.

Dưới đời Thần tông, kinh đô rất coi trọng lễ nguyên tiêu đêm rằm tháng giêng, đèn lừa sáng rực phố phường, phụ nữ các nhà vương hầu quý thích phần nhiều giăng rèm xem đèn, sĩ nữ cả thành đi chơi suốt đêm, không hề bị ngăn cấm. Có một người tên Điêu nhi thủ, kéo bọn mười người, chuyên nhán lúc nào nhiệt làm những việc sai quấy, trộm cắp móc túi, dụ dỗ trẻ con, cưỡng gian phụ nữ. Lúc bấy giờ có con gái của Tông vương tên Chân Châu Cơ, vừa mười bảy tuổi, chưa hứa gả cho ai, dung mạo xinh đẹp, phục sức hoa lệ làm lóa mắt người ta, đang ở trong rèm thì bị bọn lưu manh giả lời bà dì tới mời, đưa lên kiệu di như một làn khói tới một ngôi miếu cổ vắng tanh. Chân Châu Cơ bước xuống kiệu không thấy người nhà, chỉ thấy hai bên cửa miếu có hơn mười tên quỷ tốt đứng, đều cầm binh khí, ở giữa có một vị thần ngồi, mặt rộng hơn một thước, râu quai nón xồm xoàm, mắt đỏ như lửa, lông mày rung động, lớn tiếng nói "Ta và ngươi có túc duyên, nên sai thần đưa ngươi tới đây". Chân Châu Cơ thấy thần nói thế càng sợ hãi, bật tiếng khóc lớn. Hai tên quỷ tốt hai bên bước tới đỡ nàng, một tên khác cầm một chén rượu nóng dốc vào miệng Chân Châu Cơ. Chân Châu Cơ lập tức cảm thấy trời xoay đất chuyển, ngã vật ra đất ngất đi. Thần và quỷ tốt đều bỏ quần áo cài trang, cởi mặt nạ ra, thay nhau hăm hiếp. Té ra bọn chúng vốn là một bọn lưu manh trộm cướp cưỡng gian, lừa Chân Châu Cơ tới thay phiên cưỡng dâm. Đáng thương người lá ngọc cành vàng, rơi vào tay bọn mèo đằng chó điếm.

Tập đoàn lưu manh này còn tiến hành hoạt động bắt

cóc trẻ con. Có một tên lưu manh thấy Nam Cai con trai Vương Thiều từng làm Khu mật Phó sứ ăn mặc đẹp đẽ do gia nhân là Vương Các công trên lưng xem đèn, bèn theo suốt phía sau tới tận dưới lầu ở cổng Tuyên Đức, nhân lúc chen chúc kéo Nam Cai trên lưng Vương Các qua, công lấy bó chạy. Đến lúc Vương Các phát hiện ra, tìm bốn phía không thấy bóng dáng tiểu nha nội đâu⁽¹⁷⁾.

Tập đoàn lưu manh trộm cắp Tống Tứ Công cũng được các sách Tam ngôn lưỡng phách miêu tả rất thành công.

Ở phủ Khai Phong Đông Kinh thời Tống, có một vị Trương Viên ngoại mở hiệu cầm đồ, xước hiệu là Cẩm hồn (Liệu hồn), bình thường tuy không có tội lỗi gì lớn lầm nhưng có tật xấu là rất keo kiệt, thậm chí nghĩ tới việc rút gân rận, chặt đùi cò, cạo mặt tượng Phật lấy vàng, cạo vỏ đậu đen lấy sơn, giữ đờm lại thấp đèn, vắt thông lấy dầu xào rau.

Một lần có lão ăn mày già cầm giỏ tới cửa xin ăn, chủ quán nhà Trương Viên ngoại động lòng trắc ẩn, bỏ vào giỏ hai đồng tiền, vừa khéo Trương viên ngoại nhìn thấy, đau xót như bị cắt thịt trên người, sấn ra giằng cái giỏ, dốc hết tiền ra, còn đánh y một trận. Chuyện ấy bị tên du đảng Tống Tứ Công từng làm lính ở Phụng Ninh Trịnh Châu đứng cạnh nhìn thấy, vô cùng bất bình, lập tức mở túi cho lão ăn mày già hai lượng bạc. Khoảng trước sau canh ba đêm ấy, Tống Tứ Công tới trước cửa nhà Cẩm hồn Trương Viên ngoại, phi thân vượt qua tường bắt được một người tớ gái ở hành lang, hỏi rõ đường vào và cơ quan trong kho của Trương viên ngoại xong bèn một dao chém chết, lại thuốc chết hai con chó, xông muộn hương đánh ngã người giữ kho, lấy đi năm vạn quan. Trước khi bỏ đi Tống Tứ Công rút trong bọc ra một cây bút, tẩm nước bọt viết lên tường rằng "Tống quốc tiêu nhàn hán, Tứ hải tận lưu danh, Tăng thượng thái bình định, Đáo xứ hữu

(17) Nhị khắc phách án kinh kỳ, quyển 5.

danh thanh" (Tống quốc người nhàn rỗi, Tứ hái thày quen minh, Tùng lén trên đinh lớn, Tới ắt sẽ lưu danh)^(*). Sau đó Tống Tứ Công và sư đệ là Triệu Chính, Hầu Hưng, Vương Tú bốn người họp bọn với nhau, chuyên trộm cướp, giết người, tạo chứng cớ giả khiến Cấm hồn Trương viên ngoại quen thói keo kiệt bị bắt lên quan, lại phải bồi thường vật bị trộm trong Đại vương phủ. Sau cùng Cấm hồn Trương vừa buồn vừa tức, tự thắt cổ mà chết⁽¹⁸⁾.

Trong các sách *Tam ngôn luồng phách*, lưu manh và tập đoàn đều là đối tượng bị phê phán. Bất kể họ thủ đoạn xảo diệu ra sao, bản linh cao cường thế nào, hành động to gan lớn mật thế nào, thì tác giả rõ ràng cùng tập trung miêu tả, phê phán việc làm bậy bạ của họ. Ví dụ trong truyện *Tống Tứ Công đại náo Cấm hồn Trương* thì Cấm hồn Trương cướp tiền của ăn mày cố nhiên đáng ghét, mà Tống Tứ Công lại thông cảm, giúp đỡ người cùng khổ, chủ động tặng người ăn mày hai lượng bạc. Có người căn cứ vào đó cho rằng "*Tống Tứ Công đại náo Cấm hồn Trương* lấy mấy tên trộm làm nhân vật chính. Mấy tên trộm nhỏ ấy mưu trí như thế, giàu lòng chính nghĩa như thế, họ giúp đỡ người cùng khổ bị bức hại, căm ghét và khinh miệt gã tài chủ tham lam và quan lại hung ác ngu muội. Đặc biệt là ở họ việc trộm cắp đã trở thành một loại thủ đoạn để chống đối và trả thù kẽ bóc lột. Vì vậy hình tượng mấy gã trộm nhỏ ấy cũng có nhiều ý nghĩa tư tưởng độc đáo"⁽¹⁹⁾.

Quan điểm áy có thể đứng vững được không?

Thành viên tập đoàn lưu manh trộm cắp Tống Tứ

(*) Bài thơ này viết theo lối "quán thủ", bốn chữ đầu bốn câu ghép lại là "Tống Tứ tảng đáo" (Tống Tứ từng tối).

(18) *Dụ thí minh ngôn*, quyển 36.

(19) Hứa Chính Dương, *Dụ thí minh ngôn*, *Tiền ngôn*, Nhân dân Văn học xuất bản xã.

Công là bọn lêu lổng tức lưu manh vô lại, tuy cũng kháng khai bố thí cho ăn mày nhưng về bản chất thì vẫn là bọn làm điều bậy bạ. Tống Tứ Công chẳng phải đã giết chết tớ gái của Cấm hồn Trương sao? Y chẳng phải đã trăm phương ngàn kế muốn hại chết đồng bọn của mình là Triệu Chính sao? Triệu Chính không phải đã giết chết con trai Hầu Hưng đồng bọn của mình sao? Tập đoàn ấy đối với toàn thể xã hội thì không có cống hiến mà còn phá hoại và quấy rối, "công nhiên làm việc xấu xa ở kinh đô, uống rượu ngon, chơi gái đẹp, không ai làm gì được". Lúc ấy Đông Kinh rối loạn, không nhà nào được yên ổn⁽²⁰⁾, bộc lộ đầy đủ tác dụng phá hoại và tính chất chống lại xã hội của tập đoàn lưu manh trộm cắp này.

Ngoài ra cũng cần đặc biệt lưu ý rằng truyện *Thủy hử* thời Minh cũng có ảnh hưởng to lớn đối với các tập đoàn lưu manh từ thời Thanh trở đi. Ví dụ bọn lưu manh dưới đáy xã hội ở Bao Đầu cuối thời Thanh từng gọi tổ chức của mình là Lương Sơn. Dường nhiên chúng hoàn toàn không có lý tưởng "thay trời hành đạo", chỉ cốt tụ họp đủ hạng người kéo bè kết đảng, một trăm linh tám tướng kiên cường như nhóm Tống Giang thương yêu lo lắng cho nhau, không để người ngoài coi thường khinh rẻ, đâu lại đâu thai chen chúc vào bọn lưu manh Bao Đầu⁽²¹⁾. Từ Kha cũng từng nói "Bọn phi đồ bí mật họp bọn, theo thuyết Thiên cang địa sát do Thi Nại Am đặt ra trong truyện Thủy hử mà tổ chức nội bộ theo con số ba mươi sáu"⁽²²⁾.

Tập đoàn lưu manh thời Thanh lại phát triển thêm

(20) *Dụ thế minh ngôn*, quyển 36.

(21) Lưu Ánh Nguyên, *Bao Đầu lưu manh đe tăng xã hội địch Lương Sơn* (Lương Sơn của bọn lưu manh dưới đáy xã hội ở Bao Đầu), *Văn sử tư liệu tuyển tập*, tập 38.

(22) Từ Kha, *Thanh bị loại sao, Phương ngôn loại, Thương Hải Dương Kinh Tân thoại*.

một bước trên cơ sở thời Minh, càng đặc sắc hơn. Căn cứ vào quốc tịch của thành viên thì đại khái có thể chia tập đoàn lưu manh làm ba loại, tức tập đoàn lưu manh người Trung Quốc, tập đoàn lưu manh có cả người Trung Quốc và người nước ngoài, tập đoàn lưu manh người nước ngoài.

Tập đoàn lưu manh người Trung Quốc nổi tiếng nhất thì phải nói đến bọn Hỗn hồn nhi ở Thiên Tân.

Bọn Hỗn hồn nhi ở Thiên Tân cũng gọi là Hỗn tinh tử, nảy sinh từ giữa thời Thanh. Tuy họ có lúc cũng vì lợi ích chung của địa phương mà kiến nghĩa dũng vi, góp sức người sức của, hoặc đe nép kẻ mạnh giúp đỡ kẻ yếu, can thiệp chuyện bất bình, nhưng chủ yếu vẫn là mở sòng bạc nhà thổ, giành mồi làm ăn ra tay cướp bóc, thậm chí còn "cầm dao gậy súng ống mặc ý làm càn, gây hại cho làng xóm không gì hơn thế"⁽²³⁾.

Cơ cấu tổ chức của bọn Hỗn hồn nhi cực kỳ đơn giản, ở chỗ làm ăn thì nửa thuê nửa mượn vài gian phòng, thiết lập Oa lõa (ô), trong đó chỉ có một cái bếp lò lớn, một manh chiếu coi và mấy cái ghế. Lối tổ chức ấy trên bề mặt thì không cầu kỳ hình thức, họ lại tự xưng là Đại trại, thủ lãnh xưng là Trại chủ, trên thực tế chẳng qua chỉ cất giấu vũ khí như gậy gộc, đòn dao, rìu búa, có chuyện thì kêu một tiếng, kéo cả bọn ra, gây ra một trường đánh nhau lộn bậy, không có chuyện thì cứ ở đó mà ăn uống nghỉ ngơi. Dưới Trại chủ có hai ba phó Trại chủ, ngoài ra còn mời một văn nhân ngâm ngầm bày mưu kế, gọi là Quân sư. Số còn lại thì đều không có tên gọi riêng, Trại chủ gọi tất cả mọi người là huynh đệ. Bọn Hỗn hồn nhi lấy việc tranh đoạt cướp bóc làm kế sinh nhai, thu thuế gánh gồng, qua bến đò, chặng sông thu thuế, dựng lò riêng để vơ vét tiền bạc, duy trì sinh kế, lại thường

(23) Trương Đào, *Tân Môn tạp ký*, quyển trung, *Thiên Tân Hỗn tinh tử*.

gây sự đánh nhau⁽²⁴⁾.

Tập đoàn lưu manh nổi tiếng nhất ở Tứ Xuyên gọi là Quắc lỗ tử. Thành viên của tập đoàn này đều là bọn vô lại người Phúc Kiến, Quảng Đông, Hồ Quảng, Thiểm Tây trốn tránh vào đất Xuyên, kết thành bè đảng, chiếm cứ châu huyện. Bình nhật tụ họp ở một khu phòng ốc bô không trong châu huyện làm nơi nghỉ chân. Tập đoàn lưu manh này thường kéo bè kéo đảng đi rong trên đường phố lộng hành, uống rượu đánh nhau, không cờ bạc thì ăn cướp, giết người không dùng gậy thì dùng dao, thậm chí còn đốt nhà, cưỡng gian phụ nữ. Những dân nghèo thế yếu, không ai dám đắc tội với chúng, ngay cả quan phủ cũng sợ chúng ba phần, chỉ mong được vô sự⁽²⁵⁾.

Ở Thượng Hải, hoạt động của tập đoàn lưu manh cũng lộng hành một thời, trong đó đảng Thập tỷ muội (Mười chị em) ở khu vực Hồng Khẩu là hung dữ vô sỉ nhất. Cái gọi là Đảng tỷ muội, là do mười tên nữ lưu manh bắt chước bọn vô lại lêu lổng họp thành, lúc bình thời hoành hành ở một dải Hồng Khẩu. Họ mặt dày điêu ngoa, không gì không làm, có một câu không hợp là cởi hết quần áo chửi mắng dọc phố, tảng tận liêm sỉ. Tuy nhiều lần đã bị nghiêm trị, nhưng vẫn chứng nào tật ấy không sửa đổi⁽²⁶⁾.

Trong tô giới ở Thượng Hải, tập đoàn lưu manh cũng khá phồn vinh, đều chia theo bè đảng. Trong đó đảng Thiên Tân là hung dữ nhất động tới là cướp bóc đánh nhau giết người, đảng Mân Việt là thứ hai, đảng Hồ Nam thì không có tài năng gì đặc biệt, chỉ làm việc rạch ví cắt túi và trộm cắp

(24) Lý Nhiên Tê, *Cựu Thiên Tân dịch Hỗn hỗn nhi* (Bọn vô lại ở Thiên Tân cũ), *Văn sử tư liệu tuyển tập*, tập 47.

(25) Xem Đặng Chi Thành, *Cốt Đồng tam ký*, quyển 4. *Quắc lỗ tử*.

(26) Hoàng Thức Quyền, *Tùng Nam mộng ánh lục*, quyển 3.

tiền bạc hành lý của hành khách mà thôi⁽²⁷⁾.

Bắt đầu từ thời Thanh, theo với tiếng đại bác của kẻ xâm lược đế quốc, bọn lưu manh vô lại cũng thừa cơ tràn vào Thượng Hải, xuất hiện hiên tương lưu manh ngoại quốc xâm lược. Sau khi Thượng Hải được mở ra ngày 17. 11. 1843, người nước ngoài tới đất Hộ cơ hồ không bị ràng buộc gì, một tên vô lại người Mỹ có thể giả mạo người Anh, cũng có thể nói là người Hà Lan hoặc Ý Đại Lợi. Vì thế nhất thời trên bờ biển Thượng Hải đầy bọn xấu xa không rõ quốc tịch, như Lan lâm Kha lâm nói "Từ những năm 50 của thế kỷ XIX đến 1864, đó là thế giới của bọn vô lại vô chính phủ hoành hành". Có nhiều kẻ độc ác, hai tay trắng mà trong chớp mắt cướp được gia tài trăm vạn, những ví dụ mạo hiểm này được phóng đại lên kích thích đám thực dân tò mò muốn thử, khiến Thượng Hải trở thành một nơi mà bọn lừa đảo, lưu manh, tội phạm từ khắp thế giới đổ về. Ngay cả lãnh sự nước Anh là A lê quốc cũng thừa nhận "Những người ngoại quốc từ các nước tới đây đều rất ty tiện, không có cách quán thúc hữu hiệu, trở thành cặn bã của toàn Trung Quốc, cũng trở thành tai họa của toàn Trung Quốc", chắc chắn chúng là "dám cặn bã của toàn châu Âu". Tác giả ngoại quốc Ái dịch mật lặc càng gay gắt hơn "Nếu đuổi sạch tất cả đám người xấu xa từ nước ngoài tới Thượng Hải thì trong đất Trung Quốc không còn bao nhiêu người da trắng". Năm 1803 có hơn 200 người nước ngoài, mà có tới 150 thủy thủ vào thành, bất kể ngày đêm uống rượu gây sự, quấy rối tới mức gà chó không yên. Theo báo cáo của Cục Công bộ tháng 9. 1864 thì trong tô giới Anh Mỹ có tới 360 "người ngoại quốc hạ lưu", trong đó 260 người hoàn toàn không có nghề nghiệp gì⁽²⁸⁾. Số lưu manh ngoại

(27) Hoàng Thúc Quyền, *Tùng Nam mộng ánh lục*, quyển 1.

(28) (29) Tô Trí Lương, Trần Lê Phi, *Cận đại Thượng Hải hắc xã hội nghiên cứu* (Nghiên cứu về xã hội đen ở Thượng Hải thời cận đại), chương 1 tiết 4.

quốc này mang thói quen lưu manh làm điều bậy bạ bên nước họ tới Thượng Hải xong liền câu kết với bọn lưu manh tại chỗ, giúp nhau làm gian, hình thành loại tập đoàn lưu manh thứ hai thời Thanh tức tập đoàn lưu manh có cả người Trung Quốc lẫn người ngoại quốc, bọn chúng ngưu tầm ngưu mã tầm mã, cùng nhau hà hiếp, lường gạt nhân dân Trung Quốc.

Thanh bị loại sao của Từ Kha có chép một truyện "Thông đồng với người Tây dương để lừa đảo". Truyện kể có một người tên Bành Ngọc Phố đem kim cương tới cửa hiệu châu ngọc để bán, hẹn với người trong cửa hiệu tới chỗ nọ để thử. Đến hẹn, người trong cửa hiệu và Bành Ngọc Phố cùng tới nhà người Tây là Ái diệt sinh, ngã giá xong, hẹn trước tiên giao năm trăm lượng bạc, khoản còn lại sau ba tháng bán xong sẽ thanh toán. Hôm sau chủ hiệu đúng lời đưa tới năm trăm lượng, lại lấy bǎn giao ước chỗ Ái diệt sinh. Sau đó Bành Ngọc Phố vẫn thường lui tới cửa hiệu, nhưng lúc sắp hết hạn ba tháng thì không thấy bóng đâu. Chủ hiệu đi tìm Ái diệt sinh, cũng không biết đã bỏ đi đâu mất.

Té ra Ái diệt sinh là "người Tây dương cư ngụ ở đất Hộ", là kẻ vô lại "không chịu sự quản lý của Lãnh sự", Bành Ngọc Phố cũng là "người Hoa xấu xa", vì thế kết thành bè đảng "thông đồng lừa đảo".

Loại tập đoàn lưu manh thứ ba thời Thanh chính là lưu manh người nước ngoài. Số này vốn là bọn người xấu xa không lo làm ăn ở bản quốc, trôi dạt tới Trung Quốc mạo hiểm, tuy nương náu trên đất Trung Quốc nhưng bản tính lưu manh không hề sửa đổi, tụ tập kết thành bè đảng đốt giết cướp bóc không gì không làm, hoàn toàn giống như một bọn cướp người Tây dương. Về tính chất nguy hiểm thì so với các tập đoàn lưu manh bản xứ chỉ có hơn chứ không kém.

Ví dụ như khi quân Thái Bình đánh về phía đông, nhân số trong tô giới tăng vọt, lòng người hoảng loạn, một

bọn lưu manh từ Phi Luật Tân tới tổ chức thành tập đoàn lưu manh vô trang núp ở Hồng Khẩu, cứ sáng ra thì thừa cơ gài ròi, đi khắp phố lớn hém nhò la lớn "Quân Trường Mao tới rồi! Quân Trường Mao tới rồi!", làm ầm lên cho người Trung Quốc hoảng sợ bỏ nhà chạy qua cầu Uy Nhị Sĩ, rồi xông vào nhà họ thả sức vơ vét⁽²⁹⁾. Còn có một số vô lại người Tây dương kết thành bè lũ, bình thời "nhóm họp ở các khách sạn người ngoại quốc tại Hồng Khẩu ở xù ăn quít, cầm gậy đánh người, người Hoa đều sợ như cọp"⁽³⁰⁾.

Tập đoàn lưu manh người ngoại quốc nổi tiếng nhất dưới thời Thanh thì đại khái không bọn nào bằng nhóm Đội súng Tây Hoa nhí Đội lưu manh Thượng Hải.

Đầu năm 1859 lúc thanh niên người Mỹ Hoa nhí tới Thượng Hải, "cũng như phần lớn người ngoại quốc, đều nghèo kiết xác, phiêu lưu tới những nơi thông thương khắp thế giới để mưu sinh". Tháng 6 năm ấy Hoa nhí hoàn cảnh không hay chiêu mộ quân sĩ vào đội súng Tây, công khai hiệu triệu rằng có thể tự do cướp bóc, người theo lập tức kéo tới, trong chớp mắt đã họp được hơn ba trăm người ngoại quốc. Thành viên của Đội súng Tây này phần lớn là binh sĩ dưới tàu ngoại quốc đào ngũ và bọn thủy thủ hết hạn hợp đồng, vì vậy cũng được gọi là Đội lưu manh Thượng Hải. Trong lần đầu tiên tấn công quân Thái Bình ở Tùng Giang, Đội súng Tây chết hơn chín mươi người, số còn lại đều vì thấy không có gì phát tài nên đối diện với cái chết đều lập tức tháo chạy. Hoa nhí trở về Thượng Hải lại dùng vũ lực và tiền bạc hiệu triệu, lại dễ dàng chiêu mộ được hai trăm người Mā nē lạp và ba trăm lưu manh vô lại từ Anh Mỹ Pháp tới. Đội súng Tây do lưu manh vô lại tổ chức ra này tấn công chiếm được Tùng Giang rồi, Hoa nhí lại trở về Thượng Hải lần thứ ba, được bọn lưu manh xấu xa vây chặt trên cảng xin làm chí nguyện quân, nhờ vậy

(30) Hoàng Thực Quyền, *Tùng Nam mộng ảnh lục*, quyển 1.

y lại bổ sung được hai trăm người Mā nē lập và một trăm người Âu Mỹ. Vì mạo hiểm ra trận mà thành công, nên “đội quân cướp bóc và bọn người đầu đường xó chợ” ngày trước của Hoa nhĩ lập tức trở thành minh tinh xã giao rất được những người trong xã hội quốc tế giàu sang nhất ở châu Á lúc bấy giờ để ý⁽³¹⁾.

Thời kỳ thịnh vượng của tập đoàn lưu manh vẫn liên tục kéo dài trong lịch sử Trung Hoa Dân quốc, trong giai đoạn đó hoạt động của tập đoàn lưu manh còn nhiều lần đẩy lên thành cao trào.

II. Thủ lãnh lưu manh nảy sinh như thế nào?

Một tập đoàn lưu manh có khi tổ chức kết cấu rất nhỏ nhói rời rạc, nhân số nhiều thì vài trăm người, ít thì hai ba người, khác nhau rất xa, nhưng đều có điểm chung là không thể không có người đứng đầu. Căn cứ vào quy mô của tập đoàn lưu manh, so sánh lực lượng với thành viên tham gia tập đoàn, người đứng đầu có thể do một hoặc vài người đảm nhiệm, nhưng không hoàn toàn đều như thế. Trong một số tập đoàn lưu manh, người đứng đầu được gọi là đại ca, nhị ca, tam ca, v.v... , số còn lại đều là tay chân.

Thủ lãnh lưu manh là xương sống của toàn tập đoàn, sự nảy sinh và tồn tại của y đều có quan hệ tới sự phát triển hay tiêu vong của toàn tập đoàn. Người đứng đầu đối nội thì ra lệnh, chỉ huy các thành viên trong tập đoàn, vạch ra hoạt động của tập đoàn, chủ trì việc phân phối trong tập đoàn; đối ngoại thì phải điều tiết quan hệ giữa tập đoàn với các tầng lớp khác trong xã hội, tìm mưu nghị kế đối phó với những hành vi làm tổn hại tới lợi ích của tập đoàn mình, vào những lúc quan hệ thì phải ưỡn ngực xông lên trước, đánh bại hay

(31) Tô Trí Lương, Trần Lê Phi, *Cận đại Thượng Hải hắc xã hội nghiên cứu*, chương 1 tiết 4.

thậm chí giết chết đối phương... Một sấm thủ lãnh tập đoàn ngã xuống có thể lập tức do thành viên khác trong tập đoàn kế vị hay có thể tập đoàn ấy bắt đầu từ đó bị tiêu vong.

Vì tập đoàn lưu manh là một đoàn thể tội phạm, có tính chất chống lại xã hội, vì vậy thủ lãnh của họ cũng tự nhiên hình thành, chứ không phải là bầu cử ra. Tất cả chủ yếu có ba hình thức: dùng vũ lực để giành ngôi, dùng tiền bạc để mua, theo tuổi tác mà định ngôi thứ.

Trước hết hãy nói việc dùng vũ lực để giành ngôi thủ lãnh. Lưu manh trước nay tin tưởng rằng lý lẽ của nắm đấm là lý lẽ đúng đắn, chỉ cần tay quyền cứng, vũ nghệ cao, lại hung hăng liều lĩnh, thì lưu manh khác tự nhiên sẽ nhao nhao tìm tới nương tựa, tôn làm thủ lãnh, có ai không nghe lời muốn chống đối cứ đấm đá cho một trận sẽ chịu yên phận, không dám coi thường nữa, dựa vào tay quyền đã có thể bảo vệ lãnh địa vốn có của mình mà còn có thể đánh bại các tập đoàn lưu manh nhỏ yếu khác, mở rộng phạm vi thế lực. Vì vậy dựa vào vũ lực để giành ngôi thủ lãnh là con đường chủ yếu nhất của đầu lĩnh trong tập đoàn lưu manh.

Thời Tống, Lý Toàn người Tri Châu buôn ngựa lỗ vốn, bèn gia nhập làm lính bắn cung dưới quyền Đô úy Liên Thủy. Y cùng bọn bất sinh kết nghĩa anh em, du hiệp cuồng bạo, cướp đoạt tiền bạc, bè đảng ngày càng đông, gọi là Thống hạt Lý Tam. Thống hạt cũng có nghĩa là thống lĩnh, thủ lãnh. Về sau Lý Toàn trở về Tri Châu làm nghề đồ tể, một hôm ra sông rửa thịt, nhặt được dưới đất một cái cán thương bằng sắt dài bảy tám thước, bèn đem chế thành thương, nặng bốn mươi lăm cân. Hàng ngày luyện tập, vũ nghệ ngày càng cao cường khiến bọn vô lại rất khâm phục, được gọi là Lý Thiết thương. Từ đó Lý Toàn bèn suất lãnh lâu la hoành hành ở Tri Châu, Thanh Châu, ra vào cướp bóc⁽³²⁾.

(32) Chu Mật, *Tề Đông da ngũ*, quyển 9, Lý Toàn.

Trong niên hiệu Gia Tinh thời Minh, ở Tân Hoài có một đứa trẻ, trời sinh khỏe mạnh, giỏi đánh nhau, từng một quyền đập chết một con chó, được người ta gọi là Kiện Nhi. Đám trẻ con từng họp sức chín mươi đứa đánh nó, Kiện Nhi vung quyền ra từ phía đánh chúng đứa khóc đứa kêu, ôm đầu chạy về nhà mách với cha. Cha anh chúng tới trách mắng, Kiện Nhi nhân lúc họ không đề phòng, đột nhiên vung tay túm lấy nháu lên, “hai chân cách mặt đất khoảng hai thước, lúc đi lúc dừng, hoặc đưa cao lên, hoặc chúc đầu xuống, người làng kêu la ầm ĩ”. Lúc Kiện Nhi đi học cũng nhất định không yên phận giữ mình, thường đánh bạn học tới mức toàn thân không còn chỗ nào lành lặn. Về sau đầu quân được sung làm tỳ tướng, uống rượu đánh chết đồng liêu, trốn ra đất Tứ, thay tên đổi họ náu thân trong hàng đồ tể. Nhưng vì thân thủ bất phàm, hung hăng liều lĩnh nên bọn ác thiếu trong chợ đều tôn làm minh chủ, ban ngày thì mặc tình cờ bạc, ban đêm thì đi trộm cướp, ngày càng tự thi. Từng cám khái nói “Người đời đều không ai đối địch được, chỉ hận sinh sau ngàn năm, không được phân thắng phụ với Hạng Vũ bạt sơn cử đĩnh thôi!”⁽³³⁾.

Thủ lãnh các tổ chức Hàng đánh mướn lưu manh thịnh hành thời Minh Thanh cũng đều do những gã lưu manh võ nghệ bất phàm, can đảm liều lĩnh giữ chức. *Hiền bác biền* của Diệp Quyến viết “Vùng Ngô Hạ mới xuất hiện Hàng đánh mướn, đại khái đều là bọn thiếu niên du hiệp, trong đó kẻ có sức khỏe nổi bật lên, suất lãnh nhau làm việc gian, coi trọng chuyện rửa oán, ôm lòng bất bình”. Cố Công Quyến trong *Dan Ngọ bút ký*, *Đá hàng* cũng nói tương tự, Hàng đánh mướn “lấy kẻ khỏe mạnh giỏi võ đứng đầu, bọn thiếu niên vô lại sung làm bộ hạ, nghe gọi là tới ngay”.

Bọn Hỗn hỗn nhi ở Thiên Tân có một số gã hậu sinh

(33) Lý Ngư, *Tân Hoài kiện nhi truyện*.

mới xuất hiện, thường nghĩ tới việc lật đổ các bậc tiền bối, ngẫu nhiên đánh đổ được nhân vật thành danh thì mình cũng có thể thành danh, thậm chí còn thay thế làm thủ lãnh. Năm ấy trước am Thảo Xưởng ở góc Đông nam trong thành Thiên Tân có hai nhà thế gia Hỗn hồn nhì, một họ Đằng, một họ Đậu, nhà nào cũng có hơn trăm người họ hàng, trong đó có một người già họ Đậu bày vai thứ ba, xa gần đều tôn xưng là Đậu tam gia chứ không gọi tên. Người này lúc tráng niên có làm một việc sai trái, không rõ vì sao lại một dao đâm chết em kết nghĩa là Trương Mỗ, qua nhiều người giải hòa ra mặt điều đình, dìm vụ án đi, bảo khổ chủ không cần báo quan, họ Đậu ngoài việc chôn cất người chết thì đối với vợ góa con côi của y còn cấp cho mỗi ngày một quan làm tiền tuất dưỡng. Như thế nhiều năm, con trai họ Trương lớn lên cũng theo làm tay chân của y, những chuyện trước đó trong nhà ngoài đường đều tránh né giữ kín, chỉ biết ông bác này là vì nghĩa khí nuôi dưỡng mình thành người, cảm kích không sao nói xiết. Không ngờ về sau họ Đậu đặc tội với người ta, chuyện bị người hòa giải nói ra. Con trai họ Trương biết được đoạn ẩn tình ấy, lập tức nảy ý định trả thù. Y biết Đậu Mỗ sáng sớm mỗi ngày vẫn ra Đông Môn tới cái ao của một người có xước hiệu Phá oa (Nồi vỡ) cạnh bờ sông trước miếu Thiên Hậu tắm rửa, một buổi sáng mùa đông bèn dậy sớm ra cửa đông thành chờ sẵn, khi Đậu Mỗ tới liền bước ra đón, nói “Tam đại gia, bác cháu ta nói chuyện vài câu...”, rồi lập tức rút một thanh dao trong người ra, chĩa vào Đậu Mỗ nói tiếp “Tại sao cha tôi chết?”. Đậu Mỗ biết nếu nói lại chuyện trước thì hôm nay ắt gặp tai họa, để giữ mạng bèn làm ra vẻ ngơ ngác nói “Lâu quá rồi! Người hơn bảy mươi đầu óc hồ đồ, chuyện trước đây quên hết, không nhớ gì cả!”. Câu ấy rõ ràng làm ra vẻ ngu ngơ sợ chết, bề ngoài đã không thừa nhận, cũng không phủ nhận, hàm hồ che giấu, theo quy củ của người ta để tính chuyện “tháo chạy”. Đối phương thấy

y như thế, cho rằng mình đã thắng, cười nhạt một tiếng nói “Được, nếu đã không nhớ ra thì ta cũng không cần hỏi nữa, dù sao thì người cũng biết, ta cũng biết”. Nói xong rút dao lại, ôm đầu chạy đi. Đậu Mỗ ngạc nhiên hỏi lâu, biết người này ăn gắp ai cũng nói, không bao lâu át chuyện sẽ đồn dài ra khắp thành, mình đã không còn mặt mũi nào nhìn thấy ai, lập tức trở về nhà, trọn đời không ra khỏi cổng một bước⁽³⁴⁾. Con trai họ Trương không những trả thù được cho cha mà còn nhất cử thành danh, thực hiện được hùng tâm.

Ở Ấp Bắc Thượng Hải, Nhan Đình Bạch tụ họp bọn Phùng Bảo Thanh, Trần Bảo Lâm tổ chức ra tập đoàn lưu manh mười ba tên, quen thói mang vũ khí đi đánh nhau, báo thù gây sự, lừa đảo sách nhiễu, bắt cóc cướp đoạt, quậy phá tới mức cả vùng không yên, lòng người lo lắng. Lão đại Nhan Đình Bạch từng ở tù sáu năm, là một gã côn đồ vong mạng hung dữ tàn nhẫn, cậy vào sự liêu mạng mà có oai vọng, khiến đồng bọn tuân phục. Không ngờ một viên đại tướng trong tập đoàn là Phùng Bảo Thanh vì trong việc gây án có nhiều “công lao” hiển hách, dần dần kiêu căng, đối với cả bọn từ Nhan trở xuống đều hầu như không coi ra gì, điều đó tự nhiên khiến Nhan bất mãn. Từ đó, để củng cố địa vị “thống trị” của mình trong tập đoàn lưu manh, Nhan Đình Bạch quyết định tìm cơ hội dạy dỗ Phùng Bảo Thanh.

Một buổi sáng, Phùng và một tên đồng bọn phát sinh chuyện cãi cọ, Nhan thừa cơ ra tay đánh Phùng. Y nắm cổ áo Phùng, đánh tát như mưa. Hai người từ nhà đánh ra tới hẻm 725 đường Trung Hoa, lại từ hẻm đánh nhau ra tới đường, đánh luôn một mạch tới đường Đại Thống. Nhan chụp một con dao trên quầy bán dưa hấu chém mạnh xuống đầu Phùng, may có đồng bọn giữ lại nên đầu Phùng mới còn nguyên vẹn.

(34) Lý Nhiên Tê, *Cựu Thiên Tân đích Hỗn hồn nhì* (Bọn vô lại ở Thiên Tân cũ), *Văn sử tư liệu tuyển tập*, tập 47.

Chủ quầy bán đưa thấy thế vội sấn tới giật dao, Nhan quát lớn “Không tránh ra thì ta chém ngươi luôn”, lời đứt dao tới, chủ quầy bán đưa bị liên tiếp ba dao trúng ngực, cái ví tiền đầy trong túi áo Tây phục bị chém đứt đôi.

“Sự kiện dạy Phùng” khiến Nhan cũng cố được địa vị trong tập đoàn lưu manh. Vì thế, đám lâu la lớn nhỏ đối với Nhan khép nép vâng lệnh, bọn lưu manh gần xa nghe tới chữ “Nhan” đều biến sắc. Nhan vô cùng đắc ý khoe khoang “Ta là tên lưu manh lớn nhất khu Áp Bắc!”⁽³⁵⁾

Lại nói tới chuyện dùng tiền bạc mua chuộc bè đảng để lên làm thủ lãnh tập đoàn lưu manh.

Nói chung, lưu manh đều khá bần cùng, không cần nói trong nhà không có điền sản, vàng bạc châu báu mà thậm chí có lúc còn cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc. Nhưng cũng có một số lưu manh dùng đủ loại thủ đoạn phi pháp chiếm được một số tiền bạc bất nghĩa lớn, phát tài trở nên giàu có rồi, để khuếch trương thế lực, trở thành bá chủ một phương, thì không tiếc vung tiền ra tụ họp, mua chuộc các phản tử phi pháp, tổ chức thành tập đoàn lưu manh. Minh thì tự nhiên sẽ danh chính ngôn thuận trở thành thủ lãnh của tập đoàn ấy, có thể ra lệnh cho bọn tiểu lâu la.

Trong thời Nguyên, Ngô Hữu Văn ở Diên Sơn tính tình gian trá hung dữ, làm điều bậy bạ trong làng, chế tạo bạc giả, nhân đó trở thành giàu có. Ngô Hữu Văn giàu có rồi, bỏ tiền ra mua chuộc bốn năm mươi tên ác thiếu, sai chúng làm thư lại ở cửa quan, nếu có ai tới đưa đơn tố cáo y thì kịp thời báo tin để chuẩn bị sẵn. Đám ác thiếu này đã nhận tiền của Ngô Hữu Văn, dốc lòng trung thành nghe lệnh của y, chuyên làm điều bậy bạ, “trước sau giết người rất nhiều, bắt ép mười một phụ nữ nhà người ta làm vợ, dân sợ bị hại, hầm

(35) Phạm Ấu Nguyên, Trần Bính Viêm, *Tác ác đa đoan tất tự tang* (Làm ác đa đoan là tự sát), *Giải phóng nhật báo*, 5. 10. 1991

oan không dám tố cáo suốt hơn mươi năm”⁽³⁶⁾.

Theo *Kim Bình Mai* hồi 11, Tây Môn Khánh lập ra một bọn mươi người bạn kết giao, cùng uống rượu chơi gái, gian dâm phụ nữ nhà người ta, cướp đoạt tiền của. Người thứ nhất là Ứng Bá Tước, xuất thân từ một nhà sa sút, có bao nhiêu gia tài được chia đều chơi gái hết, chuyên theo các con em nhà giàu ăn theo chơi ké, chơi bời trong kỵ viện, hồn danh là Ứng Hoa tử. Người thứ hai họ Tạ tên Hy Đại, là con cháu Thiên hộ Ứng Tập vệ Thanh Hà, cha mẹ mất sớm, rong chơi lười biếng, giỏi đá cầu, lại còn cờ bạc, vứt bỏ hết tiền trinh, trở thành một kẻ lêu lổng. Người thứ ba là Ngô Điện Ân, là Âm dương sinh trong huyện, có lối bị cách..., kẻ cả Tây Môn Khánh là mươi người. Mọi người thấy Tây Môn Khánh có nhiều tiền bạc, nên nhường y làm đại ca.

Trong lịch sử Trung Quốc, bọn con em nhà giàu trở thành thủ lãnh tập đoàn lưu manh cũng không phải ít. Sở dĩ đám này có thể chiêu mộ nhiều tên ác thiếu vong mạng tổ chức thành tập đoàn lưu manh, đều là nhờ cậy quyền thế của cha anh, có phạm pháp gây án cũng không ai dám tố cáo, không bị trừng phạt, và lại trong nhà vốn nhiều tiền lăm bạc, có thể cung cấp cho đám lưu manh phung phí.

Bắc Tề thư, Cao Càn truyện chép Cao Ngang tự Phóng Tào, lúc trẻ có chí lớn. Lớn lên lêu lổng, can dám hơn người, mày rồng cổ báu, trang mạo hùng dũng. Cha tim thấy nghiêm về dạy, bảo cứ thẳng tay đánh mắng. Cao Ngang không vâng lời thầy, chỉ lo rong chơi, thường nói nam nhi nên hoành hành thiên hạ, tự tìm phú quý, sao có thể ngồi yên đọc sách làm bác sĩ già. Cùng anh là Cao Càn nhiều lần đi ăn cướp, chầu huyện không sao nghiêm trị. Lại dốc hết gia tư chiêu mộ kiếm khách, làng xóm sợ hãi, không ai dám trái ý.

(36) Phùng Mộng Long, *Tăng quang tri nang bồ*, quyển thượng, *Thượng tri, Lâm Hưng Tố*.

Tiết Tu Nghĩa thời Bắc Tề tự Công Nhượng, người Phần Dương Hà Đông. Ông cố là Tiết Thiệu, Thượng thư bộ Bình, Thái tử Thái bảo nhà Ngụy. Ông nội là Nhân Thọ, hai lần làm Quận thủ Hà Đông Hà Bắc, Thủ sứ Thái Châu, Phần Dương công. Cha là Bảo Tập, Thái thú Định Dương. Tu Nghĩa lúc nhỏ gian giảo, khinh tài trọng nghĩa, chiêu mộ bọn hào hoạt, thường có kế trốn tránh tới nương nhờ, phần nhiều đều được dung nạp⁽³⁷⁾.

Lại theo *Thiên chân đạt sử* hồi 1, trong niên hiệu Đại Thông đời Lương Vũ đế thế tử của Đại Tướng quân Tả Thừa tướng Đông Ngụy Cao Hoan là Cao Trừng tính tình tàn ác nóng nảy, uống rượu chơi gái, cờ bạc rong chơi không gì không làm. Có vài mươi tý thiếp, ai hơi trái ý là giết, tôi tớ trong nhà thì đánh chết không biết bao nhiêu mà kể. Cao Hoan thường răn bảo nhưng vẫn chứng nào tật ấy. Rất thích được a dua tảng bốc, phàm là bọn vô lại vong mạng trốn tránh tìm tới phủ nương nhờ đều được thu dùng. Cả ngày cùng nhau uống rượu làm vui, săn bắn chơi rong, thường đánh đậm dân làng, phá lúa má ngoài đồng, đậm chó bắt gà của người ta ăn thịt. Nhân dân ở đó chỉ dám giận không dám nói, túm năm tụm ba trên đường kể những việc bậy bạ của công tử.

Ngoài ra, việc nảy sinh của thủ lãnh tập đoàn lưu manh còn có lý do tuổi tác lớn nhỏ. Như trong nhóm Tiên Đường tam hổ thì rõ ràng Tiên Bà Lưu võ nghệ cao cường nhất, nhưng vì y nhỏ tuổi nhất nên chỉ có thể làm tam đệ, mà chức đại ca dĩ nhiên là do Chung Minh anh Chung Lượng gánh vác.

Có điều quy mô của tập đoàn lưu manh lấy tuổi tác lớn nhỏ để sắp xếp ngôi thứ tương đối nhỏ, nếu không thì tuổi tác càng lớn càng không chế phục nổi bọn người vô sỉ

(37) *Bắc Tề thư*, quyển 208, *Tiết Tu Nghĩa truyện*.

dòng đảo.

Nói khái quát, thì thủ lãnh lưu manh đối với toàn tập đoàn lưu manh có quyền lực tối cao vô thượng. Tuy phần lớn thủ lãnh các tập đoàn lưu manh không có tín phù hay quan án như đám quan lại, nhưng các thành viên khác trong tập đoàn trước mặt y chỉ được phép khom lưng quỳ gối, cùi đầu vâng lệnh, mường tượng như bị một sợi dây vô hình trói buộc. Dĩ nhiên, trong tay thủ lãnh tập đoàn lưu manh cực nhỏ cũng có thể có một vật giống như “ấn thụ”. Như tập đoàn lưu manh Lương Sơn ở Bao Đầu thì bình phù ấn thụ của người đứng đầu là một chiếc gậy gỗ, gọi là “Lảnh định”, lúc bình thời đặt trên bàn thờ tổ sư, khi có việc thì dùng để trừng phạt đánh người, ngoài “đại ca” ra không ai dám đụng vào.

III. Tìm hiểu về các quy định nội bộ

Sau khi tập đoàn lưu manh này sinh, qua hoạt động chống lại xã hội lâu ngày đã hình thành một hệ thống đặc điểm xa lạ với kết cấu tổ chức và phong tục tập quán văn hóa của xã hội chủ thể. Dưới đây chia ra tiến hành khảo sát, hy vọng sẽ giúp ích được cho sự hiểu biết của chúng ta.

Về kết cấu tổ chức. Khác với hệ thống tổ chức bang hội, tập đoàn lưu manh từ thời Thanh mạt trở về trước có kết cấu nội bộ khá đơn giản, hoàn toàn không có gì phức tạp. Một số tập đoàn lưu manh lớn thường có đặt ra một chức vụ như quân sư sau thủ lãnh. Ví dụ như bọn Hỗn hỗn nhi ở Thiên Tân, dưới Phó Trại chủ còn mời riêng một văn nhân bí mật bảy mươi vạch kế, gọi là “Quân sư”. Tập đoàn lưu manh có quy mô nhỏ thì ngoài một người làm thủ lãnh, số còn lại đều là thuộc hạ.

Nghị thức tổ chức thành lập tập đoàn lưu manh. Lưu manh họp nhau tổ chức thành lập tập đoàn lưu manh hoặc ở

ngoài gia nhập vào tập đoàn lưu manh, thông thường cũng phải cử hành một số nghi thức, phần lớn phỏng theo việc Lưu Quan Trương kết nghĩa vườn đào, kết thành anh em khát họ. Thời Ngũ đại, hai vị công tử Chung Minh và Chung Lượng làm Lục sự ở Hàng Châu đi tìm Tiền Tham, lén tới trên gác chợt thấy một con thằn lằn lớn dài hơn một trượng nằm trên giường, đầu có hai sừng, có mày mù năm sắc che phủ. Hai người giật nảy mình, nhìn kỹ lần nữa thì là Tiền đại lang đang nằm thẳng cẳng ngủ khò, nghĩ thầm lời tục nói Bậc dị nhân phần nhiều có biến tướng, nhân lúc y còn chưa gặp thời, kết giao với y, há không hay sao! Bèn chờ Tiền Tham tỉnh dậy, nói “Anh em ta hâm mộ tín nghĩa, tình nguyện kết nghĩa vườn đào, không biết đại lang chịu không?”, Tiền Tham lập tức ưng thuận⁽³⁸⁾. Lại như Thạch Lâm trang ở Tô Châu thời Minh có tam nghịệt: Ngụy Tiến Trung, Lý Vĩnh Trinh, Lưu Võ, ba người “Chung nhật ngao du phế học quý, Thi Thư bất độc nhiệm hồ vi” (Trọn buổi rong chơi bỏ học đường, Thi Thư chẳng đọc cứ làm càn). Một hôm họ chọn ngày tốt, mổ dê béo, mua một vò rượu lớn và giấy tiền vàng bạc, sai mấy đứa trẻ mang ra bày trong miếu Tam Nghĩa, học việc Lưu Quan Trương kết nghĩa vườn đào, muộn ngày sau dù công danh phú quý hay nghèo hèn hoạn nạn đều giúp đỡ nhau. Họ cắt máu ăn thề trước tượng thần, đốt giấy tiền vàng bạc, nấu nướng đồ cúng, ăn no một bữa⁽³⁹⁾.

Khác họ kết nghĩa có một loại vẫn giữ nguyên họ của mỗi người, nhưng một loại thì đổi luôn cả họ mình, từ khác họ đổi thành cùng họ. Ví dụ trong niên hiệu Thiệu Hưng thời Tống, ở thành Ngô Hưng có một bọn quang côn con nhà sa sút lêu lổng ăn không ngồi rồi, gồm Thiết lý trùng Tống Lễ, Niêm thương thủ Trương Triều, Điều tình hổ Nguu Tam, Sái mặc Phán quan Chu Bính, Bạch nhật quý Vương Úng Tử,

(38) *Dụ thể minh ngôn*, quyển 21.

(39) Vô danh thi, *Đảo ngọt nhàn bình*, hồi 6.

ngoài ra còn một số không rõ tên làm sai vật, tất cả mươi mấy tên, chuyên đuổi gió bắt bóng, đè đầu cưỡi cổ người ta, khơi chuyện thi phi, gây hấn sinh sự. Năm người đứng đầu cắt máu ăn thề trong miếu Hắc hổ Huyền đàn Triệu Nguyên súy, kết làm anh em. Tất cả cùng đổi thành họ Triệu, gọi chung là Triệu gia ngũ hổ. Bất kể ở đâu có việc, một người được tin sẽ tới, họp bọn cùng đi làm, được gì cũng chia đều⁽⁴⁰⁾. Triệu gia ngũ hổ đều lấy họ Triệu Công Minh, đại khái là mong có tiền phát tài.

Dĩ nhiên, lúc kết nghĩa cũng phải cử hành một số nghi thức, cách thức cụ thể là mọi người nhất tề quỳ xuống, cầm hương lập thệ, cắt máu ăn thề, tế trời đất, sau đó lay nhau tám lạy kết giao, lần lượt từng người nói ra tên họ, ngày sinh tháng đẻ, kế đó bày rượu thịt ra ăn uống một trận no say.

Cái gọi là cắt máu ăn thề vốn là chỉ việc hội minh thời cổ, đôi bên ngậm hoặc lấy máu súc vật bôi lên miệng để tỏ ý giữ lời thề. *Cốc Lương truyện*, *Trang nhị thập thất niên* chép “Hội họp bằng áo mao mươi lần thường chưa có lần nào không bôi máu lên miệng mà thề, để tỏ rõ chữ tín”. *Hoài Nam tú*, *Tề tục* chép “Cho nên người Hồ đàn cốt, người Việt do cánh tay, Trung Quốc bôi máu, tuy khác hẳn nhau nhưng đều tỏ ý giữ chữ tín”. Cũng có khi là cắt cánh tay chảy máu để thề, tức cắt đứt thịt trên cánh tay mình, lấy máu lập thệ. Hai cách ấy đều để tỏ rõ sự thành tâm giữ lời.

Nội dung việc lập thệ chủ yếu là nếu phụ lòng sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc, hoặc kiếp này không được chết yên lành, hoặc kiếp sau bị dày làm súc vật. Nội dung càng khắc bạc càng tốt, càng tỏ rõ sự thành tâm, trung trinh của mình.

Có lúc loại nghi thức cắt máu ăn thề này được đơn giản hóa thành trong chõ gác nhỏ, tại tết đốm hay ở ngoài

(40) *Nhị khắc phách án kinh kỳ*, quyển 10.

đồng trống lạy trời mẩy lạy, lạy đất mẩy lạy, sau đó lạy nhau mẩy lạy, từ nay trở đi đã trở thành anh em trong tập đoàn, lược bỏ các thủ tục phiền phức khác.

Loại nghi thức cắt máu ăn thể này lưu hành từ rất lâu trong lịch sử lưu manh Trung Quốc, và lại đến nay vẫn còn rơi rớt. Theo báo chí, một hôm “Đảng máu lạnh” cử hành nghi thức thành lập trên bãi cỏ ở góc núi Dư Hồ tại Thiệu Dương. Trước tiên là lão đại thân thể cao lớn, người khoác áo xanh đứng lên tuyên bố, thao tháo bất tuyệt, lời lẽ hùng hồn. Trước mặt y bày các thức điểm tâm, bình rượu, dao găm, chén rượu, kế đó là hơn mười người nam nữ quỳ thành hai hàng. Tiếp theo, lão nhị chấp hành chức vị “Hiện chuẩn bị tuyên thệ, trước khi tuyên thệ, mỗi người dùng dao cắt đứt tay mình, nhổ máu vào rượu, sau khi tuyên thệ phải uống cạn!”. Kế đó một tràng tiếng dao găm, chén rượu vang lên loáng xoảng, từng giọt từng giọt máu tươi rơi vào chén rượu. “Tôi tự nguyện gia nhập Đảng máu lạnh, phục tùng mệnh trời, có trời xanh ở trên, xin tuân thủ điều lệ đảng, quyết không phản bội...”⁽⁴¹⁾.

Quy củ gia nhập tập đoàn lưu manh. Tập đoàn lưu manh phần lớn là bọn ô hợp, nên đối với kẻ gia nhập không có yêu cầu và hạn chế gì nghiêm khắc. Kẻ rong chơi lười biếng, không lo làm ăn đều có thể tùy ý tham gia. Như bọn Hỗn hỗn nhi ở Thiên Tân, gọi viện nhập bọn là “Khai cuống”, có kẻ mới gia nhập thì hôm ấy mọi người ăn uống một bữa để làm quen biết mặt, chỉ thế mà thôi.

Nhưng cũng không thể nói tất cả đều như vậy. Sát bạch đảng, còn gọi là Chiết bạch đảng xuất hiện cuối thời Thanh, chuyên dụ dỗ phụ nữ nhà giàu lừa lấy tài vật thì lại có điều kiện hạn chế rất nghiêm ngặt với người mới gia

(41) *Dân chủ dữ pháp chế* tháng 10. 1991, *Hàn huyết đảng phúc diệt ký* (Ghi chép về sự tan vỡ của Đảng máu lạnh).

nhập: kẻ xin gia nhập phải có diện mạo thanh tú, không bị tàn tật, khéo ăn nói, quen biết rộng, xử sự cẩn thận, hiểu rõ phong tục tập quán ở Thương Hải, tuổi trong khoảng từ mười sáu tới bốn mươi. Ai muốn vào bọn phải có hai người giới thiệu, lại phải tuyên thệ không phản bội, phục tùng người đầu đảng, tức Bộ trưởng chỉ huy. Người mới gia nhập xung là Lão thất, thành viên lão thành xung là Lão tam. Chiết bạch đảng do nữ lưu manh tổ chức chuyên làm việc dụ dỗ đàn ông lừa lấy tài vật thì tổ chức còn chặt chẽ hơn, vào bọn phải có người quen giới thiệu, lại phải khảo xét trực tiếp⁽⁴²⁾.

Quy củ ra khỏi tập đoàn lưu manh. Cũng giống như lúc gia nhập tập đoàn lưu manh, việc ra khỏi tập đoàn lưu manh cũng có hai tình huống khác nhau: một là muốn ra là ra, không bị hạn chế. Như bọn Hỗn hồn nhi ở Thiên Tân gọi việc tự động ra khỏi tập đoàn là “Thu cuồng”, quyết không bị cản trở, làm khó. Một loại khác là đã gia nhập thì đừng mơ tới chuyện ra, cũng như câu tục ngữ vẫn nói là “Lên thuyền giặc dễ, xuống thuyền giặc khó”. Ví dụ Lương Sơn của bọn lưu manh dưới đáy xã hội ở Bao Đầu, để giữ gìn bí mật, người đã gia nhập rất khó ly khai đổi sang làm nghề khác, chỉ có người vào lính và hứa sẽ rời khỏi Bao Đầu mới có thể ra khỏi⁽⁴³⁾.

Một số kỷ luật trong tập đoàn lưu manh. Trước thời Minh Thanh, tập đoàn lưu manh chủ yếu lấy việc anh em khác họ và nghĩa khí giang hồ giúp đỡ các thành viên hoạt động, phần lớn các tập đoàn đều không có điều khoản quy định kỷ luật rõ ràng. Từ thời Minh Thanh trở đi, có tập đoàn lưu manh quy mô ngày càng to lớn, tương ứng với sự

(42) Tô Trí Lương, Trần Lê Phỉ, *Cận đại Thương Hải hắc xã hội nghiên cứu*, chương 5 tiết 1.

(43) (44) Lưu Ánh Nguyên, *Bao Đầu lưu manh đe dọa xã hội đích Lương Sơn*, *Văn sử tư liệu tuyển tập*, tập 38.

phát triển ấy, trong nội bộ này sinh một số kỷ luật tuy không viết rõ ra giấy trắng mực đen nhưng các thành viên đều phải nghiêm túc tuân thủ. Ví dụ tập đoàn Lương Sơn ở Bao Đầu có ba quy củ lớn và biện pháp nghiêm trị tương ứng: một là chôn sống bọn Thái cùng hán oa phố (kẻ thông gian với phụ nữ trong nhà), hai là móc mắt bọn Thỏa xú (kẻ bịa đặt bôi nhọ danh dự người khác), ba là bắt kẻ vi phạm các quy định khác quỳ trước bàn thờ tổ sư, dùng “Quái đinh” đánh vào móng⁽⁴⁴⁾.

Đoàn thể Chiết bạch đảng lừa đảo ở Thượng Hải cũng có quy tắc hành sự của họ, bao gồm: 1. Phục tùng mệnh lệnh của Bộ trưởng (người phụ trách tối cao là Bộ trưởng), 2. Không lừa các quả phụ, 3. Không lừa kẻ không có tiền, 4. Không cho hai người cùng đụng tới một người đàn bà, 5. Lấy tiền phải do phụ nữ tình nguyện đưa ra, không được trộm cắp, 6. Được tiền phải nộp tám phần vào quỹ chung, 7. Không được nuốt trọn tiền bạc lấy được, kẻ vi phạm sẽ bị khai trừ đồng thời dùng luật lệ của đảng nghiêm trị, 8. Không được tiết lộ công việc của đảng⁽⁴⁵⁾. Nhưng thật ra việc chấp hành các quy tắc và kỷ luật ấy rất không chặt chẽ, thậm chí chỉ là lời nói suông: đương thời có rất nhiều quả phụ là người nơi khác tới đất Hộ, bế con trai địu con gái, dựa vào chút tiền bạc còn lại sống qua ngày, kết quả bị Chiết bạch đảng lừa lấy hết tiền, cảnh ngộ cực kỳ bi thảm. Xem đó đủ thấy quy tắc và kỷ luật trong nội bộ tập đoàn lưu manh hoàn toàn không phải dùng để ngăn cản các thành viên hèn hiếp nhân dân mà là để đề cao uy tín thủ lãnh, gìn giữ sự ổn định nội bộ, từ đó tăng cường khả năng phá hoại xã hội của tập đoàn.

Về việc phân phôi trong tập đoàn lưu manh. Nội bộ tập đoàn lưu manh lúc bình thời để cao nghĩa khí giang

(45) Tiên Khã Sinh, *Thượng Hải hắc mạc hối biến*, tập 2 quyển 3 trang 4.

hở, gọi nhau là anh em, chủ trương cùng đứng cùng ngồi, có cơm cùng ăn, có áo cùng mặc, cùng làm việc xấu, cùng đi giết người, cho thấy về mặt phân phối tựa hồ không chênh lệch nhau bao nhiêu. Nhưng việc phân phối trong nội bộ tập đoàn lưu manh hơi có quy mô thì quyết không thể hoàn toàn bình đẳng. Trước hết, phần chia chác giữa thủ lãnh và lâu la chênh lệch rất lớn. Như bọn lưu manh Lương Sơn ở Bao Đầu, sau khi đem bán hàng hóa trộm cắp được thì phải hiến ba mươi phần trăm làm tiền công ích cho Lương Sơn. Trên danh nghĩa thì khoản tiền ấy là để nuôi người tàn tật, chôn cất người chết, tu sửa sào huyệt, chi tiền cùi đuốc và cúng tế tổ sư gia, nhưng trong thực tế đều bị đại ca bỏ túi. Thứ nữa, để khuyến khích lưu manh hung hăng liều mạng làm điều bậy bạ, tập đoàn lưu manh cũng trọng thưởng cho những kẻ can đảm⁽⁴⁶⁾.

Theo truyền thuyết, Ngô Việt vương Tiền Tham thời Ngũ đại lúc chưa phát tích được đầu lịnh buôn muối lậu Cố Tam lang rủ đi ăn cướp thuyền của gia đình Vương Tiết sứ. Lúc đánh cướp, y xông lên trước nhất, lập được công lớn, nên sau đó cũng được chia phần nhiều hơn người khác⁽⁴⁷⁾.

Đối với bọn vong mệnh dám chặt tay khoét mắt mình để lừa gạt đòi hỏi thì phần thưởng càng nhiều hơn. Theo *Thanh bì loại sao, Phong tục loại, Bắc nhân hủy thân cầu tài* chép thì một ngày cuối năm trong niên hiệu Quang Tự, ở đầu đường Tam Tra chỗ miếu Ngũ Đạo trong kinh thành có một đám ác thiểu mặc áo đen mang hài nhẹ ùn ùn từ phía bắc chạy tới, trong có một người áo ngoài phanh ra, mặt bê bết máu, một mắt bị khoét, vốn là người của Ngật Bảo cục. Thế nào là người của Ngật Bảo cục? "Là bọn ác thiểu hàng ngày

(46) Lưu Ánh Nguyên, *Bao Đầu lưu manh đe tăng xã hội địch Lương Sơn*, Văn sử tư liệu tuyển tập, tập 38.

(47) *Dụ thế minh ngôn*, quyển 21.

tới sòng bạc đòi tiền, làm việc bảo kê”. Nhưng bảo kê sòng bạc mà cậy vào một cái mồm thì căn bản không thể làm được, “nếu bè lũ đông, ăn phải dùng kẻ cam tâm thương tàn thân thể mới làm được”. Việc thương tàn thân thể lại chia ra thứ hạng, khoét tròng mắt là hạng nhất, có thể được nhiều tiền nhất.

Về các mặt khác. Các tập đoàn lưu manh đều lấy nơi triển khai hoạt động làm phạm vi thế lực, tuyệt đối không để cho đoàn thể xã hội hay tập đoàn lưu manh khác thò tay vào can thiệp. Nếu có ai xâm phạm vào lãnh địa của chúng, đụng chạm tới lợi ích của chúng, lập tức sẽ dẫn tới một trận đánh nhau sống chết. Như bọn Hồn hồn nhí ở Thiên Tân, một sorm “có người xâm phạm vào ranh giới của họ, sẽ họp bọn kéo tới đánh nhau, dao sắt búa to, gậy gộc súng ống leo lên nóc nhà, gõ ngói ném xuống túi bụi, bất kể sống chết mất còng”⁽⁴⁸⁾.

Dĩ nhiên, đây không phải là nói người hay tập đoàn lưu manh nơi khác hoàn toàn không thể bước vào lãnh địa mà tập đoàn lưu manh địa phương vạch ra cho mình, nếu người ngoài muốn tới làm việc gì đó, thì trước tiên phải tới bái yết thủ lãnh lưu manh, dâng tiền bạc lễ vật, sau khi được ưng thuận mới có thể tiến hành. Vô ý làm trái lại quy củ này thì sẽ gây ra phiền phức, chuốc lấy rắc rối.

Trong đời Càn Long nhà Thanh, Dương Ngộ Xuân em trai Tổng đốc Lưỡng Quảng Dương Thọ Xuân vì tính ưa đánh bạc chơi gái, không lo làm ăn, phá tán hết tiền bạc trong nhà, trốn nợ bỏ đi, lưu lạc giang hồ, không biết làm gì để sống, phải mãi vô độ nhật. Một hôm họp người xem mãi vô trước miếu Quan Đế ở Lâm Thanh, mong mọi người cho tiền lộ phí. Vì không biết lề thói giang hồ, chưa từng ra mắt bọn anh chị ở địa phương, vì thế đắc tội với một vị Tiểu Bá vương họ Đoàn tên Đức ở Lâm Thanh. Tiểu Bá vương dặn người

(48) Dương Nhất Côn, *Thiên Tân luận*, Tân Môn tạp ký, quyển hạ.

xem ở đó không được cho tiền, ai dám không nghe? Ngộ Xuân vẫn chưa biết, thấy đem hết võ nghệ bình sinh ra múa quyền đánh côn suốt nửa ngày, không những không ai chịu bô ra một đồng mà ngay cả một tiếng khen cũng không có, dành nói “Ngẫu nhiên đi qua quý địa, thiếu tiền lộ phí nên phô diễn tài nghệ, muốn được các vị giúp đỡ chút ít, giúp tôi lúc đang cùng đường. Tiểu đệ không ngờ quý trấn tuy lớn mà không có ai thích làm việc nghĩa. Nếu thấy võ nghệ của tiểu đệ kém cỏi, không đáng thương thức, thì xin mời vị huynh dài nào đấu qua một phen để tiểu đệ được lãnh giáo nên chăng?”. Đoàn Đức quát “Ngươi múa côn quyền mà chẳng biết gì về quy củ giang hồ, cũng học đòi mãi vô. Lời xưa có câu Vào núi phải lạy Thổ địa, ra ngoài phải dựa quý nhân. Người tới mãi vô trên đất của ta mà không tới chào ta, ta không mở miệng thì ai dám khen ngợi? Bây giờ xem giọng lưỡi của ngươi chắc là còn muốn thử thủ đoạn của lão gia ngươi phải không?”. Ngộ Xuân nói “Nếu thế thì ra tiểu đệ thất lễ rồi. Dám hỏi cao danh quý tính của nhân huynh, quý phủ chỗ nào, để hôm khác lén thèm tạ tội nên chăng?”. Đoàn Đức quát “Bạn bè qua lại giang hồ trong thiên hạ ai không biết ta là Tiểu Bá vương Đoàn Đức? Lời tục nói Thùng xí cũng có hai tai, chẳng lẽ ngươi mù à? Mới rồi ngươi lớn lối huênh hoang, khinh trấn ta không người, nếu ta không đánh chết ngươi tại đây thì không phải là hảo hán”. Nói xong nhắm giữa ngực Ngộ Xuân đánh ra một chưởng Thôi sơn, vô cùng hung dữ! Gã Đoàn Đức này là tay anh chị nổi tiếng ở đất ấy, hai tay có sức mạnh mấy trăm cân, nếu là người khác thì không đỡ nổi một chưởng của y. Ngộ Xuân là kẻ giỏi giang không hấp tấp, thấy y hung dữ xông vào, quát lớn “Tới thì hay!”, rồi vung tay trái một cái gạt phát chưởng Thôi sơn của y qua một bên, thừa thế phi chân trái ra đá trúng bụng dưới Đoàn Đức, hất y tung ra mấy thước, ngã vật xuống đất. Đoàn Đức vô cùng xấu hổ, gượng đau nhảy bật dậy, liều mạng xông vào định đánh

nhau tiếp. Lúc ấy vừa khéo Càn Long đứng trong đám đông, thấy Đoàn Đức vô lễ như thế, vội cùng Nhật Thanh bước lên can hai người ra, lại tặng Ngộ Xuân hai mươi lượng bạc làm lộ phí. Nhật Thanh can Đoàn Đức ra xong, nói “Người trong bốn bề, đôi bên đều là anh em, cần gì phải nỗi giận đánh nhau, làm mất hòa khí, lại đều là người đồng đạo, ngàn vạn lần xin nể mặt tiểu đệ, đừng nên động thủ”. Đoàn Đức thấy vị khách này tặng Ngộ Xuân hai mươi lượng bạc, lập tức trọn tròn cặp quái nhẫn quát “Gã khách nhà ngươi nhất định đối đầu với ta, xứng hùng ở trấn Lâm Thanh phải không?”. Nói xong vung tay giẫm chân, vừa chạy vừa chửi “Thế nào cũng phải cho hai đứa này biết thủ đoạn của lão gia ta mới được”⁽⁴⁹⁾.

Đây không phải là lời lẽ văn chương thêu dệt phóng đại của văn nhân mà thật sự tồn tại trong thực tế đời sống. Có một thầy bói chiết tự tại Cảnh Đức trấn ở Giang Tây, đang khoanh đất dọn chỗ, bày bút nghiên ra, đột nhiên có mấy mươi tên vô lại kéo tới gây sự, nói “Người không biếu tiền bạc cho bọn ta trước mà muốn chiếm chỗ này hả?”. Người thầy bói nói “Ta là người đất Sở, mới tới đây tối hôm qua, trong túi không có đồng nào, lấy gì đưa các ngươi? Vả lại đây là đất công, cũng không để các ngươi hạch sách tiền bạc”. Bọn vô lại nghe thế vô cùng tức giận, ào ào sấn tới vung quyền định đánh. Người thầy bói chiết tự nói “Muốn động võ à? Đánh tay không không vui, cho các ngươi một món vũ khí nhỏ đây”, nói xong nhặt một tảng đá lớn bên đường đập vào đầu gối một cái, tảng đá vỡ đôi, mình cầm một mảnh, mảnh kia đưa cho chúng. Bọn vô lại hoảng sợ trợn mắt há miệng, vội ôm đầu chạy trốn⁽⁵⁰⁾.

(49) *Càn Long du Giang Nam*, quyển 10.

(50) Tiêu Hoành Hương thất Chủ nhân, *Thanh triều dã sử đại quan*, quyển 12, *Trắc tự đa lực*.

May là Dương Ngộ Xuân và người thầy bói chiết tự đều có võ công phi phàm, không thì sau khi bị bọn lưu manh lừa dối, trấn lột, đánh đập có đưa đơn kiện lên quan cung không ích lợi gì.

Ngoài ra, nội bộ tập đoàn lưu manh còn tồn tại phổ biến thói quen qua am, rút xăm. Từ thời Hán, ở Trường An đã có hiện tượng "bọn thiếu niên trong làng xóm họp đảng giết quan lại, nhận tiền trả thù giúp, cùng nhau thám hoàn làm đạn, được màu đỏ thì giết vồ lại, được màu đen thì giết vẫn lại, được màu trắng chủ trị tang"⁽⁵¹⁾. Về sau loại phong tục này lan ra khắp tất cả các tập đoàn lưu manh, như bọn Hỗn hỗn nhi ở Thiên Tân, trước khi lên đường đánh nhau, nếu đối phương đã có Tử quá tiết nhi (Người chết qua ngày lễ), thì trước hết chọn ra mấy người chuẩn bị hy sinh, hoặc xung phong tình nguyện, hoặc dùng cách rút thăm, gọi là Trừu tử thiêm (Rút thẻ chết). Nếu không chết tại đường trường, thì sau đó cũng do người ấy đứng ra đầu thú, nhận mình là hung thủ⁽⁵²⁾.

(51) *Hán thư*, quyển 90, *Khóc lại truyện*.

(52) Lý Nhiên Tê, *Cựu Thiên Tân dịch Hỗn hỗn nhi*, *Văn sử tư liệu tuyển tập*, tập 47.

Chương 4

Các thủ đoạn hèn hạ vô si

Như trên đã nói, hoạt động của lưu manh làm hại tới chính trị, hành chính, kinh tế, trật tự trị an của quốc gia và sinh hoạt xã hội, ánh hưởng nghiêm trọng tới quốc kế dân sinh, làm rối loạn trị an, phá hoại trật tự xã hội, làm hại tới sinh hoạt và an ninh của mọi người.

Để đạt được mục đích thì bọn lưu manh khi hoạt động bất kể là một cá nhân đơn độc hay tập đoàn cũng rất tinh vi về cách thức gây án phạm tội, lại từng bước tiến bộ trong thực tiễn, làm hình thành một số thủ đoạn thường dùng. Các thủ đoạn này người ta thường gọi là thủ đoạn lưu manh. Nếu tạm rút gọn lại thì trong đó có sáu loại thường thấy nhất là lừa đảo, dối trá, trộm cắp, cướp đoạt, đánh đập, giết chóc.

Dương nhiên không chỉ có tầng lớp lưu manh trong xã hội sử dụng sáu thủ đoạn phạm tội này, mà những tập đoàn tội phạm khác cũng biết sử dụng một hay vài cách thức trong đó. Như ăn cướp thì thường cướp đoạt, đánh đập, giết chóc, bọn trộm cắp thì thường trộm cắp, ngẫu nhiên cũng có cướp đoạt, đánh đập vân vân, nhưng chỉ có lưu manh là toàn diện, sử dụng tổng hợp tất cả sáu loại thủ pháp, chỉ cần trong quá trình sử dụng cụ thể, chúng sẽ thay đổi nhiều cách thức khác nhau, nhưng phản ảnh được rõ nét đặc điểm của chúng chính là hai việc dối trá và đánh đập.

Quan hệ giữa ba yếu tố lưu manh, thủ đoạn lưu manh,

hoạt động lưu manh không khó giải thích: thủ đoạn lưu manh là triển khai hoạt động của lưu manh, là phương pháp lưu manh sử dụng trong quá trình hoạt động. Nói cách khác, lưu manh dùng thủ đoạn lưu manh để triển khai các hoạt động lưu manh. Dĩ nhiên dùng thủ đoạn của lưu manh để hành động chưa chắc đã là lưu manh, nhưng lưu manh thì nhất định phải dùng thủ đoạn của lưu manh để hoạt động. Nếu lưu manh vứt bỏ thủ đoạn lưu manh, đình chỉ hoạt động lưu manh thì chúng đã không phải là lưu manh nữa rồi.

1. Lừa đảo bằng mọi thủ đoạn kỳ lạ

Lừa đảo là một cách thức quen dùng của bọn lưu manh. Gọi là lừa đảo là dùng thủ đoạn lừa đảo để thu lợi. Trong đời sống xã hội cũng có bọn lừa đảo làm việc lừa đảo. Vì vậy bọn lừa đảo và lưu manh có chỗ phân biệt nhưng cũng có chỗ quan hệ. Từ Kha trong *Thanh bị loại sao* hợp lưu manh và bọn lừa đảo làm một loại, thật ra là nói lưu manh và bọn lừa đảo quả thật cũng có lúc rất khó phân biệt. Có điều giữa hai loại này rốt lại cũng có nhiều điểm khác biệt "Kẻ dùng võ lực lấy của cải bất nghĩa gọi là côn đồ, kẻ dùng sự gian trá lấy của cải bất nghĩa gọi là lừa đảo"⁽¹⁾.

Lưu manh làm việc lừa đảo thì trong các sách vở từ thời Tiên Tân đã ghi chép lại rất nhiều "Ở Hằng Tư có tên thiếu niên hung dữ mời mọi người đánh bạc, nói Nếu ta thắng mọi người thì mọi người phải cúng thần cho ta ba ngày, nếu mọi người thua thì cứ bắt ta, rồi tay trái gieo xác cho mọi người, tay phải gieo xác cho mình, thắng được mọi người, mọi người bèn đi cúng thần cho y. Ba ngày sau mọi người tới xin, y không cho về, năm ngày thì mọi người tiêu tụy, bảy ngày thì mọi người chết"⁽²⁾.

(1) Từ Kha, *Thanh bị loại sao*, *Côn biến loại*, *Bản tru tú*.

(2) *Chiến quốc sách*, *Tân tam*, *Ứng hầu thỉnh Chiêu vương*.

Tên thiếu niên hung dữ ấy dùng lời lẽ ngon ngọt dụ dỗ, lại giở trò đe thăng mọi người, đó đều là chuyện lừa đảo. Một sớm lừa được là giở trò vô lại không cho họ về, rốt lại hại chết mọi người. Có thể thấy thuật lừa gạt cao minh và thủ đoạn tàn nhẫn của bọn vô lại.

Lưu manh lừa đảo, hiểu biết cách thức lừa đảo rất cẩn kẽ, ngàn kỳ trám lừa, càng làm càng hay, quả thật khiến người ta khó có thể nhận ra.

Giả làm quan lại để lừa đảo. Trung Quốc thời cổ có hai câu tục ngữ, một là "Quan bẩn vị", một là "Một người dắc đạo, gà chó trong nhà cũng thành tiên". Lưu manh hiểu rất sâu sắc yếu quyết trong đó, nhao nhao nối nhau cải trang, giả mạo làm quan Mỗ, Tôn thất Mỗ, công nhiên lừa gạt, đều dễ dàng nhấc tay là dắc thủ.

Triệu Giả Hy thời Tống vốn là con nhà sa sút nghèo hèn trong làng, mạo xưng là con trưởng của Triệu Thiện Thái tức Triệu Nhữ Tích, ngụy tạo bằng cứ, khắc riêng ấn ký của hoàng thúc tổ Nhuận vương phủ, chế riêng cờ vàng, roi sắt, nghi trọng, mặc ý trấn lột nhà buôn, chiếm đoạt thuyền bè, ra oai sai khiến mọi người, đánh đập người ta tới bị thương. Đến khi vụ án phát ra, bắt Thiện Thái lấy khẩu cung mới biết rõ là Triệu Giả Hy giả mạo. Tuy đã bị bại lộ chân tướng, Triệu Giả Hy cũng không hối cải, đổi tên là Triệu Nhữ Hy, giả làm con thứ của Triệu Thiện Thái, ra vào chầu huyên bàn bạc việc công, mạo nhận là Thừa tiết lang, Giám thuế huyện Kiến Dương, coi thuyền buôn của bộ Hộ, giả mạo làm quan thu thuế ở châu, lại giả làm quan lớn đi thị sát, mạo dùng y phục đại triều, lạm chế cờ tiết, tự khắc đều là ấn triện đại quan, lấy Lâm Thân làm Thư ty, Lâm Khánh làm nhà bếp, tên lính bị phát phổi là Diệp Hựu làm ngực tốt, công nhiên ngồi kiệu xuống làng, trước sau lừa gạt lấy tiền công hơn hai ngàn^(*) quan, lại rông rὸn hạch sách đòi đồ vật bằng đồng,

(*) Hai ngàn quan: nguyên văn là "nhị thập" (hai mươi), ngờ là "nhị thiên (hai ngàn) bị in sai, dày tạm đính như trên.

ngay cả một cái mâm trong đền thền chùa Phật, một cái lục lạc của trẻ con cũng không chịu bỏ qua^[3].

Triệu Giả Hy giả mạo là người tôn thất, quan lại để lừa đảo vì y hiểu rất rõ nhân dân vốn sợ quan lại, biết bị thiệt thời cung không dám cãi lại một câu, mà trong xã hội cũ thì quan lại bệnh vực cho nhau, cũng khiến quan lại địa phương đối với việc y lừa đảo thì mở một mắt nhắm một mắt, không truy xét tới nơi tới chốn.

Lại như trong niên hiệu Vạn Lịch thời Minh ở thành Tô Châu có hai cháu tranh đất chôn cất, người cháu trước tiên đã nhờ người giới thiệu với quan Tư lý ở quận, chỉ chờ Phủ đài chuẩn y là hành động. Một hôm chợt nghe ngoài cổng làng có công tử Mỗ tới ngụ, tự xưng là cháu của Phủ đài, áo quần hoa lệ, người hầu rất đông. Người cháu tìm tới bái phỏng, lại bày tiệc mời khách. Ngẫu nhiên nói tới việc tranh đất chôn cất, công tử đứng ra gánh vác, bèn gói lề vật đưa tới tặng. Đến ngày hẹn, công tử mặc quan phục, nhân đơn kiện cho vào tay áo, đi đường tắt vào công thự Phủ đài, để người cháu đứng ngoài cửa chờ. Người cháu chờ hồi lâu đến khi tan hầu, công tử mới cùng một người khác đi ra, trên mặt có sắc rượu, ý khí nghênh ngang, khoe rằng Phủ đài mời mọc rất hậu, chuyện nhờ vả đã được đồng ý. Về tới nhà người cháu, công tử lấy trong tay áo ra tờ công văn, trên có dấu ấn rõ ràng. Người cháu cả mừng, lại mời công tử uống rượu, công tử "nhận tiền đền ơn như người nhà rồi đi". Hôm sau người cháu đưa văn thư nhờ lính trạm gửi đi mới biết là văn thư giả, lại vì "giả lời phê giả dấu ấn" bị khép tội, đành bỏ ra "mấy mươi lượng vàng hồi lộ mới được miễn tội". Sau đó mới biết rằng việc ấy vốn là do bọn lưu manh bày kế lừa gạt. Hôm ấy đúng ngày vào yết kiến Phủ viễn, y giả mạo công tử theo mọi

(3) *Danh công thư phán thanh minh tập*, quyển 1, *Nhân phẩm môn, Tôn thất, Giả tôn thất mạo quan tước*.

người trà trộn vào viện, ẩn núp trong đó, ăn uống những rượu thịt mà mình đem theo, chiêu tối trà trộn theo mọi người đi ra. Công văn có đóng dấu đều đã làm trước giấu sẵn trong tay áo, đương nhiên là giả⁽⁴⁾.

Theo đó mà nói lưu manh giả mạo quan viên, tôn thất lừa đảo thì xác suất thành công rất cao, nhưng nếu gặp một số quan lại khôn ngoan cảnh giác thì việc giả mạo nhất định sẽ bại lộ, thất bại hoàn toàn. Chuyện kể cuối thời Càn Long nhà Thanh có tên vô lại là Phó Thiên Bảo, lúc trẻ là hàng xóm với tên gia nô của Phúc Khang An, rất hiếu tính tình Phúc Khang An, vì vậy bèn giả mạo Phúc Khang An, cùng mấy mươi tên người làm ra đi, dọc đường nói dối là có bệnh không gặp mặt các quan lại. Tới Thanh Châu ở Hồ Nam, Tri phủ Thanh An Thái vốn được Phúc Khang An cất nhắc bèn cầm thủ bản vào ra mắt nhưng bị tùy túng chặn ngoài cửa. Thanh An Thái ngờ là giả mạo, bất ngờ xông vào phòng. Lúc ấy Phó Thiên Bảo đang đắp mấy lớp chăn. Thanh An Thái sấn lên lật ra mới biết thật ra là một thứ hàng giả, lập tức gọi nha dịch xông vào bắt hết cả bọn lưu manh, không tên nào chạy thoát⁽⁵⁾.

Lợi dụng sự mê tín tôn giáo để lừa gạt. Lưu manh quen việc đóng thần giả ma, mượn danh quỷ thần để qua mặt thiện nam tín nữ, thường gặp được sự đặc ý không ngờ, chỉ bỏ sức một nửa mà thành công gấp đôi. Có một năm vào mùa đông ở Thiên Tân có tuyết lớn, những kẻ hiếu sự lấy tuyết đắp thành tượng phật Di Lặc cúi đầu nhắm mắt, tươi cười rạng rỡ, trật áo ngồi xổm, bụng phệ phô ra, tay phải cầm chuỗi hạt, tay trái cầm túi vải. Bên cạnh còn có hai người thị

(4) Phùng Mộng Long, *Tăng quảng trí nang bồ*, quyển hạ, *Tạp trí*, Văn Khoa.

(5) Từ Kha, *Thanh bị loại sao, Côn biến loại*, *Phó Thiên Bảo mạo sung Phúc Văn Nhuương*.

giả rất sinh động. Thiện nam tín nữ nhìn thấy đều sì sụp làm lê, còn có người thắp hương khấn vái, bọn vô lại thừa cơ thu tiền, phao lên là rất linh thiêng, còn làm thêm một hàng rào, phía trước treo hai ngọn đèn lồng, giống như một tòa Phật điện. Từ đó người tới chiêm bái hành lễ rất nhiều, đèn hương nghi ngút suốt ngày, không được mấy hôm, tuyết tan Phật mất! Thiện nam tín nữ đều lặng lẽ trở về, chỉ có bọn vô lại thừa cơ lừa được không ít tiền bạc⁽⁶⁾.

Lại có tên vô lại Bạch Thiết Dư nghèo khổ không còn cách nào để sống, một hôm đột nhiên nghĩ ra diệu kế, chôn dưới một cây bách trong hang núi một pho tượng Phật bằng đồng, đợi lúc trên mặt đất đầy cỏ xanh bèn nói với mọi người "Trong hang núi mỗi khi chiều xuống là có ánh sáng vàng phát ra, nhất định là có thánh phật xuất hiện", bèn tụ họp mấy trăm người trai giới vác cuốc vào đào. Y cố ý để người ta đào ở chỗ khác một lúc, chẳng đào được gì mới nói "Nhất định là mọi người chưa thật thành tâm, không chịu bố thí", lúc mọi người đã bỏ ra món tiền lớn bố thí, Thiết Dư mới tới thẳng dưới gốc cây bách, vừa đào là thấy ngay tượng Phật, kính cẩn đứng lên mang về nhà thờ cúng. Người xa gần nghe tin, nỗi nhau tới cầu kiến thánh phật liên miên bất tuyệt. Thiết Dư dùng sa màu tía màu vàng bọc quanh tượng Phật mấy lớp, người cầu kiến phải bố thí một lần mới lột một lớp vải bọc, sĩ nữ già trẻ trong vòng mấy trăm dặm kéo tới như điên, bố thí hàng vạn lượng vàng, Thiết Dư nhờ thế trở thành giàu có. Nhưng không ai biết rằng đó chẳng qua chỉ là trò lừa gạt⁽⁷⁾.

Bịa đặt chuyện giả lừa người lương thiện. Quách Tam thời Thanh vì uống rượu đánh bạc khánh tận gia tài, ở nhờ nhà một chủ sòng bạc, có người cô họ Hề khá giàu có.

(6) Du Việt, *Hữu đài tiên quán bút ký*, quyển 3.

(7) *Hội đồ biến thuật kỳ đàm*, Biển bố thí.

Quách Tam hơn hai mươi tuổi vẫn chưa lấy vợ, một năm lúc sắp tết, cùng khốn quá không biết làm sao để sống. Có một con bạc bày kế cho mượn áo mũ, bão y tới nhà cô nói mình sắp lấy vợ. Người cô nghe thấy cả mừng, lập tức tặng cho mười lượng bạc. Người cô có con trai và con dâu, cũng chia nhau tiễn tặng mươi ngàn đồng tiền. Quách Tam mang tiền về nhà, bàn bạc với gã kia đem ngôi nhà mình thuê trang trí lại một lượt, tìm một kỹ nữ còn trẻ giả làm cô dâu mới. Quả nhiên đến hôm ấy người cô tới, lại lấy nhà mình và hơn trăm mẫu ruộng làm quà cưới, Quách Tam vô cùng kinh ngạc mừng rỡ⁽⁸⁾.

Khéo bày mưu kế, dâ lừa lại lừa. Bọn lưu manh này bày mưu đặt kế đều mười phần xảo diệu, lúc đầu thì bày ra mêほn trận khiến đôi bên người bị lừa đều lầm, không rõ chân tướng sự tình, lúc mờ mịt bị rơi vào bẫy.

Từng có một tên vô lại mặc y phục rất hoa lệ tới chợ ngựa ở kinh, đầu tiên đưa người bán sợi gai một đồng tiền, nói "Ta cưỡi ngựa đi rồi, thì người để sợi gai ở đây chờ", người kia ưng thuận. Tên vô lại lại đi gặp người chủ ngựa nói "Tôi muốn mua một con ngựa hay, cưỡi thử xong sẽ bàn giá". Người chủ ngựa tưởng người bán sợi gai là đầy tớ của y nên đồng ý. Tên vô lại cưỡi ngựa phóng mau, chạy tới cửa hàng bán vải, buộc ngựa ở cửa, nói "Tôi là người nhà Thái giám Mỗ muốn mua một số vải, để con ngựa này lại làm tin, nếu dùng thì xin bán luôn". Người ở đó thấy gán ngựa làm tin bèn để y mang đi một số vải. Không bao lâu chủ ngựa theo vết tìm tới, tranh nhau con ngựa kiện lên quan. Quan phán chia đôi, mỗi bên chịu mất một nửa giá tiền con ngựa⁽⁹⁾.

(8) Du Việt, *Hữu dài tiền quán bút ký*, quyển 3.

(9) Phùng Mộng Long, *Tặng quặng tri nang bồ*, quyển hạ, *Tạp tri, Nhất tiền hồi bách kim*.

Lừa gả bán con gái. Ngày trước phương Nam phương Bắc đều rất phổ biến việc này, người Thượng Hải gọi là Thủ bồ câu trắng (Phóng bạch cáp). Nghe nói vì nuôi bồ câu thả đi nhất định sẽ đắt đồng loại về, thu lợi gấp đôi nên gọi như thế. Cát Nguyên Cù trong *Hộ du tạp ký*, quyển 2 *Phóng bạch cáp* có giới thiệu "Gần đây có kẻ lấy người làm bồ câu như loại phụ nữ lai lịch bất minh, hoặc nói xin bán mình, hoặc gả cho người ta. Không đầy một tháng, không cuỗm tiền bạc trốn đi thì là người vu khống tìm tới, khiến người mua mất cả tiền lẫn người". Ở Bắc Kinh thì gọi loại này là Thủ chim ưng (Phóng ưng) hoặc Đánh cọp (Đá hổ). Hạ Nhân Hổ trong *Cựu kinh tóm ký*, quyển 2 *Tục thương* từng viết rằng bọn lưu manh thường trang sức cho phụ nữ, "sau đó đem gả bán cho người nơi khác, thừa lúc sơ hở cuỗm tiền bạc trốn đi".

Lại có kẻ lừa gạt phụ nữ, trẻ em. Bọn lưu manh lừa gạt phụ nữ hoặc để thỏa mãn lòng dục, hoặc đem bán cho kỹ viện hay người ở nơi xa lấy tiền hoặc là cả hai, thỏa mãn xong thì bán lấy tiền. Đến nỗi người bị hại chịu đủ ô nhục, nếu không bỏ hết nhân cách cố sống qua ngày thì treo cổ, nhảy xuống sông tự tử. Gia đình người ấy thì vợ lia con mất, đau đớn không muốn sống, có nhiều gia đình vì vậy mà nhà tan người chết.

Năm Mậu tú niên hiệu Vạn Lịch thời Minh ngoài cửa Bắc Môn thành Hàng Châu có một người dân tên Vọng Lục góa vợ, trong nhà có hai người con dâu doan trang xinh đẹp mà hiếu thuận. Một hôm chợt có bà già đứng ở cửa từ sáng sớm đến trưa chưa đi, bố chồng báo con dâu ra hỏi lý do. Bà già nói "Con trai tôi ngỗ nghịch, tôi muốn lên quan tố cáo, hẹn với đứa cháu cùng đi. Ai ngờ đến giờ nó vẫn chưa tới, trong bụng đói quá". Người con dâu nghe thấy rất thương xót, mời bà ta ăn cơm, đến tối người cháu bà già vẫn chưa tới, người con dâu bèn giữ bà ta ngủ lại. Bà già rất chăm chỉ nhanh nhẹn, giúp người con dâu dọn dẹp nhà cửa đâu vào

dây, còn may vá rất khéo. Người con dâu không rời được bà ta, nói bà ta không có chồng, con trai lại bất hiếu, cứ dùng dằng không cho bà ta về, khuyên cha chồng cưới bà ta. Người cha chồng đồng ý. Qua mấy hôm con của bà già và người cháu tìm tới cửa, quỳ xuống đất nhận tội. Bà già một mình ra chui măng không thôii, khuyên giải hồi lâu mới im. Đứa con thấy mẹ sinh hoạt đầy đủ, vô cùng cao hứng, vào lạy ông già nhận cha dượng. Ba tháng sau cháu nội bà già tới tặng quà, mời ông già tới chơi. Bà già lập tức nói "Con dâu làm sao đi được, ta và ông cùng hai cậu sẽ tới". Cả nhà theo lời hẹn cùng tới, ăn uống một hồi, vui vẻ ra về. Lại qua hơn một tháng, cháu nội bà già lại tới nói ngày ấy sẽ làm đám cưới, mời cả hai thím. Hai người con dâu luôn miệng ưng thuận, lại mượn nhiều áo quần, trang sức cùng đi. Con dâu bà già ra dón, mặt vàng như người bệnh nặng. Mặt trời sắp lặn, con trai bà già mời hai thím đi đón dâu, lại giải thích "Phong tục ở nhà quê như thế". Bà già cố ý nói "Vợ mày tuy bị bệnh nhưng hôm nay đã làm mẹ chồng, sao không tự ra đón dâu, lại làm phiền hai người bạn họ". Đứa con nói "Vợ con xấu xí làm sao để người ta nhìn được. Còn hai vị đã tới đây thì đi giúp một lần có hề gì". Bà già nghe xong không nói gì. Lúc ấy bà già và người con dâu bị bệnh cùng hai người con dâu ông già nhất tề xuống thuyền đi, hồi lâu không thấy quay lại, con trai bà già già đi kiếm con trai, cũng bỏ đi mất. Đến sáng ông già cùng hai con đi tìm khắp nơi không thấy tung tích họ đâu, hỏi chủ nhà mới biết họ tới thuê nhà ở năm sáu tháng trước, còn không rõ chuyện bên trong ra sao. Ông già cùng hai con buồn rầu trở về, bạn bè lại nhao nhao tới đòi áo quần trang sức, đành dốc túi ra đền, gia đình hai người con dâu tìm con gái không được, kiện lên quan, ông già và hai con trai phẫn uất, tự tử mà chết⁽¹⁰⁾.

(10) Phùng Mộng Long, *Tặng quàng tri nang bồ*, quyển hạ, *Tạp chí, Lão ấu biền cục*.

Lưu manh còn lừa gạt trẻ em, hoặc đem bán đi nơi xa, hoặc làm thương tổn chân tay, biến chúng thành quái vật người không giống người, quý không giống quý để di lừa gạt kiếm tiền. Thủ đoạn làm trẻ con thành tàn tật của chúng mười phần tàn nhẫn, chưa nói tới những em bị hành hạ đánh đập đâm chém mà chết, số bị hủy diện mạo, chặt chân tay, biến thành công cụ kiếm tiền cũng không biết là bao nhiêu, trong đó thê thảm nhất là nuôi dưỡng trẻ con thành thằng lùn làm hề. Cách làm là cho đứa nhỏ vào trong một cái vò chỉ để lộ đầu ra, sau mấy năm sẽ đầu to thân nhỏ, trở thành thằng lùn làm hề. Hoặc là biến thành đầu người mình thú, đầu tiên đâm nát da đứa nhỏ cho máu chảy đầm đìa rồi lột sống da chó da dê chụp mau lên người nó, không bao lâu sẽ lập tức tự dính vào thịt, lấy đó diễn trò gạt người⁽¹¹⁾, lừa lấy tiền bạc. Đúng là chẳng còn chút gì là nhân luân đạo lý.

2. Dối trá gian giảo tàn độc

Cái gọi là dối trá là chỉ việc uy hiếp hăm dọa người khác mà lấy tiền bạc, phản ánh rất rõ đặc điểm mặt dày của bọn lưu manh. Từng có người cho rằng côn đồ chính là "Bọn phi đồ vô lại lấy việc dối trá làm nghề nghiệp"⁽¹²⁾.

Về việc dối trá thì cổ kim, Nam Bắc gọi rất khác nhau, như Thượng Hải thì gọi là Gõ ống tre (Xao trúc xoang), Bé ngọn cây (Chiết sao), Nam Kinh gọi là Búa gõ định (Xeo định chùy), Trần Giai gọi là Cái định (Định định tử), Hàng Châu gọi là Ôm quả dưa vàng (Bao hoàng qua nhi).

Lưu manh dối trá, thủ pháp hoa dạng cũng rất nhiều. Trong sinh hoạt thường ngày thường thấy có những cách như sau:

(11) Từ Kha, *Thanh bị loại sao - Côn biến loại, Lánh đời phu nhụ*.

(12) *Tục ngữ khảo nguyên, Quang côn*.

Dựng chuyện vu cáo, có ý đồi trá. Vốn là đồi phương hoàn toàn không có sơ hở, cũng không có chỗ nào để nấm d่าง chuôi, nhưng bọn lưu manh vẫn theo riết không buông, nguy tạo tội lỗi, bôi nhọ danh dự, không tiếc tang vật, nguy tạo sự thật, đúng là bình địa nỗi phong ba, không gió mà có sóng.

Người thời Tống từng chỉ ra rằng "Bạn dân gian tà ngu xuẩn, động tới là mượn việc pháp luật lừa gạt dân lương thiện để sống. Thấy nhà người ta làm thịt chó thì nói nhà mình mất chó. Thấy người ta dắt trâu thì nói nhà mình mất trâu. Thấy đầy tớ gái nhà người ta bệnh chết thì nói vốn là của nhà mình bán đi, sợ bị liên lụy. Thấy đầy tớ trai nhà người ta chết thì nói vốn là có họ hàng với nhà mình, chưa từng gặp gỡ. Bỗng không đặt chuyện, đưa ra chứng cứ thì bàn với loại quan lại kỳ lão, bắt bớ gông trói, coi như trọng phạm. Lại sai một bọn du thủ du thực đứng ngoài nói vun vào, đòi hỏi rượu thịt, xin xó tiền bạc, thỏa mãn lòng tham rồi sẽ nói chuyện riêng. Tục lệ trong làng cứ thế truyền nhau, gọi là giúp đỡ. Người nhà quê bị hại, chịu oan ức đau khổ, không biết tìm đâu mà kêu", khái quát khá toàn diện, sâu sắc.

Xin giới thiệu vài ví dụ. Có tên ác bá lưu manh tên Vương Văn Phủ, biết người đồ tể Ngụy Tứ Ất mổ một con trâu, ngày mười ba tháng giêng bèn làm đơn kiện, nói nhà mình có một con trâu, ngày mùng mười tháng tám cho ăn, bị bọn xấu ăn trộm bán đi, hiện tìm được ở nhà Ngụy Tứ Ất một miếng thịt trâu làm bằng chứng, xin sai người điều tra. Tuần kiêm nhận đơn kiện, sai lính lệ là Trần Chương, Trần Lâm tới bắt thủ phạm. Ngụy Tứ Ất trốn tránh không dám ra mặt, nhờ kỳ lão là Giang Tài đưa biểu thịt và hai quan rưỡi để bọn Trần Lâm ăn cơm, lại nhờ Vương Ngũ Lục đưa mươi quan để bọn Trần Lâm làm tiền đi đường. Trần Lâm đã thỏa ý, nhận lấy tất cả, nhưng lại sai họ Ngụy tìm bắt kẻ trộm. Ngụy Tứ Ất vô cùng lo lắng, chỉ dành "Nhờ Trần Ngũ Ất, Vương Ngũ

Lúc đem năm quan tiền mặt, năm lượng bạc đưa tới cho Vương Văn Phủ để đền tiền trâu⁽¹³⁾. Theo ý tứ đoạn văn có thể thấy thật ra Ngụy Tú Át hoàn toàn không ăn trộm trâu, Vương Văn Phủ lại dựa vào một miếng thịt trâu mà sinh sự, lừa gạt Ngụy Tú Át được khá nhiều tiền.

Lại có một phụ nữ xinh đẹp đi thuyền trên sông, ngẫu nhiên ngẩng đầu nhìn thấy một thiếu niên ở cửa sổ phòng bên kia. Đến đêm, nàng ngủ say trên giường, thiếu niên cầm dao cạy cửa chui vào. Người phụ nữ nghĩ là giặc cướp, sợ hãi run lấy bấy, hỏi "Ngươi muốn gì?". Thiếu niên nói "Ta muốn ngủ với cô". Người đàn bà đang định kêu lên, thiếu niên đã khóa cửa lại, lại đưa ra hai trăm đồng, nói "Ngủ với ta một lần thì hai trăm đồng này là của cô, sáng mai thuyền rời bờ thì ai đi đường người ấy. Nếu chống cự thì ta cứ giết cô trước, rồi sẽ tự sát". Người đàn bà bị tiền bạc làm mờ mắt, lại bị dao sắc kề cổ, bèn không kêu nữa, để mặc thiếu niên làm gì thì làm.

Sáng hôm sau thiếu niên trong phòng mình chợt khóc lớn, lại gọi mãi biện và các khách đi cùng tới nói "Tôi mang theo hai trăm đồng, là tiền nuôi sống cả nhà tôi, đêm qua mất sạch, không mặt mũi nào trở về, chỉ còn cách chết thôi". Mãi biện trên thuyền nói "Tôi qua anh ngủ có đóng cửa không?". Thiếu niên đáp "Không", mãi biện nói "Số tiền này nhất định bị bọn trộm lấy rồi. Trên tiền có dấu hiệu gì không?". Thiếu niên nói "Có, trên tiền đều có đóng dấu của tiền trang Mỗ". Lúc ấy mãi biện bèn nói với các khách đi thuyền "Để cứu giúp người này, xin các vị giúp đỡ tôi khám xét hành lý mang theo". Để khỏi bị liên lụy, chúng tôi mình trong sạch, khách đi thuyền đều chủ động mở hành lý ra cho kiểm tra. Lúc tới phòng người đàn bà, nàng thần sắc hoảng loạn, kiên quyết không chịu cho khám. Người mãi biện giật

(13) *Danh công thư phán thanh minh tập*, quyển 13, Vu lại, biến khát.

rương của nàng mở ra, phát hiện được hai trăm đồng có đóng dấu. Khách khuya nhìn thấy đều kinh hãi, người đàn bà ôm mặt khóc lớn. Lúc ấy một ông già bước ra khỏi đám đông nói "Tôi ở cạnh phòng người đàn bà này, chuyện xảy ra tối hôm qua dai khái cũng nghe rất rõ ràng. Vốn không muốn dây vào chuyện không đâu, nhưng bây giờ thì không thể im lặng được nữa". Ông già bèn đem sự tình xảy ra thuật lại một lượt, lại giận dữ mắng thiếu niên "Ngươi dã dụ dỗ gian dâm phụ nữ lại còn vu cho người ta trộm cắp, thủ đoạn tàn độc hơn cả cầm thú". Rốt lại mọi người bàn bạc, hai trăm đồng vẫn để người đàn bà giữ, phạt thiếu niên thêm hai trăm đồng giao cho hội từ thiện để nêu rõ sự trùng phạt⁽¹⁴⁾.

Gã thiếu niên ấy đúng là một kẻ mười phân lúu manh, dùng sức mạnh và tiền bạc gian dâm với đàn bà lạ, lại trở mặt vu cho người ta trộm cắp. Nếu không có ông già lúc tối tinh cờ nghe được bí mật bên trong thì kết cục của người đàn bà kia càng thảm.

Tuy nhiên so ra thì vu khống người ta trộm cắp dù sao cũng là chuyện nhỏ, mà vu hãm người ta vào tội giết người mới là chuyện lớn, tiền bạc lừa gạt được cũng càng nhiều.

Thời Minh ở Giang Nam có một tên ác bá lưu manh tên Văn Khoa, tính tình gian xảo. Ban đầu y từng đem một gian nhà cầm cho người ta, trải qua nhiều năm Văn Khoa đe nghị theo nguyên giá chuộc lại. Người kia vì đã sửa mới toàn bộ gian nhà nên không chịu. Văn Khoa bày kế cho hai vợ chồng đầy tớ trước tiên tới nhà người kia xin làm, người kia không hề nghi ngờ bèn cho cả hai ở lại. Qua hai tháng, hai người không cáo từ mà bỏ đi. Văn Khoa lại phái người tới hỏi người kia "Đầy tớ nhà tôi bỏ trốn, trốn ở nhà ông, mau mau giao ra". Người kia nói "Trước đây có người tới nương nhờ là

(14) *Thanh bị loại sao, Côn biến loại, Mỗ thiếu niên chí gian biến.*

chuyện có thật, nhưng tôi không biết là nô bộc của quý gia, có điều hôm trước đã lăng lặng bỏ đi rồi". Bọn đầy tớ nói "Hôm qua nhà tôi nghe ngóng biết được ở chỗ ông, lẽ nào có chuyện hôm nay đã bỏ đi, át là ông giấu diếm; bọn ta phải lục soát một lượt". Người kia tự tin mình không nói sai, đồng ý cho họ vào lục soát. Bọn họ tìm tới hầm rượu, thấy có đống đất dùn lên, lấy cuốc đào lên thì tìm được một cái dùi người, lại hung hăng giận dữ nói "Người mưu hại người nhà ta, nếu không thì cái dùi người này ở đâu tới đây? Lên quan giải quyết". Người kia hoảng sợ nhờ người đứng ra điều đình. Văn Khoa nói "Trả lại giấy tờ nhà thì ta sẽ không báo quan". Người kia bất đắc dĩ, qua vài hôm dọn dẹp dời đi. Cái dùi người trong hầm rượu nguyên là Văn Khoa trao kế cho đầy tớ chôn xuống. Có điều người kia làm sao có thể là đối thủ của tên ác bá lưu manh Văn Khoa, chỉ còn cách cúi đầu nhận thua mà thôi.

Đến cuối thời Thanh bọn lưu manh ở Thượng Hải gọi việc đem tang vật đổi trả người ta là *Làm cớ giả* (Trang chuẩn đầu), thủ đoạn chủ yếu là Dời xác chết vào nhà (Di thi nhập môn), Bỏ tang vật vào phòng (Tài tang nhập thất), Bắt được quả tang (Câu gian thực gian) vân vân. Cách làm cụ thể là lưu manh trong chợ búa hàng quán tìm được đối tượng xong liền rón rén đem ví bồ vào túi người ấy rồi kêu ầm lên, nói đối phương ăn cắp tiền của mình, rồi đó "Bắt được cả thủ phạm lẩn tang vật", bọn tay chân thì xúm lại đánh đá, người qua đường không biết bên trong có chuyện gian trá cũng nhao nhao chê trách, rốt lại át người kia phải để lại toàn bộ tiền bạc trong người mới được tha. Còn có khi đàn ông và đàn bà hợp tác, người đàn bà giả làm vợ, chọn được người đi đường có vẻ giàu có hoặc giống như nông dân, đột nhiên xông ra tát người ấy hai tát nói là đang đi đường sám soi thị. Người kia át không chịu, thì càng nức nở khóc lóc kể lể này nọ, lúc ấy người hợp tác sẽ xông vào nói người kia chọc ghẹo vợ y, chửi mắng không ngớt khiến đối phương không sao

phân bua, mẩy tên tay chân lại xúm vào, kẻ thì dọa dẫm tên thì khuyên giải, rốt lại tự nhiên là "Có tiền thì bỏ ra, không có tiền thì cởi áo để lại"⁽¹⁶⁾.

Chuyện bé xé ra to, mặc tình vu cáo. Bọn lưu manh ngày thường không có việc gì làm, rong chơi khắp nơi, tai đặc biệt thính, mắt đặc biệt tinh, chuyên thu nhặt những chuyện mới lạ xảy ra trên đường trong xóm, tìm một đề mục cỏn con làm bài văn dài, nếu không vớ được một khoản tiền thì nhất định không thôi.

Dầu niên hiệu Quang Tự thời Thanh, triều đình ra lệnh cấm dân gian cắt tóc. Có một nhà cắt tóc ở bến Đào Hoa tại Ninh Ba vâng lệnh triều đình đã sớm đóng cửa nghỉ việc. Một hôm ngẫu nhiên có người khách đi ngang ghé vào quán chải bím tóc, vì việc đó không bị cấm nên người chủ hiệu bèn chải giúp. Người khách vừa bước ra, hai tên vô lại đã sấn vào, mặc áo đấu như binh lính, nói "Tự ý cắt tóc cho người ta, pháp luật để đâu? Mau đi theo bọn ta, không được chán chường". Người chủ hiệu cắt tóc nói "Các ông nói tôi cắt tóc cho người ta, vậy tóc vụn đâu? Nếu bịa đặt chuyện không đâu thì làm sao người ta phục được!". Một tên vô lại nói ngay "Cứ tạm thời không nói tới tóc vụn ở đâu, nhưng tóm lại người làm ăn khá lầm, cũng phải cho mọi người chút ít chứ". Chủ hiệu cắt tóc đương nhiên theo lý phân bác, không chịu theo lời chúng. Bọn vô lại then quá hóa giận, kéo chủ hiệu ra đánh đá, lôi lên tận Cầu Mới. Lúc ấy người chung quanh đứng xem đều tò ý bất bình, xông vào đánh hai tên vô lại một trận, chủ quán mới thoát thân được về nhà⁽¹⁷⁾.

Lại ví dụ như vợ Mỗ Giáp thông gian với Mỗ Ất, bọn vô lại ở địa phương bèn tìm tới Mỗ Giáp nói là sẽ bắt gian

(16) Tô Trí Lương, Trần Lê Phi, *Cận đại Thương Hải hắc xã hội nghiên cứu*, chương 5, tiết 1, *Ngũ hưa bát môn dịch biến thuật*.

(17) *Thán báo* ngày 5 tháng 2 năm Quang Tự Ất hợi.

phu giúp, đến lúc bắt được gian phu rồi lại đòi một số tiền, nếu không có thì tay chân đánh đá, dao sắc đâm chém. Giả như bắt đắc dĩ phải kiện lên quan thì đã có nguyên cáo lại có gian phu dâm phu, đâm lưu manh kia cũng có thể không bị gì. Trong hoàn cảnh như thế mà Ất bị bắt thì đương nhiên rất sợ hãi, chỉ còn cách thuận theo đòi hỏi của chúng⁽¹⁸⁾.

Có một số tên lưu manh hung dữ vô si còn mượn cơ hội bắt kẻ gian để gian dâm phụ nữ. Năm Gia Khánh thứ 10 thời Thanh, ở Sơn Đông có tên lưu manh Điền Nhị và cha là Điền Khôn, em trai là Điền Tam tính tình hung dữ, trong người lúc nào cũng giắt dao. Có Lý Ma và vợ của Vương Chấn Hải là Tạ thị thông gian, lại thuê nhà của Lưu Tống thị ở. Vương Chấn Hải tìm vợ khắp nơi không được bèn nài nỉ nhờ Điền Khôn tìm giúp. Không bao lâu cha con Điền Khôn tìm được Lý Ma và Tạ thị, Điền Nhị bèn đưa Tạ thị về nhà cưỡng gian, lại muốn chiếm làm vợ mình. Lúc ấy Điền Khôn ra mặt bắt Vương Chấn Hải bán vợ, đưa cho năm ngàn đồng. Vương Chấn Hải không dám chống cự, chỉ còn cách nghe theo. Lại có lần Điền Nhị biết vợ của Trang Lư là Vương thị tư thông với Diêu Tùng bèn mang dao tới uy hiếp, bắt được Vương thị, lại cưỡng gian nàng⁽¹⁹⁾.

Nhân lúc người ta hoạn nạn thừa cơ dối trá.

Người khác ngẫu nhiên gặp việc nguy nan, muốn giải quyết mau chóng, bọn lưu manh mượn cơ hội cố ý giúp đỡ để đòi hỏi tiền bạc, có khi thậm chí nhân lúc người ta chết cần khâm liệm chôn cất để dối trá, đúng là táng tận lương tâm. Chuyện kể ở Quảng Tín có Hồng lão đầu biết yêu thuật, có thể sai khiến ma quỷ đem xác chết vồ người. Nếu có ai tới mua quan

(18) *Thanh bị loại sao, Côn biến loại, Thương Hải địa côn hữu hảo mai cỗ.*

(19) *Đại Thanh luật lệ hội thông tân toản*, quyển 9, *Hộ luật hôn nhân, Cưỡng chiếm lương gia thê nữ.*

tài y sẽ đứng trong cửa hiệu làm khó, đòi một nửa tiền quan tài. Một lần có hai người Trương, Từ cùng quê đi buôn chung, dọc đường Từ chết, Trương tới cửa hiệu mua quan tài. Chủ cửa hiệu đòi giá hai ngàn đồng, Hồng lão đầu ngồi cạnh quầy lại đòi thêm hai ngàn, nếu không được bốn ngàn thì không bán. Trương tức giận bỏ đi. Đến tối Trương lên lầu, cái xác vùng dậy định vồ, Trương cẩy sợi vội chạy xuống dưới lầu. Sáng hôm sau lại tới mua quan tài, trả thêm một ngàn đồng. Người chủ hiệu quan tài không nói gì, nhưng Hồng lão đầu trên lầu lại chửi "Tuy ta không phải là chủ nhân nhưng là Cọp giữ núi (Tọa sơn hổ) ở đất này. Nếu không đưa ta hai ngàn thì đừng hòng mua được quan tài". Trương vốn nghèo, không đủ tiền, không biết làm sao, bơ vơ trên đường⁽²⁰⁾.

Nấm được đằng chuôi, hăm dọa để lừa gạt. Loại chuôi này có một số người bị hại tự đưa ra, có một số tên lưu manh trước tiên bày kế dụ người ta vào bẫy, sau đó mới hung hăng hạch sách, trong đó điển hình nhất không gì bằng "Bạn gian trá vì có nhiều người ham sắc đẹp bê ngoài, nghĩ ra cách thức vô cùng xảo diệu, đem vợ con mình làm mồi dẫn dụ con nhà lương thiện, lừa họ để làm một phú ông nhỏ"⁽²¹⁾.

Phương pháp lừa gạt này thời Tống gọi là Vở người đẹp (Mỹ nhân cục), thời Minh gọi là Nhóm mớ lửa (Trát hỏa đòn), thời Thanh gọi là Người tiên nhảy (Tiên nhân khiêu), tên gọi tuy khác nhau nhưng thực chất cũng là một, là lấy đàn bà làm mồi câu, lấy việc người ta thông gian để nấm đằng chuôi, làm bại hoại thanh danh, muốn đánh muốn giết hay muốn bắt thì đều tùy ý uy hiếp đối trá.

Vở người đẹp đã sớm lưu hành từ thời Nam Tống. Theo quyển *Nam Chu thi tú ký* của Tứ Thủy Tiêm phu chép thì lúc bấy giờ ở vùng Hạo Nhuơng (Hà Nam) có một bọn vô

(20) Viên Mai, *Tân Tê hài*, quyển 10, *Tiên thi*.

(21) *Nhị khắc phách án kinh kỳ*, quyển 14.

lại gian giảo, chuyên "Lấy kỹ nữ giả làm thê thiếp, dỗ dụ bọn thiếu niên"⁽²²⁾. Về sau, có lẽ cũng bắt đầu từ thời Nam Tống, bọn vò lại càng vò sỉ, đem cá thê thiếp của mình để dỗ dụ, lừa người ta mắc câu, đòi lấy tiền bạc, mà xác suất thành công rất cao. Chỉ khi ngẫu nhiên gặp phải một vài kẻ vô lại mặt dày coi tinh mệnh như rác mới phải chịu thất bại mà thôi. Chuyện kể ở kinh sư trước đây có tên vò lại ăn nhờ vào vợ, người vợ chuyên tô son đánh phấn, cười cợt lảng lơ, khêu gợi bọn lang quân nhà giàu. Lúc đắc thủ rồi bèn hẹn với chồng, chỉ việc xô cửa xông vào, muốn giết muốn mổ tùy ý, đến lúc người ta bỏ tiền ra chuộc mạng mới chịu thôi, lừa được không chỉ một người.

Có một tên con em nhà mặt dày, hiếu rất rõ đường lối của chúng nhưng làm ra vẻ không biết, cố ý mắc câu. Người vợ hứa hẹn ngọt với y, dụ y vào bẫy. Đang vui thú trên giường, người chồng đẩy cửa xông vào. Người khác thì còn sợ, nhất định sẽ nhảy xuống giường tìm đường bỏ chạy, nào ngờ gã này không hoảng sợ hấp tấp, lại càng ôm chặt vợ y không chịu buông ra. Người vợ gào lên như heo bị chọc tiết, vùng vẫy lẩn lộn mà không giãy ra được. Người chồng bước vào phòng vén màn lên quát "Làm chuyện hay lắm! Phải giết chết, phải giết chết!", rồi kề sống dao vào cổ người kia cửa một cái nhưng không ra tay. Gã mặt dày nói "Không cần ra vẻ, muốn giết thì xin mời, ta cố nhiên có lỗi nhưng là con đĩ này hẹn ta tới, chết thì cùng chết một chỗ, làm ma cũng phong lưu, chẳng lẽ chỉ giết một mình ta thôi sao?". Người chồng quả nhiên không dám động thủ, bỏ dao xuống cầm một chiếc gậy lớn lên quát "Con lừa này cứng đầu thật, ta cứ đánh mày một trận đũa", nói xong đập luôn. Gã mặt dày lăn qua, lấy người vợ đỡ đòn, thị bị đập một gậy trúng mông, bèn kêu lên "Tôi đây mà, tôi đây mà, đừng đánh lầm!". Gã mặt dày

(22) *Thuyết phu*, quyển 60.

nói "Đánh cũng không lầm, cũng phải chịu một gậy chứ". Người chồng cựt húng, không thể phát tác được nữa. Gã mặt dày nói "Lão huynh bớt nóng đi! Tiểu tử cũng là người trong bọn, tôi với ông thương lượng. Ông muốn giết cả hai người, vợ ông là Cây tiền thì nhất định không bỏ được rồi. Nếu mang lên quan thì chỉ là phạm tội thông gian, mà lần này để lộ cơ quan ra thì việc làm ăn của ông sẽ không trôi. Chẳng bằng ông cứ để bà chị đi lại với tôi, tôi sẽ trả tiền sòng phẳng cho ông mua gạo cùi. Còn muốn Nhóm mớ lửa thì tìm đứa khác mà giở trò, chứ không làm gì được tôi đâu". Người chồng bị y vạch trần chân tướng, không biết làm sao đành phải xuống dài, buông tay khép nép lui ra. Gã mặt dày ngồi dậy, ung dung mặc quần áo, nhìn người đàn bà gọi một tiếng "Chào cưng" rồi nghênh ngang ra về⁽²³⁾.

Loại người có can đảm và thủ đoạn như gã mặt dày ấy trên đời rốt lại cũng rất ít, còn thông thường khi người ta một sấm rơi vào bẫy, đang vui thú mà bị xông vào phá đám đã sấm tâm ý hoảng loạn, chỉ muốn thoát thân, đối với việc làm tiền thì đời nào có chuyện không nghe theo.

Lai có kẻ cho người đánh đập, cưỡng bách để đổi trả. Ví dụ thời phong kiến pháp luật có quy định rất rõ rằng đánh người là phạm pháp, giết người phải đền mạng, vì thế bọn lưu manh vô lại đùa giỡn với tính mệnh, cố ý vào hàng quán gây sự để người trong đó ra tay đánh cho một trận, đám này đặc biệt chịu đòn rất giỏi, tuy máu chảy như suối cũng quyết không kêu một tiếng, đến khi người ta không biết làm sao, dùng tay rồi lại còn phải dùng lời lẽ ngon ngọt khuyên giải, tặng cho tiền bạc chúng mới chịu bỏ đi.

Mỗ Giáp người Tô Châu thời Thanh là thiếu niên vô lại, thường đánh nhau với người ta, tuy bị đánh rất đau nhưng không đổi tính, lại vì chịu đòn rất giỏi, nên được gọi là

(23) Nhị khắc phách án kinh kỳ, quyển 14.

Cái cối đá (Thạch cữu). Một hôm Cái cối đá uống rượu trong quán xong, không trả tiền đứng dậy định đi, tưu bảo tới đòi tiền, y nói "Đúng lúc cha mày không có tiền, hôm khác sẽ trả". Người làm trong quán thấy y ngang ngạnh không chịu nói lý lẽ, lập tức "Xúm lại chửi mắng, đánh đá túi bụi, gậy gộc rào rào, máu chảy đầm đìa, nhìn thấy cơ hồ không sao sống được, bèn để y đi", qua mấy hôm Cái cối đá lại tới quán, vết thương đã lành, vẫn giờ thói bào hao như cũ, người trong quán than "Đúng là Cái cối đá!", rồi đưa cho một ngàn đồng tiền y mới chịu đi⁽²⁴⁾.

Bọn thiếu niên vô lại ở Thiên Tân cũng thế. Để đòi hỏi tiền quy lệ ở sòng bạc thì đầu tiên chúng cũng làm người ta đánh cho một trận, cách làm cụ thể là trước tiên uống rượu say, trên không mặc áo, dưới không mặc quần, lấy một mảnh vải che hạ thể, ngang nhiên vào sòng bạc, mở miệng là chửi mắng. Các con bạc biết là đám đối trá tìm tới bèn vở gậy gộc đánh cho một trận nhừ tử. Tên thiếu niên vô lại cắn răng chịu đau nhưng cứ chửi mắng không thôi, đến khi da thịt không còn chỗ nào lành lặn, hơi thở khò khè vẫn rên rỉ chửi mắng không ngớt miệng. Lúc ấy đám con bạc lại khen "Hảo hán, hảo hán!", rồi cho y uống nước tiểu trẻ con, lại dùng nước ấm rửa sạch vết máu, cõng y về nhà. Từ đó trở đi chủ sòng bạc mỗi tháng đều đưa y một số tiền quy lệ⁽²⁵⁾.

Bọn lưu manh ở Bắc Kinh cũng không phải ngoại lệ. Cuối một năm trong niên hiệu Quang Tự, trước quán cơm ở Lưu Ly Xưởng Tây Môn trong kinh có tên thiếu niên cởi trần, không nói tiếng nào nằm trên mặt đất. Chủ quán lấy gậy lớn đánh lên hai đùi y, đánh năm sáu mươi gậy thiếu niên mới nhảy dựng lên nói "Thế này thì phải ăn rồi". Chủ quán nói "Muốn ăn thì ăn". Nguyên là người nằm dưới đất thiếu nợ hàng cơm dã lâu, lại còn tới đòi mua. Chủ quán bèn nói "Nếu

(24), (25) Du Việt, *Hữu dài tiền quán bút ký*, quyển 3.

có thể chịu được gậy lớn đánh mà không kêu đau thì không những xóa hết nợ trước mà từ nay trở đi còn có thể ăn cơm miễn phí⁽²⁶⁾. Vì vậy xảy ra một trường náo nhiệt.

Dương nhiên đám lưu manh vô lại ấy hoàn toàn không phải mình đồng da sắt, cũng chỉ là da thịt cha mẹ sinh ra, nhưng bị đánh tới mức da thịt không còn chỗ nào lành lắn mà không kêu một tiếng quã thật cũng rất không dễ. Nhưng có kẻ còn quá đáng hơn...

Tự làm tàn phế, cưỡng ép lửa gạt. Có lúc để lửa gạt, đám vô lại mặt dày không ngại gì tự hủy hoại thân thể, lấy việc chặt tay chân, khoét mắt để đe dọa dẫm, khiến người ta nhìn thấy phát sợ, tình nguyện chịu thua. Chúng cắt thịt mình, móc mắt mình, không hề dụng chạm tới lợi ích của ai, không thể kể là phạm pháp, quan phủ không thể trị tội được, nhưng ngay thân thể mình mà chúng cũng dám hủy hoại thì cho dù đánh chúng mấy cái về căn bản cũng không có bao nhiêu hiệu quả. Nhưng chúng máu me đầy người khiến người ta dòm ngó, quã thật không đẹp, nếu bè đảng của chúng đông mà đặc tội với một tên thì cả bọn sẽ xúm vào ẩu đả, nếu thua kiện lên quan lại càng lôi thôi, cũng chỉ dành thỏa mãn sự đòi hỏi của chúng để tiêu tai giải họa mà thôi.

Trong niên hiệu Thành Hóa thời Minh, tên lính Tả sở vệ Long Hồ là Vương Tao Hồ, tự xưng là Mặt dày (Lai bì), chuyên cậy thế hành hung đánh người, đối trả lấy tiền người ta. Một lần y cầm dao nhọn tới chỗ nhà người lính Lưu Hải đòn miến trắng. Lưu Hải không chịu, Tao Hồ bèn tự đánh vỡ đầu mình chảy máu, kế nầm lăn ra đất ăn vạ. Lưu Hải không còn cách nào đành đưa ra một lượng ba đồng cân bạc, một đòn miến trắng cho y cầm về. Hôm sau Vương Tao Hồ lại tới nhà người lính Lưu Thanh bán miến, tự đánh vỡ trán mình,

(26) Từ Kha, *Thanh bị loại sao - Phong tục loại, Bắc nhân hủy thân cầu tài*.

còn cầm dao muốn tự tử, đòi lấy bộ quần áo gấm và chiếc áo da Lưu Thanh đang mặc trên người⁽²⁷⁾.

Kim Bình Mai, hồi 93 cũng miêu tả rất sinh động loại lưu manh vô lại này. Trần Kinh Tế vì vợ treo cổ tự tử, mẹ vợ tố cáo lên huyện, bị giam nửa tháng mới được thả, trong tay không có tiền bèn tới nhà Dương Đại Lang đòi tiền nửa thuyền tơ lụa gấm vóc làm ăn chung trước đó. Dương Đại Lang có xước hiệu là Móng tay sắt (Thiết giáp chỉ), chuyên mua mua bán gió, bia đặt thêu dệt lừa người ta lấy tiền. Thấy Trần Kinh Tế vào hỏi tới số hàng hóa mà y đã bán, bèn để em là Dương Nhị Phong ra đồi phó. Dương Nhị Phong túm lấy Trần Kinh Tế, lại hỏi Dương Đại Lang hiện ở đâu, khiến Trần Kinh Tế hoảng sợ bỏ đi. Dương Nhị Phong còn chưa chịu thôi, lại vớ lấy mấy mảnh bình vỡ rách trán mình, máu chảy đầy mắt đuổi theo chửi Trần Kinh Tế "Ta móc mắt con mèo mày! Nhà mày có bao nhiêu tiền còn tới nhà ta giờ thối, để ta đánh mày một trận".

Lại dưới thời nhà Thanh, có một người đàn ông khỏe mạnh tới một cửa hiệu cầm đồ ở Thông Châu cầm quần áo rách, người trong cửa hiệu không chịu cầm. Người đàn ông tranh cãi không thôi, lại nói "Rốt lại quý hiệu cần cái gì mới chịu cầm?". Người trong cửa hiệu đáp "Phàm vật gì cũng có thể cầm được, nhưng phải còn tốt không hư hỏng". Người đàn ông nghe thế rảo chân bước đi, lát sau lại quay lại, rút dao nhỏ ra cắt vành tai ném xuống quầy nói "Cái này còn nguyên vẹn, vậy cầm được bao nhiêu tiền?", người làm ở cửa hiệu căm, lập tức mời y vào trong, tặng cho nhiều tiền y mới chịu bỏ đi⁽²⁸⁾.

(27) *Hoàng Minh điều pháp sự loại toán*, quyển 34, *Bách trú sang đoạt, tam ngũ thành quần cập đà thương thương trường sung quân dân vi lè*.

(28) Từ Kha, *Thanh bị loại sao, Phong tục loại, Bắc nhân hủy thân cầu tài*.

Những chuyện kể trên căn bản đã khái quát được những cách thức đối trả của lưu manh, trong đó cũng bộc lộ thói hung hăng tàn độc và vô si của chúng.

3. Thuật trộm cắp không thể đề phòng

Tuy bọn trộm cắp thông thường không phải cùng loại với lưu manh, nhưng quả thật trộm cắp cũng là một thủ đoạn phạm tội mà bọn lưu manh thường dùng. Bất kể ban đầu lưu manh có học bọn trộm cắp không nhưng một sớm chúng nấm vững cách thức trộm cắp thì trong quá trình trộm cắp sẽ thêm vào các yếu tố lừa đảo, đối trả, vô lại của lưu manh, khiến bọn trộm cắp đều tự than là không bằng, có thể nói là Mâu xanh sinh ra từ màu chàm mà xanh hơn màu chàm vậy.

Một trong những cách trộm cắp của lưu manh là cậy sức mà ăn cắp, không hề sợ hãi. Lưu manh tính ưa đánh nhau, trong quá trình trộm cắp luôn luôn lấy vũ lực làm hậu thuẫn, lấy tay chân mà uy hiếp. Người không phát hiện thì ta lấy, nếu người phát hiện ta cũng lấy xem người làm gì được.

Trần Bá Chi thời Nam Lương lúc trẻ rất có sức khỏe, năm mươi ba tuổi đã giắt dao vào người ra ruộng hàng xóm cắt trộm lúa. Một lần chủ ruộng phát hiện được lớn tiếng quát "Thằng kia không được cắt!". Bá Chi lớn tiếng quát trả "Lúa của ông nhiều lắm, mất một bó có hề gì!". Người chủ ruộng tức giận muốn bắt, Bá Chi không những không trốn chạy mà ngược lại còn "Vung dao sấn tới định đâm" khiến người chủ ruộng tiếc mạng không tiếc lúa, ba chân bốn cẳng bỏ chạy, Bá Chi vác lúa ra về⁽²⁹⁾.

Cách thứ hai trong thủ đoạn trộm cắp của lưu manh là học theo bọn vô lại, gộp cả việc trộm cắp và mặt dày làm

(29) *Lương thư*, quyển 20, *Trần Bá Chi truyện*.

một, khiến người bắt quả tang cũng không thể gọi chúng là giặc được.

Trong niên hiệu Lạc Trung thời Đường, có một hòa thượng mang mảnh viên ngọc Xá lợi cho vào cái bồn Lưu ly để người ta chiêm bái cúng dường. Hương hỏa trong chùa nhờ đó thịnh vượng, thiện nam tín nữ nhao nhao tới bối thí. Một gã vô lại vào quỳ xem Xá lợi, hòa thượng lấy trong bồn ra cho y xem thật rõ. Tên vô lại thò tay lấy Xá lợi cho vào miệng nuốt xuống. Hòa thượng hoảng sợ không biết làm sao, lại sợ bị người ngoài biết được, ảnh hưởng đến việc hương hỏa. Tên vô lại nói "Ông cho tôi tiền thì tôi uống thuốc nôn ra trả lại". Hòa thượng đưa y hai trăm quan, tên vô lại bèn uống ba đậu vào để nôn Xá lợi ra. Hòa thượng vui mừng rửa sạch đem cất trở lại⁽³⁰⁾.

Lưu manh ăn trộm Xá lợi của hòa thượng nhưng hòa thượng lại không dám nói bắt được quả tang, vì sao thế? Vì nếu thiện nam tín nữ biết được, ai còn chịu tới bối thí nữa? Cho nên tên vô lại cứ trộm cắp mà không sợ, nhất định không bị gì.

Cách thứ ba trong thủ đoạn trộm cắp của bọn lưu manh là thân mang tuyệt kỹ, bày kế kỳ lạ. Có nhiều tên lưu manh từ nhỏ đã quen đi lại giang hồ, luyện được bản lĩnh nuốt dao phun lửa, đi lại như bay. Vì vậy chúng mới nhân dịp vận dụng tuyệt kỹ mà người ta không thấy được, trộm cắp ngay trước mắt người ta.

Chuyện kể trong nhà Diêm quan Duy Dương thời Thanh có một viên dạ minh châu lớn. Một hôm có mấy người bạn đồng liêu hâm mộ tim tới xin xem, khen ngợi không ngớt, ngắm nghía chán chê. Sau đó bọn họ trước sau cáo từ, chỉ có một mình Trang Mỗ còn ở lại trong phòng hút thuốc

(30) Phùng Mộng Long, *Tăng quảng trí nang bối*, quyển hạ, *Tập tri*, *Thôn Xá lợi*.

phiện. Diêm quan tiễn khách xong trở vào, phát hiện ra viên dạ minh châu đã mất, că kinh hối Trang, Trang cũng că sợ, nói "Trong phòng không có ai, chẳng lẽ tôi ăn cắp sao!". Lúc ấy y tự cởi bỏ y phục, không để lại một tấc vải nào trên người cho mọi người khám xét, lại nói "Nếu ngờ rằng tôi giấu minh châu trong áo thì xin giữ chỗ quần áo ấy lại, cho tôi mượn quần áo khác mặc về nhà". Diêm quan mất viên ngọc lớn đang buồn bã nhưng bất kể thế nào cũng không thể nghi Trang được. Hơn một tháng sau, đầy tớ của Trang mang viên minh châu tới đưa. Té ra Trang lúc nhỏ là kẻ vô lại đã quen làm ảo thuật nuốt dao phun lửa. Hôm ấy y nhân lúc Diêm quan ra tiễn khách bèn nuốt viên ngọc vào bụng, về nhà lại nôn ra. Về sau vì ngược dãi người đầy tớ, người đầy tớ thù oán mới tố cáo tội của y⁽³¹⁾.

Cách thứ tư trong thủ đoạn trộm cắp của lưu manh là qua mắt người lương thiện, thừa cơ trộm cắp. Cách thức qua mắt người lương thiện của bọn lưu manh rất nhiều, trong đó có một cách là trước tiên cho người ta được lợi để làm mồi dụ, khiến kẻ khác yên tâm, sau đó mới nhân cơ hội trộm cắp. Ví dụ thời Thanh có một tên vô lại đi đường gặp bà con, muốn mời khách nhưng trong túi không có đồng nào. Vậy thì làm thế nào? Y trước tiên mời khách vào quán thong thả uống rượu, mình thì gọi một người khách khác tới, nói "Để tôi đưa gia mẫu về xong sẽ quay lại bồi tiếp", rồi vội về nhà lấy danh thiếp ra mắt cho vào bát, sau đó bụng tới một cái quán nhỏ nói với bà già chủ quầy đang đạp chân lên một cái lò đồng ngồi sưởi "Nhà Mỗ làm lẽ thợ, bảo tôi đưa tới cho lão nhân gia người". Bà già đứng lên cầm tạ. Tên vô lại lại nói "Nhà Mỗ đông khách, phiền lão nhân gia người mang vào cất để tôi lấy lại cái bát". Nhân lúc bà già đứng lên bước vào trong, tên vô lại liền ăn cắp cái lò đồng mang đi cầm lấy tiền, lại về

(31) Du Việt, *Hữu dài tiên quán bút ký*, quyển 4.

nhà mình cất cái bát, rồi quay lại quán rượu ăn uống với khách một trận no say⁽³²⁾.

4. Đốt đuốc vác gậy tối ăn cướp

Ba thủ đoạn lừa gạt, dối trá, trộm cắp của lưu manh tuy xảo diệu, rất có thể qua mắt người đời nhưng nếu muốn đạt tới mức như áo trời không thấy đường may thì phải tốn khá nhiều tâm cơ. Vì vậy có nhiều tên lưu manh muốn nhanh hơn, tiện hơn trong việc đạt được mục đích, bèn công nhiên giữa ban ngày ban mặt tiến hành cướp đoạt.

Những đối tượng mà bọn lưu manh cướp đoạt có hai loại là người và tài vật.

Trước hết hãy bàn tới chuyện cướp người.

Đại phàm lưu manh cướp người có hai mục đích: Bắt cóc con gái, ép làm vợ hoặc để cưỡng gian - thỏa mãn nhục dục; buôn bán người, làm con tin - để thu lợi.

Ở phủ Thường Châu thời Minh có nhiều tên vô lại ở chợ búa vì nghèo túng không thể cưới vợ, nghe ngóng nhà nào có con gái trẻ tuổi xinh đẹp, cũng không cần mai mối, thửa lúc người ta không phòng bị, chiêu tối ập tới bắt đi. Nhà cô gái tố cáo lên quan, quan cũng không giải quyết ngay. Dằng dai đến khi xét xử, đám vô lại ấy hoặc thuê người giả làm mai mối, hoặc ngụy tạo canh thiếp, đến nỗi "Những người bắt cóc công nhiên mà được con gái nhà người ta, đâu đâu cũng có". Cho dù gặp viên quan khôn ngoan sáng suốt lật đi lật lại xét xử, phán quyết trả cô gái cho cha mẹ, nhưng lúc ấy có thể nàng đã có con, gạo đã nấu thành cơm rồi. Đúng là "Làm thương luân bại lý, không gì tệ bằng như thế"⁽³³⁾.

(32) Thanh Thành Tử, *Chí dị tục biên*, quyển 3, Vô lại tử.

(33) *Cố kim đồ thư tập thành*, *Phương dư hôi biên*, *Chức sinh diễn*, quyển 715, *Thường Châu phủ bộ*.

Những việc như thế rất nhiều. Vương Thất ở cửa Phong Môn thành Tô Châu thời Thanh lúc nhỏ gọi bà Mỗ là vú nuôi. Sau khi cha y chết, bà ta nuôi nấng dạy dỗ y như con ruột, định gả con gái cho y. Không ngờ Vương Thất lớn lên không lo làm ăn, trở thành một gã du đãng. Bà Mỗ bèn đổi ý, hứa gả con gái cho Mỗ sinh ngoài cửa Tư Môn. Vương Thất nghe tin lập tức tới rước dâu, tụ tập mươi mấy tên thiếu niên vô lại bắt cóc cô gái về nhà mình. Cô gái về tới nhà Vương Thất rồi thì đóng cửa gào khóc, treo cổ tự tử, sau khi được cứu lại tuyệt thực đòi chết. Việc báo lên quan, quan cho rằng Vương Thất đoạt hôn không hợp lẽ, bèn đánh một trăm gậy, lại hiểu dụ rằng "Ngươi tự khai trước đây đã có ước hẹn hôn nhân với cô gái này nhưng một tờ giấy làm bằng cứ cũng không có. Cô ta thà chết cũng không chịu lấy ngươi, tại sao ngươi lại nhất định không chịu thả cô ta? Đàn ông còn sợ gì không kiếm được vợ chứ!". Rồi đó bèn phán sai bà Mỗ đưa Vương Thất năm mươi quan làm tiền cưới vợ sau này để giữ trọn cái nghĩa nuôi nấng dạy dỗ, cô gái thì gả cho Mỗ sinh⁽³⁴⁾.

Có lúc lưu manh cướp con gái để cưỡng gian, thỏa mãn thú tính.

Lam Đinh Nguyên sống trong niên hiệu Ung Chính thời Thanh, có viết quyển *Lộc Châu công án*, lúc kiêm nhiệm chức Tri huyện Triều Dương giáp ranh các huyện Dương Mã, Hoàng Long và Huệ Lai, có một bọn mươi mấy tên lưu manh kéo bè kéo cánh, hoành hành không kiêng sợ gì. Một hôm bọn lưu manh ấy chặn đám cưới giữa đường, cướp cô dâu trên kiệu kéo đi, lột hết áo quần trang sức. Cô dâu mới xin giữ lại chiếc quần để che thân chung cũng không chịu, còn vây quanh nhìn kỹ phần hạ thể của nàng, lại còn làm nhục⁽³⁵⁾.

(34) Du Việt, *Hữu đài tiên quán bút ký*, quyển 4.

(35) Lam Đinh Nguyên, *Lộc Châu công án*, *Ngẫu kỷ thương*, *Tắc khinh tài huân nhân*.

Lưu manh còn bắt cóc người ta, hoặc để làm con tin, hoặc lén lút bán đi.

Bắt người ta làm con tin còn gọi là Làm giá trói (Bang giá), người bị bắt Làm giá trói gọi là Con thịt (Nhục phiếu). Chủ yếu là lưu manh thấy nhà người bị Làm giá trói có nhiều tiền bạc, dùng đó đòi tiền chuộc. Sử sách thời Tần Hán từng chép "Bọn thiểu niên ở Trường An tụ họp ở nhà không hém vắng bàn kế bắt cóc người", nhưng chưa kịp động thủ thì đã bị bắt. Đương nhiên cũng có những tên tội phạm thành công, "Người nhà giàu là Tô Tứ làm chức lang, bị hai người bắt cóc". Sư Cố nói "Bắt người ta làm con tin, bảo gia đình đem tiền bạc tới chuộc"⁽³⁶⁾. *Lưỡng Hán Nhạc phủ thi*, *Bình Lăng đông* cũng nói "Bình Lăng đông, Tùng Bách đông, bắt tri hà nhân kiếp Nghĩa công. Kiếp Nghĩa công, tại cao đường hạ, giao tiền bách vạn lưỡng tẩu mã. Lưỡng tẩu mã, diệc thành nan, cố kiến truy sứ tâm trung trắc. Tâm trung trắc, huyết xuất sai, quy cáo ngã gia mại hoàng độc" (Bình Lăng Đông, hang Tùng Bách, không biết người đâu bắt Nghĩa ông. Bắt Nghĩa ông, trước thềm cao, đòi trăm vạn đồng hai con ngựa. Hai con ngựa, rất khó khăn, nhưng nghĩ tới ông lòng thương xót. Lòng thương xót, khóc ra máu, về nói với nhà bán bò cái).

Lưu manh Làm giá trói con thịt đều nhìn vào những kẻ có tiền, nhưng có lúc cũng ra tay với những người ít tiền. Trong niên hiệu Đạo Quang, Hàm Phong thời Thanh, ở Bắc Kinh có một bọn con em nhà tôn thất lưu manh hóa, hoang dâm vô độ, phung phí tiền bạc, một sớm trong tay hết tiền bèn tới những chỗ vắng vẻ, bắt cóc trẻ con nhà nông. Sáng hôm sau cố ý bắn tin gọi tới lanh, nói thác là đi đường bắt gặp. Khi người ta tới lanh người thì tìm đủ cách đòi tiền tạ ơn, lấy được món tiền lớn mới thôi⁽³⁷⁾.

(36) *Hán thư*, quyển 76, *Triệu Quang Hán truyện* và chú thích.

(37) Từ Kha, *Thanh bị loại sao, Côn biến loại, Anh hài lặc độc*.

Chẳng qua lưu manh rốt lại không phải là các nhóm phi đồ chuyên môn bắt cóc, phần lớn là bắt cóc các cô gái xinh đẹp trẻ tuổi hoặc trẻ em buôn bán lấy tiền.

Lúc Ngô Vũ Nham thời Tống giữ chức ở đạo Phúc Kiến từng có người ăn xin là Bão Ông tới đưa đơn, nói rằng mình mang người qua Nhiêu Châu, dọc đường bị người ta bắt cóc. Quan phủ lập tức sai người tra xét, té ra là Lý Tam Nương và Phật Bảo người Lạc Bình, vì cha mẹ chết hết không có ai chăm sóc, lại bị bọn buôn người bắt đi, tới Đặc Dương được người môi giới đưa tới bán cho Bão Ông. Bão Ông đưa hai người tới Nhiêu Châu xin ăn, trên đường đi lại gặp anh ruột của Lý Tam Nương và Phật Bảo. Anh em nhận ra nhau, tất cả cùng về nhà. Bão Ông không cam tâm để mất người đã tốn tiền mua một cách dễ dàng, bèn lên quan đặt điều vu cáo, có thể nói là không sợ hãi gì. Theo Ngô Vũ Nham nói thì thời Tống bọn lưu manh buôn người rất lộng hành, nhất là gặp những năm mất mùa hay dịch lệ, chúng càng phóng tay bắt cóc rồi sau đó bán cho những nhà cầu tự như bán heo bán dê, cứ có lợi là làm⁽³⁸⁾.

Ở một dải Thành Đô, Trùng Khánh, Quảng Châu còn có những nhóm chuyên lừa gạt phụ nữ. Một số đàn bà lưu manh trong bọn thường cưỡi lừa đi dạo trong làng, nếu phát hiện có phụ nữ trong thôn cưỡi lừa ra ngoài, có chồng đi phía sau thì giục lừa thong thả tới gần người phụ nữ kia, làm ra vẻ thân thiết bắt chuyện, ngầm đánh cho lừa chạy mau. Người phụ nữ kia chỉ lo trò chuyện, không ngờ lừa chạy nhanh, chồng bị rơi lại phía sau, cách nhau một quãng xa. Lại chuyển qua mấy khúc quanh, người đàn bà không nhận ra đường, chỉ còn cách ngoan ngoãn đi theo á lưu manh vào sào huyệt của chúng. Vừa vào tới, á lưu manh đẩy tung cửa ra,

(38) Ngô Vũ Nham, *Cẩm ước bản sinh khẩu*, Danh công thư phán thanh minh tập, quyển 14, Trừng ác môn, *Bản sinh khẩu*.

người đàn bà thấy trong phòng toàn là đàn ông, bất giác òa lên khóc lớn, bọn lưu manh lại xúm lại đánh nàng một trận, còn sai đám ưng khuyển cưỡng hiếp nàng, gọi là Tiêu diệt sự thiện thùng (Diệt sĩ). Người phụ nữ đã bị hành hạ lại bị hâm hiếp, trong lòng tan nát không phản kháng nữa. Bọn lưu manh bèn sai đám ưng khuyển giả làm người mua nàng làm thiếp, dùng lời lẽ ngọt ngào hỏi từ đâu tới. Người đàn bà khóc lóc kể lể nỗi oan uổng, người mua làm ra vẻ không nỡ, thả cho nàng về. Về tới nơi át lại bị đánh đập một trận tàn nhẫn. Qua một thời gian, lại để một tên lưu manh khác mua đi, lại hỏi qua một lần, nếu người đàn bà lại khóc lóc kể lể lại đánh một trận. Cứ thế năm ba lần, lần sau tàn nhẫn hơn lần trước, hành hạ đến khi nào nàng không dám nói thật nữa mới sai người đưa lên thị trấn bán đi⁽³⁹⁾.

Lưu manh còn thường đưa người bán ra nước ngoài, gọi là Bán heo (Bạn trư tử). Về việc này Từ Kha từng chỉ ra một cách sâu sắc rằng "Heo (Trư tử) là nhân dân trong nội địa bị đưa ra nước ngoài, đại khái bán làm tôi tớ, bắt làm mọi việc khổ cực, coi các anh ngu ngốc như heo dê, vì vậy gọi là heo. Đại khái ở quần đảo Nam Dương có nhiều bọn xấu thông đồng với bọn lưu manh ở Trung Quốc dụ dỗ đàn ông trẻ tuổi có sức khỏe, nếu gặp người nghèo khó thì đầu tiên cho họ mỗi lợi nhỏ, lấy lời ngọt ngào để dụ dỗ, nói sẽ đưa đi nơi tốt buôn bán, có thể được nhiều tiền. Người ngu dại bị lừa, lập tức đi theo là trở thành món hàng của chúng. Bọn buôn người giả ra quán trọ làm sào huyệt, vào khôi cửa là khóa lại không cho ra, thậm chí có khi còn nhốt trong chuồng gỗ, mỗi chuồng có một hoặc hai người, mỗi ngày cho ăn cháo hai lần. Đến khi đã ngã giá, bèn nhốt lại, chờ xuống tàu biển mang đi. Những nơi chờ tới đại thể là Singapore, Pénang, dọc đường bán đi hoặc gán nợ, mà những kẻ nhận để gán nợ là

(39) Từ Kha, *Thanh bị loại sao, Côn biển loại, Lánh mại phụ hài*.

bọn buôn bán nô lệ da đen"⁽⁴⁰⁾.

Nhân thể nói luôn, là sau khi Thượng Hải mở mang, lưu manh người nước ngoài cũng công nhiên bắt cóc, buôn bán người. Hoàng Quân Tễ trong quyển *Kim Hồ tuần mặc* viết "Bọn rợ Anh bắt người ở Thượng Hải thì người nhà quê bán vải một mình tới chỗ bọn chúng là lập tức bị bắt đi, trong vài tháng mà mất đến vài trăm người". Thủ phủ lưu manh người ngoại quốc cũng thường nhân lúc đêm khuya người ít, chờ ở chỗ vắng rinh bắt người đi đường, đánh ngất xong thì dùng bao vải chụp lên vác đi⁽⁴¹⁾. Giám mục Công giáo ở tô giới Mỹ một mặt nói "Cứu rỗi linh hồn cho người Trung Quốc", một mặt đứng ra lo việc bán người. Một số lưu manh từ tô giới Anh tới đó được đại nhân Giám mục che chở mở ra tưu điểm, thường bỏ thuốc mê vào rượu mạnh, phục rượu những khách Trung Quốc, sau đó đưa xuống tàu máy⁽⁴²⁾. Sử sách chép năm 1857 có một người làm thuê đang đi ở cạnh cầu lớn bến Dương Kinh chợt bị mấy tên lưu manh ngoại quốc ra tay tấn công, nắm chặt bím tóc định bắt cóc. Người ấy hết sức chống cự, lớn tiếng kêu cứu. Có mấy mươi người dân nghe tiếng chạy tới, cứu được người kia, lại bắt được tên đứng đầu. Theo lời chủ tàu người Pháp thuê tên ấy khai thì tàu đậu trên sông Hoàng Phố, đã bắt được không ít người. Chủ tàu sai thủy thủ lên bờ bắt người, cứ một người thì được bốn mươi đồng tiền Tây dương, trước đây đã cùng hai tàu khác đậu ở Ngô Tùng chờ mấy trăm người Trung Quốc đi thoát⁽⁴³⁾.

(40) Từ Kha, *Thanh bị loại sao, Côn biến loại, Bản tru tử*.

(41) *Triệu Huệ Phố tiên sinh nang tinh cư bút ký*, trong *Tiểu thuyết Nguyệt báo*, quyển 8, tr. 6.

(42) *Thượng Hải địa phương sử liệu khoa*, Thượng Hải xã hội khoa học viện xuất bản xã, 1983, tập II, tr. 40

(43) Tô Trí Lương, Trần Lê Phi, *Cận đại Thượng Hải hắc xã hội nghiên cứu*, chương 1, tiết 4.

Kế là việc lưu manh cướp tài vật.

Từ thời Bắc Ngụy đã có một người là Phòng Pháp Tho Đầu ngựa, quê ở Giáng Mạc Thanh Hà, lúc nhỏ cha chết, tính hời hợt quá cảm, giỏi săn bắn. Kết bạn với một nhóm lưu manh vô lại đánh cướp xóm làng khiến chú là Nguyên Khánh, Phạm Trấn bị châu quận quở trách, họ hàng đều lo lắng. Năm Phòng Pháp Tho hai mươi tuổi được châu mời làm chức Chủ bạ, về sau y mượn cớ mẹ đã già xin về nghỉ không làm việc quan nữa, nhưng trộm cướp giết chóc trâu bò ở làng, gây hại không nhô⁽⁴⁴⁾. Trong niên hiệu Hội Xương thời Đường, "Ở đô thị có nhiều bọn thiếu niên du hiệp, lấy mục đen bôi mặt, khoe khoang sức lực, cướp đoạt nhà cửa"⁽⁴⁵⁾. Thời Tống cũng thế. Lúc Vương Hân ra làm Chuyển vận sứ Quảng Đông, bọn thiếu niên xấu ở Huệ Châu kéo nhau làm cướp, làng xóm đều sợ hãi⁽⁴⁶⁾. Lại có Vương Yến người đất Đằng ở Từ Châu "Lúc trẻ mạnh khỏe vô lại, thường kéo bè đảng đi ăn cướp"⁽⁴⁷⁾. Hoạt động của bọn lưu manh thời Thanh lại phát triển thêm một bước. Lúc bấy giờ "Bọn du thủ du thực không chịu làm ruộng, chỉ lo cờ bạc, làm việc thương luân bại lý, cứ có chuyện là tụ họp đông người, dắt đúi nhau kêu oan không thôi rồi lập tức đi ăn cướp"⁽⁴⁸⁾. Lại có cái gọi là "Bọn nhân hỏa hoạn ăn cướp", ngẫu nhiên có nhà ai bị cháy liền rủ một hai tên đồng bọn chạy như bay vào nhà, thấy vật là lấy, hoặc xách hoặc đội, hoặc cắp nách mang đi. Chủ nhân có trách móc thì nói "Thì cất giùm cho ông ở nhà tôi thôi"⁽⁴⁹⁾.

Có điều lưu manh rốt lại không phải là bọn cướp sông cướp biển, việc cướp đoạt của chúng đều thể hiện đặc điểm

(44) *Ngụy thư*, quyển 43, *Phòng Pháp Tho truyện*.

(45) *Tân Đường thư*, quyển 197, *Tuần lại truyện*.

(46) *Tống sử*, quyển 312, *Vương Khuê truyện*.

(47) *Tống sử*, quyển 252, *Vương Yến truyện*.

(48) Triệu Sĩ Lân, *Vũ lâm thảo phu khác*, *Chinh phong tục*.

(49) Từ Kha, *Thanh bị loại sao*, *Đạo tặc loại*, *Sán hỏa đả kiếp*.

bản chất vô lại, thủ đoạn gian trá, đây là chỗ khác biệt với bọn thổ phỉ làm đại vương trên núi.

Xin xem qua hai ví dụ dưới đây.

Đầu thời Thanh có người mang một đôi giày mới đi trên đường, gặp một người bước ra gọi vào nói chuyện. Người mang giày ngạc nhiên nói "Tôi vốn không quen biết anh", người kia cười nói "Anh mang giày mới, quên bạn cũ à?", rồi giật mũ của anh ta ném lên nóc nhà. Người mang giày cho rằng người kia say rượu nhận lầm người, đang còn ngần ngừ, lại có một người khác tới cười nói "Ông khách sao lai đóng kịch dở thế? Ban ngày trời nắng chang chang thế này, sao không lên nóc nhà mà lấy mũ?". Người mang giày nói "Không có thang, không sao lên được". Người kia nói "Tôi quen làm việc tốt, ông cứ đứng lên vai tôi mà trèo lên", rồi khom người xuống. Người mang giày cảm tạ hai ba lần, đang định đạp lên vai y thì người kia lại nổi giận nói "Ông nóng nảy quá! Ông tiếc cái mũ thì tôi cũng tiếc áo. Giày của ông tuy mới nhưng dính không ít bùn đất, thế mà định đạp lên áo tôi à?". Người mang giày xấu hổ xin lỗi mấy lần, cởi giày đưa y, chỉ mang tất đạp lên vai y trèo lên nóc nhà. Người kia cầm giày chạy biến, người lấy mũ đứng trên nóc nhà không sao xuống được. Người ở chợ còn cho rằng họ là chỗ quen biết, đang đùa giỡn với nhau. Người lấy mũ năn nỉ các nhà hàng xóm trong phố, tìm thang mới leo được xuống, thì người kia đã mất tăm không thấy bóng dáng đâu nữa⁽⁵⁰⁾.

Lại ở cửa Tụ Ngọc Môn tức Nam Môn thành Kim Lăng thời Thanh, lầu gác hoa lệ, đất phúc một phương, là nơi thông đi bốn phương tám hướng, người đi như kiến, tay xách nách mang, trong đó có một bọn lưu manh chen chúc, thủ đoạn gậy ác của chúng mười phần xảo diệu. Một hôm có người nhà quê cười lừa vào thành, người chồng cầm roi đi

(50) Viên Mai, Tân Tề hài, quyển 23, Thủ hài.

phía sau, giữa đường chợt gặp phải một bọn người, trước sau nối nhau chen qua giữa hai vợ chồng. Không bao lâu lại có người mang một cái bao lớn đi sát hai bên người vợ, qua một lúc dần dần vắng đi, người vợ chợt trên không rơi xuống, người còn trên yên, chân còn ở bàn đạp mà con lừa không biết đã tới đâu rồi. Nguyên là một bọn cướp lừa rất đông, thấy con lừa ấy đáng tiền bèn giả dạng chen chúc, thừa cơ cắt đứt dây cương và hàm thiếc lừa, cắt hai tênh nhắc cái yên lừa lên, lấy dùi đâm vào mông lừa khiến nó đau quá lồng lết chạy một quãng, dắt lấy bỏ đi. Người chồng thấy vợ ngã xuống đất tất nhiên trước tiên phải chăm sóc cho người, không thể nghĩ tới chuyện bắt cướp, bọn cướp nhân đó giải tán⁽⁵¹⁾.

Kết hợp cả trộm cắp, lừa gạt, cướp đoạt để tiến hành cướp bóc có thể là một đặc điểm trong thủ đoạn cướp giật của bọn lưu manh vậy.

5. Đánh đập tàn nhẫn vô nhân đạo

Động một tí là vung quyền đánh người cũng là một thủ đoạn quen dùng của bọn lưu manh. Bọn chúng thường lấy việc đánh nhau để ra oai, uy hiếp người khác, không chút sợ hãi mà tiến hành các hoạt động lưu manh.

Lưu manh đánh người hung dữ tàn nhẫn, cũng rất tinh tế. Có khi đánh người bị thương nhưng trên da không hề lưu lại vết tích, có khi trực tiếp đánh người ta tới tàn phế, có khi đánh công khai, có khi đánh bí mật, có khi một đánh một, có khi cả bọn xúm vào quần công, đủ lối đủ kiểu, không thể kể xiết.

Hồng Mại người thời Tống từng miêu tả sinh động về thủ đoạn lưu manh đánh người tàn nhẫn như sau:

(51) Từ Kha, *Thanh bị loại sao, Đạo tặc loại, Thiết lư chi giáo*.

"Bọn dân gian ngoan hung hăn, cậy giàu cậy sức, trong lòng lo ngại ắt cũng giết người... Phong tục ở đất Mân (Phúc Kiến) càng quá đáng, thường bắt trói kẻ thù, ra sức hành hạ. Hoặc lấy rượu cho mạt cưa vào bắt uống, uống là bám chặt vào ruột, không sao tiêu hóa, lâu ngày sẽ mắc bệnh tiêu khát. Hoặc rang cát nấu sáp rót vào lỗ tai, làm cho thành điếc. Hoặc lấy vải ướt bó chặt thân thể, lấy đá to bằng quả trứng cho vào túi vải mà đập, bên ngoài không thấy vết bầm tím. Hoặc ấn đè vai xuống khiến da nhăn lại, rồi lấy kim đâm vào huyệt Kiên tĩnh, da không căng ra được nữa. Hoặc giấu lưỡi câu nhỏ vào bụng cá, bắt phải nuốt chửng, lưỡi câu phá nát ruột, lâu ngày sẽ phải chết. Phàm lối ấy không phải chỉ có một cách, đã khiến cho trên da thịt không có dấu vết, khám nghiệm không ra tội lỗi, hai điều ác ý xấu việc tệ ấy pháp luật vốn không nói tới"⁽⁵²⁾.

Thủ đoạn đánh người của bọn dân gian ác thời Tống, cho dù chỉ nhìn qua một lần thì đọc tới quả thật cũng khiến người ta phải nhăn mặt khiếp sợ.

Lưu manh đánh người cũng không cần có lý do nhất định, có lúc chỉ vì ăn nói không hợp hoặc một việc cỏn con là lập tức có thể ra oai đấm đá, lấy đó hoành hành ở thôn xóm.

Chuyện kể ở trấn Tân Thị có một người tên Phùng Doãn Xương, sức khỏe hơn người mà đầu quả thật rất cứng, mỗi khi gây chuyện đánh nhau với người ta là lấy đầu húc vào đối phương, húc ai là người ấy tung ra, trước nay chưa ai chống được. Một người bạn thân ở láng giềng nói với y "Ông quả thật rất khỏe nhưng nếu húc vào đá, chỉ e là không chịu nổi". Phùng bèn cúi xuống nhặt một hòn đá to bằng cái bát ném lên không, kế ngẩng đầu lên đánh vào, hòn đá văng đi mà đầu không bị thương. Từ đó Phùng có danh hiệu là Đầu

(52) Hồng Mại, *Khách trai tùy bút*, tập 4, quyển 10, *Mân tục ngụy bí sát nhân*.

sắt (Thiết đầu). Một buổi sáng sớm Phùng ngẫu nhiên ra đường múc nước, không cẩn thận hắt nước ướt áo một người khách Thiểm Tây. Người khách nhỏ nhẹ trách móc mấy câu, Phùng nghe xong lập tức lớn tiếng chửi mắng, lại vung tay đánh người. Người khách kia bỏ đi không cãi vả nữa, Phùng lại không chịu thôi chửi mắng, từ phía sau đuổi tới, lấy đầu húc người ta⁽⁵³⁾.

Làng Đào Hoa ở Tô Châu thời Thanh có tên vô lại hung dữ tên A Khánh, ngoại hiệu là Râu đỗ (Hồng nghiêm), sức khỏe như trâu, hung dữ không biết nói lý lẽ, người cả làng đều sợ y. Mỗ Giáp với y hơi có chuyện bất hòa, A Khánh tụ họp đồng bọn định đánh cho một trận. Giáp nghe tin sợ quá, ngầm tới nhà bố vợ A Khánh xin cứu giúp. Bố vợ rất hiểu tính con rể, chỉ nói với Giáp rằng "Người như A Khánh thật khó dùng lẽ mà giảng giải, anh cứ cẩn thận trốn đi là hay". Giáp không còn cách nào, trở về nhà ẩn náu suốt mấy tháng. Một hôm ngẫu nhiên ra ngoài, không ngờ trên đường gặp phải A Khánh. A Khánh không nói tới câu thứ hai, vung quyền đánh Giáp toàn thân bị thương. Giáp vừa tức giận vừa xấu hổ, trở về nhà nuốt thuốc phiện sống tự tử. Người làng cũng không ai dám đứng ra nói một câu công đạo⁽⁵⁴⁾.

Lưu manh lại thường kéo bọn tụ họp ẩu đả tới mức người sống ta chết, thối xấu ấy kéo dài đã lâu. Thời Hán có một lần Thừa tướng nước Ngụy là Bình Cát ra ngoài, "Gặp một bọn đánh nhau trên đường, kẻ chết người bị thương nằm đầy đường"⁽⁵⁵⁾. Lý Thân trong bài *Bái Tam Châu thủ thi tự* có viết "Bọn thiếu niên xấu trong làng xóm, cởi mũ phanh áo, tụ họp ẩu đả, hoặc trật vai đuổi nhau chạy vòng tròn, tiếng

(53) Tiểu Hoành Hương thất Chủ nhân biên, *Thanh triều dã sử đại quan*, quyển 12, *Thanh nhân thuật dị*, Phùng Thiết đầu.

(54) Du Việt, *Hữu dài tiên quán bút ký*, quyển 6.

(55) Hán thư, quyển 74 Bình Cát truyện.

trong làng gọi là đánh côn, sĩ dân đều khổ". Suốt thời Càn Long, theo sử ghi "Bọn gian ác hung dữ ở nơi chợ búa túm năm tụm bảy, họp bọn ấu đả gây họa cho xóm làng, hoặc tranh nhau chỗ mua bán, hoặc làm nhục người có tiền, ban ngày thì coi thường phép quan, ban đêm thì càng ra oai dữ, tội ác không kém gì bọn cướp"⁽⁵⁶⁾.

Bọn vô lại ở Thiên Tân thì cho rằng việc cả bọn cùng xúm vào đánh người là hành vi chính đáng, lại phải có bộ sậu nhất định. Về nguyên nhân thì bất kể là tranh đoạt chợ búa, hoặc là vì phạm vi nhỏ hẹp muốn mở rộng, đôi bên cãi nhau đến lúc không can được, có khi hẹn noci hẹn giờ, có khi đột nhiên tập kích. Trước đó thì một bên hẹn người của mình chuẩn bị, gọi là Đợi đến sau ngày lễ (Đãi hầu quá tiết nhị), trong thời gian chuẩn bị thì nhất loạt tập trung ở một chỗ, hàng ngày đều cung cấp thức ăn thức uống, nếu không có nhiều tiền thì không thể làm được, vì có khi đông tới hàng trăm người trở lên, ít cũng vài mươi người. Có khi ngày tháng không thể hẹn trước, vì lúc nào đối phương tới cũng khó đoán trước, lúc nào cũng không thể lợi lỏng. Bề ngoài thì không để lộ ra, có ai hỏi thì chối không chịu nhận, chỉ nói quyết không có chuyện ấy. Còn công khai đánh nhau tại đường trường thì không cần phải nói. Người tới đủ rồi, trước cửa bày ra đủ thứ vũ khí, gọi là Khoe người nhà (Phố gia lõa), có ý thị uy. Lúc xuất phát, trại chủ đi đầu, mọi người theo sau, người lớn đi trước, người nhỏ đi sau, đến khi giải tán thì không có hàng ngũ gì. Sau chót có một số người mang theo đá vụn ngói vỡ đứng phía sau ném vào đối phương, gọi là Đội cờ đen (Hắc kỳ đội), đôi bên gặp mặt nhau rồi, không cần qua lại nhiều lời, lập tức ừa vào đánh nhau. Bọn họ lúc bình nhật không luyện võ, chỉ một số ít là biết vài miếng, số còn lại thì

(56) *Thanh Cao tông Thực lục*, quyển 7, *Ung Chính thập tam niên thập nhất nguyệt hạ Ất mão*.

chỉ biết đánh nhau chết bỏ. Nhưng chỉ hẹn là đánh đến lúc vỡ đầu chảy máu, tay chân tàn tật, chứ không phải lúc thật cần thiết thì không ai muốn gây án mạng. Đến khi đã phân thắng bại rồi, thậm chí có khi có người chết mới có người ra mặt khuyên giải, lo việc chôn cất⁽⁵⁷⁾.

Ở Thượng Hải cũng thường có loại công nhân thất nghiệp và dám du thủ du thực vô nghề nghiệp, cứ một lời nói không hợp là lập tức tụ họp trong quán trà, gọi bè kéo đằng đánh nhau không thôi, thậm chí đánh vỡ bát đĩa, phá tan cửa nẻo, máu chảy đầy đất đến nỗi bị bắt⁽⁵⁸⁾.

Mã Vinh Trinh thời Thanh nguyên là lái buôn ngựa kiêm võ sư ở Sơn Đông, lúc bình thời thu nhận đệ tử, tập quyền luyện võ. Sau khi tới Thượng Hải, tự cho mình có sức khỏe hơn người không ai địch nổi, huênh hoang "Quyền đánh hai kinh Nam Bắc, chân đá hai bờ Hoàng Hà", thường cậy võ nghệ hả hiếp người ta, làm tiền bọn lái buôn ngựa, nếu không chịu thỏa mãn thì y sẽ mượn tiếng xem tướng ngựa vỗ tay lên lưng ngựa một cái, con ngựa sẽ lập tức bị nội thương không ai mua nữa. Mùa xuân năm 1879 Cố Trung Khê người Tuyên Hóa ở Hán Bắc mang ba mươi con ngựa tới đất Hộ bán, trọ ở một quán cơm trên đường Nam Kinh. Mã Vinh Trinh nghe tin bèn tới hẹn trả hai mươi lượng bạc dắt một con ngựa tốt đi, nhưng thực tế không trả đồng nào. Không những thế, y còn đòi Cố Trung Khê đưa cho một đứa hầu nhỏ đẹp trai để "sử dụng", Cố Trung Khê không chịu, chỉ ngầm ngầm đổi đứa hầu nhỏ đi chỗ khác. Một hôm Mã, Cố gặp nhau trong quán trà, Cố đòi nợ Mã, Mã lại nói Cố không biết quy củ, khoe khoang "Ai không biết danh Mã Vinh Trinh! Các lái buôn ngựa tới Thượng Hải đều phải hiếu kính ta hai

(57) Lý Nhiên Tê, *Cựu Thiên Tân dịch hồn hồn nhi*, Văn sử tư liệu tuyển tập, tập 47.

(58) Hoàng Thúc Quyền, *Tùng Nam mộng ảnh lục*, quyển 1.

trăm quan tiền, ngươi lại dám đòi hai mươi lượng bạc à!". Đôi bên trò chuyện không hợp liền trở mặt thành thù. Chiều ngày 13 tháng 4, đôi bên hẹn nhau uống trà nói chuyện ở Nhất Động Thiên trà lâu, mở miệng nói mấy câu không hợp, lập tức động võ. Đầu tiên đầy tớ của Cố là Mã Liên nhảm vào Mã Vinh Trinh ném một gói vôi bột, làm mù hai mắt Mã Vinh Trinh, Mã Vinh Trinh vội rút thiết xích phòng thân đánh mau nhưng chưa đánh trúng đối phương thì đầu đã bị dao nhọn đâm trúng, hai chân cũng bị chém gãy ngã lăn ra đất, lại bị chém thêm hai đao. Dám tay chân của Mã Vinh Trinh thấy thế đều hoảng sợ bỏ chạy. Cố Trung Khê đắc kế, lớn tiếng nói "Có ta chịu tội, không làm liên lụy tới mọi người". Mã Vinh Trinh nghe tiếng bèn hết sức chụp lấy cái bàn ném trúng đầu Cố Trung Khê rồi ra sức nhảy xổ về phía trước, định liều mạng với Cố, Cố Trung Khê hoảng sợ tay chân luống cuống, đành nhảy qua cửa sổ. Đêm ấy Mã Vinh Trinh trong bệnh viện liên tiếp kêu "Họ Cố không phải là hảo hán", rồi dứt hơi chết⁽⁵⁹⁾. Một phen ác đấu ấy quả thật kinh tâm động phách, rốt lại đôi bên cùng chết, cũng là tự mình chuốc lấy tai họa, không ai thương xót.

Lưu manh còn họp thành tổ chức đánh thuê, chuyên làm việc ẩu đả, làm nghề đánh mướn, cũng lấy đó kiếm sống. Quan hệ gắn liền chủ thuê và lưu manh là tiền bạc. Chủ yếu là có tiền, cứ chịu bỏ ra nhiều tiền thì lưu manh đều chịu thuê mướn, chịu làm theo yêu cầu của chủ thuê mà hành hung đánh người. Lưu manh làm nghề đánh mướn càng bộc lộ đặc điểm bẩn chất vô sỉ dễ mua chuộc, cũng khiến bọn chúng trong xã hội phong kiến và xã hội nửa thuộc địa nửa phong kiến thường trở thành chó săn hoặc nanh vuốt cho bọn quan lại.

(59) Tô Trí Lương, Trần Lệ Phì, *Cận đại Thượng Hải hắc xã hội nghiên cứu*, chương 2, tiết 1, trích từ *Thân báo* ngày 15, 16, 18. 4. 1879

Khoảng giữa niên hiệu Gia Tĩnh thời Minh ở vùng Giang Nam kinh tế phồn vinh có một số thiếu niên xấu xa được gọi là Tay đánh (Đá thủ) hay Tay xanh (Thanh thủ), nay đây mai đó, công khai kết thành bè đánh, tổ chức thành Hàng đánh mướn (Đá hàng). Tuy hoạt động của Hàng đánh mướn còn kèm thêm cả việc lừa đảo, trộm cắp, cướp đoạt, nhưng theo tên xét nghĩa, đương nhiên cứ có ai thuê là đánh người. Nếu một tên thất bại thì gọi cả bọn cùng tới trả thù, người ta không tàn phế thì nhất định không chịu thôi. Ngoài chuyện đó ra, Hàng đánh mướn thường không có quan hệ gì với người thuê mình. Nếu có ai kết thù oán với kẻ khác, muốn trả thù thì có thể ngầm ngầm đút lót cho người trong Hàng đánh mướn, sau đó sẽ có bọn vô lại ra mặt đánh kẻ thù giùm mình. Cách làm thông thường là "Kiếm chuyện xúc phạm gày gò với người có thù oán, rồi xúm lại đánh đá", "Lại vu cáo cho người ta những chuyện không đâu, lấy người trong bọn làm chứng, nếu không bỏ ra nhiều tiền để xin lỗi thì không thể thoát được". Và lại đám đánh mướn này còn có bản lĩnh đánh người rất độc đáo, hoặc đánh vào ngực, vào sườn, vào bụng dưới, vào lưng, có thể hẹn người bị đánh sau ba tháng năm tháng mười tháng hoặc một năm là chết, nhờ đó trốn tránh được sự điều tra của pháp luật. Cách đánh người như thế chỉ truyền nhau trong nội bộ, không để lộ ra ngoài⁽⁶⁰⁾.

Loại tổ chức đánh mướn như Hàng đánh mướn đến thời Thanh cũng rất phát triển, "Chương Phố có Lãng tử ban, chuyên họp bọn thiếu niên vô lại, chờ khi có việc đánh nhau, nhận tiền đánh mướn"⁽⁶¹⁾. Hàng Châu cũng "Có bọn người không lo làm ăn, du thủ du thực, chuyên học múa quyền đánh

(60) Phạm Thủ Kỷ, *Khúc hụu tân văn*, quyển 3; *Vạn Lịch Gia Định huyện chí*, quyển 2, *Cương thành khảo họa, Phong tục*.

(61) Từ Kha, *Thanh bị loại sao, Phong tục loại, Chương Phố Lãng tử ban*.

gây, gọi là Tay đánh. Thầy học dẫn dụ con em nhà mình, truyền dạy cho nhau học tập, kéo bè kết lũ, gấp việc là dây vào, chiếm cứ cả phố, thậm chí nhận tiền người ta thuê làm việc rửa hòn báu oán giúp. Có khi còn rơi vào vòng lao lung của bọn giàu có, cam lòng làm ưng khuyển”⁽⁶²⁾. Lại trong niên hiệu Khang Hy bọn đánh mướn này còn công khai xuất hiện giữa công đường. Lúc ấy mà xảy ra chuyện kiện tụng, một bên mời người có học lên thưa trình, bên kia thì vào hôm xét xử, “đều có bọn đánh mướn bảo vệ”⁽⁶³⁾, trở thành phong tục phổ biến một thời.

6. Quen thói khát máu giết người

Lưu manh hoàn toàn không phải là bọn cướp sông cướp biển, đại đa số trong đó thường cũng không tự phụ về việc hung dữ giết người, để tránh gây ra án mạng, bị bắt bớ tra xét, không chốn nương thân. Thế nhưng khi chúng sử dụng vô số thủ pháp lưu manh, hoặc bị dồn vào tình thế chó cùng cắn giật, cũng sẽ sử dụng thủ đoạn hung dữ nhất là giết người, gây ra những vụ án ghê gớm.

Thời Hán có một hiệp khách rất nổi tiếng tên Quách Giải, tự Ông Bá, xuất thân trong gia đình hiệp khách, từ nhỏ đã học được võ nghệ phi thường, nhưng không lo làm ăn, tính nết âm hiểm, thường giúp người trả thù, làm những chuyện gian ác, đúc tiền giả, đào mộ trộm, không sao kể xiết. Một sớm bị người ta chửi mắng là vung quyền đòn đánh, rút dao đòn giết. Có thể biết Quách Giải lúc trẻ tuyệt nhiên không phải là loại hiệp khách hành hiệp trượng nghĩa mà là một tên lưu manh trộn vẹn. Sau khi Quách Giải lớn lên, mới cải tà quy chính, nhặt nhục ẩn nhẫn, lấy đức trả oán, làm ơn nhiều mà mong mỏi ít. Có điều thói quen lưu manh cũng

(62) Triệu Sĩ Lân, *Vũ lâm thảo phụ khắc*, Cẩm dã thư.

(63) Cố Công Quỳ, *Đan ngọ bút ký*, Đả hăng.

không thể bỏ hết "Thường nuôi giấu nhiều kẻ vong mệnh, nên bọn thiêu niên đồng chí với Quách, biết nhiều kẻ vong mệnh thường tới nhờ và Giải, nên nhiều kẻ đem xe tới, đón bọn họ về che giấu giúp Giải". Bọn người vong mệnh nương náu ở chỗ Quách Giải, lại mượn danh y mà đánh nhau giết người khắp nơi. Một lần tân khách đang khen ngợi Quách Giải, một nho sinh phản đối nói "Quách Giải chuyên làm việc gian phạm pháp luật, có chỗ nào là hiền!". Khách khứa nghe xong dùng dùng nỗi giận, giết chết người nho sinh ấy, còn chặt đầu cắt lưỡi anh ta⁽⁶⁴⁾.

Hậu Hán thư, quyển 77, *Dương Cầu truyện* chép "Cầu giỏi kiếm thuật, thạo cung ngựa. Tính nghiêm khắc đáng sợ, thích cái học của Thân Bất Hại và Hàn Phi. Có kẻ lại ở quận làm nhục mẹ mình, Cầu họp mấy mươi thiêu niên giết chết y, phóng hỏa đốt nhà, vì thế nổi tiếng".

Cho dù nói làm nhục mẹ mình là kẻ kia không phải, nhưng vì thế mà giết y, lại đốt cả nhà, thì không thể không nói là quá hung dữ tàn độc.

Phạm Tư thời Ngũ đại trong sách *Ngọc Đường nhàn thoại* có chép chuyện An Đạo Tiến, cũng là một gã lưu manh hoàn toàn, động một tí là giết người.

Thời Trang tông còn chưa lên ngôi, An Đạo Tiến làm tiểu hiệu, thường đeo gươm sắc bén mình đi dẹp đường. An Đạo Tiến tính cách vô cùng hung dữ âm độc. Một hôm y tuốt kiếm ra vừa đùa giỡn vừa nói "Kiếm của ta có thể chém vàng cắt ngọc, không gì cần được". Một người bên cạnh nghe thấy không cho là đúng bèn nói "Kiếm của ngươi có gì là sắc bén mà lại khoe âm lên thế! Nếu ta đưa cổ ra thì ngươi chém một nhát có đứt được không?". An Đạo Tiến nói "Ngươi dám đưa cổ ra cho ta chém thật à?". Người kia cho rằng hai người đùa

(64) *Sử ký*, quyển 124, *Du hiệp liệt truyện*.

bèn thản nhiên đưa cổ ra, An Đạo Tiến không hề do dự vung kiếm chém xuống chặt đứt đầu người kia lăn lông lốc trên mặt đất. Người chung quanh nhìn thấy đều hoảng sợ hồn phi phách tán, bỏ chạy tán loạn. Nhân lúc hỗn loạn, An Đạo Tiến mang theo bao kiếm, bắt kể sớm tối chạy về phía nam, theo hàng chúa nhà Lương. Chúa nhà Lương thấy An Đạo Tiến dũng mãnh ưng ý, bèn cho theo sai khiến trong quân. Một hôm An Đạo Tiến nói với viên Chưởng lại "Người xưa nói đậm xuyên được qua bảy lớp áo giáp là giỏi, nhưng kiếm của ta có thể chém đứt mười lớp, các ngươi làm sao biết được". Người kia cho rằng An Đạo Tiến khoe khoang quá lời, bèn khinh bỉ nói "Nếu ta cởi áo ra ngươi có dám đậm qua bụng ta không?". An Đạo Tiến đáp "Nếu ngươi dám cởi áo ra thì ta cũng thử xem sao". Người kia lập tức phanh áo ra, An Đạo Tiến cũng không nói gì nhiều, đậm một nhát giết chết tươi y, thanh kiếm đi qua, xuyên suốt vào vách.

Thật ra bất kể là người vươn cổ ra hay viền quan phanh áo cũng đều chưa làm gì đe dọa An Đạo Tiến, cũng không làm gì tổn hại tới danh dự của y, tỏ ra coi thường y, kể cả lời lẽ câu nói, hành động cử chỉ thì chẳng qua chỉ là lời nói đùa trong đời sống hàng ngày mà thôi. Tuy nhiên gã An Đạo Tiến lưu manh thành nết lại vô duyên vô cớ tuốt dao mà chém, giương cung mà bắn, đến khi người ta chết cũng không chớp mắt, rõ ràng đã bộc lộ bản tính hung ác.

Theo *Tống sử*, *Vương An Thạch truyện* chép thì thời Tống có một tên thiếu niên vô lại nuôi một con chim thuần chơi, đồng bọn nhiều lần nài nি nhưng y không rời ra được. Một hôm người bạn cậy chơi thân với y tự ý mang con chim đi, tên thiếu niên vô lại biết được, đuổi theo giết chết người bạn. Phủ Khai Phong xử án khép tên vô lại vào tội chết, Vương An Thạch lại phản bác nói "Theo luật mà xét cho công bằng thì lấy trộm đều là giặc. Tên thiếu niên không cho mà người bạn lấy đi thì chính là ăn trộm, tên thiếu niên đuổi

theo giết là giết trộm cướp, tuy giết người cũng có chỗ vô tội có thể tha". Kế qua một phen tranh cãi, tên thiếu niên vẫn bị xử tử. Vì một con chim thuần chơi côn con mà tên vô lại dám giết người đồng thời còn hại cả mình.

Lại nói thời Minh có người đàn bà góa và con trai dựa vào nhau mà sống, một tên vô lại mượn tiền chị ta rất lâu không trả. Một hôm người đàn bà tới nhà tên vô lại đòi nợ, để một mình đưa con nhỏ giữ nhà. Tên vô lại lừa chị ta rằng "Nhà nghèo không thể trả nợ, để tôi qua chỗ khác mượn tiền trả, xin bà ngồi chờ một lúc". Nói xong để người đàn bà ngồi đó chờ, y thì lập tức chạy tới nhà chị ta, lừa đưa con rằng "Mẹ cháu đang ở nhà ta, định đi thăm bà con, bảo cháu đem cái hộp trang sức trên đầu giường đi". Đứa con tin là thật, cầm cái hộp đi theo tên vô lại ra cửa. Dọc đường hai người nồng bức mô hỏi chảy ròng ròng, tên vô lại dụ đứa nhỏ xuống khe tắm, thừa cơ dìm nó xuống nước. Sau đó y giấu cái hộp trả về nhà nói rằng không mượn được tiền, xin thứ lỗi. Người đàn bà trả về không thấy con đâu, đau lòng khóc lóc suốt đêm. Sáng hôm sau không ngờ đứa con về nhà nói lại với mẹ là tên vô lại lừa mình đi tắm rồi dìm xuống nước, nhưng dưới nước như có vật gì đỡ lên lưng nó, trôi theo dòng hơn mười dặm mới được người ta cứu. Người đàn bà lên quan tố cáo, tên vô lại đến lúc ấy mới bị trừng phạt⁽⁶⁵⁾.

Dưới thời Thanh, việc lùu manh giết người rất nhiều, đây nêu ra hai ví dụ.

Phạm Mỗ ở phủ Kinh Châu, gia sản sung túc, bất hạnh chết sớm. Có con trai sáu tuổi, sống dựa vào chị. Người chị mười chín tuổi, biết viết chữ làm toán, sắp xếp việc nhà rất có phép tắc. Người họ hàng xấu là Phạm Đồng coi thường đứa em trai còn nhỏ, nhiều lần tới mượn tiền. Người chị lúc đầu cứ hỏi là đưa, về sau thấy họ đòi hỏi không biết chán,

(65) Vương Lâm Định, *Việt kiêm biên*, quyển 2.

bèn không cho mượn nữa. Phạm Đông cả giận, cùng đồng đảng bàn nhau giết người chị, nuốt chửng tài sản. Đến hôm tế Thành hoàng, "Dìm người chị xuống sông, lại trói dìm một thiếu niên ở tiền trang, lấy dây lưng buộc xác lại", báo quan khám, nói rằng "Hai người tư thông, sợ bị người ta biết được nên hẹn nhau cùng chết". Quan huyện tin thật không nghi ngờ gì, ra lệnh tần liệm chôn cất, không truy cứu hung thủ nữa. Vì vậy "Gia sản nhà họ Phạm đều bị tộc phi chiếm hết"⁽⁶⁶⁾.

Người thời Thanh dùng chữ phi hoặc phi côn để chỉ lưu manh. Cái gọi là tộc phi, chính là chỉ bọn lưu manh vô lại trong họ hàng. Những người này để cướp đoạt tài sản của người khác, xuống tay là hại chết hai mạng người, tác phong hành sự như thế quả thật không khác gì bọn cướp.

Thời Thanh lại có Khang Bát, mọi người gọi là Khang Tiểu Bát, đầu tiên là nông dân, sau đánh xe chở khách. Năm mất mùa không có gì ăn, lại giết người trả thù cho người khác, sợ bị trị tội, trốn vào núi đầm làm cướp, thường đổi tên họ, thay quần áo ra vào chợ búa. Một hôm y tới hiệu cắt tóc nọ ở Thiên Tân để cắt tóc, người cắt tóc hỏi "Khách nhân từ đâu tới?". Khang Tiểu Bát nói "Từ Bắc Kinh tới", người cắt tóc lại hỏi "Ông có biết trong thành Bắc Kinh có Khang Tiểu Bát không? Người ấy hung dữ tàn bạo lắm". Khang Tiểu Bát nén giận im lặng, cắt tóc xong mới nói "Ngươi đi theo ta lấy tiền". Người cắt tóc đi theo y, tới một hẻm nhỏ Khang Tiểu Bát rút súng ra nói "Ngươi cũng biết Tiểu Bát à? Người thấy ta giống Tiểu Bát không?". Người cắt tóc khiếp sợ không nói gì được, lạy phục xuống đất xin tha. Tiểu Bát bắn hết băng đạn giết chết người thợ cắt tóc rồi nghênh ngang bỏ đi⁽⁶⁷⁾.

(66) Viên Mai, *Tân Tè hài*, quyển 15, *Hộ hương nhị tắc*.

(67) Từ Kha, *Thanh bị loại sao - Dao tac loại*, *Khang Bát Khang Cửu huynh đệ vi đạo*

Chương 5

Lưu manh và sự tha hóa của tam giáo cứu lưu

Trong chương *Sự quật khởi và phát tích của lưu manh* chúng ta chủ yếu đã khảo sát quan hệ phức tạp giữa lưu manh với tầng lớp cao nhất của xã hội, tức giai cấp thống trị. Ở đây chúng ta chuyển qua một góc độ khác, bước vào tìm hiểu xem trong dòng chảy lâu dài của lịch sử lưu manh đã có tác dụng, ảnh hưởng qua lại làm nảy sinh tác động thế nào với một số tầng lớp cấu thành nền tảng xã hội - tam giáo cứu lưu.

Cái gọi là tam giáo, từ sau khi đạo Phật truyền vào Trung Quốc thời Đông Hán chủ yếu chỉ Nho, Phật, Đạo. *Bắc sử*, *Chu kỷ hạ* chép "Vua lên ngôi xong, sắp xếp thứ tự tam giáo, lấy Nho giáo làm đầu, Đạo giáo tiếp theo, Phật giáo sau cùng". Gọi là cứu lưu, là chỉ Nho gia, Đạo gia, Âm dương gia, Pháp gia, Danh gia, Mặc gia, Tung hoành gia, Tạp gia, Nông gia. *Hán thư* quyển 100 hạ *Tự truyện* chép "Lưu Hướng coi việc sổ sách, chia ra cứu lưu".

Lưu manh cùng tam giáo cứu lưu trong ý nghĩa ban đầu có quan hệ rất mật thiết. Lỗ Tấn từng nói "Sự tạo thành lưu manh đại khái có hai loại: một là học trò của Khổng tử, tức nhà Nho, hai là học trò của Mặc tử, tức du hiệp. Hai loại này vốn rất tốt, nhưng về sau bị sa đọa về tư tưởng, lại dần

dần biến thành cái gọi là lưu manh⁽¹⁾, chỉ rõ quan hệ giữa lưu manh với Nho Mặc.

Tam giáo cửu lưu theo ý nghĩa ban đầu dần dần phát triển chỉ chung các loại người có nghề nghiệp và hành trạng khác nhau trong xã hội, phản ánh sự thay đổi trong nhận thức của người ta về tam giáo cửu lưu. *Thủy hử truyện* hồi 71 viết "Những người ấy có con vua cháu chúa, phủ hào tướng lại, lại có cả tam giáo cửu lưu, săn bắn chài lưới, đồ tể thợ vẽ, đều gọi nhau là anh em, không chia sang hèn". *Kinh hoa lục* hồi 99 viết "Nhìn lại cho kỹ, thì sĩ nông công cổ, tam giáo cửu lưu không hạng người nào không có".

Lưu manh và tam giáo cửu lưu theo ý nghĩa thay đổi nói trên có quan hệ càng mật thiết. Nhìn chung trong toàn bộ lịch sử phát triển xã hội thì lưu manh trở thành vua chúa hay khanh tướng chỉ có vài người, trực tiếp tạo ra cục diện uy hiếp vua chúa nghiêm trọng cũng chỉ có vài người, nhưng trên bình diện xã hội thì lưu manh và tam giáo cửu lưu có sinh hoạt tương tự, giữa họ từng giờ từng khắc phát sinh các mối quan hệ dung hòa, phân hóa, thỏa hiệp, tranh giành đủ kiểu. Mà cuộc đời dâu bể đưa tới những biến động to lớn trong sinh hoạt xã hội, cũng đẩy mạnh, xúc tiến việc các thành viên cá biệt của lưu manh thay đổi chuyển biến và pha trộn với tam giáo cửu lưu. Từ ý nghĩa ấy, lưu manh đối với việc này sinh và vận động của tầng lớp dưới trong xã hội khác xa so với tầng lớp trên.

Nếu muốn đề cập toàn diện tới tác dụng làm biến đổi các loại người trong xã hội của lưu manh thì quyển sách nhỏ này không thể làm được. Chúng ta chỉ có thể chọn lựa giới thiệu một số ví dụ điển hình về năm loại tăng nhân đạo sĩ, hiệp khách, ăn mày, binh sĩ, văn nhân có ảnh hưởng qua lại với lưu manh.

(1) Lỗ Tấn, *Lưu manh dữ văn học*.

1. Lưu manh và tăng nhân đạo sĩ

Tăng nhân chỉ đệ tử Phật giáo, đạo sĩ chỉ đệ tử Đạo giáo. Hai đạo này tuy khác nhau về tín ngưỡng, nhưng đều là tôn giáo, khác hẳn với tín ngưỡng của loại lưu manh làm điều bậy bạ gây hại cho xã hội, đệ tử Phật giáo lấy mười loại giới luật để tự ước thúc bản thân. Mười loại giới luật ấy gọi tắt là mươi giới, chỉ việc không sát sinh, không trộm cắp, không dâm tà, không bịa đặt, không uống rượu, không dùng hương liệu, không ca múa nghe hát, không nằm giường cao, không ăn uống trái bữa, không gom góp tiền bạc chau báu⁽²⁾. *Nguy thu, Thích Lão chí* viết "Những người làm Sa môn, bắt đầu tu theo mươi giới gọi là Sa di".

Đạo giáo là tôn giáo sản sinh ở Trung Quốc, có nguồn gốc từ đồng bóng thời cổ đại và thần tiên phương thuật thời Tần Hán. Đạo giáo quen theo lối tu hành khổ hạnh để đắc đạo, chủ trương đạt tới mức "bị chửi mắng cũng không đi", "không động tâm trước sắc đẹp", "thấy vàng bạc không lấy", "được khen ngợi không đếm xỉa", "bị vu cáo không thanh minh", "giữ lòng giúp đỡ mọi người", "xả thân theo thầy" vân vân. Phàm người vào đạo, trước hết phải dứt bỏ thắt tình mừng, giận, lo, sợ, thích, ghét, muỗn.

Theo ý nghĩa ấy, giới luật duy trì sự tôn nghiêm, ước thúc đệ tử của Phật giáo, Đạo giáo, khuyên họ khen điều thiện ghét điều ác đều có thể sản sinh các tác dụng khác nhau. Vả lại còn có không ít lưu manh được sự cảm hóa và giáo dục của đệ tử Phật giáo, Đạo giáo đã có thể dừng ngựa trên bờ vực, cải tà quy chính.

Trong niên hiệu Trinh Nguyên thời Đường có một nhà sư ngụ ở chùa Hiếu Cảm tại Quảng Lăng, tự xưng là đại sư. Từng có một tên thiếu niên ham mê cờ bạc không lo làm ăn. Đại sư biết được rất giận, lúc y đang đánh bạc tới đập nát cái

(2) Xem thêm *Thích thị yếu tăm thượng, Hình pháp*.

mâm gieo xác xác. Tên thiếu niên tự cây có sức khỏe, lớn tiếng chửi mắng "Đồ con lừa! Người lại dám đối đầu với ta à!". Đại sư cũng chửi mắng, nhổ nước bọt vào mặt y, hai người không ai nhường nhau, xông vào ẩu đả, cuối cùng tên thiếu niên không chống nổi, đành ba chân bốn cẳng bỏ chạy. Từ đó về sau ở vùng ấy nạn cờ bạc giảm dần⁽³⁾. Thời Ngũ đại Thập quốc trong niên hiệu Quảng Chính nhà Hậu Thục Phạm Vũ Xứng người Cửu Lũng tuổi trẻ rong chơi đá gà đua chó, không lo làm ăn. Về sau đổi theo họ mẹ là họ Trương, nhân đó mạo là họ Trương. Có vị đạo sĩ khuyên y "Cốt tướng của anh rất lạ thường, nếu đọc sách thì ngày sau ắt đại quý". Vũ Xứng theo lời đạo sĩ, vào núi Đan Cảnh theo thầy khổ học, trong niên hiệu Thiên Thành thi đỗ, về sau làm tới Hàn lâm học sĩ kiêm Thứ sử Giản Châu⁽⁴⁾.

Nhưng đồng thời với việc đệ tử Phật môn trừng trị kẻ ác, giáo dục, cứu giúp bọn thiếu niên vô lại, thì bọn thiếu niên vô lại cũng bắt đầu giày xéo lên thanh quy giới luật của Phật giáo, công khai tới chùa miếu đạo quán phá phách gây rối, làm điều bậy bạ.

Theo sử sách, thời Ngũ đại có một tên vô lại ghi tên làm lính đóng quân trong chùa, cố ý đem phần thịt dê được chia đặt trước miệng tượng Phật⁽⁵⁾. Lại em của Đường Văn Bá người Chương Du ở Đông Hải thời Tống, cả ngày đánh bạc, thua sạch cả gia tài, nhiều lần trộm cắp tiền bạc của các thí chủ bố thí cho chùa trong thôn, lấy đó để phung phí⁽⁶⁾.

Bọn lưu manh vô lại còn mặc tình lừa dối lường gạt

(3) *Thái bình quảng ký*, quyển 47, *Dị tạng loại*, *Quảng Lăng đại sư*, chép lại từ *Tuyên thất chí*.

(4) *Thuyết phu*, quyển 45, *Tống Trương Đường Anh*, *Thục đào ngọt*.

(5) *Phạm Tư*, *Ngọc đường nhàn thoại*, dẫn từ *Thái bình quảng ký*, quyển 116, *Báo ứng loại*, *Ngao nhục*.

(6) *Vương Viêm*, *Minh dương ký*, dẫn từ *Thái bình quảng ký*, quyển 116, *Báo ứng loại*, *Đường Văn Bá*.

hòa thượng đạo sĩ. Thời Tống có một tên con em nhà vô lại tên Lâu Nguyên Anh. Lúc đầu đạo dân là Tào Thập Nhất, mỗi tháng đều cúng dường, Lâu Nguyên Anh bèn nhận am mà Tào Thập Nhất tới cúng là am của mình, lại ra sức che chở mọi bể. Một lần có người tên Hồ Tứ Tứ tới am xin xở bị Tào Thập Nhất đánh một trận, về nhà qua hơn năm mươi ngày mắc bệnh mà chết. Lâu Nguyên Anh biết chuyện bèn xúi thân thuộc của Hồ Tứ Tứ là Hồ Tứ Tam làm điều đổi trá, bới chuyện ấy ra, kể tới chỗ Tào Thập Nhất khuyên y bỏ tiền ra, ăn nói rất dễ nghe, lại bày kế bảo y giao hết ruộng đất nhà cửa cho người nhà. Trong lúc rối ren, Lâu Nguyên Anh lợi dụng cơ hội nắm quyền cai quản tiền bạc, lấy cắp cả trăm ngàn đồng. Tào Thập Nhất cầm nhà bán ruộng, rất khó khăn mới thu xếp được với thân thuộc của Hồ Tứ Tứ ổn thỏa, hỏa táng thi thể, đẹp yên được một vụ án nhân mạng. Ai ngờ đất bằng bỗng nổi sóng gió, Tào Huy, Tào Thăng biết việc Lâu Nguyên Anh làm bèn nói rõ sự thật, bọn ác nhân này bèn cùng em Hồ Tứ Tứ đứng tên chung đưa đơn kiện trước tố cáo bọn Tào Huy che giấu việc Tào Thập Nhất đánh chết Hồ Tứ Tứ. Làm ầm ĩ tới mức người cả xứ kinh hoàng, không được yên ổn, những người có liên quan đều khánh tận gia tài, bị vu cáo mà mắc họa⁽⁷⁾.

Việc làm như thế cố nhiên khiến người ta vô cùng căm ghét nhưng đó là vì gã lưu manh kia phá phách gây rối quá rõ ràng, chân tướng phơi bày, bị người ta kịp thời nhìn ra, gia tâm đề phòng. Theo ý nghĩa ấy mà nói thì sự phá hoại của đám lưu manh ấy đối với Phật giáo, Đạo giáo cũng chỉ có hạn. Còn như một số lưu manh hoặc vì sinh kế hoặc vì tránh tội mà náo mành trong chùa chiền đạo quán, lắc người một cái biến thành đệ tử Phật giáo Đạo giáo, từ đó không những che giấu được việc thương thiên hại lý, mà còn đem ý

(7) Mã Dụ Trai, *Hoa đồ phẩn phúc biến trú tung hoành bối đắc*, *Danh công thư phán thanh minh tập*, quyển 13.

thức lưu manh làm tha hóa một số đệ tử Phật giáo, gây ra hậu quả nghiêm trọng.

Theo *Cao tăng truyện*, *Thần dị thương* thì trong thời nhà Hậu Triệu, "Đạo Phật đã lưu hành, dân nhiều người tin theo, đều xây dựng chùa chiền, tranh nhau xuất gia, giả thật lẩn lộn, gây nhiều tội lỗi. Hồ Hạ gửi thư hỏi quan Trung thư rằng: Phật có hiệu là Thế tôn, quốc gia thờ phụng, mà những kẻ tiểu dân không có tước lộc ở làng xóm có được phép thờ Phật không. Lại trong Sa môn lẽ ra phải là những người cao khiết trong sạch ngay thẳng, có thể tu hành tinh tiến sau đó mới có thể làm đạo sĩ. Nay Sa môn rất đông, có khi là kẻ xấu trà trộn vào, rất nhiều kẻ không xứng đáng, nên liệu mà bàn tính". *Hoàng Minh tập* cũng chép "Viên Huyền cùng liêu thuộc sa thải tăng chúng... Ở kinh sư càng chơi gái đánh bạc, nhao nhao ở nơi chợ búa, kho tàng vì vậy rỗng không, danh tiếng vì thế nhơ bẩn. Kẻ trốn thuế ra trăm dặm, kẻ đào vong đầy chùa miếu, đến nỗi một huyện có tới mấy ngàn người, dần dần suy đồi. Ở huyện dám vô lại họp bầy, trong cõi bọn bất lương kết đảng, làm hại trị an, bôi bẩn đạo Phật, đôi bên đều xấu, làm nhơ phong hóa"⁽⁸⁾. Đến thời Nam Bắc triều hiện tượng lưu manh trốn tránh trong chùa chiền đạo quán càng nghiêm trọng. Ví dụ trong đời Ngụy Thái Vũ đế nhà Bắc Ngụy, "Bọn gian tà dâm đảng đều mượn đó trốn tránh, trong các chùa chiền đều có bọn gian tà"⁽⁹⁾. Trong niên hiệu Chính Quang đời Hiếu Minh đế, "Thiên hạ loạn lạc, việc vua càng gấp, vì thế những dân đinh có tên trong sổ đua nhau vào đạo, giả theo Sa môn nhưng thật ra để tránh sưu thuế dao dịch, lạm dụng quá đáng, từ khi Trung Quốc có đạo Phật chưa từng có tình trạng như thế"⁽¹⁰⁾.

(8) Dẫn lại theo Liễu Dã Vi, *Trung Quốc văn hóa sử*, Phần II chương 10.

(9) (10) *Ngụy thư*, quyển 114, *Phật Lão chí*.

Đương nhiên lưu manh sau khi giả làm sư cũng không phải không có kẻ cài tà quy chính, buông dao lập tức thành Phật. Nhưng quả thật cũng có một số không ít kẻ tuy ghi tên trong chùa quán nhưng lòng không hề đặt ở chỗ theo đạo, thậm chí còn đưa phong khí lưu manh vào đệ tử Phật Đạo, như một cục phân chuột rơi vào nồi cháo.

Dưới đây xin thêm một số ví dụ cụ thể, Hoàng Phất người Phong Khâu thời Minh làm Tham chính Tứ Xuyên, đi qua Sùng Khánh nghe đồn chùa Tây Châu có rất nhiều tiếng xấu, vì vậy sáng tinh mơ đất thư lại tới trói tất cả sư trong chùa. Hoàng Phất phát hiện có một nhà sư trẻ tuổi mặt mũi hung dữ, "hồi tới thì không có độ diệp, lập tức lấy giấm xát lên mặt rồi rửa đi, thấp thoáng có vết sẹo", bèn xác quyết y vốn là tù tội, bèn dùng cực hình thẩm vấn, bắt được một bọn "ban đêm giết người ngủ lại trong chùa, lấy tiền bạc chia nhau, có đàn bà con gái thì cũng chia đàn bà con gái, giấu ở trong chùa, mặc ý gian dâm"⁽¹¹⁾. Ở vùng sông Thập Tam Lý tại Tương Dương, có một tên vô lại chui vào chùa nhưng không chịu hối cải, công nhiên làm ác, phá giới ăn thịt, lừa người lấy tiền, làm không ít điều xấu xa⁽¹²⁾.

Lưu manh sau khi trở thành đạo sĩ lại tiếp tục làm ác, làm tha hóa đệ tử Đạo gia cũng không phải ít. Trần Kinh Tế trong truyện *Kim Bình Mai* tuy xuất thân trong gia đình sĩ hoạn, nhưng vì uống rượu chơi gái nên mau chóng phá hết gia sản, trở nên sa sút. Sau khi làm con rể Tây Môn Khánh, tính néть lưu manh vẫn không hề thay đổi, dù dỗ cả vợ nhỏ của Tây Môn Khánh, vào kỹ viện, sòng bạc, đánh vợ con tới chết, bán hết ruộng nương nhà cửa, đêm ngủ ngoài đường, sáng ra ăn xin ở đầu phố, không có cách nào nuôi thân, đành

(11) Phùng Mộng Long, *Tăng quảng tri nang bổ*, quyển thượng, *Sát tri*, *Tăng tự cầu tử*.

(12) Lưu Xương, *Huyền ty tỏa thám*, *Thuyết phu*, quyển 14.

vào miếu Yếm Công ở huyện Thanh Hà làm đạo sĩ. Lão đạo trong miếu "Có đại đồ đệ là Kim Tông Minh, cũng không phải là người chịu giữ phận. Tuổi khoảng hơn ba mươi, thường lên bao cả thanh lâu, là kẻ ham mê tửu sắc", nghĩ cách kê gian với Trần Kinh Tế. Trần Kinh Tế thừa cơ dạy y "làm việc", lại dọa sẽ nói ra, ép Kim Tông Minh giao hết chìa khóa lớn nhỏ trong miếu cho mình. Mỗi khi chiều tối, hai người ngủ chung một giường⁽¹³⁾.

Đó là những hành động của bọn vô lại trá trộn vào chùa miếu đạo quán, dĩ nhiên bị chúng tăng phẫn đối không dung. Nếu bị đuổi đi sẽ lại bỏ chính theo tà, theo nghiệp lưu manh ngày cũ.

Lý Hân Chi thời Đường, lúc trẻ vô lại, không lo làm ăn, chỉ thích vung quyền múa kiếm. Để kiếm sống bèn xin vào chùa, trở thành tăng lữ vẫn không bỏ thói xấu, đến nỗi chúng tăng không dung. Đi khất thực ở huyện Toan Thúc Hoạt Châu, từ sáng đến chiều không được cho cái gì. Y tức giận ném bát xuống đất, xé bỏ áo sư, họp bọn đánh chiếm núi Ngũ Đài, từ tăng lữ lại biến thành cường đạo⁽¹⁴⁾. Lại như Thành Nột người Thanh Châu nhà Lương thời Ngũ đại, vì say rượu giết người, tránh tội trốn vào chùa làm sư. Nhưng y vốn không hề dốc lòng vào việc tu hành, qua một thời gian không lâu lại rơi vào hàng ngũ cường đạo, làm con nối nghiệp của tướng giặc⁽¹⁵⁾.

Bọn lưu manh đã bước vào chùa chiền đạo quán mà lòng giặc không bỏ, làm nảy sinh mối nguy hại to lớn như thế cho Phật giáo, Đạo giáo nên có lúc một số lưu manh tìm trãm mưu ngàn kế hòa nhập vào hoạt động của Đạo giáo,

(13) *Kim Bình Mai từ thoại*, hồi 93.

(14) *Tân Đường thư*, quyển 187, *Lý Hân Chi truyện; Thái bình quảng ký*, quyển 264, *Vô lại nhị*, *Lý Hân Chi*.

(15) *Tân Đường thư*, quyển 190, *Thành Nột truyện*.

Phật giáo, câu kết với một số tăng lữ đạo sĩ vốn là lưu manh xuất thân hoặc có tư tưởng lưu manh thối nát không sợ pháp luật, tiến hành hoạt động lừa gạt người đời, cũng không phải là chuyện gì khó tin. Bọn họ đã câu kết lại tranh giành với nhau, gây ra không ít chuyện ầm ĩ.

Chuyện kể thời Tống ở Giang Nam có một ngôi đền Tụ, một số bà đồng tụ họp ở đó đóng thần già ma lừa dối người làng, vớ được không ít tiền bối thí. Có tên ác thiếu không tin chuyện quý thần, một hôm uống rượu say khuất, xông vào đền lớn tiếng chửi mắng. Các bà đồng vô cùng hoảng sợ, chân tay luống cuống, chờ y đi rồi bèn họp bàn cách đối phó. Đêm ấy họ tìm tới thăm y, nài nỉ y phối hợp, sau khi việc xong sẽ tạ ơn mười vạn đồng. Tên ác thiếu rất cao hứng bèn hỏi họ muốn làm gì. Các bà đồng trao kế nói "Sáng mai anh cứ tới miếu chửi mắng, mà cứ thả sức uống rượu. Sau đó già làm như bị gông cùm đánh đập, năn nỉ khẩn cầu. Chuyện muôn anh làm chỉ là thế mà thôi". Tên ác thiếu vui vẻ ưng thuận, nhận trước một nửa tiền. Hôm sau y theo lời tới đền lớn tiếng nhục mạ, những nhà dân ở cạnh đó nghe tiếng đều chạy ra xem. Tên ác thiếu xông tới trước tượng thần ăn uống ngồm ngoàm, qua một lúc đột nhiên nằm mlop xuống như bị trói, đập đầu tạ lỗi, lai kêu lớn một tiếng, phun ra một ngum máu, kế đó thát khiếu chảy máu không ngừng ngã vật ra chết luôn. Người trong làng mắt thấy tai nghe, không thể không tin, tin tức truyền ra, người ở chung gần huyện xa đều kéo tới cầu cúng. Từ đó "Miếu mạo xây dựng tráng lệ, các bà đồng nhận được không biết bao nhiêu tiền bạc". Qua vài tháng bọn bà đồng vì chia tiền không đều, cãi vã ầm ĩ, kiện nhau lên quan, chán tướng mới lộ rõ, nguyên lai là đám bà đồng hạ độc vào thức ăn cúng tế, dụ tên ác thiếu ăn vào khiến một mạng về Tây phương⁽¹⁶⁾.

(16) Doãn Bao, *Lương Khè mạn chí*, Thuyết phu, quyển 2.

Viên Mai thời Thanh trong *Tân Tề hài* quyển 14 cũng chép một chuyện tương tự, có điều nhân vật chủ yếu trong đó là nam đạo sĩ. Đạo sĩ ở Hàng Châu là Liêu Minhuyên tiên xây miếu Quan Thánh Đế quan. Ngày khánh thành, nam nữ trong ngoài thành nườm nượp kéo về dâng hương chiêm bái. Chợt có một tên vô lại tiến vào miếu, ngang nhiên ngồi cạnh tượng Đế quan, chỉ tay vào tượng lớn tiếng chửi mắng. Mọi người vội vàng khuyên giải, đạo sĩ lại nói "Y làm chuyện không hay, nhất định sẽ bị báo ứng". Nói chưa dứt lời, tên vô lại ngã vật ra đất, ôm bụng kêu đau, thất khiếu chảy máu mà chết. Mọi người cả sợ, cho rằng Quan Đế oai linh, nhao nhao cầu khấn, yên tiên. Từ đó hương hỏa trong miếu đại thịnh, đạo sĩ thu lợi không biết bao nhiêu mà kể. Qua một năm, bọn đạo sĩ vì chia tiền không đều ra thú với quan, mới rõ là trước đó họ cho tên vô lại uống rượu độc, sau đó bảo y vào miếu ăn nói bậy bạ, đến lúc chất độc phát tác, một mạng ô hô. Quanh cho quật mồ tên vô lại lên khám nghiệm, phát hiện trên xương có vết xanh đen, rõ ràng là trúng độc mà chết, bèn xử tử bọn đạo sĩ, hương hỏa ở miếu Quan Đế cũng suy dần.

Tóm tắt những chuyện kể trên, có thể thấy hoạt động và ý thức lưu manh đã phá hoại trật tự chùa quán một cách nghiêm trọng, khiến cho một số đệ tử Phật giáo, Đạo giáo tha hóa, sa đọa. Vì vậy những hành động của bọn lưu manh này về lý dĩ nhiên phải bị những người ngay thẳng và các tăng lữ dốc lòng tu hành đồng lòng phản đối.

2. Lưu manh và hiệp khách

Hiệp khách chỉ những người ra tay dẹp chuyện bất bình, thấy nghĩa là dũng cảm ra tay, võ nghệ xuất chúng và là kẻ sẵn sàng hy sinh bản thân. Từ ngày đầu này sinh cho đến hôm nay hiệp khách trong con mắt và suy nghĩ của mọi người đều có địa vị tôn quý và nhân phẩm cao thượng. Tư Mã

Thiên từng đánh giá "Cứu người lúc nguy khốn, giúp người không tính toán, là có lòng nhân chăng? Không khinh dì hứa hẹn, không nuốt lời, là giữ điều nghĩa đấy"⁽¹⁷⁾. "Nói là làm, làm là được, đã hứa là giữ lời, không tiếc thân mình, giúp người khi nguy khốn đến chết mới thôi, lại không cậy tài, thẹn vì thiếu đức, đại khái cũng đã có khá nhiều"⁽¹⁸⁾. Lỗ Tấn cũng khen hiệp khách "Vốn là rất tốt"⁽¹⁹⁾. Họ thích ra tay dẹp chuyện bất bình, trong xã hội đen tối dấn thân tiêu diệt tội ác, đem tới cho những người bị hại một tia sáng le lói.

Vì vậy sự khác biệt giữa hiệp khách và lưu manh rất rõ ràng, "Tất cả những kẻ dũng mãnh hung hăn, mặc ý lộng hành, cậy mạnh làm việc tàn bạo, lén lút làm chuyện bậy bạ, tuyệt nhiên không phải là hành động của bậc hiệp khách. Mà các môn phái trên giang hồ không phân thiện ác, không rõ đúng sai kết oán báo thù với nhau, cũng không phải là hành động nghĩa hiệp"⁽²⁰⁾.

Nói chung thì lưu manh sợ dũng sĩ, hiệp khách. *Thủy hử truyện* chép ở kinh sư có tên Ngưu Nhị là con nhà sa sút, lúc bình thời chuyên ngang tàng trên phố, gây sự đánh người, ngay cả quan lại phủ Khai Phong cũng không trị được y, người trong thành thấy y đều đua nhau tránh xa. Về sau vì y muốn cướp thanh đao của Dương Chí, bị Dương Chí một dao chém chết.

Chính vì thế nên bọn lưu manh bình thời chuyên làm điều bậy bạ ở địa phương thường căm thù loại hiệp khách khác chúng thấu xương, trước mặt đánh không được, chỉ có

(17) *Sử ký*, quyển 130 *Thái sử công tự tự*.

(18) *Sử ký*, quyển 124, *Du hiệp liệt truyện*.

(19) Lỗ Tấn, *Lưu manh dù văn học*.

(20) Trần Phổ, *Bi hoạn dù phong lưu - Trung Quốc truyền thống nhân cách đích đạo đức mỹ học thế giới* (Buồn lo và phong lưu - Thế giới mỹ học đạo đức của nhân cách truyền thống Trung Quốc), Quốc gia văn hóa xuất bản công ty, 1988, tr. 174

thể ngầm ngầm đặt bẫy, tiến hành báo thù. Từng có Cử nhân võ ở Phúc Kiến là Khương Dực, tự Thiên Lý, bình nhạt khinh tài trọng nghĩa, rất có tiếng ở làng xóm, đặc tội với bọn vô lại trong thôn. Bọn vô lại vì Thiên Lý thường ra mặt phản đối nên không dám rông càn làm bậy. Một hôm có người thầy bói khuyên Thiên Lý rằng "Ông sắp có ba cái nạn lớn, xin sớm đề phòng". Thiên Lý trước nay vốn không tin số mệnh, nghe xong chỉ cười nhạt một tiếng, không để ý gì tới. Qua vài hôm, bọn trộm nửa đêm vượt tường vào trộm mấy món đồ trong nhà Thiên Lý. Thiên Lý tức giận lớn tiếng chửi mắng, tuy lập tức theo bắt, nhưng rốt lại vẫn không phát hiện ra. Không lâu có Ngô Tứ và Mã thị tự xưng là vợ chồng tìm tới xin làm đầy tớ, Thiên Lý thu lưu bọn họ, lại thấy hai người làm việc mười phần chăm chỉ, trong lòng mừng thầm. Một hôm Thiên Lý chợt mắc bệnh nặng, sốt li bì năm liệt giường, bọn giặc tới cướp. Thiên Lý cầm vũ khí ra chống, không để phòng bị người sau lưng đánh trúng chân ngã khuỵu xuống, bọn giặc nhất tề xông lên xúm vào đánh đập Thiên Lý, nhục mạ đủ điều, lại lấy đi rất nhiều tiền bạc vải lụa. Thiên Lý vì vợ chồng Ngô Tứ cùng cầm khí giới chống giặc với mình, và lại vợ Ngô lại bị đánh ngất đi phải nhờ người khác đưa lên giường, vì vậy tin họ là trung thành, coi là người tâm phúc. Những người đầy tớ khác mà tỏ vẻ nghi ngờ vợ chồng Ngô Tứ, vợ Thiên Lý lập tức nổi giận quát mắng. Năm sau Thiên Lý mang Ngô Tứ và hai đứa tớ trai lên đường ứng thí, trên đường đem phần lớn tiền bạc giao cho Ngô Tứ cất giữ. Cả bọn đi tới chỗ rừng sâu đường hiểm, gặp cướp đón đường chặn cướp. Thiên Lý tức giận giương cung lắp tên định bắn, lại bị Ngô Tứ phía sau bắn trúng vai trái, đau thấu tim gan, không thể phát tên. Bọn cướp nhìn thấy nhao nhao cảm ơn Ngô Tứ. Thiên Lý đến lúc ấy mới biết đã trúng gian kế, căm hận không xiết. Nhưng vì mình bị trọng thương, không thể chống lại đồng người, chỉ đành bỏ chạy.

Nô bộc, tiền bạc đều bị bọn cướp mang đi, chính mình thì suýt nữa cũng mất mạng. Sau khi xảy ra chuyện, Khương Thiên Lý mới hiểu rõ hai lần bị cướp đều không phải là bọn cướp làm mà là bọn vô lại trong làng căm hờn ông ta, bèn sai vợ chồng Ngô Tứ tới làm nội ứng, dù xét thời cơ để ra tay trả thù. Lần đầu lúc Thiên Lý đánh nhau với bọn cướp trong nhà cũng là bị vợ chồng Ngô Tứ phía sau đánh vào chân làm mất sức chiến đấu, nên bị thua lớn⁽²¹⁾.

Từ đó có thể thấy hiệp khách với lưu manh đối kháng với nhau như thế, giống như nước lửa không dung nhau. Nhưng thực tế đời sống lại mười phần phức tạp, để phân biệt hai tầng lớp khác hẳn nhau trong xã hội là lưu manh và hiệp khách, thì ngoài những chỗ có tính chất đối kháng, cũng sản sinh nhiều mối liên hệ.

Một là lưu manh giả mạo hiệp khách. Tuy nói lưu manh rất căm hận hiệp khách nhưng có lúc cũng lợi dụng danh nghĩa hiệp khách để đánh lừa, lừa gạt người ta. Thời Đường có Tiến sĩ Trương Hựu ở Thôi Nhai nhờ nghĩa hiệp nên nổi tiếng trên giang hồ. Một buổi chiều có một người tới quỳ ở cửa nhà Trương Hựu. Ông ta thấy người kia ăn mặc rất vô dùng, trên lưng đeo kiếm, tay cầm túi da, máu tươi nhỏ giọt ra ngoài, bèn mời vào nhà ngồi nghỉ. Người kia tự giới thiệu rằng "Tôi có một kẻ thù, vất vả tìm y suốt mười năm, đêm nay mới bắt được, vô cùng mừng rỡ". Y chỉ vào cái túi da giải thích "Trong đó là cái đầu của y". Trương Hựu nghe thế vô cùng khâm phục, vội sai người dọn rượu. Người kia uống rượu xong lại nói "Cách đây ba dặm có một nghĩa sĩ. Tôi muốn dồn ý cho xong hết những ân oán trong đời. Nghe ông nghĩa khí, nếu có thể cho mượn mươi vạn đồng để bảo ơn, thì tôi thỏa mãn ước nguyện bình sinh. Sau này dù có lỗi

(21) Trường Bạch Hạo ca từ, *Oanh song dị thảo*, thiền 3 quyển 4, *Khương Thiên Lý*.

vào nước sôi giãm lên lửa bồng, làm trâu làm ngựa cho ông cũng không hối tiếc". Trương Hựu nghe thế vô cùng mừng rỡ, bèn khắng khái theo lời đưa dù số tiền. Người khách mang tiền đi, để lại cái túi hẹn sẽ trả lại. Đến lúc hẹn vẫn không tới, trong canh năm đã dứt, trời đã rạng sáng vẫn không thấy tung tích. Trương Hựu lo cái đầu trong túi lộ ra, bèn mở ra xem thì ở trong là một cái đầu heo. Lúc ấy mới biết mình đã bị bọn vô lại lừa vào trong⁽²²⁾. Lưu manh giả mạo hiệp khách, mang chiêu bài của hiệp khách tiến hành lừa dối rất thành công, tìm được nhiều cái hay, lại làm mất thanh danh của hiệp khách rất nhiều.

Có điều lưu manh giả mạo hiệp khách rốt lại cũng chỉ biểu hiện một mối quan hệ giữa đôi bên chứ không gây ra phản ứng về mặt bản chất, người đời đối với họ cũng còn phân biệt bản chất rất dễ dàng.

Hai là lưu manh đối chọi với hiệp khách.

Trong đời sống xã hội phức tạp thì không có chuyện hiệp khách mãi mãi là hiệp khách mà lưu manh mãi mãi là lưu manh, hai loại người này tuyệt nhiên không phải là trong đực rõ ràng, nhất thành bất biến. Trên thực tế một số lưu manh cũng sẽ biết lui lại trên con đường lầm lạc, sửa bỏ lỗi trước, trở thành hiệp khách được người ta yêu mến khen ngợi. Đại hiệp Quách Giải rất nổi tiếng thời Hán "Lúc trẻ gian ác hiểm độc, có điều gì không vừa ý là giết người rất nhiều. Đem thân báo thù cho bạn, nuôi giấu bạn vong mạng làm việc gian trá trộm cướp, không biết bao nhiêu mà kể". Những hành động của ông ta tuyệt nhiên không phải là cứ chỉ nghĩa hiệp, mà đủ cả mười phần lưu manh vô lại. Chẳng trách người thời Minh từng đem Quách Giải xếp vào loại vô lại cũng không phải không có lý. Nhưng về sau Quách Giải

(22) Phùng Dục, *Quế uyển tùng đàm, Thôi Trương tự xưng hiệp*, dẫn từ *Thuyết phu*, quyển 26.

cái tà quy chính, "càng nhún nhường, lấy đức báo oán, cho nhiều mà mong ít". Rốt lại một đời nổi tiếng là hiệp khách⁽²³⁾.

Ngược lại, trong lịch sử Trung Quốc cũng có rất nhiều hiệp khách chịu ảnh hưởng ý thức lưu manh mà tha hóa thành lưu manh. Như kiện nhi Tân Hoài thời Minh "nghe người Nụy vào cướp, bèn vui mừng nói Đây là dịp ta dắc ý đây!", rồi lập tức ra bờ biển tòng quân, từ lính tron lập công được thăng tới Tỵ tướng. Nhưng y rất mau chóng sa đọa thành lưu manh, uống rượu đánh người đến chết, nửa đêm trộm trâu, hung dữ vô si"⁽²⁴⁾. Mà như Hồ Huệ Càn trong *Càn Long du Giang Nam* cứ giữ chặt tín điều "Thù cha không báo không phải là người", tập quyền luyện bồng ở chùa Thiếu Lâm, công phu phi phàm, trở thành một trong những đệ tử dắc ý của Chí Thiện Thiền sư. Nhưng sau khi y lén rời chùa Thiếu Lâm, bản tính lưu manh lại bộc lộ, chuyên gây sự với người ta, mặc ý gây sự đánh nhau, cậy mạnh báo thù, gây nguy hại nghiêm trọng cho trật an xã hội, trên thực tế đã trở thành lưu manh ác bá một phương, rốt lại bị xử tử.

Thật ra, nhìn từ lịch sử lưu manh Trung Quốc thì trong đội ngũ hiệp khách cá biệt cũng có kẻ lấy danh nghĩa hiệp khách làm chiêu bài nhưng lại hành sự theo lối lưu manh, trượng nghĩa hành hiệp và bức hiếp kẻ yếu đều có. Họ là hiệp khách mà cũng là lưu manh, rất khó một câu mà nói rõ, đại khái chỉ có thể gọi là hiệp khách lưu manh mà thôi. Thật đúng như Lỗ Tấn nói "Chỉ có kẻ hiệp khách là thành thật, đó chính là lưu phái của Mặc gia, đến nỗi lấy việc "chết" làm mục đích cuối cùng. Về sau những người thành thật dần dần chết hết, chỉ còn bọn hiệp khách khôn khéo, các đại hiệp đời Hán đã đi lại tặng biếu với các nhà công hầu quyền quý,

(23) *Hán thư*, quyển 29, *Du hiệp liệt truyện*.

(24) Lý Ngư, *Tân Hoài kiện nhi truyện*.

dễ dễ phòng khi nguy cấp thì lấy đó làm bùa hộ mạng⁽²⁵⁾. Cái gọi là bùa hộ mạng đều chỉ vào việc nhờ cậy thần phán địa vị của công hầu để mặc ý làm điều bậy bạ hoặc gay án xong thi tránh khỏi trừng phạt, tiêu dao ngoài pháp luật, khiến nạn nhân bị bức hại càng đau khổ không sao nói xiết.

Hán thư quyển 77, *Hà Bình* truyện chép "Bọn khinh hiệp ở Dương Hiệp là Triệu Quý, Lý Khoan đều rước tan khách, ngự thực xom lảng, cho tối gian dám phụ nữ, đặt ra luật lệ, ngang dọc trong quận". Cái gọi là khinh hiệp tức chỉ kẻ nửa hiệp khách nửa lưu manh, cái gọi là ngự thực, thì theo *Nhan Sư Cố* chú giải, "Ngự giả vi tâm đoạt thủ chi, nhược ngự thất chí vi dã" (Cá lùn nuốt cá bé là nói việc tranh cướp mà lấy, như hành động của con rái cá vậy). *Bắc sứ*, quyển 39, *Tất Chủng Kinh* truyện chép "Nghia Văn tiểu tự là Đà Nhì. Lúc nhỏ thô hào nghĩa hiệp, nhà ở phía bắc Duyện Châu, thường cướp người đi đường, người trong chốn đều sợ". *Ngụy thư* quyển 25, *Trưởng Tôn Đạo Sinh* truyện chép "(Trưởng Tôn) lúc nhỏ nửa là hiệp khách nửa là lưu manh, đá gà đua ngựa, cãi nhau giết người, vì thế trốn tránh tới nhà Trần Hưng Đức ở Long Môn, gặp kỳ án xá nên được tha". Triệu Quý, Lý Khoan, Nghia Văn, Trưởng Tôn lúc nhỏ tuy xung là hiệp khách nhưng những hành động ấy về căn bản không khác gì lưu manh.

Đương nhiên tính chất của việc lưu manh đối cho hiệp khách hoàn toàn khác nhau. Lưu manh trở thành hiệp khách nghĩa là vứt bỏ tội ác, cái tà quy chính, mà hiệp khách trở thành lưu manh, thì là biến chất sa đọa át sê bị người đời nhất trí chê trách cùng biểu hiện tác dụng manh liệt của ý thức thối nát của lưu manh.

Bà là lưu manh lâm tay chân cho hiệp khách.

(25) Lô Tân: *Lưu manh* (tập 1) trang 10.

Lưu manh có lúc cung bị hiệp khách thu phục làm tay chân, tất cả làm điều bậy bạ, hung hăng dữ tợn, nhìn từ bề ngoài thì lưu manh bị hiệp khách lợi dụng, mua chuộc, nhưng trên thực tế đám lưu manh sung làm tay chân này cung giương ngọn cờ nghĩa hiệp, công khai làm chuyện bậy bạ mà không sợ sệt, chúng tham gia hoạt động với số lượng lớn đã khiến người hiệp khách đứng đầu trở thành trùm lưu manh phá hoại trật tự trị an một phương, biểu hiện tác dụng tha hóa rõ ràng, làm diễn ra rất nhiều tần kịch xấu xa. Ví dụ Cao Ngang em thứ ba của Cao Càn nhà Bắc Tề thời Bắc triều, tự Ngao Tào, "Lúc còn nhỏ đã có chí khí. Lớn lên lêu lổng, dám lực hơn người, mày rồng cổ bão, thân thể khôi vĩ. Cha tìm thầy học cho, bảo cứ đánh đòn thật nghiêm khắc. Ngang không theo lời thầy, chỉ chuyên chơi rong, thường nói kẻ nam nhi nén hoành hành trong thiên hạ, tự tìm phủ quý, sao có thể ngồi yên đọc sách làm bác sĩ già được". Quà rất có hùng tâm tráng chí trừ bạo yên dân, kiến công lập nghiệp, gọi là hiệp khách cũng quả thật xứng đáng không thẹn. Nhưng Cao Ngang tuy có võ nghệ phi thường, nhưng chỉ "Cùng anh là Càn nhiều lần đi ăn cướp, cháu huyện không sao truy cứu trị tội được. Chiêu mộ kiếm khách, đốc hết gia tài ra, lảng xóm sợ hãi, không ai dám trái ý". Cái gọi là kiếm khách này nọ thì trong đó không ít là lưu manh vô lại quên thói hung dữ làm bậy, chúng ta chỉ cần nhìn vào hành động của họ thì không khó giải thích. Ví dụ như một trong những tay chân của y là Đông Phương Lão, là "Người đất Dung ə An Đức. Gia thế hàn vi, thân cao bảy thước, sức khỏe hơn người, lúc trẻ thô豪, theo bọn vô lại kết bè với bọn giặc cướp liều mạng, người lảng đều sợ"⁽²⁶⁾. Theo đó dù biết Đông Phương Lão chính là đám tay chân được gọi là hiệp khách làm thù họ cho Cao Ngang. Lưu manh ra sức cho hiệp khách, hiệp khách bảo vệ cho lưu manh, trở thành một mối nguy hại

(26) Bắc Tề thư, quyển 21, Cao Càn truyện.

nghiêm trọng cho tiểu dân bách tính. Không ngại gì xem tiếp một số sử liệu. *Bắc sứ* quyển 76, *Lưu Quyền truyện* chép "Lưu Quyền tự Thế Lược, người đất Phong ở Bành Thành", "Lúc trẻ có chí khí nghĩa hiệp trọng lời hứa, chưa chấp bọn tù đồ vong mệnh, quan lại không dám tới nhà tra xét". Lại *Bắc Tề thư* quyển 20, *Tiết Tu Nghĩa truyện* chép "Tiết Tu Nghĩa tự Công Nhượng, người Phản Dương Hà Đông", "Lúc nhỏ nữa là lưu manh nữa là hiệp khách, khinh tài trọng nghĩa, chiêu mộ bọn gian hoạt, thỉnh thoảng có kẻ lánh nạn tới xin theo, phần lớn đều dung nạp". *Bắc Tề thư* quyển 22, *Lý Nguyên Trung truyện* chép Lý Nguyên Trung "Có người chú trong họ là Cảnh Di, lúc nhỏ hào hùng dũng mãnh, có đam lực, thích chiêu nạp bọn vong mệnh, cùng nhau làm trộm cướp, làng xóm thường lo sợ". *Trùng minh mạn lục* quyển 1 chép "Đất Đèo có võ sĩ Mỗ, nhà vốn giàu có, kết bè đảng không sợ hãi gì, qua lại sinh sụ, không ai dám trái ý". Những sử liệu như thế quả thật nêu ra không hết.

Từ tông thể mà nói, lưu manh theo hiệp khách, nhận làm tay chân cùng với việc làm mạnh thêm thế lực của hiệp khách cũng làm tha hóa nhân cách, bại hoại danh dự của hiệp khách. Theo *Đường thư*, *Lưu Tùng Giản truyện* chép thì hiệp khách Chân Qua tự xưng là Kinh Khanh, rất được Lưu Tùng Giản tín nhiệm coi trọng. Từ khi Giản có hiềm khích với Trần tướng Định Châu, sai Qua tới bắt, Qua chỉ mất ba ngày đã lấy được đầu viên Trần tướng đem về. Hôm khác, Tùng Giản lại sai đi bắt kẻ thù, Chân Qua mang theo mười mấy người vong mạng cùng đi, Tùng Giản không vui, gọi y là Kinh Khanh giả⁽²⁷⁾. Lời tục nói "Vật dì loại tụ, Nhân dì quần phân" (Vật cùng loại thì hợp, người vì bầy nên chia), quan điểm của Tùng Giản không phải không có đạo lý.

(27) Dẫn từ *Đỗ thư tập thành*, *Bắc vật hối biên nghệ thuật điện*, quyển 812, *Thích khách bộ*.

3. Lưu manh và ăn mày

Ăn mày chỉ ké xin ăn qua ngày, cũng có nghĩa như lưu manh theo ý nghĩa ban đầu, đều là kẻ không có gia sả nghề nghiệp. Có điều ăn mày chủ yếu dựa vào việc ăn xin để sống qua ngày, nên rất mau chóng bị gọi là người ăn xin (Khất nhân). *Mạnh tử, Cáo tử thương* "Tự nhī nhi dữ chi, khất nhān bát tiếu dā" (Ê mà cho, ăn mày cũng không lấy). Điều đó nói rõ rằng ngay từ lúc bắt đầu, người ăn xin còn có nhân cách, không muốn bị người coi thường, bị người làm nhục, đồng thời tất cả họ cũng không chủ động kêu gọi người khác, càng không dùng lời lẽ để làm việc hại người lợi mình, trái phép nước loạn kỷ cương. Vì vậy sự khác biệt giữa lưu manh và ăn mày là rất rõ ràng: ăn mày tuy không lo làm ăn nhưng chưa chắc đã làm chuyện bậy bạ, còn lưu manh thì không lo làm ăn, làm chuyện bậy bạ, và lại còn lấy việc làm chuyện bậy bạ làm đặc điểm chủ yếu.

Nhưng ăn mày không lao động, không có nguồn thu nhập để sống, nên để sinh tồn có lúc cũng không khỏi tham gia vào các việc trộm gà bắt chó khiến người ta ghét bỏ, thậm chí còn phạm tội. Như thế từ ăn mày tới lưu manh cũng không sai biệt bao nhiêu, chỉ hơi không chú ý là sẽ trở thành lưu manh. Thời Ngụy Tấn trong thành Trường An lưu truyền một câu ca dao "Gặp ăn mày, cho rượu ngon, để cho tường vách vẫn còn" (Kiến khất nhi, dữ mỹ túu, dĩ miễn ốc phá chí cữu). Chuyện kể dưới Vị Kiều có người ăn mày là Hán Dương sinh, thường vào chợ xin xỏ. Người trong chợ rất ghét, hắt cút đá lén người y, muốn đuổi đi. Nhưng điều khiến người ta không hiểu là lúc Hán Dương sinh trờ vào chợ thì những thứ đơ đáy trên người đã không còn nữa. Sau khi quan biết được, bèn bắt y đóng gông giải về, nhưng một sớm được tha thì y lại ra chợ tiếp tục xin xỏ. Về sau Hán Dương sinh nghe nói người khác chuẩn bị giết y mới không thể rời khỏi Trường An. Nhưng những người từng hắt cút đá lén người y

nhà cửa không biết vì sao mà tự nhiên hư hỏng, ngoài ra còn có hơn mươi người bị giết”⁽²⁸⁾.

Những việc làm của Hán Dương sinh tuy thể hiện rõ đặc điểm hung ác của bọn vô lại, nhưng tính ra vẫn chưa phải là lưu manh thật, nếu người ta không cố ý xúc phạm coi thường y thì đại khái y cũng không xue phạm tới người ta.

Trong hàng ngũ ăn mày thời Tống, tỷ lệ lưu manh đã tăng lên một cách rõ rệt. Theo Trần Hướng trong *Thượng Truyền tự thừa luận dân gian lợi bệnh lục điều* thì ở phủ Chương Châu Phúc Kiến thời Tống có một nhóm “lũ khách gian hùng trỗi nổi không có địa chỉ”, giả xưng là thầy đồng từ Long Khê tới, đeo kiếm mang dao, rúc cõi thoi sáo, có kẻ lấy nắm tay dám vào ngực, đầu bù tóc rối, trán truồng công nhiên sấn vào nhà người ta ở chợ cưỡng ép xin xỏ, vẻ mặt lạnh lùng lời nói hung dữ, nếu đáp ứng thì lực lợ khấp nhè không bo qua chỗ nào. Nếu hơi tò vò bất mãn, chúng sẽ hung dữ mắng chửi. Tiêu dân bách tính sợ tai họa chí con cách đáp ứng yêu sách vô lý của chúng. Trong đó có không ít người vốn không phải ăn mày cũng già ra như thế để dò xét thông lối trong nhà người ta mà tìm cách trộm cướp. Ăn mày mà làm việc như lưu manh vô lại, lưu manh trà trộn vào hàng ngũ ăn mày, hai điều đó biểu hiện một số đặc điểm tương đồng. Còn việc một số lưu manh là tội nhân gày án bị đày, dọc đường qua ngang các châu huyện, theo lệ được xin ăn thì là chứng cứ rõ ràng về việc lưu manh trở thành ăn mày.

Anh hưởng nghiêm trọng của ý thức lưu manh đã khiến đám ăn mày không tuân thủ pháp luật mặc ý rộng càn, tuy trong sinh hoạt thường ngày họ vẫn chưa hoàn toàn bỏ hẳn cách thức chủ yếu là xin ăn, nhưng hành động của họ rất

(28) Nguyễn chép trong *Sưu thám ký*, quyển 1, dẫn lại từ *Cố kim đô thư tập thành, Bác vật hối biến nghệ thuật diễn*, quyển 815, *Khất cái bộ, Ký sự chi nhì*.

gần gũi với lưu manh. Ví dụ *Du thê minh ngón* quyển 27 chép Kim Lai từ vì Kim Lão Đại già con gái mà chưa mời mình tới uống rượu mừng bèn dùng dùng nói giận, suất linh bọn ăn mày còng sắn vào nhà Kim Lão Đại làm ấm lên, có thể thấy rằng lúc Kim Lão Đại làm ông trùm thì bọn ăn mày đều yên phận thủ thường, lấy việc xin xõ làm chủ yếu, đến tay Kim Lai từ đã lấy việc cưỡng ép để xin xõ làm pháp bảo chủ yếu. Vô lại, mặt dày, đối trả vốn là các thủ pháp quen dùng của lưu manh, dám ăn mày học được từ lưu manh xong lại phát triển lợi dụng thêm đến nỗi cũng trở thành không khác lưu manh bao nhiêu, thậm chí sau đó còn hình thành một loại ăn mày cưỡng ép để xin, nếu ai không cho thì rút dao tự đâm mình đe dọa đối phương, càng bộc lộ rõ bản tính lưu manh.

Ngoài ra lưu manh và ăn mày cũng thường câu kết với nhau, hợp thành một khối làm tăng thêm thanh thế, cùng nhau làm ác; lưu manh lợi dụng ăn mày làm tay chân, ăn mày ra sức cho lưu manh, diễn ra vô số những tấn kịch xâu xé ám ỉ.

Ở ngoài thành Bắc Kinh thời Minh có tên lưu manh ác bá là Trương Mô, có thể dùng tiền bạc đưa người ta vào chỗ chết, bọn vòi lại ở kinh đều do y chỉ huy. Một hôm Trương Mô nghỉ trong các hang người trên đồi còn ăn mày là y cuộn thu tháp được, bèn dựng phòng ốc ở bãi đất trống, cung cấp chỗ ở cho ăn mày, lại thỉnh thoảng cho một ít tiền bạc. Dám ăn mày vô cùng căm kích Trương Mô, muốn báo oán nhưng không có cơ hội. Không bao lâu, Trương Mô trước tiên dùng dám ăn mày vào việc cho vay lãi "Những người mắc nợ sợ ăn mày phá phách, không ai không lập tức trả nợ. Kế nếu có ai làm việc gì thì tới ra mắt thưa bẩm, xin làm việc ấy. Nếu ai không theo thì ngầm ra lệnh cho dám ăn mày phá phách, lại ngầm sai người bày kế, nói không phải Trương Mô không ai gỡ ra được. Khi Trương tới trừng mắt quát một tiếng, dám ăn

mày đều sợ hãi giải tán. Người ta khâm phục tài năng của y, vì vậy giao cả mọi việc cho y, để y mặc ý lung lạc thao túng, được tiền không biết bao nhiêu mà kể”⁽²⁹⁾.

Bọn ăn mày được Trương Mồ nuôi nấng, coi y là ân nhân cứu mạng. Trương Mồ thì khéo léo nǎm được bọn ăn mày, lợi dụng ăn mày để lừa dối đòi hỏi, làm hại làng xóm, kiếm được món tiền lớn. Tuy giữa tên ác bá lưu manh Trương Mồ với đám ăn mày không hề bình đẳng, tồn tại mâu thuẫn giữa kẻ lợi dụng với kẻ bị lợi dụng, nhưng về thủ pháp lừa dối thì cũng rất nhất trí.

Tên lưu manh nổi tiếng thời Thanh là Chu Phúc Bảo cũng từng khéo léo lợi dụng ăn mày để làm khó, trả thù và bóp nặn chủ quán bán miến. Chu Phúc Bảo là Cử nhân người Ngô huyện, chuyên làm việc dối trá. Nghe nói có một quán miến mới mở rất được khách khứa chiêu cổ, bèn mộ danh tìm tới, lên lầu ngồi xuống xong, cao giọng gọi một tô miến không (Quang miến). Cái gọi là miến không, là chỉ “Miến không có thịt” (Vô giáo chi miến). Điểm tiêu nhị tuy đã nghe tiếng Chu Phúc Bảo từ lâu nhưng chưa có duyên gặp mặt, bèn nói “Theo quy định của cửa hàng thì ăn miến có thịt ngồi trên lầu, ăn miến không có thịt thì ngồi dưới lầu. Ông khách ăn miến không, xin mời xuống dưới”. Chu Phúc Bảo hỏi “Nếu như thế thì người ăn miến ít thịt (Trung miến) thì ngồi ở giữa lầu phải không?”. Điểm tiêu nhị thuận miệng ừ một tiếng. Sáng sớm hôm sau, Chu Phúc Bảo tụ tập một đám ăn mày, phát cho mỗi người vài mươi đồng, cứ hai người một ban, chia nhau tới quán miến ăn miến ít thịt. Lúc ăn thì ngồi giữa cầu thang lên lầu, ban này ăn xong lại tới ban khác vào, liên tục không ngớt, đến giữa trưa vẫn chưa tan. Khách khứa vào cửa vừa thấy ăn mày ngồi trên thang ăn miến, nhao

(29) Phùng Mông Long, *Tăng quăng trí nang bồ*, quyển hạ, *Tập tri, Thủ hào Trương*.

nhao quay đi. Chủ quán cà sợi, chỉ còn cách tới thỉnh tội với Chu Phúc Bảo, lại bỏ ra nhiều tiền, Chu Phúc Bảo mới ra lệnh cho dám ăn mày rời quán⁽³⁰⁾.

Lưu manh quen thói dối trá, ăn mày chỉ cốt đầy bụng, không việc gì không dám làm. Đôi bên lợi dụng nhau, đều cùng có lợi khiến chủ quán không có cách nào chống lại, một phen thua lớn.

Nhưng kết quả trực tiếp của việc lưu manh lợi dụng ăn mày để làm tăng thanh thế, tất nhiên sẽ khiến nhân cách vốn có của ăn mày giảm sút, trong việc xin ăn để sống qua ngày sẽ rơi vào chỗ chuyên môn làm điều bậy bạ, phá hoại trật tự xã hội nghiêm trọng mà không sao tự rút chân ra được. Như vậy tuy ăn mày có lúc chủ yếu lấy việc xin ăn để sống, nhưng thật ra cũng đã biến thành lưu manh.

Ngoài ra tờ *Tự lâm tay báo* số tháng 1. 1864 còn chỉ ra rằng có khoảng gần 100 ăn mày nước ngoài ở tò giới và đất Trung Hoa, tiếp tay với bọn lưu manh người Quảng Đông tiến hành trấn lột. Điều đó càng cho thấy rõ tầng lớp xã hội này lợi dụng lẫn nhau, thông đồng làm ác thế nào.

Có điều từ tổng thể mà nói, ăn mày để cho người ta ấn tượng đáng thương, dễ được thông cảm, mà lưu manh thì bị người ta căm ghét thù hận. Vì vậy bọn lưu manh giảo hoạt thường cài trang làm ăn mày, lợi dụng tâm lý thông cảm, thương xót ăn mày của người đời để tiến hành lừa gạt được dễ dàng.

Chuyện kể Đường Ý tông bình thời rất thích du ngoạn chùa quán. Có tên dân gian trả nghe nói ở chùa Đại An quốc tự có một ngàn tấm lăng đất Ngô do quan Giang Hoài dâng nộp lên triều đình gởi lại, bèn ngầm tụ họp đồng đảng, bàn cách cướp lấy. Bọn đồng đảng có một tên rất giống Ý tông,

(30) Từ Kha, *Thanh bị loại sao, Côn biến loại, Chu Phúc Bảo suất khất nhi ngặt quang miến*.

bên mèo áo vi hành, lấy các loại lông nào hương thơm xông vào áo, mang theo hai ba iến dây tơ, lụng lê tới Đại An quốc tự. Lúc đầu một hai tén ăn mày chia tay xin tiền, tên già Ý tông còn khăng khái bố thí. Không bao lâu đám ăn mày kéo tới càng lúc càng đông, ngay đưa tiền cho từng người cũng không kịp, tên già Ý tông bèn cố ý hỏi sư trong chùa "Có cái gì có thể mượn tạm để bố thí không?". Nhà sư chỉ còn cách mở hòm ra, hơn ngàn tám lăng đát Ngô nhánh chóng đem bố thí hết sạch. Trước khi lên đường, mấy tên già dây tơ dặn nhà sư may cùi. Sáng sớm ngày mai vào triều yết kiến, có thể được tiễn cho vào nội cung gặp vua, sẽ được tặng thưởng hậu". Nhưng "Tư do trả đi hơn một tháng nhà sư cháu chưa ở cửa cung, mai không thấy được yết kiến, mới biết đám ăn mày là đồng đảng với banden gian"⁽³¹⁾.

Dưới thời Thành Lai có Vương Tôn, nghèo mà vô lại, ưng già làm ăn mày, tới quan sinh Mô ở Hà Nam xin tiền. Quan sinh Mô không đáp ứng, con ché nhạo y một hồi. Vương Tôn cười bỏ đi, nói "Việc nhỏ mà tiếc, việc công át sẽ ten thật". Hôm khác Hà suy dịch thần tối xem việc dập đê, Vương Tôn nấp trong đồng cùi, đào hầm nhìn ra, có ý rên rỉ thanh tiếng. Hà suy hỏi là chuyện gì, ta hữu đều nói "Có gì đâu?". Vương Tôn nghe thế, cất tiếng gào lớn. Hà suy ca giàu, ta thu ha bối đồng cùi rú, tuy đồng cùi chất cao như cầu nhà nhưng ở giữa trống rỗng. Vương Tôn quỳ xuống nói "Tiểu nhân nghèo khổ không có nhà cửa, lại bị bệnh suyễn, mượn cho may làm nơi tránh mưa gió da hàn nam, không ngờ hôm nay lại bị thần minh soi xét". Ta hữu hỏi "Tại sao lại vào đây ăn cắp cùi cõi?". Vương Tôn nói "Mọi nơi đều trống rỗng, không riêng gì đồng cùi này". Lập tức chí đồng đá nói "Xin xem bên trong". Vạch ra, quả nhiên bên trong trống rỗng. Vương Tôn dập đầu nói "Đá không thể ăn được, mà trong đó

(31) Phùng Mộng Long, *Tăng quang tri nang bố*, quyển hạ, Tập tri, Đại An quốc tự gian dân.

không có gì, như thế có thể biết là đồng cui bị rồng không phải do tiểu nhân trộm cắp". Hả súy ca giận, muốn hặc tội quan sanh Mồ, Mồ sợ hãi nhờ Tào vân sứ, Đốc đồng xin hộ, việc xong mất tất cả hai vạn lượng vàng⁽³²⁾.

Lưu manh sờ với ăn mày thì hung ác giáo hoạt hơn, chúng còn gièo thông qua việc già làm ăn mày tiến tới lừa gạt người đời, thủ đoạn cực kỳ hèn hạ.

Trong niên hiệu Cảnh Định đời Tống Lý tông, có hai thiếu niên gặp một bà già ăn mày ngoài đồng, bèn rảo bước tới nói "Mẹ à, mẹ là mẹ của chúng tôi, khổ cực tìm mẹ đã muối nát, hôm nay mới gặp, đúng là việc mừng rỡ lớn". Bà già ăn mày vò cùng kinh ngạc, nhưng từ nghỉ làm ăn mày một sớm có người chiếu cố, nên trong lòng vò cùng mừng rỡ. Hai thiếu niên thì mẹ rất có hiếu, còn mua cho bà ta một nút tỳ để sai khiến, thuê người đưa kiệu tới Tân Kim, theo nhà đê ơ, lại mua năm sáu cái rương. Thiếu niên còn nói với láng giềng "Anh em tôi từ nhỏ đã sớm xa cách nau thán, năm nay cũng chép kinh khấn Phật, cầu đảo khắp bốn phương, may mắn tìm được mẹ, đúng là ý trời". Từ đó sớm tối ra sức cung phụng thưa ngon vật lạ, mọi người nhìn thấy đều nhao nhao khen ngợi. Bì Mồ nhà giàu ở Tân Kim cũng khen ngợi nói "Hai người ấy qua đúng là hiếu tử". Hai thiếu niên qua lại với Bì Mồ ngày càng thân thiết, một hôm nói với Bì "Chúng tôi muốn mượn nhà của ông để phụng dưỡng lão mẫu, sau đó sẽ đi buôn ở Chan Châu, Dương Châu, tìm ít tiền để sống". Bì vui vẻ đồng ý, họ lại hỏi mượn ba trăm quan mua hàng hóa đi buôn. Bì thấy mẹ của họ và ruộng hòn còn ở trong nhà, lập tức đưa mượn. Hai người đem mẹ gửi gắm cho Bì, dặn đi dặn lại, hẹn nửa năm sẽ quay về. Đến khi về buôn bán lối gấp đôi, bèn lấy ba trăm quan trả cho Bì, Bì vô cùng vui vẻ. Qua nửa năm, thiếu niên lại hỏi mượn Bì và những người có

(32) Từ Kha, *Thanh bị loại sao, Khất cao loài, Vương Tôn súc vi cát*.

tiền hai ngàn quan rồi đi. Mọi người thấy hai người bọn y quen buôn bán, và lại qua lại thân thiết, bèn cho mượn dù số. Không ngờ đi một lần hơn năm không quay về, mọi người bắt đầu nghi ngờ, bèn thưa lên quan. Quan bèn hỏi bà già, bà già lúc ấy mới nói "Tôi là ăn mày không phải là mẹ họ, thật không biết hai người bọn họ là ai". Quan sai người phá rương hòm ra, bên trong chỉ toàn gạch ngói. Mọi người nhìn thấy, hối hận không thôi⁽³³⁾.

4. Lưu manh và binh lính

Ngày trước người ta vẫn coi binh lính là kẻ thất học, những kẻ hoành hành bá đạo được gọi là kiêu binh. Nói một cách thông tục thì đó là chỉ lưu manh biến thành quân lính, hoặc lưu manh trong quân ngũ.

Sự xuất hiện của hiện tượng kiêu binh, cố nhiên có quan hệ tất nhiên với tính chất thối nát, chống nhân dân của quân đội phong kiến và sự sa đọa của một bộ phận binh lính, chuyên hung hăng thích đánh nhau, cướp của giết người. Theo *Tân Đường thư* quyển 87 *Lý Hân Chi truyện*, thì quân đội dưới quyền của Tiết độ sứ Đồng Trung thư Môn hạ Bình chương sự Lý Hân Chi và Lệnh doãn Hà Nam, Lưu thủ Đông Đô Trương Quân Ngôn "Quân sĩ hàng ngày ra cướp của dân để ăn", tạo thành mối nguy hại nghiêm trọng cho tiểu dân bách tính. Sử sách các đời cũng ghi chép nhiều về việc này. *Tống sử* quyển 304 *Vương Tế truyện* chép lúc Vương Tế làm Thống phán Trần Châu, "Quân lính đều kiêu căng không tuân pháp luật, có kẻ ban đêm đốt nhà dân để ăn cướp". Nay cả một bộ phận tướng hiệu cũng quen thói hành hung đánh người, giống như lưu manh, như đương thời có "Đô hiệu chức quan Tôn Tiến là kẻ nát rượu vô lại, đánh đập người ta".

(33) Võ danh thi, *Hồ Hải tân văn di kiêm tục chí*, Khi trá, Giả mẫu khi biến.

Binh lính thời Thanh cũng có khuynh hướng lưu manh hóa nghiêm trọng. Theo *Ngô Thành nhật ký* quyển thượng chép, thì trung tuần tháng 6 nhuận năm Ất dậu, binh lính "Cùng nhau vào nhà dân, cướp cái ăn cái mặc, cưỡng hiếp phụ nữ"; "Phóng hỏa ở Lưỡng Bắc Lưỡng Hào, còn việc cướp đoạt tài vật, quần áo nữ trang, phụ nữ thì không sao kể xiết"; "Ngoài các cửa Lâu Môn Tề Môn, giết người cướp của, bắt cóc phụ nữ, thê thảm không nỡ nói"; ngoài cửa Tư Môn cũng thế "Góc đông nam thành rất nhiều người bị cướp đoạt, cưỡng hiếp, giết chết"; lại mượn tiếng "lấy lương" đổ ra bốn phía cướp bóc, ngày 15 tháng 7 phụ nữ Côn Sơn "Bị bắt cóc hàng ngàn người, đem tới đô thị bán, giá mỗi người chặng qua chỉ hai ba lượng bạc", vân vân.

Việc làm như thế, đốt giết cướp bóc, không gì không làm, có nhiên phần ánh tính chất tàn bạo, chống nhân dân của quân đội phong kiến, cũng bộc lộ rõ tính chất lưu manh của đám kiêu binh.

Một nguyên nhân quan trọng khác của việc xuất hiện kiêu binh chính là một bộ phận lớn lưu manh trong xã hội trà trộn vào quân đội làm binh lính, làm bại hoại phong khí của quân đội, làm sán sinh ngày càng nhiều kiêu binh. Như *Lương thư* quyển 9, *Tào Cảnh Tông* truyện chép "Quân của Cảnh Tông đều là bọn kiệt hiệt vô lại, nhìn quanh tả hữu không ai không giàu có, cướp đoạt của cải, bắt cóc con gái, Cảnh Tông không sao ngăn cấm được". Như Hồ Tố Đức viết trong *Hộ ngạn ngoại biên*, *Bảo tháp thi* "Binh là trai tráng, cũng là người, xuất thân là ăn mày, quá nửa là lưu manh, cưỡng đạo gian tà trà trộn vào, quen thói coi thường dân quê", làm rõ thực chất của vấn đề, đúng là khắc họa rất sâu sắc.

Có điều hoàn cảnh lưu manh già nhập quân đội cũng rất phức tạp, không thể tóm tắt trong một câu. Có khi quốc gia vì nhu cầu của chiến tranh, mà xã hội thiếu lực lượng trai

tráng có thể làm lính, nên trưng tập lưu manh gia nhập quân đội, có khi quốc gia để bảo vệ an ninh của địa phương, dùng cách thức ép buộc lưu manh gia nhập quân đội để phải di trốn thử làm việc biên phòng.

Sử sách chép trong niên hiệu Thái Sơ thời Hán Vũ đế, "Phong Lý Quang Lợi làm Nhị súy tướng quân, phát cho sáu ngàn kỵ binh và mấy vạn thiếu niên lưu manh để đi đánh dắt Uyên" (34). Thời Hậu Trần "Những kẻ giàu có trong dân gian tự chuẩn bị binh khí, chiêu tập bọn vô lại, gọi là Tự tại quân" (35). Thời Hậu Đường có Vương Án nhà nhiều đời làm ruộng, bóc trẹ khóc mạnh vô lại, thường dắt bọn đi ăn cướp; "Trong niên hiệu Đồng Quang thời Hậu Đường, 王爷 làm cẩm quân" (36).

Từ các ví dụ nêu trên, chúng ta có thể nói đó là đám lưu manh vô lại tung quán một cách bị động. Ngược lại cũng có bọn lưu manh chủ động đầu quân. Trong đó đương nhiên không thiếu những kẻ muốn ra tài ra sức ở chiến trường để kiếm công lập nghiệp, được phong thê ấp tử, vé số này tạm thời không bàn. Nhưng có rất nhiều kẻ vô lại tung quán với mục đích tránh tránh sự trừng trị của pháp luật, hoặc muốn tiếng là binh lính trong quân đội, ngày càng mặc ý rông ràn làm điều bậy bạ.

Ví dụ thời Đường Vũ Lăng vào kinh làm Kinh triệu đoàn, dân ở đó phản động biên tên vào binh tịch Bắc quân, cậy đó để hoành hành ở làng xóm⁽³⁷⁾. Trước khi Lưu Thủ Sơ giữ chức Kinh triệu đoàn, "Bọn thiếu niên vô lại ở kinh thành hà hiếp người buôn bán phần lớn đều trong binh tịch, không tuân pháp lệnh phủ huyện, coi việc làm nhục người có chức tước, cướp đoạt người nghèo khổ yếu đuối là sự

(34) *Sử ký*, quyển 123, *Đại Uyên liệt truyện*.

(35) Long Bau, *Giao Nam dù lỵ*, *Thuyết phu*, quyển 3.

(36) *Sử ký*, quyển 252, *Vương Yên truyện*.

thương, có tội thì trốn vào trong quân, không thể truy bắt⁽³⁷⁾. Lúc Phản Dương vương Quách Tư Nghi làm Phó Nguyên soái đóng quân ở Bồ Châu, vương tư Quách Hy là Tả Tán kỵ thường thị hành chức Tiết độ sứ ở hành doanh đóng quân ở Phản Châu, để mặc quân sĩ hoành hành không tuân pháp luật. Nhưng kẻ quen thói trộm cắp hung ác ở Phản Châu "Kéo nhau bỏ tiền ra để được ghi tên vào sổ quân, mặc sức hoành hành"⁽³⁸⁾.

Nguyên bợn vô lại trộm cắp hung ác bỏ tiền ra để trả trộm vào quân đội đương nhiên không phải cái tà quy chính hùm việc tốt gì, mà là bợn tội phạm lưu manh trộm cướp, tràn lột, giết người, một sốn gây án xong thấy tình hình bất lợi cũng sẽ đem thân tùng quân, tạm thời lánh nạn. Theo sử sách, ở kinh sư thời Đường có tên lưu manh "Tam Vương tử", trước sau phạm tội chết bốn lần, đều trốn vào quân đội mà thoát được⁽³⁹⁾. Chu Tuyên nhà Lương thời Ngũ đại là người Hạ Áp Tống Châu, cha là kỵ tướng hào nổi tiếng trong lang, phạm tội buôn muối lậu bị xử tử, Chu Tuyên bèn bỏ trốn tới Thanh Châu, lùm quân Vũ nhà của Vương Kinh⁽⁴⁰⁾. Thời Tống Nùng Tri Cao vào cướp Huệ Châu, bợn thiêu niên vô lại trong châu thừa cơ "kéo nhau làm cướp", quấy nhiễu làng xóm, về sau Vương Hán "Kêu gọi các bậc kỳ lão tập họp dân làng, bố sung tráng định", lại "sai Huyện úy tăng cường thêm hai ngàn cung thủ", già tăng thêm lực lượng trấn áp tình hình hỗn loạn, vì thế bợn thiêu niên hung dữ ngày trước trộm cướp ở làng xóm sợ bị trấn áp, vội vàng "Cùng ghi tên vào bộ ngũ, không dám hô hé"⁽⁴¹⁾. Khổng Nhẫn Chu thời Kim lúc thành mén cũng xo cùng lùi manh, không ảo ham ăn, vì "Tranh tội

(37) Tân Dụng thư, quyển 103, Dương Vũ Tát cát truyện.

(38) Triều Lân Nhân tham lu

(39) Liêu Tần Nguyên, Bách thư úy đài sự tông

(40) Lùm Thành Thủ, Tây chí lục tạp tro

(41) Tân Dụng thư, quyển 108, Chu Tuyên cát truyện

tới đất Biện, ghi tên vào sổ quân⁽⁴²⁾. Tình hình thời Minh Thanh cũng thế, thậm chí còn tệ hại hơn. Thẩm Đức Tán trong *Vạn Lịch dã hoạch biên*, *Đài sảnh*, *Án thần Đài tướng lính* chép "Các tướng lính từ chức Tông nhung trở xuống tức từ Phó tướng tới Tham tướng, gần đây có nhiều bọn quân sĩ gian giảo và du dăng lạm giữ chức, ngày càng rồng càn"⁽⁴³⁾. *Thanh Thực lực* quyển 73, tháng 7 năm Đồng Trị thứ 2 chép "Trong đảng nghịch có người Tây dương bắn pháo hoa, mấy lần bắn vào doanh quân, Bạch Tề Văn lại dắt hai trăm tên lưu manh phi đồ Tây dương theo với Tô phi...", đúng là không sao kể xiết.

Đám lưu manh gởi thân vào quân đội này dùng thân phận binh lính làm bùa hộ mạng, ngày thường đốt nhà giết người, cướp bóc cưỡng hiếp không gì không làm, còn công nhiên kéo bè kết cánh chống lại sự trừng trị của quan lại địa phương. Trên kia đã nói việc Quách Hy thời Đường đóng quân ở Phân Châu, bọn trộm cướp đua nhau ghi tên vào binh tịch rồi, hàng ngày kết thành bè lũ đi rong trên đường cướp bóc, có điều gì hơi không vừa ý là chặt tay chân đổi phương, hoặc đập phá nỗi niêu, bàn ghế, sau đó phủ tay bỏ đi như vô sự, thậm chí đánh chết cả phụ nữ đang có mang. Tiết độ sứ Phân Ninh Bạch Hy Đức tuy trong lòng bất mãn nhưng không dám nói gì. Một hôm có mười bảy tên lính tới chợ cướp rượu uống, lại lấy dao đâm ông già bán rượu, đập vỡ vò rượu trong quán, rượu chảy như suối. Lúc bấy giờ Đô Ngu hầu giữ chức Thủ sứ Kinh Châu là Đoàn Tú không nhịn được nữa, đem quân bắt mười bảy tên lính gây án, lập tức chém đầu cắm lên sào, bêu ngoài cửa chợ, "Cá doanh quân của Hy hoàng sợ, cõi giáp bờ trốn"⁽⁴⁴⁾. Theo đó có thể thấy bọn binh sĩ lưu manh trong mắt không có pháp luật, đối với tiểu dân

(42) *Tống sử*, quyển 312 *Vương Khuê* truyện.

(43) *Kim sử*, quyển 79 *Khổng Ngạn Chu* truyện.

(44) Liêu Tôn Nguyên, *Đoàn Thái úy dát sự trạng*.

bách tính và quan lại địa phương thì bộc lộ thói hung tàn, ngang ngược không thuần như thế nào.

Một sớm bị quan lại trừng trị, bọn binh lính lưu manh còn săn tìm cách trốn tránh, hoặc liều mạng chống cự, hoặc phiêu bạt làm cướp, tiến hành chống đối bằng bạo lực. Dương Hành Mật cuối thời Đường, tự Hóa Nguyên, người Hợp Phì Lư Châu. Trong niên hiệu Càn Phù làm cướp bị bắt, Thủ sứ Trịnh Khải thấy tướng mạo kỳ lạ, cởi trói thả đi. Về sau y ứng mộ làm quân ở châu, đi thú ở phương Bắc, được thăng làm Đội trưởng. Hết hạn đóng thú trở về, nhưng viên quân lại ghét y, lại sai đi đóng thú. Hành Mật lên đường, đi ngang nhà viên quân lại, viên quân lai giả làm ra vẻ ân cần hỏi Hành Mật muốn nói gì. Hành Mật căm phẫn nói "Chỉ thiếu cái đầu của ngươi thôi!". Lập tức chém đầu viên quân lại cầm lấy mang đi, nhân đó khởi binh làm loạn, tự xưng là Bát doanh Đô Tri quân Bình mã sứ⁽⁴⁵⁾. Lúc Tô Thức làm Thông phán ở Mật quận, trong quận từng phát sinh vụ cướp mà chưa bắt được bọn cướp. Án phủ sứ phái ba ban công sai, mười mấy tên lính khỏe mạnh vào huyện tìm bắt. Đám lính này là bọn vô lại hung dữ rông ràn, vu cáo người ta chứa hàng cấm, xông vào nhà dân, đền nỗi đánh nhau giết người. Việc vỡ lở ra, bọn lính sợ tội giải tán, dân đưa đơn kiện lên Tô Thức. Tô Thức nhận được đơn kiện, cũng không buồn xem, vứt luôn xuống đất, nói "Sự tình át không phải thế". Bọn lính nghe tin ấy dần dần yên lòng. Tô Thức lại phái người kêu gọi chúng ra đầu thú, sau đó trị tội theo pháp luật⁽⁴⁶⁾. Nếu để mươi mươi tên lính trốn đi, không những sẽ gây ra tai họa nghiêm trọng cho tiêu dân bách tính mà còn nguy hiểm tới cả sự ổn định của chính quyền địa phương. Tô Thức hiểu rõ tính chất nghiêm trọng của vấn đề nên mới dùng kế làm ra

(45) Tân Ngũ đại sử, quyển 61, Dương Hành Mật truyện.

(46) Phùng Mộng Long, Tăng quang trí nang bổ, quyển thượng, Thương tri, Văn Ngạn Bắc.

về hồ đồ, dù bọn chúng tự rơi vào lưới, dùng cực hình xử tử, không để hậu hoạn về sau.

Trương Hàng thời Tống từng nêu rõ là bọn vô lại ở chợ búa phần lớn gia nhập quân đội "Tên trong binh tịch, lòng khinh nông dân", "Nếu không xử trị, ngày khác sẽ gây họa không nhỏ"⁽⁴⁷⁾. Tô Hựu thời Minh cũng có ý kiến như vậy, cho rằng bọn vô lại bình nhật buôn lậu, "Vì làm chuyện gian dối nên trong lòng vẫn sợ hãi. Khi địa phương có việc, bèn ghi tên làm lính, chịu sai phái. Vì thế quan lại phần nhiều tạm thời sai khiến, dần dần khiến chúng không còn úy kỵ nữa. Thậm chí to gan lớn mật, nhà kia có bao nhiêu thương thủ, họ kia có bao nhiêu đỉnh thủ, quan phủ gọi có khi còn không tới, chứ họ gọi một tiếng thì tụ họp, có khi tới hàng trăm người"⁽⁴⁸⁾, nêu rất rõ việc lưu manh trốn vào quân đội, phá hoại kỷ luật quân đội và an ninh xã hội một cách nghiêm trọng.

Đó là một mặt của vấn đề. Mặt khác, phần lớn lưu manh gia nhập quân đội còn làm sa sút nghiêm trọng tinh thần chiến đấu của quân đội, khiến quân đội càng đánh càng thua. Theo sử sách ghi chép, thời Tống có Vạn thắng quân, đều là chiêu mộ bọn vô lại ở kinh sư tổ chức thành, yếu ớt không thể ra trận. Quân địch coi cánh quân ấy là "Quân phía Đông"⁽⁴⁹⁾. Lại như trong niên hiệu Gia Tinh thời Minh, xã hội yên ổn đã lâu, gấp lúc có việc binh là chiêu tập một số bọn vô lại, sai bọn con em nhà giàu làm tướng ra chống giặc, đến nỗi không thể chế ngự hoạt động gây loạn của bọn giặc biển, "Một sớm đột nhiên kéo tới, phóng hỏa giết mây mươi người".⁽⁵⁰⁾

Đương nhiên, bọn vô lại ở chợ búa hung dữ thích đánh

(47), (48) *Tống sử*, quyển 324, *Trương Cang truyện*.

(49) *Dịch nghiêm tỏa ngôn*, *Thuyết phu tục*, quyển 19.

(50) Diệp Quyên, *Hiên bác biên*.

nhau sau khi tòng quân, có lúc cũng thắng trận, nhưng cẩn bản mà nói thì chủ yếu là vì lợi. Nguy Tố thời Minh từng viết một đoạn như sau:

“Trong niên hiệu Thiên Lịch, Chí Thuận, bọn giặc núi ở Lê Mẫu sơn Hải Nam nổi lên, bèn ra quân đánh dẹp. Lúc bấy giờ chủ tướng chiêu mộ bọn con em hung hăn nhà vô lại sai đi tiền khu, gọi là quân Đáp thích hăn. Quân Đáp thích hăn ngang tàng không thể ngăn cấm, vì vậy giết sạch cả người Lê khiến họ tuyệt chủng. Về sau chủ tướng làm quan ở Quảng Tây, cũng dùng cách ấy chiêu mộ bọn con em hung hăn nhà vô lại để ngăn chặn người Dao làm giặc. Lúc đầu cũng lập công dẹp giặc, về sau học theo thói quan phủ, ngầm thông đồng với giặc. Khi giặc kéo ra thì quan lại ắt sai đi bắt giặc, giặc không bắt được mà lại cướp đoạt trâu bò tiền bạc, chém đầu dân lành về đồi thưởng. Dân gian chịu khổ hai mươi năm, mà lên trời vạn dặm, không có chỗ nào tố cáo, hàng năm lại phải cung đốn cho quan huyện, tốn kém bỏ cả nghề nghiệp. Ngự sử biết rõ đó là mối hại ở vùng Nam Việt, bèn xin bỏ không phát lương cho quân ấy, một sớm chúng nổi giận, rủ nhau dậy lên làm giặc”⁽⁵¹⁾.

Nguy Tố đã chỉ thực tế rõ ràng về khuynh hướng lưu manh hóa mang tính chất nghiêm trọng trong quân đội thời Nguyên. Nhưng đó đúng là người trước “Không tự suy mà người sau suy, người sau suy mà không xem xét khiến người sau làm suy người sau”. Người thời Minh quan tâm tới tình hình lưu manh hóa nghiêm trọng của quân đội thời Nguyên nhưng không những không thể làm sạch quân đội thời Minh mà lại làm xuất hiện nhiều hiện tượng kỳ quái mới, nhất là khi ra quân dẹp giặc, “Đều do bọn vô lại du đãng dọc đường làm thay, chứ bản quân chưa từng rời kinh một bước.

(51) Nguy Tố, *Nguy Thái bộc văn tập*, quyển 8, *Tống Ngao Tuân kiểm tự*.

Tướng lãnh thì có lợi chỗ bớt xén được quân lương, bọn du đặng thì có lợi ở chỗ được mặc tình cướp bóc, thua trận nói là thắng trận, mạo công để được thưởng, khi quân kéo về thì bắn quân vẫn còn quân số như cũ, bọn đánh mướn đã giải tán trên đường về⁽⁵²⁾. Trong niên hiệu Vạn Lịch, Nhật Bản xâm chiếm Triều Tiên, quân Minh đông chinh, dùng Đô Ngự sứ Dương Cảo làm Kinh lược, Đô đốc Lý Như Tùng làm Đại tướng, diều động binh mà Tô Liêu, Tuyên Đại, Diên Ninh, Cam Cố, Xuyên Chiết cùng tới giữ Liêu Đông. Lần cử động ấy liền có một bọn võ quan bị phạm lỗi giáng chức hay vô dụng bất tài mong được làm tướng, một số văn quan mong được làm tham mưu, một số bọn con hát đạo sĩ mạo sung chức vận lương, một số bọn trộm cắp lưu manh, du côn du đặng được ghi tên vào quân. Quả thật có thể nói là “Uyên ương giai nga hạc, Viên nao tận hổ tỳ. Hà mưu năng báo quốc, Chi thị hấp dân chi” (Vịt gà đều sỉ tốt, Hổ ly thấy tướng quân. Nào mưu đâu báo nước, Chỉ biết hại sinh dân)⁽⁵³⁾. Du đặng và binh sĩ cẩn bắn không phân biệt được, loại quân đội như thế mà đưa ra tiền tuyến thì chỉ có thể theo gió mà chạy, càng đánh càng thua mà thôi.

5. Lưu manh và văn nhân

Trung Quốc thời cổ có cái gọi là “Bốn dân”. *Cốc Lương truyện*, *Thành nguyên niên* chép “Thời cổ có bốn dân là sĩ, thương, nông, công”. *Quản tử*, *Tiểu khuông* chép “Sĩ nông công thương là bốn dân, là bàn thạch của nước vây” (Sĩ nông công thương tứ dân giả, quốc chi thạch dân dã). Chú “Bốn dân là gốc của nước, từ trụ cột thành bàn thạch, nên gọi là thạch dân”. *Dương lục điển* quyển 3, *Hộ bộ Thượng thư* viết “Phàm theo học nghề văn nghề võ là sỉ, ra sức cày cấy dệt

(52) Ngô Săn, *Ước ký* quyển 3.

(53) *Thiên tấu xã*, hồi 3.

vái là nồng, làm ra hàng hóa là công, lo việc buôn bán là thương". Sí cũng có thể gọi là nhã sĩ, đứng đầu bốn dân trong xã hội phong kiến. Người thời Tống từng nêu ra quy phạm như sau về phẩm chất kẻ sĩ "Làm việc có liêm sĩ thì gọi là kẻ sĩ, làng xóm khen ngợi thì gọi là kẻ sĩ"⁽⁵⁴⁾. Nhưng vì sự thay đổi của đời sống xã hội, nguồn gốc văn nhân nhã sĩ cũng không như nhau, lại vì hàng ngũ văn nhân cũng từng ngày từng giờ phát sinh sự thay đổi phân hóa, đến nỗi giữa lưu manh và văn nhân săn sinh mối quan hệ "Cắt bỏ không đứt, sắp xếp vẫn rối".

Trong đó quả cũng không ít lưu manh cãi tà quy chính, làm lại cuộc đời, đúng như tục ngữ vẫn nói "Lãng tử hồi đầu vàng chẳng đổi". Thi nhân Vi Ứng Vật thời Đường từng nhớ lại lúc mình trẻ tuổi "Thiếu sự Vũ hoàng đế, Vô lại thị ân ty. Thân tác lý trung hoành, Gia tàng vong mệnh nhi. Triều trì khoa bổ cục, Mộ thiết đồng lân ky (cơ)" (Lúc trẻ kiêu hùng lấm, Vô lại thấy nhờ ơn, Mình làm ngang trong xóm, Nhà chưa đón trai hoang, Ngày rong chơi cờ bạc, Tối bắt gái láng giềng), dù cả mươi phần lưu manh. Về sau ông dừng lại trên đường lầm lạc, "Độc thư sự dī văn, Bả bút học để thi. Lưỡng phủ thủy thu tích, Nam cung ngạn kiến suy" (Đọc sách tuổi đã lớn, Cầm bút học văn chương, Hai phủ mới thi đỗ, Nam cung được hiển dương)⁽⁵⁵⁾, trở thành thi nhân nổi tiếng thời Đường. Lại như Lý Sinh ở Hà Sóc trong niên hiệu Trinh Nguyên thời Đường, lúc trẻ nghèo khổ, không biết làm sao để sống, cậy có sức khỏe, thường đeo dao ruồi ngựa, cùng bạn thiếu niên khinh bạc tụ họp đi ăn cướp. Năm hơn hai mươi tuổi mới bắt đầu sửa nét đọc sách, sở trường về thơ ca, người ta đều khen ngợi, dần dần làm quan ở Hà Sóc, sau làm

(54) *Danh công thư phán thanh minh tập*, phụ lục 2, *Thái học sinh Lưu Cơ tội phạm*.

(55) Hồng Mại, *Khách trai tùy bút*, quyển 2, *Vi Tô Chân*.

tới Lục sự Tham quân ở Thâm Châu⁽⁵⁶⁾. Lại có Lưu Nghĩa, tung ra vào chợ búa, quen giết trâu đập chó, bắt chim, lại vì say rượu giết người, phải thay tên đổi họ trốn đi. Sau khi gặp kỳ đại xá, trời nổi tới đất Tề đất Lỗ, bắt đầu đọc sách, biết làm thơ⁽⁵⁷⁾.

Những ví dụ nêu trên đều là bằng chứng về việc vô lại thoát thai hoán cốt, trở thành danh sĩ một thời. Nhưng cũng có không ít lưu manh vô lại sau khi trà trộn được vào hàng ngũ văn nhân vẫn không thay đổi tính nết, tiếp tục làm chuyện bậy bạ, làm xấu thanh danh kẻ sĩ, trở thành hạng bại hoại trong hàng ngũ văn nhân.

Số lưu manh vô lại này trở thành văn nhân xong, tìm được một cái tiếng tốt, đúng là đã tốn không ít tâm cơ. Thường thấy nhất là lợi dụng một khả năng sở trường để lừa dối khiến người ta tin tưởng và có thiện cảm, trà trộn vào hàng ngũ văn nhân.

Như Lý Lệnh ở Chữ Cung, sống ở Diên An, vốn là kẻ giao hoạt, đọc sách rất nhiều. Dương thời có Quy Bình sự, giữ chức Sai viện ở Giang Lăng, có lòng thương yêu kẻ sĩ. Lý Lệnh biết Quy rồi, nhiều lần xin giúp đỡ, cũng thường được đáp ứng. Một hôm y nói "Tôi muốn tìm thân thích ở Hồ Nam, mong được mượn nhà ông để thu xếp cho gia đình ở". Quy lập tức đồng ý. Chợt một hôm Lý Lệnh gửi thư cho Sai viện, "ăn nói úp mở, khác hẳn lúc thường. Trong thư có một bài thơ tặng nhà cửa, ý muốn thu xếp Quy. Quy hối hận, nhưng không thể tự thanh minh", dành "trao cho chức vụ ở Vũ Lăng Cử Giang để y sống"⁽⁵⁸⁾. Lý Lệnh lấy oán báo ơn, hăm hại

(56) *Thái bình quảng ký* quyển 225, *Bảo ứng loại*, Lý Sinh, nguyên tại *Tuyên thất chí*.

(57) Lý Thương Ân, *Nghĩa Sơn tạp ký*, Lưu Nghĩa, *Thuyết phu*, quyển 26.

(58) Phạm Cứ, *Văn Khê hữu nghị*, dẫn từ *Thái bình quảng ký*, quyển 263, *Vô lai loại*, Lý lệnh.

người khác như thế quả là cực kỳ vô sỉ. Lại như Cổng sinh Trương Tú Hồ ở Hàng Châu thời Thanh, vốn là lưu manh, dựa vào hai sở trường gian trá lừa dối và hăm dọa uy hiếp mà kiếm được chiếc mù nhà nho. Về sau dù dỗ một kỹ nữ trốn khỏi kinh sư, lòng ác không đổi, quen thói gian trá lừa đảo, kết bạn với Cổng sinh Trương Hán ở Thiều Khê và Tướng Văn Trát ở Gia Thiện, lừa được Đại lý tă hữu Bình sự Lý Chấn Nghiệp, Trương Nga Phác một ngàn hai trăm lượng bạc⁽⁵⁹⁾.

Lại có một số lưu manh dựa vào tiếng tăm ông cha, tự xưng là con cháu nhà quan, mặc dù phẩm hạnh xấu xa cũng đội mù nhà nho, lừa gạt người đời. Trần Hiến thời Tống tự xưng là con cháu nhà quan, lại theo mẹ tới nhà Lưu Thủ Quan, nhưng tính nét ngoan ngạnh vô sỉ, là người ác trong làng. Đầu tiên y thông gian với vợ Phó Thập Cửu là A Liên, để chiếm luôn nàng bèn công nhiên đánh mắng Phó Thập Cửu. Về sau A Liên lại thông gian với Vương Mộc, Trần Hiến biết được, thường cẳng chân hạ cẳng tay, kiện lên quan phủ. Sau khi A Liên nói rõ là không muốn đi lại với y nữa, Trần Hiến lại "cản đường chọc ghẹo" không coi pháp luật ra gì, quả thật giông hệt lưu manh. Mà Vương Mộc thì "Gia thế nghiệp nho, cùng biết lý lẽ pháp luật. Trước thông gian với A Liên, thường bị Trần Hiến đánh đập", lại không "sửa bỏ lỗi lầm", "lại đưa A Liên về nhà, bịa đặt là nũ tỳ của cha, lại cùng thông gian". Có một hôm A Liên ra ngoài đi chơi, bị Trần Hiến chặn đường giữ lại, Vương Mộc "nhất thời nổi giận bèn sai con trai A Liên là Phó Tráp Lục chờ Trần Hiến về tới nhà, đóng chặt cổng lại xông vào đánh đá, gây một cái rảng, lại chối rằng nàng không phải là vật đáng tranh giành", sau

(59) Từ Kha, *Thanh bị loại sao, Ngục tụng loại, Cổ Hiệp Định dậu Thuận Thiên khoa trường án*.

cùng hai người chỉ còn cách lén quan giải quyết⁽⁶⁰⁾.

Đến thời Minh càng có không ít bọn vô lại dùng thủ đoạn phi pháp kiếm được một số tiền xong, mua một thân phận văn sĩ, tự khoe khoang mình, nhưng thói xấu vẫn không bỏ, vẫn làm việc báy bạ như cũ đến nỗi xuất hiện tình trạng nghiêm trọng "rủ rê bè đảng, bọn vô lại ở chợ búa họp bọn bất sinh, mười phần có tới bảy tám"⁽⁶¹⁾, "Ngay nhà Quốc học chỉ cách trời trong gang tấc, mà bọn giả mạo làm Học sinh trong đó cũng đầy rẫy"⁽⁶²⁾, "bọn vô lại ở chợ búa, sáng được mười đồng vàng thì chiều có thể múa may với quan phủ"⁽⁶³⁾.

Đám lưu manh dùng cách hối lộ để chen vào hàng ngũ nho sĩ nói trên vốn là bọn đạo đức bại hoại, phẩm hạnh xấu xa, một sớm làm quan thì càng báy bạ không hề sợ sệt, "cướp đoạt vợ con, chiếm đoạt tài sản ruộng vườn trâu bò của người ta, lúc xử kiện thì mặc tình bê cong pháp luật, lấy đen làm trắng, lấy trắng làm đen, trăm mưu ngàn chước, chỉ cốt được tiền"⁽⁶⁴⁾, hoặc "lạm được áo khăn mà phạm điều cấm, lộng hành không hề sợ sệt"⁽⁶⁵⁾.

Cũng có lưu manh đã không có của cải lại không có tài năng gì, không thể trở thành nhã sĩ, vì thế trong đó có một

(60) Triệu Tri huyện, *Sĩ nhân nhân gian trí tranh ký thu tọa tội danh thả ngụ giáo hối chi ý*, *Danh công thư phán thanh minh tập*, quyển 12, *Trừng ác môn, Gian uế*.

(61) Hồ Chí Duật, *Tử Sơn đại toàn tập*, quyển 23, *Dân gian tật khổ trạng*.

(62) Ngô S猋, *Sài am sơ tập*, quyển 3, *Thị học đại điển tốc từ cử hành só*.

(63) Phùng Văn Lè, *Đinh kinh chế dĩ dụ tài dung sở*, *Hoàng Minh sở sao quyển 40*.

(64) Hồ Chí Duật, *Tử Sơn đại toàn tập*, quyển 23, *Dân gian tật khổ trạng*, 89.

(65) Ngô S猋, *Sài am sơ tập*, quyển 3, *Thị học đại điển tốc từ cử hành só*.

số chạy theo nhā sī, sung làm tay chân, câu kết, lợi dụng lẫn nhau.

Lưu manh được nhā sī làm chủ, trước tiên át phải qua một phen lựa chọn. Nếu quả là nhā sī giữ đạo nhà nhơ, trong sạch tốt đẹp, lưu manh sẽ không bao giờ theo. Những nhā sī đồng ý thu nhận lưu manh thì đều là bọn người bẩn thỉu làm điều bậy bạ, phạm tội đại ác không thể tha được. Đầu óc họ khôn ngoan hơn lưu manh, lại đọc sách biết lễ, ăn nói hợp đạo lý, quen biết các nhân vật trong quan trường, cho dù đám lưu manh theo họ làm thù hạ phạm tội giết người gian dâm trộm cắp cũng có thể mượn họ làm ô dù, thoát khỏi sự trừng phạt. Mà lưu manh bẩn tính hung dữ vô sỉ, việc gì bon nhā sī đứng đầu không tiện xuất đầu lộ diện hành sự có thể giao cho chúng đi làm. Đó là lưu manh đi theo nhā sī, nhā sī thu dụng lưu manh làm tay chân, then chốt của việc hai bên câu kết là ở đó, vì vậy còn làm xảy ra không ít các tấn kịch xấu xa trong lịch sử.

Lưu manh làm tay chân cho nhā sī, tuy làm không ít điều hay cho nhā sī nhưng kết quả là đẩy nhanh thêm tốc độ lưu manh hóa của nhā sī, khiến họ trở thành những kẻ đứng đầu các tập đoàn lưu manh. Điều làm người ta ghê sợ hơn là trong lịch sử Trung Quốc còn có tình trạng lưu manh làm học quan, giáo dục nhā sī, nói ra thì cũng buồn cười nhưng không thể phủ nhận sự thật lịch sử.

Ngay từ thời Tống đã có những sử sách ghi chép về việc lưu manh kết thành đoàn thể, chuyên theo nhā sī làm việc cầu quan mua chức. Dương thời bọn du thủ du thực không lo làm ăn, tổ chức làm Vở công đức công khai kinh doanh, "lấy việc cầu quan, bảo cử, ra ờn, dời đổi nhiệm sở, kiện tụng, giao dịch làm danh nghĩa, mượn đó làm thanh thế, lừa gạt lấy tiền"⁽⁶⁶⁾. Nếu lấy loại này để tổng hợp, khái

(66) Tú Thủy Tiêm phu, *Nam Tống thị tứ kỷ, Thuyết phu*, quyển 60.

quát, thì Chu Mật trong quyển *Quý tân tạp thực, tục tạp quyển hạ* đã giới thiệu rất chi tiết một vị Thẩm quan nhân làm việc tuyển quan như sau:

"Hoặc gặp người tới bộ cầu làm quan, muốn được làm quan gần nhà, hoặc chỉ chạy chọt đường nào, hoặc chức nào khuyết, tuy trên bộ giữ danh sách các chức còn khuyết nhưng bất quá cũng chỉ theo đường giục ngựa. Lúc bấy giờ quan nhiều chức ít, có kẻ chờ đợi năm ba hay chín mươi năm cũng không dễ được lãnh chức, ắt tới xin xỏ, giày dép thường chật ngoài cổng. Y trước tiên ra giá đòn vật làm tin, hoặc lập văn tự, sau đó mới nói chỗ nào đang bị khuyết, chỗ nào giảm giá được... Nếu theo lời chỉ dẫn của y tới dò hỏi, thì đều đúng thế. Sau xin được giữ chức ấy, được giữ chức xong thì trả tiền như đã hứa, các châu huyện lớn nhỏ trong thiên hạ có chức quan lớn nhỏ nào bị khuyết đều biết ngay trong vòng một ngày, nắm rõ như trong lòng bàn tay. Cũng có những chức hàm nhỏ thường được báo về, quả thật là kim chỉ nam trong việc xin giữ chức, tuy tốn tiền nhưng không phải lo vây".

Đúng là "cua có đạo cua, ếch có đạo ếch", không ít nhã sĩ tuy bụng đầy kinh sử nhưng không hiểu rõ mặt thật quan trường. Lúc bấy giờ nếu không có bọn lưu manh chỉ bão đúng lúc, thi tất cả bọn họ dù có tài cũng không thể làm quan, vì thế lưu manh trở thành người chỉ đường cho nhã sĩ, trở thành giáo quan của họ. Việc làm ấy của lưu manh dĩ nhiên là nhằm kiếm tiền, nhưng cùng với việc ấy, ý thức lưu manh cũng bắt đầu tác động tới nhã sĩ.

Đến thời Nguyên, lưu manh thậm chí còn nhận chức vụ dạy học trong trường, công khai lên bục giảng, bồi dưỡng, giáo dục học sinh. Trịnh Giới Phu thời Nguyên từng soạn bài văn chỉ ra rất rõ ràng: các học quan ngày nay "có kẻ phạm

vào tội thập ác, có kẻ là vô lại ở chợ búa, cũng có dám bói toán trong giang hồ, kẻ cá본 nho sinh giả mạo trẻ tuổi không hiểu văn lý⁽⁶⁷⁾! Bọn phạm tội thập ác quá nửa rõ ràng là bọn du thủ du thực, làm điều hận bạ, mà vô lại ở chợ búa thì chuyên chỉ bọn lưu manh, để cho những người này làm việc dạy học thì chỉ có thể bồi dưỡng ra một lực lượng lưu manh dự bị to lớn, ủn ủn gia nhập vào đội ngũ lưu manh không dứt.

Vì hoạt động và ý thức của lưu manh gây ra ảnh hưởng to lớn như thế trong tầng lớp nhã sĩ, nên họ cũng bị hủ hóa trụy lạc, thoái hóa biến chất, mà hiện tượng này lại không phải ngẫu nhiên, có tính phổ biến nhất định, tự nhiên cũng khiến người xưa tập trung chú ý. Theo cách nhìn ấy thì xử lý số nhã sĩ bị tha hóa chăng? Một số kẻ sĩ hiểu biết cho rằng rõ ràng số người ấy đã biến chất, chăng bằng gạch tên ra khỏi danh sách nhã sĩ, xếp vào loại lưu manh. Ví dụ Vương Quế thời Tống vốn theo nghiệp nho, tên ghi ở cửa quan, được gọi là tinh hoa của xóm làng, dự việc tuyển lựa hiền tài. Nhưng y lại ngầm ngầm cưỡng hiếp người con dâu họ Bành hai mươi ba tuổi của nhà Hà Thập tứ ở lảng giềng, khiến nàng mang thai. Sau khi việc vỡ lở, cha cô ta là Bành Thập tứ làm đơn kiện lên quan, Vương Quế không những không thừa nhận hành vi phi lễ của mình mà lại vu khống nhà họ Hà. Sau cùng quan phủ qua việc tra xét, ra bản phán quyết rất công bằng "Huyện lệnh phán đuổi khỏi viện, để khỏi làm hổ thẹn học đường"⁽⁶⁸⁾. Lại như ở An Khánh có một sĩ nhân tên Lưu Cơ, từng học hành ở nhà Thái học, nhưng bình nhật quen thói lộng hành ở làng xóm, nhục mạ láng giềng, khiến ai cũng bất mãn, chê trách sau lưng. Có lần y tới quán rượu, lại đong thủ đánh đập kỹ nữ. Đến nỗi có người

(67) Lịch đại danh thần tấu nghị quyển 67, Trị đạo.

(68) Phạm Tây Đường, Cổng sĩ gian ô, Danh công thư phán thanh minh tập, quyển 12, Trùng ác môn, Gian uế.

tức giận trách rằng "Hành vi như thế thì cho dù có đọc vạn quyển sách, văn chương đứng đầu thiên hạ cũng không xứng đáng xếp vào hàng ke sĩ"⁽⁶⁹⁾. Ý câu ấy rất rõ, và lại còn châm trúng chỗ yếu hại. *Kim Hoa* từ từng thu thập dám văn nhân loại ấy xếp vào mục "lưu manh trong quan trường"⁽⁷⁰⁾ để phân biệt với nhà sĩ.

Ngoài ra lưu manh còn cùng người khác hợp tác, quan hệ mật thiết. Dưới đây xin chọn một số ghi chép trong các sách cổ, giới thiệu vài ví dụ.

Lưu manh làm tha hóa thương nhân. Hán thư quyển 17, *Vương Tôn* truyện chép "Bạn cưỡng hào gian hoạt ở Trường An như Giã Vạn ở chợ Đông, Vũ Chương ở tây thành, Trương Cấm cắt, Triệu Phóng rượu, Dương Chương ở Đô Lăng đều thông đồng với bọn tà ác, nuôi dưỡng đám gian đồ, trên phạm phép vua, dưới chống lệnh quan, lại hà hiếp dân đen, làm sà lang của trăm họ. Nhưng số mệnh như Thái thú hưởng lương hai ngàn thạch, suốt hai mươi năm vẫn không bắt được". Tân Chước nói "Trương Cấm cắt, Triệu Phóng rượu là hai nhà bán dao, bán rượu".

Ngụy thư, *Lưu Linh Trợ* giới thiệu Lưu Linh Trợ lúc nhỏ tuổi "Thô lỗ vô lại, thường lui tới địa giới Yên Hằng, hoặc đi buôn, hoặc trộm cướp đồ vật đem ra chợ bán".

Lưu manh giữ các chức vụ Địa bảo, Hương lý.

Họ mượn đó để kiếm cơm, lừa dối hạch sách. *Thạch điểm đầu* quyển 3 có một đoạn như sau "Đến như nơi thôn cùng xóm vắng thường có cả chục người kéo bè kéo cánh, người tinh nguyễn đã ít, bọn gian bèn được ra làm lý dịch. Đến nỗi khinh khi người lương thiện, hà hiếp dân ngu, thông đồng với nhau lại hà hiếp, che giấu, thiếu thuế không gi

(69) *Danh công thư phán thanh minh tập*, Phụ lục 2, *Thái học sinh Lưu Cơ tội phạm*.

(70) Phùng Mộng Lan, *Dị hiệu loại biên*, quyển 10, *Hoạn đồ ác thiếu*.

không làm". Một ví dụ khác, ở huyện Mỗ thời Thanh có tên thổ côn tên Bảo Lão Quốc, từng giữ chức Địa bão, lộng hành một phương, ai trái ý y nếu không bị đánh đập công khai thìắt bị ngâm ngầm vu hàn, người bị hại nhiều không biết bao nhiêu mà kể. Có một hôm cạnh hào nước đột nhiên nổi lên một cái xác trần truồng, Bảo Lão Quốc "ra quán rượu nói phao lên là cái thây ấy mình không biết, chỉ nói trong vụ này những kẻ bị bắt bớ e không phải một hai người", muốn mượn đó kiếm tiền. Ai ngờ đúng lúc quan huyện vi hành xuống làng xem xét, tức khắc bắt về công đường tra tấn bắt cung khai, Bảo Lão Quốc lại nói không biết hung thủ là ai. Về sau tuy xét ra không phải do Bảo giết, vô tội được tha, nhưng từ đó trở đi y cũng không dám bước chân tới cửa quan⁽⁷¹⁾.

Bảo Lão Quốc bị tra tấn hỏi cung tuy oan uổng nhưng cũng là ách giữa đàng tự mang vào cổ, không thể trách ai được.

Lưu manh làm tha hóa quan lại. Ví dụ thời Minh thủ hạ của Thuế giám Lương Vinh có hai tên vô lại Nhạc Cương, Lữ Tứ chuyên đứng sau xúi chủ nhân làm việc xấu xa. Chúng nói trói thì Lương Vinh cũng nói trói, chúng nói đánh thì Lương Vinh cũng nói đánh. Thật ra Lương Vinh đã trở thành cái loa của hai người⁽⁷²⁾. Mà Trương Kế Lương ở huyện Võ Tích Thường Châu, từ nhỏ chơi bời với bọn vô lại ở chợ búa, lêu lổng chơi rông chạy đông chạy tây kiếm được ít tiền, về sau theo Hà Tri huyện, Trần Đại Tuần, lấy sắc đẹp để mua chuộc, lấy lòng bọn họ, khiến họ hủ hóa trong sinh hoạt, việc quan ngày càng mê muội...⁽⁷³⁾.

(71) Mao Tường Lân, *Mặc dư lục*, quyển 45, *Bảo Lão Quốc*.

(72) Từ Mậu Hành, *Ác dâng đồ độc khát chính quốc pháp sở, Minh kinh thế văn biên*, quyển 471.

(73) Tam khắc phách án kinh kỳ, hồi 30.

Trên đây là bàn tới quan hệ giữa lưu manh và một số tầng lớp xã hội chủ yếu, chỉ ra một số sự thật về sự phát triển của lưu manh trong tam giáo cứu lưu. Từ đó chúng ta không khó khăn gì để tóm kết ba đặc điểm đơn giản của lưu manh dưới đây.

1. Sự phá hoại nghiêm trọng của lưu manh đối với xã hội không chỉ giới hạn trong hậu quả mà lưu manh hay tập đoàn lưu manh trực tiếp tạo ra mà còn ở chỗ sự thâm nhập của họ vào các tầng lớp và nhóm xã hội. Lưu manh luôn luôn tìm mọi cơ hội, dùng mọi thủ đoạn để len vào các tầng lớp và nhóm xã hội khác.

2. Ý thức lưu manh là một loại thuốc phiện tinh thần ảnh hưởng rất lớn tới tam giáo cứu lưu, cơ hồ những tội ác và sai lầm trong tam giáo cứu lưu đều có thể tìm được một số lý do hoặc nhân tố của lưu manh. Một số người trong tam giáo cứu lưu tập nỗi ý thức lưu manh bị tha hóa, từ đó trong sinh hoạt thường ngày hoặc tự giác, hoặc không tự giác cũng vận dụng thủ đoạn lưu manh để tiến hành hoạt động phạm tội. Một số lượng biến thành chất, những người này tuy chưa hoàn toàn thoát ly với nhóm xã hội hoặc tầng lớp mình nhưng có điều về bản chất đã truy lục thành lưu manh hay tội phạm lưu manh, bị người đời chê trách.

3. Lưu manh là một tầng lớp xã hội thông qua sự ảnh hưởng đối với các nhóm xã hội khác và tư tưởng hủ bại không ngừng phát triển về quy mô, trở thành một nhóm xã hội làm hại rất lớn cho lợi ích chung của xã hội, cũng trở thành lực lượng chủ yếu hoặc cơ sở của tất cả các nhóm xã hội đen.

Chương 6

Văn hóa thói quen của lưu manh

Lưu manh qua các hành vi hoạt động sai trái phá hoại trật tự, gây rối an ninh xã hội lâu dài đã từng bước làm này sinh và hình thành văn hóa thói quen của mình, lại phản ánh đầy đủ các đặc điểm cố hữu của tầng lớp xã hội này. Về nội dung, đại khái nó bao gồm các mặt tinh thần thượng võ đặc biệt của lưu manh, quan niệm thẩm mỹ, công cụ giao tiếp nội bộ tức tiếng lóng, cách ăn mặc, tín ngưỡng.

Văn hóa thói quen hình thành trong quá trình hoạt động lâu dài của lưu manh có thể đã nảy sinh ngay từ lúc lưu manh mới xuất hiện, về sau lại phát triển, đổi mới rất nhiều, và lại từ đó trở đi chỉ cần trong xã hội còn tồn tại lưu manh thì loại á văn hóa thích hợp với nó vẫn không ngừng được sáng tạo và bổ sung.

Từ toàn bộ chỉnh thể xã hội mà nhìn, văn hóa thói quen của lưu manh tuy xây dựng trên mảnh đất màu mỡ của văn hóa xã hội chủ thể, có quan hệ không thể tách rời với chủ thể sản sinh ra nó, nhưng loại á văn hóa này khác xa với văn hóa chủ thể, thậm chí không có gì phù hợp, mang tính độc lập và đối lập với văn hóa chủ thể, càng phản ánh đặc điểm trong bản chất và hoạt động của lưu manh là kẽ sáu tạo ra nó, cũng đưa tới hậu quả và ảnh hưởng tiêu cực cho việc xây dựng nền văn minh tinh thần của xã hội.

Vì thế việc nghiên cứu văn hóa thói quen của lưu

mạnh mà lịch sử để lại vừa có thể giúp chúng ta tiến thêm một bước trong việc nắm vững những bí mật nội bộ của lưu manh, vừa có thể giúp chúng ta hiểu rõ hơn về việc lưu manh phát triển, hoạt động, quan hệ như thế nào. Trong một ý nghĩa nhất định, khi nào nắm vững được nội dung bao quát của văn hóa thói quen lưu manh thì cũng có thể nắm vững những bí mật nội bộ của lưu manh, càng có chỗ dựa để tiêu diệt hiện tượng xã hội xấu xa này.

1. Ưa chuộng võ nghệ

Lưu manh không phải là hiệp khách. Nhưng những điển hình can đảm liều lĩnh ưa chuộng võ nghệ, hung hăng dữ tợn trong đó so với hiệp khách cũng khác nhau rất ít, mặc dù xã hội đánh giá hai bên khác nhau một trời một vực.

Ưa chuộng võ nghệ bao gồm cả việc tập võ luyện võ, thích vung đao múa kiếm, còn hung hăng dữ tợn là chỉ việc can đảm liều lĩnh, lén mệt giết người. Hai chuyện đó tuy có quan hệ mật thiết nhưng hoàn toàn khác nhau. Ké ưa chuộng võ nghệ chưa chắc đã dựa vào võ nghệ để hà hiếp người ta, mà kẻ hung hăng dữ tợn cũng không nhất định là kẻ võ nghệ xuất sắc, tinh thông kiếm thuật.

Về thói quen ưa chuộng võ nghệ, hung hăng dữ tợn của lưu manh thì trong các giai đoạn lịch sử từ khi lưu manh bắt đầu nảy sinh đến thời Thanh đều có rất nhiều bằng chứng.

Hán thư, Khốc lại truyện chép "Tào duyên sứ bộ Hộ cùng Hương lại, Đinh trưởng, Lý chính, phụ lão, quân lính chỉ ra bọn thiếu niên võ lại khinh bạc ở Trường An, không có hộ tịch buôn bán ở chợ mà mặc quần áo mới, đội mũ trụ cầm gươm đao ghi vào sổ riêng, được mấy trăm tên". Bài *Dại kết khách thiếu niên trường hành* của Bao Chiểu viết "Thông mã kim lạc đầu, Cầm đai bội Ngõ câu. Thất ý bôi tưu gian, Bạch

nhận khởi tương cùu. Truy binh nhất dán chí, Phụ kiếm viễn hành lộ" (Ngựa vằn hàm thiếc sáng, Áo gấm giắt Ngô câu. Trong tiệc không ứng ý, Dao kiếm kết oan cùu. Quán theo một sớm tối, Mang kiếm ruồi rừng thu). *Tùy thư*, *Dương Uông truyện* chép "Uông lúc nhỏ dữ tợn khinh suất, thích ấu đả với mọi người, tay quyền đánh ra không ai không ngã". *Tân Đường thư*, *Cao Nhân Hậu truyện* chép "Ở kinh sư có bọn con nhà hư hỏng, đều áo mũ xênh xang, mang gậy đi rong trong thôn xóm". *Thanh sử cáo*, *Cố Quang Húc truyện* chép "Bọn dân vô lại thất nghiệp ở đất Thục phần đông luyện tập võ nghệ, thích uống rượu đánh bạc, thậm chí cướp của giết người, gọi là Quắc lô tử, đến nay càng đông". Trần Vinh Quang trong *Thượng Hải huyện Trúc chí từ*, *Phong tục* 9 viết "Đầu thượng tiên lưu phát hạ phi, Khoái hài cước trú tạp nhung né. Dao danh Tháp tử song phong khoái, Xuất thủ thương nhân huyết dung thi" (Đầu mang khăn tóc xỏa tung, Dưới chân hài nhẹ lấm bùn bước mau, Nhanh tay Cái cầm hai dao, Dâm người như chớp máu đào chảy tuôn), lời án viết "Bọn vô lại đều mang hai lưỡi dao nhỏ tùy thân, tục là Cái cầm (Tháp tử), có chuyện là dâm người đổ máu". Lại một bài khác "Thủ thương Dương pháo tụ gian huề, Phách án kinh đào khuyên mā kê. Bạch trú dương nhai kiên các giới, Hương ngu sá đáo cốt như nê" (Tay cầm súng ngắn người Tây, Ra oai chó chạy gà bay rơi bời, Ban ngày khoác súng rong choi, Dân quê hồn phách rụng rời tránh xa), lời án viết "Hoặc trong áo giắt súng ngắn, hoặc trên vai khoác súng trường, mỗi khi tới nơi nào chó gà cũng không được yên, huống hồ dân quê ngu dại sao?". Lại một bài khác "Luyện kỹ quyền trường đáo xú khai, Nghênh thần trại hội liêm đa tài. Chư vô lại tông vi khôi thú, Quần ấm tam canh tụ đồ lai" (Côn quyền khắp chốn thị oai, Hội làng thu góp tiền tài biết bao, Lưu manh dám ấy đứng đầu, Rượu chè cờ bạc đến đầu canh ba), lời án viết "Mở hội diễn trò thì chúng đứng ra thu tiền. Các

thôn cúng tế thì rủ rê nhau tới gian dâm trộm cắp. Thậm chí còn đi quyền múa võ, họp nhau đánh bạc".

Theo những điều nói trên thì bất kể lưu manh ở phương Nam hay phương Bắc cũng đều rất ưa chuộng võ nghệ, thích vung dao múa kiếm. Tập quán như thế thì cố nhiên không thể phủ nhận trong đó sẽ có kẻ lấy võ nghệ làm cách thức lập công dựng nghiệp để được phong thê ẩm tử. Thật ra trong xã hội phong kiến Trung Quốc có không ít lưu manh nhờ hung hăng dữ tợn mà lập công ở chiến trường, được vua chúa để mắt xanh nên nhẹ bước mây xanh, làm rạng rỡ ông cha. Nhưng lưu manh phát tích và cải tà quy chính rõ rệt lại cũng như lông phượng sừng lân, có thể đếm trên đầu ngón tay. Về cơ bản thì lưu manh ưa chuộng võ nghệ, thích vung dao múa kiếm là để dùng đó làm phương tiện mà làm bậy, hoành hành bá đạo, khiến người ta nhìn thấy là sợ, kẽm bị hại không dám phản kháng, đây mới là then chốt trong nhân tố tiêu cực của nó. Như Tiền Thủ Tuần người Lôi Trạch Bộc Châu thời Tống, lúc trẻ can đảm, thường làm cướp trong núi rừng dãm lầy, tự xưng là Chim cắt qua gò (Chuyển pha hoạt)⁽¹⁾. Lại như cạnh vùng Giang Phố có một gã lưu manh trong làng, hung ác khoe mạnh, mắc nợ người khác rất nhiều. Một hôm có Hình Mô láng giềng tìm tới đòi nợ, y bèn nói "Ông họ Hình, tôi vốn kính trọng, nhưng tôi mắc nợ rất nhiều, cho dù ai cũng mời võ sư tới đòi cũng không bao giờ trả hết được. Nếu ông có tài nghệ chế phục được tôi thì tôi cũng không tiếc". Hình nói "Ta đặt tay lên vai anh, anh có thể di lại được không?". Gã lưu manh cậy mình có thể mang được hai mươi quân^(*) bèn ứng thuận. Hình bèn đặt bàn tay trái lên vai y, nhẹ như chiếc lá khô, di loanh quanh vài dặm, đến khi ngồi xuống thì không đứng lên được nữa. Gã lưu

(1) *Tống sử*, quyển 280, *Tiền Thủ Tuần truyện*.

(*) *Hai mươi quân*: quân là đơn vị đo lường cổ của Trung Quốc, gồm 30 cân, xấp xỉ 17 kg. *Hai mươi quân* tức trên 300 kg.

mạnh xấu hổ năn nỉ, cởi quần áo ra thì từ vai đến chân đều sưng vù. Hình Mỗ bèn cười đưa cho thuốc giải, qua trăm ngày mới khỏi⁽²⁾. Gã lưu manh thiếu nợ không trả lại cậy võ nghệ uy hiếp người khác, nếu Hình Mỗ không chế phục được y thì khoản nợ kia vĩnh viễn không bao giờ được thanh toán.

2. Xăm mình

Xăm mình (Văn thân) tức thích lênh thân thể các hoa văn hoặc hình vẽ có màu sắc, vốn là phong tục từ một dải Kinh Sở, Nam Việt đưa tới, có từ rất sớm. *Lễ ký*, *Vương chế* chép "Người phương Đông là Di, xôa tóc xăm mình", "Người phương Nam là Man, vẽ mặt (Điêu đẽ), hai ngón chân cái chụm vào nhau". *Chính nghĩa* giải thích từ Xăm mình là "Lấy màu sắc vẽ lên người để trang trí", giải thích từ Vẽ mặt là "Lấy màu sắc thích lênh trán", lại nói "Không chỉ vẽ mặt mà còn xăm mình". Lưu Hương trong *Thuyết uyển*, *Thiện thuyết* viết "Người Việt xăm mình cắt tóc ngắn, do Phạm Lãi, Đại phu Chung bày ra". *Hậu Hán thư*, *Viên Lao truyện* chép "Người Chung đều xăm vẽ lên mình". *Tam quốc chí* viết "Người Nụy (người Lùn, chỉ người Nhật Bản) thì đàn ông bất kể lớn nhỏ đều thích mặt xăm mình". *Bắc sử*, *Lưu Cầu* chép "Đàn bà lấy mực thích hình rồng rắn lên tay". Loại phong tục này đến mãi thời Minh Thanh vẫn còn được bảo lưu. Theo Điền Nghệ Hành trong *Lưu thanh nhật trát*, quyển 10 thì "Lúc tôi còn nhỏ còn được thấy người khách là Tôn Lục ở Hội Thành tới, cha con anh em trên hai nách, lưng, chân đều xăm hình bình hoa, bầu rượu, chim thú. Vì pháp luật cấm đoán rất nghiêm ngặt nên đều che giấu, không để người ta thấy. Tôi bảo họ cởi áo sờ vào tùng chõ, cũng có đủ màu sắc, rõ ràng đẹp đẽ".

Ý nghĩa nguyên thủy của việc xăm mình này có nhân

(2) Chu Hồi Hương, *Minh Trai tiểu thư*, quyển 10, *Quyền dung*.

tố tích cực có ích. *Sử ký*, *Chu bản kỷ* chép "Hai người bèn chạy qua đất Kinh đất Man, xăm mình cắt tóc ngắn để nhường Quý Lịch". Bùi Nhân giải thích dẫn lại lời Ứng Thiệu "Thường ở dưới nước nên cắt tóc xăm mình cho giống rồng để không bị cá dữ làm hại". *Hán thư*, *Địa lý chí* chép "Xăm mình cắt tóc để tránh bị rồng rắn làm hại". *Tam quốc chí* chép "Con vua nhà Hạ Thiếu Khang được phong ở Cối Kê, cắt tóc xăm mình để khỏi bị giao long làm hại. Nay người Nụy thích lặn lội dưới nước bắt cá, cũng xăm mình để dọa các loại cá lớn". Nhân vật Tôn Lục được ghi trong *Lưu thanh nhật trát* kể trên kia cũng nói "Những kẻ làm nghề dưới biển, phải xăm hình vào người mới tránh được giao long cá dữ làm hại".

Muộn nhất là đến cuối thời Đường, bọn lưu manh vô lại đã thay đổi nhân tố tích cực trong ý nghĩa mang đậm tính totem của việc xăm mình nguyên thủy, phổ biến nó thành một loại tiêu chí đặc biệt để xác nhận thân phận của tầng lớp mình. Đoàn Thành Thức trong *Tây Dương tạp trỡ*, Kinh viết "Bọn thiếu niên vô lại ở phố phường trong kinh sư xăm vẽ lên da, theo hình dáng các loài vật". Đào Cốc trong *Thanh dị lục* cũng viết "Từ cuối thời Đường, bọn đàn ông vô lại lấy việc xăm mình làm sự kiêu hanh"⁽³⁾. Hành vi dùng việc xăm mình để tỏ rõ thân phận đặc biệt này này sinh từ cuối thời Đường, trải qua các thời Tống Nguyên Minh Thanh vẫn lúc đứt lúc nối kéo dài đến nay. *Tân Ngũ đại sử*, quyển 41, *Lôi Mãn truyện* chép "Lôi Mãn người Vũ Lăng, tính hung dữ liều lĩnh, xăm mình cắt tóc ngắn". *Đông Kinh mộng hoa lục*, Giá hồi nghi vệ chép "Có vài gã thiếu niên xăm mình ruồi ngựa, gọi là Ngựa chân hoa (Hoa thoái mã)". *Thiên chán dật sử*, hồi 1 viết "Quan giữ cửa thấy Thừa tướng nổi giận, sợ hãi đành quỳ xuống bầm: Gần đây công tử giao du với một bọn vô lại

(3) *Thuyết phu*, quyển 61.

tay xăm chân trổ, cả ngày uống rượu làm vui, săn bắn tiêu khiển, thường đánh đập dân quê trong xóm làng, phá nát lúa mạ dưới ruộng, bắt gà chó của người ta ăn". *Lưu thanh nhật trát* quyển 10, *Văn thân* viết "Thúy tố của tôi họ Văn, cuối thời Nguyên tới ở vùng Giáp Đường phía đông Phương Sơn, nuôi ba ngàn tên thiêu niên vô lại làm quân", "Bạn tớ trai khỏe mạnh trong nhà có hơn năm trăm người, tất cả đều xăm tay trổ chân, lấy hình rồng phượng rắn trùng để phân biệt địa vị cao thấp. Thái tố đem quân đánh dẹp, đều sung làm Quân xăm tay trổ chân (Hoa quyền tú thoái quân)". *Cố kim đồ thư tập thành*, *Phương dư hối biên*, *Chức phuong dien*, quyển 39, *Thuận Thiên phủ bộ* chép hàng năm đến ngày Đoan ngọ, "Bạn con em vô lại lấy làm ngày thích chữ lên tay", hoặc xăm "hình cây đá chim thú". *Tân Tề hải*, *Thanh Long đăng* viết "Bạn thiêu niên vô lại ở Hàng Châu kết thành nhóm gọi là Đăng Rồng xanh", "xăm lên lưng hình con rồng xanh nhô", "hoành hành ở thôn xóm".

Lưu manh một sớm thay đổi ý nghĩa nguyên thủy đặc biệt của việc xăm mình không phải để xua giao long đuổi rắn rết mà hình vẽ cũng khác xa với lối "giống hình con rồng"⁽⁴⁾. "Hình vẽ giống con rồng"⁽⁵⁾ mở rộng ra tới cả cây cổ chim thú, thơ ca từ phú, có một sự phát triển đầy sáng tạo. Nội dung các hình vẽ ấy ngoài việc biểu thị thân phận của bọn thiêu niên lưu manh và làm tiêu chí của hội đảng, chủ yếu còn có mấy tác dụng như sau: thứ nhất là biểu thị sự oai dũng để hăm dọa đối phương. Chuyện kể Trương Can ở phường Đại Ninh thời Đường có sức khỏe, sườn trái xăm câu Sông không sợ quan lại (Sinh bất phạ Kinh triệu doãn), sườn phải xăm câu Chết chẳng hải Diêm vương (Tử bất úy Diêm La vương)⁽⁶⁾, thể hiện rõ sự hung hăng liều lĩnh, cảnh cáo đối

(4) Sử ký, quyển 4, *Chu bắn ký*, Bùi Nhân giải thích dẫn lời Ứng Thiệu.

(5) Hậu Hán thư, quyển 86, *Viên Lao truyện*.

(6) Đoàn Thành Thức, *Tây dương tạp trổ*, Kinh.

phương không nên gây sự, tránh xa cho sớm thì tốt. Lúc Tiết Nguyên Thượng làm Kinh triệu doãn trong niên hiệu Hội Xương, bọn du hiệp vô lại ở kinh đều lấy mực xăm đen da thịt, khoe khoang sức mạnh, cướp đoạt nhà cửa. Thứ hai là làm cho mình trở thành đặc biệt, khiến người ta phải để ý. Những hình vẽ được xăm cũng không có ý nghĩa gì sâu sắc, trong đó không thiếu những hình tạp nham, chẳng qua chỉ là muốn việc xăm mình làm bằng hiệu mà thôi. Ví dụ thời Đường có kẻ xăm lên người "hoặc bức tranh Phổ Cương xuyên đốt, hoặc trăm bài thơ của Bạch Lạc Thiên, La Ân, thậm chí có kẻ đem các quận huyện bình sinh từng đi qua, việc uống rượu đánh bạc, tên họ, tuổi tác, địa chỉ, dung mạo của các phụ nữ mà mình đi lại nhất nhất xăm ra, người đương thời gọi là Xăm sứ (Thích sứ)"⁽⁷⁾. Lại có "Vương Lực Nô đem năm ngàn đồng tiền thuê người xăm vào lưng vào bụng những hình vẽ núi non, đình viện, ao hồ, cây cỏ, chim thú, thứ nào cũng có, rõ ràng như in"⁽⁸⁾. Thời Tống có Hạ Đức là nhà sa sút ở Đông Kinh, hồn danh là Dắt lừa (Xí lư) xăm lên người chiếc thang gỗ và chữ Nhẫn (nhịn)⁽⁹⁾. Thứ ba là để gửi gắm nguyện vọng, xin trời hoặc Thần Phật che chở. Những hình vẽ được xăm đều có quan hệ với tôn giáo tín ngưỡng và truyền thuyết về các thần coi giữ nghề nghiệp, tựa hồ trên người xăm những hình vẽ ấy thì có thể được che chở giúp đỡ, cũng theo đó để tăng thêm sức mạnh và ý chí cho bản thân. Triệu Cao ở Thành Đô đất Thục thời Đường hay đánh nhau, thường bị bắt giam, toàn thân xăm hình Tỳ sa môn Thiên vương, quan lại muôn đánh đòn nhưng thấy hình vẽ ấy lại thôi, mà Triệu Cao cứ cậy đó gây họa cho phò phường. Cuối niên hiệu Nguyên Hòa, Lý Di Giản tới nhậm chức ở đất Thục, có người đem lại lịch hành trạng của Triệu Cao kể lại.

(7) Đào Cốc, *Thanh di lục*, *Thuyết phu*, quyển 61.

(8) Đoàn Thành Thức, *Thanh di lục*, *Thuyết phu*, quyển 61.

(9) *Tỉnh thế hằng ngôn*, quyển 31.

Lý cã giận bắt về trước sảnh, sai lấy gậy mới chẽ đường kính lớn ba tấc đánh cho nát hết hình Thiên vương mới thôi, đánh hơn ba ngàn gậy vẫn chưa chết. Qua mười ngày Triệu Cao phanh áo tới các nhà kêu gào, xin tiền công đức để sửa lại tượng Phật. Lại có tên cướp Triệu Vũ Kiến xăm một trăm lẻ sáu bức tranh chim thước theo bản in, hai sườn thì xăm bài thơ "Đã áp than dầu túc, Triệu triêu bị hoạt tiêu. Hốt kinh phi nhập thủy, Lưu mệnh đáo kim triêu" (Vịt nước ngủ đầu bến, Thường khi bị cắt vò. Giật mình bay xuống nước, Mới sống đến hôm sau), lại như huyện Cao Lăng bắt được Tống Nguyên Tố xăm mình, tất cả có bảy mươi mốt chỗ, sườn trái xăm "Tích nhật kỷ tiền gia vị bần, Khổ tương tiền vật kết giao thân. Như kim thất lộ tâm tri kỷ, Hành tận quan sơn vô nhất nhân" (Ngày trước chưa nghèo khách vẫn mời, Cố đem tiền bạc để chơi bời. Đến nay lỡ bước tìm tri kỷ, Di khấp non sông chẳng một người), trên cánh tay trái xăm cái hồ lô, phía trên có cái đầu người nhô ra như Quách Công trong các vở múa rối. Quan huyện không hiểu, hỏi thì y đáp "Hồ lô là yêu tinh đấy"⁽¹⁰⁾, đọc tối quả khiến người ta vừa tức giận vừa buồn cười. Dĩ nhiên những thần thánh ma quỷ ấy tuy được họ tình nguyện xăm lên người nhưng không hề có sức mạnh gì, đến lúc cần thiết cũng không thể thi triển chút pháp lực nào để bảo vệ che chở, giúp họ tránh khỏi một trận đòn nhừ tử, có kẻ thậm chí còn mất mạng.

Còn như cách xăm mình của bọn lưu manh thì cũng không khác gì cách xăm mình của người thường. Theo sách sử ghi chép, thì trước tiên "Lấy màu sắc tô lên người", lại dùng kim "đâm vào da, để màu sắc thẩm vào"⁽¹¹⁾. Ông Thái Nguyên Bồi đối với việc này đã nêu một cách lý giải thấu đáo rằng "Cách xăm mình thì hoặc là xoa mực lên các bộ phận trên người rồi xăm, hoặc dùng kim đâm trước rồi mới tẩm

(10) Đoàn Thành Thức, *Thanh dị lục*, *Thuyết phu*, quyển 61

(11) *Lễ ký*, *Vương chẽ*, Không Dinh Đạt chú thích.

màu vào⁽¹²⁾. Một khi xăm xong, những màu sắc hình vẽ không thể tự nhiên mất đi, nếu gặp lúc cần thiết thì có thể lấy lửa mà Nướng đốt đi (Chá diệt chi). Trong lịch sử thì từ niên hiệu Hội Xương thời Đường đã phát sinh sự kiện dàn áp lưu manh thăng tay "Bắt bọn vô lại, đánh chết hơn ba mươi tên, phơi xác ở chợ". Đến nỗi "Bọn dư đảng hoảng sợ, đua nhau lấy lửa đốt hình xăm"⁽¹³⁾. Dĩ nhiên như thế thì không thể tránh khỏi một phen đau đớn.

3. Tiếng lóng và lời lẽ thường dùng

Tiếng lóng (Thiết khâu) thường còn được gọi là Ẩn ngữ, Mặc ngữ, là loại ngôn ngữ quen dùng của một tầng lớp trong xã hội.

Ngay từ năm 1924, nhà xã hội học Mỹ Ai đức văn Tát cầm lan đã chỉ ra rằng vì quan hệ trong bọn tội phạm ngày càng phức tạp mà không giống quan hệ với người ngoài, lâu ngày thì tác dụng tương hỗ ở mức độ cao trong bọn tội phạm sẽ phát sinh một ý nghĩa chung, từ đó đặt cơ sở cho quần thể á văn hóa của bọn tội phạm. Từ các quan hệ ấy, bọn họ thậm chí còn tạo ra một số từ ngữ hoặc tiếng lóng của cộng đồng, không phải người trong cùng quần thể á văn hóa này thì đều không sao hiểu được ý nghĩa trong phương thức biểu đạt của nó⁽¹⁴⁾.

Từ ba yếu tố cấu thành của ngôn ngữ là ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp mà nhìn, thì tiếng lóng của lưu manh chủ yếu biểu hiện trên phương diện từ vựng, thường là dùng các từ ngữ đặc biệt để diễn đạt nội dung tư tưởng, gọi tên sự vật.

(12) Thái Nguyên Bồi, *Dân tộc học thương chi tiến hóa quan*.

(13) Tân Đường thư, quyển 97, *Tuần lai truyện*.

(14) Kiết khắc D. Dao cách lập từ, Phật lan tây C. Ngõa khắc tư lặc, *Viết chấp xã hội học khái luận*, Hà Bắc nhân dân xuất bản xã, 1987, tr. 92 - 93.

Người ngoài cuộc cho dù ngẫu nhiên nghe thấy thì về cơ bản cũng không thể hiểu rõ ý nghĩa. Từ việc quan hệ thuận tiện của các thành viên trong lưu manh mà nhìn, thì nó còn đảm bảo không tiết lộ bí mật nội bộ ra ngoài.

Không chỉ có thế. Cùng với việc nhận thức rõ tiếng lóng của lưu manh là công cụ hữu hiệu trong giao tế của lưu manh, chúng ta chắc chắn còn sẽ hiểu rõ thêm rằng "Đó không chỉ là hình thức ngôn ngữ đặc biệt mà còn phản ánh một loại phương thức sinh hoạt... Đó là trạng thái tâm lý cần nghiên cứu trong phương thức tư duy, đánh giá con người và xã hội, có quan hệ với những then chốt trong năng lực tổ chức và kỹ thuật của xã hội"⁽¹⁵⁾.

Quan sát tình hình phát triển của tiếng lóng của lưu manh, có thể quy về mấy đặc điểm sau đây: 1. Phân tích các tư liệu lịch sử có quan hệ, thì tiếng lóng của lưu manh đã nảy sinh từ thời Tống, Minh. Như gọi nơi bọn vong mệnh trốn núp là Động không lo (Vô ưu động), bọn cướp trốn ở nhà phu nữ là Lầu ma vịnh (Quỷ phàn lâu), thịt là Mồi dây toàn thân (Nhất thân tuyến đạo), thuốc mê là Lửa mồ hôi (Hàn hỏa), tiền hối lộ cho quan lại là Tiền làm lệ (Đã nghiệp tiền), tay trăng lửa người là Tung lưới chay (Đà thanh thủy võng), rạch túi lấy tiền bạc là Cắt bọc (Tiền cữu) vân ván. Có điều lưu manh từ thời Thanh trở về trước ít thấy có tiếng lóng mà tiếng lóng của lưu manh với số lượng nhiều và mang tính chất điển hình đều nảy sinh dưới thời Thanh mạt. 2. Vì trong lịch sử lưu manh chưa bao giờ hình thành một tổ chức mang tính thống nhất trong toàn quốc nên cũng chưa có sự giao lưu mang tính toàn quốc, vì vậy cũng chưa có tiếng lóng thống nhất mà toàn thể lưu manh đều sử dụng. Tất cả các nhóm lưu manh đều lấy thôn trấn làm khu vực hoạt động,

(15) Đối duy W. Ma lặc, *Dấu vết đố đỏ địch án ngữ* (Tiếng lóng của bọn con bạc gieo xúc xắc), Mỹ quốc chính trị xã hội học niên giám, số 269, 1950, tr. 119.

tiếng lóng của họ cũng chỉ có ảnh hưởng trong phạm vi khu vực, mang tính quy mô nhỏ và tính khác biệt. Nói tính khu vực là chỉ việc sử dụng giới hạn trong một khu vực nhất định, một khi vượt khỏi khu vực ấy thì không thể làm công cụ giao tế, nói tính quy mô nhỏ là chỉ việc có lúc số người sử dụng chỉ giới hạn trong vài người của một nhóm nhỏ, nói tính khác biệt là chỉ việc tiếng lóng của các nhóm lưu manh sử dụng có những sai biệt rất rõ ràng. 3. Tiếng lóng của lưu manh thời Thanh mạt là sản phẩm của việc lưu manh lộng hành, trong toàn quốc thì một số địa phương như Thượng Hải, Bắc Kinh, Thiên Tân là có tiếng lóng của lưu manh phổ biến và mang tính điển hình.

Trước hết xin giới thiệu về tiếng lóng của lưu manh ở Thượng Hải.

Cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc, lưu manh ở Thượng Hải lan tràn thành tai họa, có thể chia nhỏ thành các loại hình và đẳng cấp khác nhau như lưu manh, Bọn choắt con, Chiết bạch đảng, Chiết sao đảng, Đậu hủ đảng, tiếng lóng cũng khác nhau rất nhiều.

Tiếng lóng của lưu manh ở Thượng Hải. Quả đấm gọi là Quả lang da (Bì lang đầu), đánh người là Cho quả lang da (Đối bì lang đầu), mượn cớ để dối trá là Dạy cân (Giǎng cân đầu), chia chác tang vật là Chém (Phách bá), giảng hòa với nhau là Chốt đầu người (San nhân đầu), mượn đếu là Bày thuốc (Bái đan lão), lấy tiền của người ta là Kéo nấm (Ai bả), tiền là Nấm (Bả), mang súng đi cướp là Quả bầu cứng (Ngạnh ba), đàn ông đàn bà chuyên lừa dối mà có tiền là Kẻ ăn nên làm ra (Phát nhân), ăn là Vạch (Hoach), trả giá lúc Dạy cân là Vẽ hoa (Họa hoa), cầm tay là Xuyến vàng (Kim xuyến), làm ra vẻ là Nổ pháo (Phóng pháo), hợp bọn đánh nhau là Bày ra đường Hoa Dung (Bãi Hoa Dung đạo), cầm đồ là Gió lớn (Cao phong tử), mang cầm tay là Deo cạnh xuyến (Đối xuyến biên), bị bắt lên quan là Lao sắt (Thiết sàm lao), ở tù

là Rơi vào làng (Lý nhập lạc), phạm tội là Ngũ mâm (Khưu bàn), đang lừa dối hay cướp đoạt mà bị bắt là Nửa đường tắt gió (Nhiệm thượng thất phong), họp nhau uống trà là Hội bàn đào (Bàn đào), được tiền mà phải trả lại cho người ta là Nôn nấm (Ấu bà), nhìn là Nghĩa (Thiên), vào bọn là Người nhà (Gia môn), xảy ra chuyện là Bất ngờ (Bột đâu), tìm kẻ thù là Lên ruột (Thượng xoang), ra ngoài là Mở cảng (Khai mā đầu), bỏ chạy là Ra thông (Xuất túng), thả cho chạy là Buông cành (Thoát sao), xem tinh hình là Xem mạ (Trát miêu đâu), chiếu cố giúp đỡ nhau là Băng bó (Trát băng), tìm chủ thuê là Kéo việc (Lạp bài đâu), bị bắt bớ truy nã ráo riết là Gió lớn (Phong đầu khẩn), gài bẫy cho người ta mắc câu là Cho vay (Phóng sinh ý), quần áo là Bộ da (Bì tử), áo cũ là Da cũ (Tê bì tử), áo rách là Vườn đào (Đào viễn), áo ngắn là Vấy máu (Niêm huyết), quần đùi là Cái nĩa (Xoa nhi), mũ là Công đầu (Đỉnh công), giày là Đầu sắt (Thiết đầu), bàn chân là Ruột tất (Mặt tâm tử), vào trong là Đâm nĩa vào (Xoa tiến khứ), biết rõ nội tình của hội đảng là Lão làng (Lão bột), mồm mép lanh lợi là Trái đào nhọn (Anh đào tiêm), không khéo ăn nói là Trái đào méo (Anh đào đốn), không cần nói chuyện là Miễn bàn (Miễn nan) hay Trái đào cắt ngắn (Anh đào hại đoán), nói lý lẽ là Bàn anh đào (Nan anh đào), chửi nhau là Đầu đào (Đầu anh đào), uống trà là Ném bà Mạnh (Thường Mạnh bà), chỗ ở là Hố (Quật), quán trọ là Hố khách (Khách quật), ngủ ở quán trọ là Núp trong hố khách (Bàn tàng khách quật), ăn cơm là Nghe súng (Thường thương), uống rượu là Mát đồ đồ (Hồng hồng diện tử), đệ tử là Chú nhỏ (Để lão), không phải trong nhóm là Khổng tử (cũng như bọn cướp ở Đông Bắc gọi là Xoang tử), tiền vốn thì nói là Tiền dẵn túi (Để bột), bạc là A sáng (A lăng), cái súng là Ngựa con tôn làm thầy (Tiểu mā lập sư), một đồng bằng đồng là Kê vàng (Hoàng lương tử), tiền bằng đồng là Mắt ngỗng (Nga nhẫn), cầm áo quần là Ăn quan lại (Ngật quan ty), thế

cháp thì nói là Bàn chân vòng (Nhiêu cước), trời mưa là Trong (Bài thanh), chuyện gian bị bại lộ là Đạp phái nắp chảo (Đạp thoát song cái), điều chỉnh việc gian là Sửa nắp chảo (Tu song cái), mặt mũi là Băng chứng (Chiếu hội), bày trò cờ bạc bịp để lừa lấy tiền người ta là Uống nước tối (Ngật dẫn thủy), một mắt là Một đèn (Đơn chiếu), móc hai mắt người ta là Mượn hai quả táo (Tá lưỡng chỉ táo tử), không có tiền là Da căng (Hám bì), trói người ta dìm xuống nước là Thủ đèn dưới nước (Phóng thủy dăng), mượn cớ dõi trả đòi lấy tiền bạc vật dùng là Bé cảnh (Chiết sao), lấy dây trói tay chân người bị hại dìm đầu xuống bùn là Trồng hoa sen (Chủng hà hoa), ăn trộm gà là Hải trái đào có lông (Thái mao đào), ăn trộm dê là Câu cá tráng (Điều bạch ngư), tối đòi tiền hàng quán mới mở là Bao việc chi dùng (Bao khai tiêu), bày kế lừa dối là Vẽ chuyện (Trang chuẩn đầu), buôn bán trẻ con là Buôn đá (Bạn thạch tử), bán con gái trẻ cho người ta làm vợ là Mở cuộc (Khai diều tử), lục ví tiền là Xào nấm (Sao bá tử), thuốc phiện là Canh nấm kẹo (Đường niên canh), cướp đoạt tiền bạc hay lấy dây trói chết người ta là Công ông câu bà mẹ (Bồi nương cữu), cướp mũ là Ném cung điện trên ngọn (Phao đinh cung), lột sạch quần áo vật dùng, lấy hết tiền bạc là Cạo lông heo (Tước tru la), cướp đồ vật đem giấu nơi khác là Qua cửa (Đá quá môn), tang vật là Chim cắt (Dao tử), cướp giật là Qua thềm (Quá đường), thất bại là Ngựa trượt vũng dầu (Tầu du bao mã), ban đêm đi ăn trộm là Dây mực (Mắc tuyến), ban ngày đi ăn trộm là Dây tráng (Bạch tuyến), đàn bà con gái đi ăn cắp là Dây bạc (Ngân tuyến), bị người ta cai quản là Cán giả (Trang binh), tắt vào mặt là Năm chia (Ngũ phân đầu), dùng vũ lực cướp đoạt tiền bạc của lưu manh khác là Ân ngang (Ngật hành), báo tin là Lắc lục lạc (Khê lènn tử), vân vân. Từ đó có thể thấy sự hung dữ vô lại của bọn lưu manh, không gì không làm, cũng biểu hiện đầy đủ sự hèn hạ trong thủ đoạn gậy áo của chúng.

Tiếng lóng của Bọn choắt con ở Thượng Hải. Bọn choắt con (Tiểu biệt tam) chỉ đám lưu dân không có nghề nghiệp dâng hoàng làm việc xin ăn hoặc trộm cắp để sống ở thành thị, họ thường rất gầy, vì thế thành tên.

Bọn choắt con là tầng lớp có địa vị thấp nhất trong giới lưu manh, luôn bị bọn lưu manh khác coi thường hoặc làm nhục. Nhưng đám này cũng xấu xa như thế, nên trong quá trình hoạt động cũng hình thành một số tiếng lóng. Ví dụ nhà giam là Ông chú (Gia thúc), ăn sạch, tiêu sạch, cầm sạch là Ba sạch (Tam quang mã tử), miếu là Hố lạnh (Lanh quật), ở nhờ trước hiên nhà người ta là Hiên yên ổn (An thiềm), ở yên trong nhà là Trang trại nghỉ ngơi (Bãi đầu trang), ngủ ở góc đường, bến xe là Ở trọ (Lưu ngũ), ngủ đêm ở Lão hổ táo là Uống trà đêm (Ngật dạ trà), ăn uống là Sờ mó (Tháp mô), thức ăn thừa trong quán cơm là Canh (Thang miến), bánh nướng là Trăng sáng (Minh nguyệt), canh thừa là Bụi sương (Linh lộ), cơm thừa là Đống lạnh (Lanh đôi), dầu ăn là Gậy dầu (Du can tử), trà là Canh bà Mạnh (Mạnh bà thang), cởi quần áo là Mặc giáp (Ngự giáp), trời mùa đông lạnh ở trong nhà ấm là Gieo mầm đậu (Phù đậu nha), trên người không có áo là Vác chĩa cứng (Kiên cương xoa), lục lợi tiền bạc giàu trong người là Xào nấm (Sao bả tử), tiền đồng là Ván (Tiêu bản), gièm pha là Bè chán cua (Lục giải cước), nhận đồ cũ là Theo cợp già (Bão lão hổ), nhặt đầu mẩu thuốc lá là Bắt dể (Tróc tất suất), buôn bán tranh ảnh khiêu dâm là Bán xuân (Mại xuân), đòi nợ giùm người ta là Bao làm (Bao tố), đẩy xe khiêng kiệu giúp người ta lên dốc lấy tiền là Kéo bánh xe (Lạp luân tử), giật đồ vật bỏ chạy là Làm ăn cứng (Ngạnh sinh ý), giúp việc cho nhà có đám cưới đám ma là Đỗ trắng (Hồng bạch), thợ cắt tóc là Nhổ xanh (Tảo thanh mã tử), nói chuyện không thích là Ăn đầu bày (Ngật bài đầu), tham mối lợi nhỏ là Đèo tinh (Quát tinh mã tử), Xoa dầu là Cắt bén (Tiễn biên), nói ra là Gieo (Nan), nói xấu kẽ khác là

Gieo vò xấu (Nan xú hồng), quen tay, làm cơm giỏi, đưa tin thạo là Thã gió (Phóng phong), ăn nói hám hồ là Đĩ già (Lão cử tam), có chỗ dựa vững chắc là Cắm vào núi (Tháp sơn đầu), tinh hình không hay là Trượt dầu (Tầu du), mắc bệnh giang mai là Ông khách bốn trứng (Tứ quả khách nhân), bị giang mai xì lên mặt là Mở cửa sổ trời (Khai thiên song), bỗng không đặt chuyện là Giáo đánh hoa (Trát hoa thương), cắt tóc là Phát cỏ đen (Trảm hắc thảo), thợ may là Múa giáo ngắn (Thí đoàn thương), ăn mày là Múa khiên khô (Dao hạn lõ), vái lạy đáp lễ là Chúc mừng năm mới trước (Tảo bái niên), vân vân. Theo nội dung danh sách các tiếng lóng thường dùng trên đây có thể thấy rõ tình cảnh sinh hoạt, việc làm và địa vị xã hội của Bọn choắt con ở Thượng Hải đương thời, rõ ràng khác hẳn đám lưu manh hung hăng liều lĩnh, âm hiểm gian trá.

Tiếng lóng của bọn Chiết bạch đảng. Chiết bạch đảng là các nhóm lưu manh hoạt động ở Thượng Hải, có cả đàn ông đàn bà, cũng có các nhóm toàn đàn bà, lúc bình thời đi rong khắp đầu đường cuối phố tìm cơ hội gây án, chuyên làm việc lừa đảo. Trong bọn cũng có tiếng lóng, gọi là Tào ngữ. Như phụ nữ lớn tuổi là Con cua già (Lão giải), con gái xinh đẹp là Cái mâm tròn (Tiêm bàn tử), phụ nữ xấu xí là Cái mâm méo (Đảo bàn tử), đi theo là Dính ngọn cây (Đinh sao), đi khắp nơi dụ dỗ phụ nữ là Chấp vòng (Đâu quyền tử), lấy lời lẽ mềm mỏng để thăm dò khẩu khí của phụ nữ là Bày hương (Bãi hương), dụ dỗ người ta là Công thẳng Hai (Bối A Đại), giúp đỡ nhau là Ôm lưng (Bao yêu), được tiền là Bắt nầm (Cắm bã), phụ nữ vừa già vừa xấu trong nhà giàu là Con cua ngọc (Ngọc giải), nữ lang thành niên là Con cua nhỡ (Phúng giải), phụ nữ bị lừa là Cắn câu (Điều thương), không bị dụ dỗ làm động tâm là Câu không được (Điều bất trước), đàn ông đàn bà lén lút gặp nhau thuê phòng là Phòng nhỏ (Tiểu phòng tử), cuỗm tiền bạc của phụ nữ mang đi là Làm

ngang (Lao hoành dương), đi nơi khác lửa đòn bà là Đèo bán hàng (Xuất hóa), bị bắt là Đánh trả (Phản công), chào người lớn tuổi hơn là Tham kiến chị em (Đồng tham tý muội), chào người lớn tuổi hơn rồi giao du với nhau là Bánh mìn thầu chân cong (Loan cước mạn đầu), lấy sắc đẹp dỗ đòn ông, lúc đang hành sự thì bọn đồng đảng mai phục từ trước đổ ra cướp đoạt tiền bạc là Người tiên nhảy (Tiên nhân khiêu), chuyên giả làm người đang có tang để lừa đảo là Bộ áo trắng (Bạch y bộ), lửa đảo bạn gái là Bè lan can (Chiết lan can), lấy gái đẹp làm môi câu là Đánh bài ngoan ngoãn (Đá quai nhi), đòn ông cùng bọn là Góp phần ôn ào (Bang náo), đòn bà cùng bọn là Liên thủ (Liên thủ), dụ dỗ đòn ông trẻ tuổi kết làm vợ chồng rồi lấy việc dâm dục đưa người ta tới chỗ chết để hưởng bảo hiểm nhân thọ là Giờ thủ đoạn (Tối hắc thủ), lấy sắc đẹp dụ người ta cờ bạc là Kéo tiền mềm (Lũ nhuyễn ba), Kéo tiền mềm được thù lao tiền bạc là Dưa nước (Dân thủy), dụ dỗ phụ nữ nhà lành cho họ thông gian là Mượn mặt băng (Tá dài cơ)⁽¹⁶⁾, vân vân.

Tiếp theo xin giới thiệu tiếng lóng của bọn vô lại ở Thiên Tân. Gia nhập vào nhóm hội vô lại là Mở đường (Khai cuống), vào bọn rồi tự động ly khai là Thu đường (Thu cuống), bị đánh mà không đánh trả, không kêu đau, nhờ đó thành danh là Bán mùi vị (Mại vị nhi), kéo bè kéo đảng giúp nhau làm diều bậy bạ là Làm anh chị (Sung quang côn), không thể nhịn đau, bị đánh chịu khuất phục là Rơi gót (Trích cắn đầu), vào sòng bạc đòi tiền là Đòi tiền treo (Nâ quái tiền), rút vũ khí ra thị oai với đối phương là Khoe người nhà (Phố gia lõa), trước khi quyết đấu đi xin xăm hoặc chọn ra mấy người chuẩn bị hy sinh là Rút thẻ chết (Trùu tử thiêm), lúc quyết đấu đứng phía sau ném gạch đá như mưa vào đối phương là Đội cờ đen (Hắc kỳ đội), trước khi xảy ra

(16) Khúc Ngạn Bản, *Trung Quốc dân gian bí mật ngữ*, chương 7, tiết 4 và Hồ Tố Đức, *Hộ ngạn ngoại biên*, Tân từ điển.

chuyện một bên hẹn mọi người tới trước để chuẩn bị là Chờ ngày lễ (Đãi hầu quá tiết nhi), vỗ quan nhô là Lão tống (Lão tống nhi), binh sĩ là Lão giá (Lão giá), bắt kẽ ngày tháng, cứ thấy mặt thì đòi tiền là Thấy mặt lời (Kiên diện lợi), cha mẹ còn sống mượn tiền không trả được, lúc cha mẹ chết lập tức tới đòi là Tiền để tang (Hiếu mạo tử tiền), giết người không chớp mắt là Đen tay (Thủ hắc), lão tiền bối mà đôi bên cùng quen biết là Vô lại có thắt lưng (Bào đới hồn hồn nhi), ăn cơm chung là Ngồi ngồi (Tọa tọa nhi), lúc tranh giành làm sai quy củ, trớ mặt là Đì lộn chỗ (Tấu cơ), cấp cho tiền đi đường là Tiền vắt vai (Quá kiên nhi tiền), đôi bên có chuyện ác mộng ắt phải báo thù là Chết ngày lễ (Tử quá tiết nhi), vân vân.

Tiếng lóng của bọn lưu manh Lương Sơn ở Bao Đầu. Ban đêm đi ăn trộm là Chạy đỏ (Bão hồng điêu), ban ngày ăn trộm là Chạy xanh (Bão thanh điêu), trộm cắp một ngày là Đốt đèn cợp (Đá đắng hổ nhi), ban đêm đột nhập vào nhà người ta trộm cắp là Ngựa nhảy ao (Khiêu trì mã), đứng trên mái nhà theo gió huýt sáo ra hiệu là Lên chày (Đăng cán tử), ăn trộm các nhà buôn lớn là Mua giá cao (Cao mại), ăn trộm các nhà buôn nhỏ là Quét dọn (Tảo than tử), ăn trộm xe cộ lừa ngựa của nông dân là Lăn bánh xe (Cốn luân luân), trộm cắp của người đi đường là Kiếm tiền (Húy ba tử), kẻ có thế lực là Thăng đạp (Đạp nhi), thông gian với đàn bà con gái nhà mình là Vào ổ đàn ông mạt (Thái cùng hán oa phụ), bịa đặt làm mất danh dự người ta là Bôi nhọ (Thóa xú), phạm vi hoạt động là Bãi vuông (Phương trường), kẻ đánh mướn là Thợ nấm tay (Bả thức cản) tín vật của người đứng đầu là Gậy gốc (Cái đinh), vân vân.

Lưu manh ở Bắc Kinh cũng có một số tiếng lóng.
Trang sức cho phụ nữ đem bán cho người nơi khác, thửa cơ cuỗm hết tiền bạc trốn đi là Thả chim ưng (Phóng ưng) hoặc Đánh cợp (Đá hổ), tiếp thay phụ nữ bí mật mại dâm là Đổi

người làm (Chuyển đương cục), bày sòng cờ bạc lừa gạt kẻ ngu dại là Đánh bạc tanh (Tinh đồ), dụ dỗ con em nhà giàu lêu lổng đánh bạc chơi gái để lừa lấy tiền là Bày kế lừa (Giá ương), vân vân.

Những ví dụ về tiếng lóng của lưu manh trên đây tuy qua các khu vực, nhóm hội khác nhau có sự khác biệt rất lớn, nhưng đặc điểm chung là chúng phản ảnh rất rõ ràng địa vị xã hội, bản chất, đối tượng hoạt động, thủ đoạn gây án của lưu manh.

4. Thần thánh và các hoạt động mê tín

Tam giáo cùu lưu đều có thần phù hộ nghề nghiệp hoặc thần mà mình tín ngưỡng, lưu manh dĩ nhiên cũng không phải là ngoại lệ. Đem người này người nọ làm thần của mình, một mặt là gắn mình vào với người xưa tích cũ để chứng minh tính chất chính thống và thân phận hợp pháp của mình, còn một mặt khác quan trọng hơn, là hy vọng vị thần mà đối với họ không gì không làm được ấy có thể thường xuyên che chở, chiêu cố và giúp đỡ họ trong sinh hoạt thường ngày.

Lưu manh thờ Triệu Công Minh. Như trong niên hiệu Thiệu Hưng thời Tống ở thành Ngô Hưng có một bọn lưu manh con nhà sa sút vô nghề nghiệp, ăn không ngồi rồi là Tống Lễ, Trương Triều, Ngưu Tam, Chu Bính, Vương Biệt Tử, một hôm vào miếu Triệu Nguyên soái Hắc Hổ huyền đàm cắt máu ăn thè, kết làm anh em⁽¹⁷⁾.

Triệu Công Minh là thần tài, trong tranh vẽ thì mặt đen sầm, mặc giáp cầm roi, cưỡi cọp đen, được Đạo giáo tôn là Chính nhất Huyền đàm Nguyên soái, thật ra chẳng có quan hệ gì với lưu manh. Lưu manh thờ Triệu Công Minh có

(17) *Nhị khắc phách án kinh kỳ*, quyển 10.

lẽ là để cầu mong ông ta giúp mình phát tài chặng.

Lưu manh lại thờ Quan Công. *Tục Kim Bình Mai* hồi 8 có ghi lại một đoạn như sau, nguyên là Lai An gia nhân của Tây Môn Khánh biết Nguyệt Nương có hơn một ngàn lượng vàng bèn câu kết với tên lính trong nhà môn Đề hình là Trương Tiểu Kiều và con trai là Trương Đại Nhất chuyên sống bằng nghề cờ bạc, cả bọn cùng tới cướp tiền bạc, tài vật của Nguyệt Nương. Sau đó chúng "Đem hương đèn và vàng mã tới, hai anh em bày tỏ lòng thành trước, đầu tiên lập thê trong miếu Quan vương gia ở thôn "từ hôm nay trở đi, hai người cũng như anh em ruột, nếu ai phản bội sẽ không được chết yên lành!". Đến ngày rằm tháng giêng, Lai An mua tam sinh, hương đèn vàng mã vào miếu dâng hương, sau đó thay phiên rút thăm rồi kết nghĩa với nhau. *Đảo ngọt nhàn bình* hồi 6 có chép việc ba tên vô lai Ngụy Tiến Trung, Lý Vĩnh Trinh, Lưu Ngẫu cắt máu ăn thề trong miếu Tam Nghĩa, cũng chứng minh việc lưu manh vô lại tín ngưỡng Quan Công.

Quan Công tên Quan Vũ, người đất Giải ở Hà Đông cuối thời Hán, tự Văn Trường, buổi đầu phạm tội trốn tránh tới Trác Quận, cùng Lưu Bị, Trương Phi kết nghĩa, tình như anh em. Sau khi Quan Vũ chết, năm Cảnh Diệu thứ 3 Hậu chủ truy đặt tên thụy là Tráng Mục hầu. Tống Huy tông bắt đầu phong là Trung Huệ công, năm Đại Quang thứ 2 gia phong là Vũ An vương, song mãi đến thời Hồng Vũ vẫn chưa được coi trọng lăm trong các đền thần. Năm Vạn Lịch thứ 22 bắt đầu được đạo sĩ Trương Thông Nguyên tâu xin tiến phong tước đế, miếu hiệu là Anh liệt. Năm thứ 42 lại sắc phong là Tam giới phục ma Đại đế thần uy Viễn trấn nguyên tôn Quan thánh đế quân, từ đó mới bắt đầu có danh hiệu Quan Đế.

Từ đó có thể thấy lưu manh với Quan Đế vốn chặng có quan hệ gì, chúng sùng bái Quan Công chặng qua chỉ là để tỏ ra mình cũng như Lưu Quan Trương kết nghĩa ở vườn đào, cũng nghĩa khí, đồng tâm hiệp lực, cũng hy vọng Quan Công

ở thế giới bên kia phù hộ cho chúng làm điều bậy bạ.

Theo đó có thể biết thần mà lưu manh thờ và thần của các nghề nghiệp khác vốn không giống nhau. Ví dụ bọn con bạc thì thờ Thần đất (Địa chủ gia), Thổ địa, Thần tài, Hồ tiên, Lam Đổ thần, Mè long, bọn ăn trộm thì thờ hai người Thời Thiên, Lý Tuấn và tên đạo chích Anh Ba giày cỏ (Thảo hài Tam lang), ăn mày thì thờ Phạm Đan (Nhiễm), Chu Nguyên Chương, Đậu lão, bọn cướp thì thờ Đạo Chích, Tống Giang, mười tám La Hán (Đạt Mông lão tổ hoặc Đạt Ma Đa la), vân vân. Các tầng lớp xã hội này và vị thần mà họ thờ cũng hoàn toàn khác nhau. Các vị thần mà họ thờ cũng có một số quan hệ hoặc có điểm tương đồng, nghĩa là vị thần hoặc tổ sư được thờ phụng vốn cũng có làm qua việc ấy. Nhưng giữa lưu manh và các vị thần mà chúng thờ thì chẳng có chỗ nào liên hệ với nhau, hoàn toàn là do một bên tình nguyện mượn lấy, chỉ thuần túy là một cách gùi gắm nguyện vọng mà thôi.

Lưu manh là bọn làm điều bậy bạ, gặp việc thì trước nay không nói tới lương tâm nhưng lại đặc biệt mê tín, trước khi hành sự luôn luôn phải xem bói, xem số, hỏi han chuyện lành dữ. Thời Tống có Vương Chiêu Viễn "thích chơi bời với bọn thiếu niên vô lại trong làng. Một hôm mọi người đang cúng Thành hoàng, Chiêu Viễn vừa tới thì có kẻ đưa xác cho, nói Nếu ngày sau anh bị bắt bớ thì cứ gieo mà bói. Chiêu Viễn gieo thử, sáu hạt đều được mặt màu đỏ⁽¹⁸⁾. Mỗi sinh ở An Khâu thời Thanh là kẻ phóng dăng dâm tà, mỗi khi làm việc gian tà, trước tiên đều phải xem bói một quẻ, nếu là quẻ tốt mới dám lớn mật đi hành sự⁽¹⁹⁾.

Có khi lưu manh để hành sự thuận lợi, không bị tổn thất, trước khi hành sự còn họp nhau tế thần cầu Phật, đốt giấy tiền vàng bạc. Theo sách sử, có lần Miêu Long nhà

(18) *Tống sử*, quyển 278, *Vương Kế Thắng truyện*.

(19) Bô Tùng Linh, *Liêu Trại chí dị*, quyển 12, *Quả báo*.

nghèo làm quen với gã cờ bạc lêu lổng là Hàn Song Xuân và bạn thân của y là Lý Tú chủ quán rượu, bàn nhau đi cướp chùa Diệu Tướng. Trước khi lén đường, họ tập trung ở nhà Lý Tú, quay một con heo lớn, mổ một con ngỗng, mở một vò rượu lớn. Miêu Long ngồi ghế đầu, làm rầm khăn mây câu, đốt giấy tiền vàng bạc xong, mọi người nhất tề ăn uống ngồm ngoàm, hưởng thụ thức ăn ngon, đến khi no say mới dọn dẹp mâm bát, kiểm lại khí giới để vào thành⁽²⁰⁾.

Càng buồn cười hơn nữa là khi lưu manh thù ghét ai nhưng dùng sức không đánh được, bày kế cũng không lừa được thì còn cầu đảo quỷ thần, hy vọng mượn tay quỷ thần giáng tai họa cho những người ngay thẳng ấy. Dĩ nhiên đó chẳng qua chỉ là tự mình lừa dối mình mà thôi.

Chuyện kể ở Nam Phong thời Minh có bọn lưu manh vô lại hà hiếp xóm làng, quen việc hạch sách những người dân đen. Thân hào ở làng là Triệu Mỗ đứng đầu đưa đơn tố cáo lên quan, quan phủ trị tội cả đám, bọn vô lại không sao thắng được, vô cùng căm tức. Nhưng Triệu lại rất khỏe mạnh, bọn vô lại không dám động võ trả thù, vì vậy mỗi khi trời mù mịt có tiếng sét, chúng lại tụ tập vợ con, cung kính quỳ xuống cầu khấn "Sao không đánh chết thằng họ Triệu độc ác đi!"⁽²¹⁾. Việc làm ấy cố nhiên là ngu xuẩn nhưng dụng tâm thì vô cùng hiểm độc.

Hành động xem bói xem số, tế thần cầu Phật một mặt biểu hiện rõ ràng quan niệm duy tâm chủ quan và tâm lý mê tín của lưu manh, phù hợp với tư tưởng phản động, đồi bại của chúng, mặt khác cũng nói rõ rằng chúng biết những việc mình làm là thương luân bại lý, có tật giật mình, sợ bị trời giận người ghét nên muốn mượn ma quỷ thần Phật để che đậy sự sợ hãi trong lòng, kéo lại sự quân bình về mặt tâm lý.

(20) Phương Nhữ Hào, *Thiền chân dật sử*, hồi 4.

(21) Viên Mai, *Tàn Tê hãi*, quyển 2, *Lôi Công bị cắp*.

Loại quan điểm ấy thì việc bọn lưu manh cường đạo bị kết án xử tử trong Tam Tuần hội ở Thương Hải cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc đủ làm bằng chứng.

Gọi là Tam Tuần hội là hoạt động lễ hội cúng Thành hoàng, chấn tế cô hồn, xua đuổi tà ma giữ sự bình yên ngày trước. Vì mỗi năm vào ngày Thanh minh, ngày rằm tháng Giêng và ngày mồng một tháng Mười âm lịch tiến hành ba lần nên gọi là Tam Tuần hội, bắt đầu có từ đầu thời Minh.

Chuyện kể Minh Thái tổ lúc đầu nổi lên bình định Giang Nam, Tiền Hạc Cảo ở Tô Châu họp bộ chúng chống lại, dội bên đại chiến. Tướng quân Từ Đạt bắt sống Hạc Cảo giam vào nhà lao, đưa tới Nam Kinh xử tử. Lúc bị giết thì chảy máu trắng, Thái tổ sợ vong hồn của y ở âm phủ làm hại, sắp tới sẽ tụ họp ma quỷ quấy nhiễu khiến vùng ấy bị ôn dịch không tránh khỏi; bèn định lệ sai các miếu Thành hoàng trong thiên hạ chấn tế cô hồn. Mỗi khi gặp ngày Thanh minh, ngày mồng một tháng mười và ngày rằm tháng bảy thì phải đưa kiệu của Thành hoàng lão gia đi một vòng qua các nghĩa địa làm phúc. Thắp hương nến đốt vàng mã, lại đọc văn tế cho bọn Tiền Hạc Cảo làm ma quỷ không được cúng tế cùng tới hưởng thụ để khỏi đói rét. Người trực đàn có thu tiền, lại đóng vai tiểu quỷ tay cầm cương xoa đi theo một vòng. Xua đuổi tà ma để được bình yên, một năm ba lần gọi là Tam Tuần hội⁽²²⁾.

Nhưng lưu manh cũng rất mau lẹ nhúng tay vào, tham dự vào Tam Tuần hội. Đến hôm kiệu lớn của Thành hoàng ra đi, đội ngũ đi trước có bọn Linh cầm giáo gõ thanh la dẹp đường, áp giải các phạm nhân "tử tù", còn có những người vẽ mặt hóa trang diễn trò, tất cả các thú nghi trưng kéo dài năm sáu dặm. Mỗi khi đến lúc ấy trong bọn lưu manh lại có những kẻ chuyên lấy việc cướp đoạt, ấu đả, giết người làm

(22) Hồ Tổ Đức, *Hộ ngạn ngoại biên*, quyển thương, *Tam Tuần hội*.

nghề nghiệp như bọn giặc cướp, lúc bình thời làm đủ chuyện xấu xa chỉ sợ không được chết yên lành, hoặc sau khi chết sẽ bị trâm luân ở địa ngục hoặc để họa lai cho con cháu tranh nhau vung tiền ra làm các vai "tử tù" để chuộc tội. Vào hôm Thành hoàng đi tuần, "bọn tử tù" mặc áo đấu, cổ mang gông, xõa tóc ra pháp trường, theo tiếng quát tháo của đám Linh cầm giáo và tiếng đọc kinh của người đứng xem thong thả đi. Tới những chỗ chợ búa đông người, còn phải biểu diễn việc chém đầu: "bọn tử tù" quỳ xuống giữa đường, lúc đám Linh cầm giáo dùng đại dao "chém" xuống thì gào thét một tiếng, thuận thế ngã lăn ra đất. Bọn chúng cho rằng mình bị ngàn người chỉ, vạn người mắng, sau khi làm "tử tù" bị "chém đầu", vô luân có bao nhiêu tội lỗi cũng được rửa sạch. Hôm sau bọn giặc cướp mang tâm lý được giảm khinh tội lỗi này lại tiếp tục làm việc giết người phóng hỏa, thương luân bại lý⁽²³⁾.

5. Hỗn danh

Hỗn danh cũng gọi là xước hiệu, là tên ngoài tên thật, căn cứ vào các đặc điểm khác mà đặt ra.

Tất cả bọn lưu manh đều có hỗn danh, đọc lên rất thuận miệng, có âm hưởng, nghe xong rất khó quên.

Tứ Thủy Tiềm phu trong *Nam Tống thị tứ kỷ* từng ghi lại hỗn danh của một số tên lưu manh "Bọn vô lại như Lan địa hổ, Cửu điều long (Cọp chặn đất, Rồng chín khúc) càng làm hại cho phố phường thôn xóm"⁽²⁴⁾. Theo đó có thể biết đương thời đã có nhiều tên lưu manh được gọi theo hỗn danh.

Ngoài ra trong các thoại bản, tự thoại bản, bút ký thời Minh cũng ghi lại một số lớn hỗn danh của lưu manh, ở

(23) Tô Trí Lương, Trần Lê Phì, *Cận đại Thượng Hải hắc xã hội nghiên cứu*, chương 3, tiết 3.

(24) *Thuyết phu*, quyển 60.

dây xin nêu vài ví dụ như Mân thiên phi (Bay dây trời) Trương Quảng Nhi, Trứ địa cồn (Lăn khấp đất) Chu Tiến, Dã hỏa nhi (Ngọn lửa ngoài đồng) Diêu Vượng, Thiên lý cước (Chân ngàn dặm) Trần Danh, Thiết lý trùng (Sâu trong sắt) Tống Lẽ, Niêm thương lạp (Chuột dính kho) Trương Hồ, Điếu tinh hổ (Cọp mắt buồn) Ngưu Tam, Sái mặc Phán quan (Phán quan rưới mực) Chu Bình, Bạch nhật quý (Quỷ ban ngày) Úng Tử, Cưỡng đắc lợi (Ép được lợi) Trương Mỗ, Chỉ lư (Kéo lửa) Hạ Danh Đức, Thôn lý hổ (Cọp trong làng) Bão Lôi, Thôn trung tiêu (Tượng trong thôn) Hoa Phương, Thích mao trùng (Sâu lông nhọn) Giang Thái, Hoa lý châm (Kim trong hoa) Trương Ngọc, Tuyết lý thư (Giòi trong tuyết) Uông Tích vân vân.

Năm Quang Tự thứ 13 thời Thanh tên trùm lưu manh Dương Khôi Long ở một dải Dụ Khánh Hăng hội trên phố nhỏ Anh Đào phía nam thành Bắc Kinh có xước hiệu là Lan lộ hổ (Cọp chặn đường) Dương Tam, trùm lưu manh Mục Phương Nghi ở Nguyên Phong Hậu hội có xước hiệu là Tiểu Kim Cương (Kim Cương nhỏ) Mục Đại. Tên trùm lưu manh chuyên cướp bóc lừa ngựa, dây cương hàm thiếc của dân ở một dải Kinh Đông có hai xước hiệu khác nhau là Kim phiêu tử (Ngựa hoàng phiêu), Khoái mã (Ngựa chạy nhanh) Trương Tam. Một tên trùm lưu manh ở huyện Thuận Khánh tên Trương Hữu Đức, sau đổi là Trương Quế Lâm, người ở đó gọi y là Hắc Trương lão (Lão Trương đen), xước hiệu là Đông Bá thiên (Trời phía đông), Nhất chi hổ (Một con cọp). Một dải phía bắc Đới Kiều ngoài cửa Đông Trực Môn có bọn lưu manh xưng là Tiểu quân sư (Quân sư nhỏ) Vương Tam, Tọa địa hổ (Cọp giữ đất) Điền Phùng Xuân, Tiểu quỷ (Quỷ nhỏ) Lưu Văn, Bách diện hổ (Cọp trăm mặt) Lý Đại Hắc, Thái tuế Mã Tam Trại, Phán quan Trương Tam, Độc tráo long (Rồng một vuốt) Điêu Đại. Ngoài ra ở vùng Bắc Kinh còn có những kẻ xưng là Hoạt Thái tuế (Thái tuế sống) Trần Đại, Phục địa long (Rồng

núp dưới đất) Vương Thường Đại, Thiết ba quyền (Quá đâm sắt) Vương Tam, Hoa thương chử (Chày giáo hoa) Lý Đại, La tự hổ (Họ La như cọp) La Tam, Ân Tứ Đại vương Ân Doan, Hoạt Phán quan (Phán quan sống) Lâm Thế Sinh, Đại Diêm vương Cao Khởi Phát, Nhị Diêm vương Cửu Tường, Đại lạc chuyên (Dây trói lớn) Lâm Tam, Lộc mề hầu (Hầu tước gạo) Lưu Thất, Nhất lý vương (Vua một làng) Vương Tứ Quần, Di Lặc tiêm (Di Lặc nhọn) Trương Đình Chu, Thiết đầu Thái tuế (Thái tuế đầu sắt) Lưu Đắc Hải, Hồng trường trùng (Sâu dài màu đỏ) Lý Lực⁽²⁵⁾ vân vân.

Lưu manh đều có hồn danh để tự khoe khoang tính tình hung dữ, ai không hiểu là khiếp sợ đối phương. Nhất là bọn trùm lưu manh phần lớn đều dùng các động vật hung dữ trong tự nhiên như cọp hoặc các lực lượng trong truyền thuyết được cho là giữ đại quyền coi một phương, có ý nghĩa không thể bàn cãi như rồng, Diêm vương, Thái tuế làm xước hiệu, không những khiến người thường nghe là phát khiếp, tìm đường tránh xa, mà cả bọn cũng tạo được một thanh thế là không thể tùy ý xâm phạm tới lợi ích trong khu vực của chúng, nếu không quyết không thể dễ dàng bỏ qua.

Bọn trùm lưu manh thì thế chử đám lâu la nhỏ thì không dám huênh hoang, cũng không cần phải có xước hiệu hung dữ để trấn áp đối phương, chỉ có thể căn cứ vào thủ đoạn gây án hoặc một sở trường, đặc điểm nào đó của bản thân để đặt ra xước hiệu. Ví dụ Sái mặc Phán quan thể hiện sở trường về việc viết đơn kiện, Niêm thương lạp thể hiện việc quen trộm cắp kho tàng, Cưỡng đắc lợi thể hiện sự hung dữ vô liêm sỉ, cứ có lợi là làm, Dã hóa nhi thể hiện sở trường bỗng không gây chuyện để nhân nước đục thả câu, Thiết ba quyền thể hiện sự khỏe mạnh thích đánh nhau, Tiểu quân sư

(25) Trần Bảo Lương, *Trung Quốc lưu manh sử*, Trung Quốc xã hội khoa học xuất bản xã, 1993, chương 8, tiết 4.

thể hiện sự thông minh có đầu óc vân vân.

Hồn danh của lưu manh có khi là lưu manh tự đặt, cũng có khi là bọn tiêu lầu la trong hội đăng nịnh bợ đặt cho, có khi là nhân dân gọi mà thành. Cho dù là lưu manh tự đặt xước hiệu cho mình hay bọn lầu la nịnh hót đặt ra, nhưng lúc nhân dân xưng hô thì ý nghĩa cũng khác hẳn với ý nghĩa của bọn lưu manh, mang tính chất khinh bỉ căm ghét nặng nề. Còn như xước hiệu mà nhân dân chủ động đặt cho lưu manh thì hoàn toàn là một tiếng chửi, cũng chưa chắc đã dám gọi thằng trước mặt chúng, chỉ có thể ngầm ngầm chửi mấy tiếng sau lưng để phát tiết nỗi căm hận.

Nói tới đây thì cũng nên nói hết, là từ sau khi *Thủy hử truyện* ra đời đã xuất hiện hiện tượng không ít lưu manh sử dụng hoặc mô phỏng bảy tám phần các xước hiệu trong đó. Điều này tuyệt nhiên không thể coi là lưu manh có lý tưởng thay trời hành đạo như các anh hùng ở Lương Sơn Bạc, chúng cũng tuyệt nhiên không có chút can đảm nào, bê ngoài tuy lấy nông dân khởi nghĩa làm bằng hiệu nhưng bên trong vẫn là bọn lưu manh chính tông.

6. Lưu manh và các phong tục tập quán khác

Về cách ăn mặc. Bộ phận chủ yếu của bọn lưu manh thông thường không lo làm ăn, thích nhàn nhã chơi rong, không có thu nhập cố định. Thích ứng với tình trạng kinh tế thấp kém ấy, tất cả lưu manh đều không sành sỏi về cách ăn mặc, nói chung là rất tùy tiện.

Nhưng điều đó cũng không phải là tuyệt đối: đôi khi cách ăn mặc của lưu manh cũng có một số đặc điểm, khác hẳn người bình thường. Ví dụ như bọn con em hư hỏng ở kinh đô thời Đường thì lưu hành lối "mặc áo quần hai lớp"

(Trú điệp đói mạo)⁽²⁶⁾, hoặc "mū cao áo rộng" (Nguy mạo tán y)⁽²⁷⁾, dường như không có ngoại lệ. Lưu manh ở Thượng Hải thời Thanh thì thích mặc áo bó sát người, tay áo hẹp. Theo Tân Vinh Quang trong *Thượng Hải huyện Triết chí từ*, *Phong tục* 9 thì "Khẩn thân trách tụ bán Dương trang, Phi dung phi binh khu cán cường, Mã giáp mật môn diều nữu khấu, Thành quân kết đai dâng nhai phường" (Áo thì bó sát hẹp tay, Cúc khuy chi chít giống Tây nửa vời, Không binh lính cũng khoe tài, Kéo bè kéo lũ rong chơi phố phường). Nguyên chú "Mấy năm gần đây bọn vô lại đều mặc áo bó tay hẹp, có nhiều cúc băng vải". Lại Lục Sơn Phòng trong *Phong nguyệt lâu* hồi 8 cũng viết "Chỉ thấy bảy tám tên lưu manh mặc áo ngắn tay hẹp từ ngoài hò hét xông vào. Bọn chúng đều mặc áo khoác da, không có túi áo, thắt một chiếc thắt lưng bên ngoài".

Nhưng cách ăn mặc của bọn vô lại ở Thiên Tân thì có thể nói là điển hình nhất trong bọn lưu manh, khác hẳn người thường. Lúc mới nhập bọn, biết rõ mình không ra gì bèn chịu tốn kém bỏ tiền túi ra sắm một bộ quần áo xanh, may một chiếc áo dài xanh mặc vào, cúc thì không cài, có khi vắt lên vai hay cánh tay, lưng deo hà bao bằng lụa màu nguyệt bạch, chân mang tất màu chàm, đi hài, bím tóc trên đầu nối thêm tóc giả, gọi là Bím nối (Biện liên tử), càng xấu càng hay, không bô rủ xuống sau lưng mà vắt ra trước ngực, có kẻ cài thêm một đóa hoa mạt lỵ. Dáng đi cũng khác với người thường, kéo chân phải, khuỷu chân trái, cố ý làm ra vẻ tàn tật, gọi là Bọn đi hài bím tóc lớn (Hoa hài đại biện tử). Đến tuổi trung niên, trải đời đã nhiều thì xử sự hòa nhã khách khí, ăn mặc cũng giản dị: áo dài dần ngắn lại, áo khoác phải dài ra, tay áo dài hơn so với người thường một hai tấc để giấu dao búa, có khi dưới bắp đùi giắt một lưỡi chùy thủ (tục danh là Cái cắm), không lúc nào rời khỏi người.

(26) *Tân Đường thư*, quyển 189, *Cao Nhân Hậu truyện*.

(27) *Tân Đường thư*, quyển 181, *Lý Thân truyện*.

Màu sắc của quần áo thì từ màu xanh màu chàm chuyển thành màu xám, hài thì đã sớm đổi thành hài Song lương bằng vái hay đoạn. Bọn họ sau khi phát tài trở thành giàu có là lập tức thay đổi cách ăn mặc: áo bào dài, áo tắc ngắn, toàn thân lụa là, đi hài Vân tử, Phu tử để tỏ ra là không khác gì các bậc thân hào⁽²⁸⁾.

Về các ngày lễ tiết trong dân gian. Lưu manh còn biết lợi dụng một số ngày lễ tiết trong dân gian, lấy việc cầu cúng làm chiêu bài để công khai hoạt động, làm diều bệ bạ. Vì các ngày lễ tiết lưu hành ở một địa phương đã lâu, hoặc những ngày này vốn là các ngày ăn mừng trong dân gian mà lại ăn khớp với hành vi và ý thức của lưu manh, mọi người cũng dần dần thành quen, quên rằng đó là một cơ hội để lưu manh sách nhiễu đồi hỏi, mà lại thừa nhận, phối hợp khiến hoạt động của bọn chúng trong những ngày này được hợp pháp hóa, dễ dàng đắc thủ mà không bị bất cứ sự cấm đoán nào.

Trước tiên, có thể nói tới tục Ăn cướp (Hành đạo) và Nhắc chậu (Khởi bôn) thời Đường. Theo sử sách, lúc bấy giờ "Bọn thiếu niên trong quận thường đến tháng bảy thì đánh trống họp bọn kéo vào nhà người ta, gọi là Ăn cướp, đều được dồn bằng vật dùng, gọi là Nhắc chậu, sau đó cởi dây, quát tháo ầu đã"⁽²⁹⁾. Việc làm ấy của bọn thiếu niên trong quận ăn khớp với tục lệ Ăn cướp, Nhắc chậu, chẳng qua chúng mượn đó làm bẽ ngoài hợp pháp để được sự thừa nhận của nhân dân. Đến mãi về sau Vi Trụ tới nhận chức, biết rõ cái hại cho dân của việc ấy mới ra lệnh nghiêm cấm, trừ bỏ luôn một tục lệ hủ lâu.

Ở Phước Châu thời Minh, ngày tết phải diễn trò, tiến

(28) Lý Nhiên Tê, *Cựu Thiên Tân đích hôn hôn nhi*, Văn sử tư liệu tuyển tập, tập 47.

(29) *Tân Đường thư*, quyển 197, Tuần lại truyện.

hành việc chúc mừng, bọn thiếu niên vô lại cũng tham dự, "Nhiều kẽ múa lân, hạch sách rất đáng, ngay các quan Phiên ty, Niết ty cũng không biết làm sao"⁽³⁰⁾. Ở Bắc Kinh cũng có tục lệ hù lậu múa thần đòn tiền. Dân ở Bắc Kinh tín ngưỡng thần phật, bọn vô lại nhân đó cầm tượng thần phật "Treo lên trước cửa nhà người ta, đánh trống ca hát, nhảy múa giẫm chân như lên đồng, được cho tiền gạo mới qua chỗ khác, cứ thế suốt ngày không thôi"⁽³¹⁾. Ở Thượng Hải thời Thanh có lễ rước thần, bọn lưu manh trong hôm ấy cũng vô cùng béo bở, giở đủ trò làm tiền, "Côn quyền khắp chốn thị oai, Hội làng thu góp tiền tài biết bao, Lưu manh dám ấy đứng đầu, Rượu chè cờ bạc đến đâu canh ba"⁽³²⁾. Thượng Hải thời Thanh lại có quy củ đòn tiền của bọn lưu manh ở địa phương. Đại khái qua năm mới thì chúng tìm tới một số sòng bạc và các tiệm hút thuốc phiện lâu đài hối tiền bạc, nếu không đưa thì quậy phá. Quy củ đòn tiền này cho phép bọn lưu manh địa phương thu hoạch rất nhiều, có khi cả vạn đồng trả lên⁽³³⁾.

Bọn vô lại ở Thiên Tân thì có hoạt động Cử biện trại hội. Lúc ấy dưới sự phát triển của thần đạo, các đền miếu lớn rất thịnh hành việc mở hội đón thần, thu hút thiêng nam tín nữ tới dâng hương. Theo ngày quy định đi rước thần gọi là đi tuần (Xuất tuần) trong đó thì Hoàng hội của Thiên Hậu cung và Quý hội của miếu Thành hoàng là lớn nhất. Còn có rất nhiều lề hội nhỏ hơn như Trung phan, Khoa kỹ, Trùng các, Hạc linh, Pháp cổ, Xuy hội, đều do bọn vô lại đứng đầu hoặc

(30) Cố kim đồ thư tập thành, Phương dư hối biên, Chức phương diển, quyển 104, Phúc Châu phú bộ.

(31) Thẩm Bàn, Uyển thư tập ký, quyển 17, Thượng tự, Dân phong.

(32) Tần Vinh Quang, Thượng Hải huyện Trúc chí từ, Phong tục chính.

(33) Từ Kha, Thanh bị loại sao - Côn nghiệm thi, Thượng Hải địa côn chí sách lậu quy.

đứng ra tổ chức⁽³⁴⁾.

Về tập tục trong nội bộ lưu manh. Để giành giật thêm nhiều quyền lợi, trong lưu manh luôn hại người lợi mình, người gian ta trá, không thể tránh khỏi có những lúc nãy sinh rất nhiều mâu thuẫn, ngoài việc dấy động can qua, dùng võ lực để quyết một phen thắng phụ thì thường cũng còn sử dụng cách thức mềm dẻo là giảng hòa để xử lý. Lưu manh ở Thượng Hải trong quá trình hoạt động lâu dài đã dần dần hình thành việc Uống trà nói chuyện (Ngật giang trà), chính là cách thức điển hình nhất trong việc lưu manh thông qua việc nói lý lẽ để xóa bỏ mâu thuẫn, đạt tới sự hòa giải. Uống trà nói chuyện cũng gọi là Chốt đầu người (San nhân đầu), cách làm cụ thể là đôi bên có việc họp nhau ở quán trà, vừa uống trà vừa trò chuyện, mời khách trong quán hoặc người trung gian phán xét, bên đuối lý phải trả tiền trà và các chi phí khác. Hồ Tổ Đức trong *Hộ ngạn ngoại biên*, *Tân từ điển* viết "Uống trà nói chuyện: vì có việc tranh cãi, đôi bên kéo tới quán trà, đem nội dung sự việc nói cho mọi người biết, ai phải ai trái đều theo công luận". Nếu đôi bên sau khi lời qua tiếng lại đạt được sự hòa giải thì lập tức mời người giảng hòa pha hai loại trà màu hồng và màu lục vào chén, đôi bên cùng uống cạn một hơi, sau đó uống rượu đập chén để tỏ ra là đã xong chuyện. Có điều lưu manh rốt lại là một bọn người xấu, chỉ dựa vào lý lẽ thì tuyệt nhiên không thể giải quyết triệt để vấn đề, có lúc thậm chí còn biến địa điểm Uống trà nói chuyện thành chiến trường, mâu thuẫn cũ chưa giải quyết được thì thù oán mới lại phát sinh. Hoàng Thức Quyền trong *Tùng Nam móng ảnh lục*, quyển 1 ghi "Những thợ thuyền thất nghiệp và bọn ăn chơi lêu lổng nếu có một câu không hợp là lập tức họp nhau trong quán trà, kéo bè gọi đảng cãi nhau không thôi. Thậm chí đập nát ấm

(34) Lý Nhiên Tê, *Cựu Thiên Tân dịch Hỗn hồn nhí*, Văn sử tư liệu tuyển tập, tập 47.

chén, phá nát bàn ghế, máu chảy đầy mặt bị bắt, gọi là Uống trà nói chuyện, về sau quan tinh cẩm đoán, nếu vi phạm thì chủ quán trà sẽ bị phạt. Nhưng ở những quán vắng phố nhỏ thì không khỏi có chuyện bể ngoài thì vắng lệnh nhưng bể trong thì làm ngược lại. Gần đây lại có kẻ mượn tiệm hút thuốc phiện, nơi kể chuyện làm nơi Hút thuốc nói chuyện, càng lộng hành không sợ sệt gì". Từ Kha trong *Thanh bị loại sao, Côn nghiêm loại, Thượng Hải địa côn chi Ngật giang trà* có giải thích rất chi tiết về việc Uống trà nói chuyện, xin trích lại dưới đây "Uống trà nói chuyện là việc những kẻ dưới đáy xã hội mỗi khi có chuyện thì lấy quán trà để phân biện đúng sai. Phàm trà trong quán đều do người thua trả tiền, không chỉ tiền trà của đôi bên. Nhưng việc Uống trà nói chuyện của bọn lưu manh ở Thương Hải thì chưa chắc kẻ đúng đã thắng, kẻ sai đã thua, mà sự sai đúng của đôi bên lại đều nhìn vào việc có nhiều hay ít người mà phân xử, thậm chí chỉ cần một câu không hợp là dùng vũ lực giải quyết, quan lại đều rất lo lắng, ra lệnh nghiêm cấm". Có thể thấy rằng thông qua việc Uống trà nói chuyện có khi quả cũng xóa bỏ được một số mâu thuẫn, giải quyết được một số vấn đề. Nhưng việc đó vẫn bị bản tính của lưu manh chi phối, nên có lúc cái gọi là Uống trà nói chuyện cũng chỉ là việc trộn lẫn đen trắng, xóa nhòa sai đúng mà thôi.

Nếu Uống trà nói chuyện thất bại, việc đàm phán giang hòa không thành công, đôi bên lưu manh rời khỏi chỗ nói chuyện có khi lập tức động võ, liều mạng người chết ta sống, có khi ước hẹn thời gian, địa điểm, nhân số để quyết một phen thắng phụ. Kết cục thì đương nhiên kẻ thắng làm vua, xưng bá một vùng, kẻ thua làm giặc, phải giao lại địa bàn hoặc tiền bạc. Có điều đôi bên xung đột bất kể là từ thương nhiều hay ít, hậu quả nghiêm trọng ra sao quyết cũng không được báo quan, nếu làm trái quy định bất thành văn ấy thì sẽ bị toàn thể lưu manh coi là kẻ bại hoại, vĩnh viễn không thể ngóc đầu lên được trong xã hội giang hồ.

Chương 7

Lưu manh hoành hành không dứt

Trên đây chúng ta chủ yếu đã bàn tới các phương diện có liên quan tới đặc điểm, hoạt động, thủ đoạn của lưu manh, vạch trần sự nguy hại to lớn của lưu manh đối với xã hội.

Đối với những hoạt động rông rὸn như thế của lưu manh, giai cấp thống trị đứng trên lập trường trái ngược với lưu manh hoàn toàn không thể giả như không nghe không thấy. Tuy phần lớn hoạt động của lưu manh không trực tiếp đụng chạm tới sinh hoạt của đế vương trong hoàng cung đại viện phòng bị nghiêm cẩn, cũng không trực tiếp làm tổn hại tới lợi ích của đạt quan quý nhân, nhưng hoạt động của lưu manh phá rối trật tự xã hội, phá hoại trị an xã hội, khiến dân tâm náo động, tiếng oán đầy đường, từ đó làm lung lay địa vị thống trị của giai cấp thống trị. Để trấn an dân tâm, giữ gìn sự yên ổn trong xã hội lâu dài, giai cấp thống trị cũng phải chọn lựa cách thức và chính sách để giải quyết vấn đề về tầng lớp xã hội to lớn là lưu manh này.

Chính sách của giai cấp thống trị Trung Quốc đối với lưu manh trong lịch sử là một phương diện quan trọng không thể coi thường trong việc nghiên cứu lịch sử lưu manh. Có thể tóm tắt là đối với lưu manh thì giai cấp thống trị phong kiến chủ yếu dùng cách thức trấn áp, còn chính sách mâu thuẫn là kết hợp lợi dụng và trấn áp.

1. Giai cấp thống trị lợi dụng lưu manh

Việc chiêu tập và lợi dụng rộng rãi các loại nhân vật xã hội trong đó có lưu manh bắt đầu từ cuối thời Xuân thu, đầu thời Chiến quốc. Lúc bấy giờ, "Khanh tướng chư hầu tranh nhau nuôi dưỡng kẻ sĩ. Từ dám mưu phu thuyết khách luận trời chạm rồng, kiên bạch dị đồng tới bọn múa kiếm nháy đinh, trộm gà cắp chó đều được dùng lễ đón rước làm khách, cung đốn cơm ăn áo mặc, dựng nhà cho ở, không thể kể xiết. Việt vương Câu Tiễn có sáu ngàn quân tử, Vô Ky nước Ngụy, Điền Văn nước Tề, Triệu Thắng, Hoàng Cát, Lã Bát Vi đều có ba ngàn tân khách, mà Điền Văn chiêu mộ những kẻ du hiệp gian nhân tối ở đất Tiết có đến sáu vạn nhà, Tắc Hạ nước Tề có sáu ngàn mưu sĩ, Ngụy Văn hầu, Yên Chiêu vương, Thái tử Đan đều có vô số tân khách, đến thời Tân Hán, Trương Nhī, Trần Dư có hiệu là danh sĩ, những tân khách nuôi dưỡng đều là hào kiệt trong thiên hạ, mà Điền Hoành cũng có năm trăm tân khách. Nhìn qua sử sách đã như thế thì tính ra phải đông gấp bội quan lại mà chiếm một nửa nông dân. Đó đều là bọn dân gian tà làm hại nước, dân làm sao nuôi được, mà nước làm sao chịu được!"⁽¹⁾. Rõ ràng Tô Thức phản đối việc nuôi dưỡng kẻ sĩ, đương nhiên càng phản đối việc chiêu mộ bọn lưu manh trộm gà cắp chó trong đó. Có điều sự luận thuật của ông ta chỉ là mắt bò mới lo làm chuồng, chứ việc bọn vô lại lưu manh được giai cấp thống trị coi trọng, coi là kẻ sĩ để nuôi dưỡng đã sớm trở thành lịch sử không thể đảo ngược.

Thời Hán việc chiêu tập, lợi dụng lưu manh trở thành cao trào thứ hai. Hán Cao tổ Lưu Bang bản thân chính là lưu

(1) Tô Thức, *Dong Pha chi lam*, quyển 5, *Du si that chuc chi hqa*.

manh xuất thân, bọn "vô lại vong mạng" lập công "trở thành tướng văn tướng võ" ⁽²⁾ dưới tay ông ta trở thành lực lượng trung kiên trong tập đoàn thống trị của ông ta.

Sau thời Hán, thời Ngũ đại, việc chiêu tập, lợi dụng lưu manh lại dấy lên thành cao trào, thủ hạ của Chu Ôn, Tiền Tham, Vương Kiến đều là đám người mà ngày nay gọi là bọn lưu manh vô lại vong mạng. Ví dụ những người làm "Kỷ cương chi bộc" (Tôi tự giữ giêng mối) của Vương Kiến chính là một số vô lại trẻ tuổi can đảm, đạt tới số trăm, "người ta không ai chống nổi", Vương Kiến từng đích thân nói với họ rằng "Ta và các ngươi nhiều năm chinh chiến, ra sống vào chết, ngày sau sẽ trở thành người nhà của ta" ⁽³⁾, biểu thị rất rõ quan hệ giữa Vương Kiến với đám vô lại trẻ tuổi can đảm ấy thân thiết tới mức nào, họ ra sức liều mạng cho Vương Kiến ra sao.

Đến thời Tống, việc chiêu tập, trọng dụng lưu manh lại càng rộng rãi, lại hình thành một cao trào. Thoát Thoát thời Nguyên nói "Các tướng đầu thời Tống dấy lên từ nơi thảo dã, xuất thân hàng trận, tuy là đạo tặc vô lại song cũng rất xấu xa, có gì khác bọn mồ chó buôn bông đâu ? Nhưng đến khi được dùng, đều có thể hiên ngang tự lập, vì chê ngự đúng phép vậy" ⁽⁴⁾.

Giai cấp thống trị chiêu tập, trọng dụng lưu manh vô lại mục đích trước hết để tăng thêm lực lượng và thanh thế, phục vụ cho lý tưởng chính trị của mình. Cái gọi là người đồng thế mạnh, chính là đạo lý ấy. Có không ít chính trị gia,

(2) Triệu Dực, *Tráp nhất sử trát ký*, quyển 2, *Hán sơ bối y tướng tướng chí cục* điều.

(3) Tôn Quang Hiến, *Bắc mộng tòa ngôn dật văn*, quyển 2.

(4) *Tống sử*, quyển 275, *Luận*.

quân sự gia tài giỏi hoặc nhìn xa thấy rộng đều lợi dụng bọn vô lại lưu manh làm cơ sở xã hội, trở thành hào kiệt một vùng, nhân vật gào mây thét gió một thời. Xin xem một số tài liệu lịch sử có liên quan ghi chép "Trương Tú, người Tố Lệ Vũ Uy, con Phiêu kỵ tướng quân Tế. Lúc Biên Chương, Hán Toại làm loạn Kinh Châu, Miến Thắng ở Kim Thành đánh úp giết quan trưởng Tố Lệ là Lưu Tuấn. Tú làm huyệnlại liền giết Thắng, mọi người cho là nghĩa. Bèn chiêu tập bọn thiếu niên, trở thành kẻ hào kiệt trong quận"⁽⁵⁾. Tào Nhân cùng là dung tướng của nhà Ngụy với Trương Tú, "Tự Tử Hiếu, em họ Thái tổ. Lúc trẻ thích cung ngựa. Về sau hào kiệt các nơi cùng dấy lên, Nhân cũng ngầm ngầm kết đảng với bọn thiếu niên, được hơn ngàn người qua lại vùng Hoài Tứ, rồi theo Thái tổ làm Biệt bộ Tư mã, giữ chức Hiệu úy Lê Phong"⁽⁶⁾.

Lại như thời Tấn, "Vương Cung cử binh, lấy Hâm làm Kiến vū tướng quân, Nội sử đất Ngô, ra lệnh dấy quân làm thanh viễn. Hâm lập tức ngầm ngầm họp đảng, giết kẻ chống mình, lại sai bọn Hồ Túc Phụ là Nội sử đất Ngô trước kia tới Ngô Hưng, Nghĩa Hưng họp binh, bọn du hiệp về theo có hàng vạn người. Hâm tự cho rằng nghĩa binh một phen dấy lên, thiên hạ thế át chưa yên, có thể nhân dịp này tìm phú quý"⁽⁷⁾.

Thời Thái tông nhà Bắc Ngụy, Xương Lê vương Mộ Dung Bá Nhi "Chiêu tập bọn thiếu niên du hiệp thất chí là Lý Thầm hơn ba trăm người mưu phản"⁽⁸⁾. Lại như thời Bắc Tề, "Người trong tông tộc của Nguyên Trung là Mẫn tự Ma

(5) *Tam quốc chí*, quyển 8, *Ngụy thư*, *Trương Tú truyện*.

(6) *Tam quốc chí*, quyển 9, *Ngụy thư*, *Tào Nhân truyện*.

(7) *Tấn thư*, quyển 56, *Vương Hâm truyện*.

(8) *Ngụy thư*, quyển 29, *Hè Cân truyện*.

Căng, tướng mạo khôi vĩ, là người lạ đương thời. Lúc trẻ có chí lớn, năm mươi bốn tuổi không làm quan với châu quận, chiêu mộ đám du hiệp gian tà làm tay chân. Cuối đời Hiếu Xương, thiên hạ loạn lạc, Mẫn trốn núp trong rừng núi để chờ thế thiên hạ biến đổi”⁽⁹⁾.

Thời Tùy, Lưu Nguyên Tiến ở Dư Hàng, “Lúc trẻ thích du hiệp, được châu quận tôn trọng, tay dài hơn thước, buông xuống quá gối. Dạng đê gây ra việc chinh chiến ở Liêu Đông, trăm họ xôn xao, Nguyên Tiến tự cho mình có tướng mạo phi thường, ngầm có chí khác, bèn tụ họp mọi người, chiêu tập bọn vong mạng”⁽¹⁰⁾.

Mục đích thứ hai của giai cấp thống trị chiêu tập, trọng dụng lưu manh vô lại là sử dụng họ làm nanh vuốt, cướp bóc người đi đường, cướp đoạt tài vật để thỏa mãn ham muộn chiếm hữu tiền bạc của mình. Lưu manh vô lại vốn là một bọn người không lo làm ăn, chỉ làm điều bậy bạ. Kẻ thống trị sử dụng họ đi làm việc cướp của đốt nhà giết người chẳng qua chỉ là để họ nối lại nghiệp cũ chứ hoàn toàn không bị lương tâm cắn rứt hay có gì khó khăn, và lại so với người thường thì họ còn làm tốt hơn, xuất sắc hơn.

Sử ký quyển 58, *Lương Hiếu vương thế gia* chép “Vương Bành Ly ở Tế Đông là con Lương Hiếu vương, năm Hiếu Cảnh thứ 6 làm Tế Đông vương. Năm thứ 29, Bành Ly kiêu hán không giữ lễ nhân quân, chiêu tối lén cùng tội tá và bọn thiểu niên vong mạng mấy mươi tên ra đường giết người cướp của làm trò vui, giết chết mấy trăm người, trong nước đều biết, không ai dám đi đêm”. *Tây kinh tạp ký* quyển 6 chép “Quảng Xuyên vương Khứ Tật thích tụ họp bọn thiểu

(9) Bắc Tề thư, quyển 22, Lý Nguyên Trung truyện.

(10) Tùy thư, quyển 70, Lưu Nguyên Tiến truyện.

niên vô lại săn bắn, xa xỉ vô độ, mồ mả người trong nước đều bị đào bới”.

Lại theo *Bắc Tề thư*, Lý Nguyên Trung truyện chép thì “Chú họ Nguyên Trung là Cảnh Di, lúc trẻ dũng mãnh, có dám lực, thích kết giao với bọn vong mang, cùng đi ăn cướp, xóm giềng đều sợ hãi”. Theo ghi chép về gia thế Lý Nguyên Trung “Ông cố là Linh, Thủ sứ Định Châu nước Ngụy, được phong Cự Lộc công. Ông nội là Khôi, Trần Tây tướng quân” mà nhìn, có thể biết Lý Cảnh Di hoàn toàn không phải vì bắn cung phải đi ăn cướp để duy trì sinh kế. Mục đích của y chiêu tập bọn vong mang làm điều bậy bạ chỉ là vì muốn cướp thêm những tiền tài bất nghĩa.

Mục đích thứ ba của giai cấp thống trị khi chiêu tập, trọng dụng lưu manh là dùng lưu manh để trị lưu manh, duy trì trật tự ở các địa phương.

Lưu manh sinh trưởng ở một địa phương, rất thông thạo về tình hình của vùng ấy. Lôi kéo được loại người này thì không những có thể biến tiêu cực thành tích cực, giảm được một lực lượng đối kháng, mà còn có thể thông qua họ kịp thời nắm được tình hình của những đám lưu manh khác. Đồng thời lưu manh một sớm được người ta cung đốn rượu nồng thịt béo, tăng biếu áo tốt ngựa khỏe, đối xử bằng lễ thượng khách, thì cũng rất dễ bị mua chuộc, cam tâm tình nguyện làm ưng khuyển, trấn áp đồng bọn cắt máu ăn thè ngày xưa. Sử chép bọn lưu manh sau khi đã bị mua chuộc, “Ra sức lập công, nhân đó dùng làm nanh vuốt, bắt bớ rất giỏi, tính ưa giết chóc, hơn hẳn bọn lại dịch tầm thường”⁽¹¹⁾. Kẻ thống trị các đời chính đã nhìn đúng được điểm ấy nên đua nhau lợi dụng bọn lưu manh có tiếng tăm để lấy độc trị độc.

Từ thời Hán có Chu Bá, tự Tử Nguyên, nhà nghèo,

(11) *Hán thư*, quyển 90, *Khốc lại truyện*.

lúc trẻ từng làm Đình trưởng trong huyện, tuổi trẻ hiếu khách, giỏi việc bắt bớ, biết rất rõ tình hình của bọn lưu manh vô lại. Về sau Chu Bá dần dần phát tích, coi quận, thường sai các huyện thuộc hạt dùng những kẻ hào kiệt làm lại, vẫn vô đều phù hợp. Trong huyện có giặc cướp nào phi thường, Chu Bá đều gởi thư tới trách móc, ai ra sức lập công thì thưởng hậu, ai gian dối không khai thì bắt giết. Ở Trường Lăng có nhà đại tộc Thượng Phương Cẩm, lúc trẻ cướp vợ người ta bị chém một đao, trên mặt còn vết sẹo. Về sau y hối lộ cho quan Công tào ở phủ, được giữ chức Cẩm điêu thủ úy. Chu Bá biết chuyện rồi, lấy cớ gọi Thượng Phương Cẩm tới gặp, thấy trên mặt y quả nhiên còn vết sẹo, bèn đuổi tả hưu ra, sau đó đột nhiên hỏi "Trên mặt là vết seo gì vậy ?". Thượng Phương Cẩm biết việc đã lộ, vội quỳ xuống dập đầu thỉnh tội. Chu Bá lại nói một câu rất bất ngờ "Trương phu có lúc cũng phải như thế. Bản Thái thú muốn rửa nhục cho ông, thử dùng vào việc cầm lệnh, có ra sức được không ?". Thượng Phương Cẩm nghe thế nửa mừng nửa sợ, vội tỏ ý lấy cái chết để đền đáp. Lúc ấy Chu Bá dặn y "Không được tiết lộ, lúc nào tiện cứ nhớ lại lời này". Về sau Thượng Phương Cẩm quả nhiên rất trung thành với Chu Bá, hết lòng hết sức tham gia việc trấn áp bọn giặc cướp và những kẻ gian khác, lập được đại công, được Chu Bá thăng làm Huyện lệnh Liên Thủ⁽¹²⁾.

Đương thời còn có một vị khốc烈 là Vương Ôn Thư, về việc lợi dụng lưu manh để trấn áp lưu manh cũng có nhiều cách thức tân kỳ, cũng xuất sắc như Chu Bá. Vương Ôn Thư "Lúc trẻ là kẻ gian", dù thấy cũng không phải loại người lương thiện. Sau khi thành nhân tuy được bổ làm Đình

(12) Hán thư, quyển 83, Chu Bá truyện.

trưởng trong huyện, nhưng rất mau lẹ bị cách chức. Sau một phen chìm nổi, được giữ chức Đô úy Quảng Bình, bắt đầu lớn mật để bặt những kẻ hào kiệt liều lĩnh không sợ sệt gì làm dịch lại, sung làm nanh vuốt. Cách làm cụ thể là "Nắm chắc tội kín của họ, mà cho dù sai bát đao tặc cũng rất thỏa ý cướp bóc". Vì thế những người Vương Ôn Thư sử dụng hoàn toàn không phải là những kẻ hành hiệp trượng nghĩa mà là bọn vô lại bất pháp. Về sau Vương Ôn Thư làm Trung úy, lại dùng bài bản cũ, "Theo lối ở Quan Trung, nắm chắc bọn cường hào gian ác, khuất phục tất cả để dùng. Lại nghiêm khắc điều tra bọn thiếu niên dâm ác, đều vạch trần tội lỗi, đặt chức Bá lạc trưởng để chiêu mộ bọn gian"⁽¹³⁾.

Để chiêu tập, lợi dụng lưu manh đạt được hiệu quả, giai cấp thống trị còn mất một phen tâm huyết, dùng sách lược và thủ đoạn tinh vi. Ngoài việc căn cứ vào đặc điểm của đối tượng mà có thái độ linh hoạt khác nhau, cách làm chủ yếu là trọng dụng, chiêu mộ, dọa dẫm và dọa dẫm rồi trọng dụng.

Cái gọi là dọa dẫm rồi trọng dụng là chỉ giai cấp thống trị nắm chắc tội lỗi của lưu manh, bức bách họ phải nói thật, cam tâm tình nguyện làm nanh vuốt cho mình. Một số lưu manh này hoàn thành nhiệm vụ được giao, kẻ thống trị lại kịp thời khen thưởng, phong quan thăng túc. Ví dụ đoạn Chu Bá lợi dụng, để bặt Thượng Phương Cẩm, Vương Ôn Thư khéo dùng bọn hào kiệt và thiếu niên dâm ác giới thiệu trên kia đều là những minh chứng, không cần bàn thêm.

Cái gọi là trọng dụng, là chỉ kẻ thống trị để thực hiện

(13) *Hán thư*, quyển 90, *Khốc lại truyện*, *Vương Ôn Thư truyện*.

mục đích gì đó, đạt tới mục đích áy rồi, trong đám lưu manh mà mình dồn mời ai có được văn trị võ công, nhất là kẻ kiệt xuất võ nghệ cao cường thì thậm chí không tiếc chức quan, phong cho tước lớn, thăng chức vượt bậc, coi là thân tín, cho theo bên cạnh. Từ đó khiến đám lưu manh này biết ơn nhớ đức, ra sức đền đáp không tiếc xông pha nước lửa, gan óc lầy đất.

Ví dụ như năm Mẫn đế nhà Tấn ở ngôi từng sai Thượng thư Tả Bộc xạ linh quân trì tiết, Tây nhung hiệu úy coi việc Thượng thư Đại đô đốc Phiêu kỵ tướng quân Miến Sung, "Lấy việc võ về để liên kết lòng người", đối với bọn "Ngô Bì, Vương Ân, bọn ác nhân vô lại, đều trọng thưởng thêm"⁽¹⁴⁾, lại như Vương Hán Trung thời Tống, tự Hy Kiệt, người Bành Thành Từ Châu, lúc trẻ du đăng, có sức khỏe, vóc dáng to lớn, giỏi cưỡi ngựa bắn cung. Tiết sứ Cao Kế Xung muốn chiêu mộ y về theo dưới trướng, Vương Hán Trung lại cự tuyệt. Về sau y vì việc đánh nhau giết chết một thiếu niên trong làng, trốn tới kinh sư. Thái tông lúc ấy chưa lên ngôi triều y vào gặp, thấy tài lực rất khen ngợi, cho làm tả hữu. Khi tức vị phong y làm Điện tiền Chỉ huy sứ, sau thăng tới Nội điện Trực Đô tri⁽¹⁵⁾. Lại như Phó Tư Nhuệng thời Tống người Tín Đô Ký Châu, lúc trẻ vô lại, có sức khỏe, giỏi cung ngựa. Lúc Thái tông chưa lên ngôi phong y làm Đô úy thân tín. Khi tức vị phong làm Vệ sĩ trực trưởng, sau thăng tới Thủ sử Bình Châu⁽¹⁶⁾.

Đây là đám lưu manh vô lại được kẻ thống trị phong kiến chọn làm thân tín, phong cho chức lớn, tất cả đều có võ

(14) *Tấn thư*, quyển 89, *Triệu Doãn truyện*.

(15) *Tống sử*, quyển 279, *Vương Hán Trung truyện*.

(16) *Tống sử*, quyển 275, *Phó Tư Nhuệng truyện*.

nghệ cao cường, biết nghĩa khí, giữ chữ tín, không tiếc việc sát thân thành nhân, về sau vì chủ mà đánh chiếm giang sơn, bảo vệ xã tắc, lập nhiều công lao hân mĩ. Nhưng bọn lưu manh bình thường thì không được ưu đãi như thế.

Lại nói về việc dùng tiền bạc mua chuộc lưu manh. Lưu manh vì sinh hoạt ngày càng bần cùng, lại không giỏi làm ăn nên đối với tiền bạc đặc biệt tham lam. Kẻ thống trị nhìn rõ được điểm ấy nên dựa vào ưu thế về kinh tế, đều không tiếc dùng tiền bạc mua chuộc, lung lạc nhân tâm rồi sau đó sai khiến họ ra sức phục vụ, báo đáp cho mình. Mà lưu manh sau khi bị mua chuộc, cũng cao giọng hát khúc "Kẻ sĩ chết cho người tri kỷ", không phân biệt thị phi đèn trăng, cứ cầm đầu vang lệnh, vì chủ mà giết người đốt nhà, thậm chí chịu chết thay.

Năm Thiên Phượng thứ 1 thời Hán, ở Hải Khúc quận Lang Nha có Lữ mẫu, con trai làm huyện lại, vì phạm lỗi nhỏ bị quan huyện giết chết. Lữ mẫu canh cánh trong lòng, nghĩ cách giết quan huyện trả thù. Nhà Lữ mẫu giàu có, tiền bạc có mấy trăm vạn, bèn dùng đó mua rượu ngon, sắm dao kiếm y phục. Bọn thiếu niên nghèo khổ tới mua rượu thì Lữ mẫu tặng không, với những người khốn cùng trong bọn họ còn thường chu cấp y phục vật dùng, cũng không màng nhiều ít. Qua mấy năm, gia tài trăm vạn của Lữ mẫu dần dần không còn, bọn thiếu niên thấy thế bèn nghĩ cách trả nợ. Lữ mẫu lại sa nước mắt nói "Sở dĩ đổi xử hậu với các ông không phải mong lợi, mà vì quan huyện vô đạo, giết chết con ta nên muốn trả thù thôi. Các ông có chịu giúp nhau không!". Bọn thiếu niên phấn chấn, lại vì đã được tặng biếu lâu ngày, đều đồng thanh ứng thuận lời thỉnh cầu của Lữ mẫu, trong đó bọn dung sĩ tự khoe là mãnh hổ hợp được mấy trăm người

cùng Lữ mẫu ra biển, chiêu tập bọn vong mạng, lực lượng ngày càng đông, có tới mấy ngàn người. Lữ mẫu tự xưng là Tướng quân, dẫn quân tới phá thành Hải Khúc, bắt được quan huyện, đâm thuộc lại dập đầu xin tha mạng cho quan huyện, Lữ mẫu nói "Con ta phạm lỗi nhỏ, không đáng chết mà bị quan huyện giết chết. Giết người thì phải chết, còn xin xỏ gì?". Bèn giết quan huyện, dùng đầu tế mộ con, rồi đem quân ra biển⁽¹⁷⁾. Lữ mẫu là nhà giàu một phượng, không tiếc tiền bạc, dùng rượu thịt vật dụng chiêu mộ bọn thiểu niê, rốt lại mượn thanh thế của họ giết chết quan huyện, đạt được mục đích báo thù của mình.

Cựu Ngũ đại sử cũng có chép một chuyện tương tự. Vương Tiến thời Ngũ đại lúc trẻ lạc phách, không lo làm ăn, dũng mãnh có thể đuổi kịp ngựa chạy, từng họp đảng ăn cướp, trong vùng đều sợ hãi. Phù Ngạn Siêu làm Thái thú Hà Sóc dùng tiền bạc dụ về làm tả hữu. Đầu niên hiệu Trường Hưng, Phù Ngạn Siêu trấn An Hưng, bộ khúc có Vương Hy Toàn câu kết với quân trong châu nổi loạn, bèn sai Tiến đưa tờ tâu về triều đình, Minh tông khen chạy mau, ra chiếu lưu lại trong quân. Về sau Khiết Đan làm loạn, chiếm cứ Giao Khẩu, Vương Tiến một mình bắt sáu bảy mươi người, lập được công lớn⁽¹⁸⁾.

Có điều bất kể là dùng cách trọng dụng, mua chuộc, dọa dẫm hay dọa dẫm rồi trọng dụng lưu manh cũng đều có khi thành công cũng như đều có khi thất bại. Kẻ thống trị muốn mua chuộc lưu manh, lợi dụng họ ra sức cho mình, nhưng có lúc việc trái với lòng, nuôi cọp trong nhà, lại phải thua dưới tay lưu manh.

(17) *Hậu Hán thư*, quyển 11, *Lưu Bồn Tử truyện*.

(18) *Cựu Ngũ đại sử*, quyển 124, *Vương Tiến truyện*.

2. Giai cấp thống trị trấn áp lưu manh

Lưu manh về bản chất là lực lượng phá hoại trật tự xã hội, tác động nguy hiểm tới sự tồn tại chính quyền của kẻ thống trị. Vì vậy chính sách đối với lưu manh của các triều đại về căn bản đều là thảng tay trấn áp. Sau khi lưu manh xuất hiện, trong xã hội cũng xuất hiện yêu cầu lý luận là phải thảng tay trừng trị các loại tội phạm trong đó có lưu manh, cảnh tỉnh kẻ thống trị không thể coi thường bỏ qua vấn đề này.

Chu lê, Thu quan, Tư đồ viết "Bắt giam Bãi dân", chú "Bãi dân là nói những kẻ xấu không theo giáo hóa, gây tai họa đau khổ cho bách tính, nhưng chưa phạm vào tội ngũ hình".

Bãi dân và kẻ xấu cũng không hoàn toàn ngang hàng với lưu manh, nhưng việc lưu manh cũng trong số đó thì không khó lý giải. Vì thế việc xử trí Bãi dân cũng có thể coi như xử trí lưu manh. Phương pháp sử dụng hoàn toàn không phải là trừng phạt nghiêm khắc, mà là thiên về giáo dục, hy vọng họ thông qua việc hối hận mà sửa đổi lỗi lầm, làm con người mới, cũng khá có ý nghĩa.

Nhưng có thể việc giáo dục lưu manh thu được hiệu quả không lớn, cũng có thể theo những biến động của chính trị mà hoạt động rông rὸn ngày càng phổ biến của lưu manh khiến sự nguy hại đối với xã hội ngày càng tăng chứ không giảm, nên đến thời Tuân tử xuất hiện yêu cầu lý luận nghiêm khắc xử trí kẻ ác "Thâu nho đạn sụ, vô liêm sỉ như kỳ hồ ẩm thực, tắc khả vị ác thiếu giả hĩ; gia trưởng hān nhi bất thuận, hiểm tặc nhi bất để yên, tắc khả vị bất tường thiếu giả hĩ, tuy hām hình tru khả dā" (Bạn nhà nho trộm cắp sợ việc, vô

liêm sĩ như tham ăn uống, thì có thể gọi là bọn ác thiếu; lại thêm hung hăn không vâng lời, gian hiểm không cung, thì có thể gọi là bọn bất tường thiếu, tuy hăm vào tội chết cũng được)⁽¹⁹⁾. Ác thiếu và bất tường thiếu cũng không khác lưu manh ngày nay bao nhiêu, chủ trương dùng hình phạt đối phó với họ tuy quá nghiêm khắc, nhưng có quan hệ với một quan điểm mới trong chính sách đối với lưu manh, là trấn áp lưu manh là một phương sách không thể thiếu.

Thời Hán đã là thời đại chiêu mộ, lợi dụng lưu manh rất nhiều, lại là thời đại mà lý luận trấn áp bọn ác thiếu, du hiệp phù hợp với thực tế hơn, thực thi việc trấn áp, xử trị tàn khốc hơn các thời trước, đại khái bắt đầu từ khi Lưu Bang lên ngôi đế ở Dĩ Thủy, lấy quốc hiệu là Hán.

Lưu Bang xây dựng đế quốc Đại Hán, cùng một nhóm người trước kia làm điều bậy bạ nắm giữ chính quyền, khi trở thành đế vương khanh tướng lại bắt đầu cấm thù lưu manh, bắt đầu thực hiện chính sách trấn áp tàn khốc vô tình, đối với các phần tử thù ác đứng đầu trong đó lại càng đại khai sát giới, trùng trị nghiêm khắc không chùng tay. Theo *Hán thư*, quyển 77, *Lý Tinh truyện*, bọn khinh hiệp Triệu Lý, Lý Khoản ở Dương Trạc nuôi nhiều tân khách, dùng sức mạnh hà hiếp làng xóm đến nỗi gian dâm với vợ con người ta, thao túng pháp luật, tung hoành trong quận. Nghe nói Lý Tinh sắp tới nhậm chức, sợ sẽ bị nghiêm trị, vội bỏ trốn. Sau khi Lý Tinh tới, mời gần mươi người thuộc lại coi việc hình pháp dũng mãnh biết văn, sai văn lại coi việc nhà ngục, vũ lại đuổi theo truy bắt, đều có bộ thuộc riêng. Ông còn nói "Những việc bọn Triệu Quý, Lý Khoản làm không trọng quan lại, không

(19) *Tuân tú, Tu thân.*

trọng vương pháp, không thể không trị". "Triệu Lý là kẻ thù ác, tuy chạy xa cũng phải lấy được đầu để trảm họ". Về sau bắt được hai người Triệu, Lý ở quận khác, giết chết mang đầu về, Lý Tinh còn "Treo đầu và gông ở chợ". Giết một người để răn đe trảm người, khiến bọn vô lại không thể không co với giấu vết.

Bình phẩm văn ý, thì Lý Tinh giết Triệu Quý, Lý Khoản tựa hồ hoàn toàn không phải quá đáng. Triệu, Lý hai người làm ác đa doan, chết chưa hết tội. Nhưng Doãn Thường bị đương thời gọi là khóc lại, xử trị bọn thiếu niên trong làng xóm cũng không khỏi có chỗ hơi tàn nhẫn.

Trong niên hiệu Vĩnh Thủy, Nguyên Diên, "Việc giao kết với bọn du hiệp, chưa chấp bọn vong mạng", phá hoại trật tự xã hội rõ lên một thời, nhất là trong thành Trường An "Bọn gian hoạt đông dần, bọn thiếu niên ở làng xóm họp đảng giết quan lại, nhận tiền báo thù", việc trị an trong xã hội rất tệ hại, thường "Trong thành bụi bay mù mịt, ăn cướp giết người đi đường, xác chết đầy đường, còi trống không dứt", các quan văn võ cũng bị giết không ít. Doãn Thường sau khi "Đỗ cao ba lần, được chọn làm Trường An lệnh", lập tức thi hành biện pháp đề phòng, "Sửa chữa nhà ngục Trường An, đào đất vuông sâu vài trượng, đắp bờ bao quanh, lấy đá lớn chặn cửa, gọi là Hang cọp (Hổ huyệt). Lại cho Tào duyên sứ bộ Hộ cùng Hương lại, Đình trưởng, Phụ lão, Ngũ nhân nêu ra bọn thiếu niên xấu xa khinh bạc trong thành Trường An, không làm việc buôn bán ở chợ búa mà ăn mặc đẹp đẽ thường mang binh khí đều ghi tên hết, được vài trăm người. Một hôm Thường họp các thuộc lại ở Trường An, đem mấy trăm chiếc xe chia nhau đi bắt, đều vào những nơi bọn trộm cướp hay lui tới ăn uống. Thường đích thân xem xét, cứ mười

người giết mệt, số còn lại hàng trăm người đều giam vào Hang cọp, vần đá lấp lại. Cứ vài ngày tới vần ra xem xét một lần, đều lần lượt nổi nhau chết, kẻ chết thì dùng xe chở xác ra bêu ở cổng chùa ở Hằng Đông, cẩm biển ghi rõ tên họ, sau một trăm ngày sai gia đình tới nhận xác về”.

“Bắt mười người giết một người”, không khỏi xử phạt quá nghiêm, trùng trị bọn thiếu niên khinh bạc quá thê thảm. Đến nỗi “Thân thích kêu khóc, người đi đường đều thở dài”. Người Trường An có câu ca dao rằng “An sở cầu tử tử ? Hoàn đông thiếu niên trường. Sinh thời lượng bất cẩn, Khô cốt hậu hà táng ?” (Không biết làm sao kiếm xác con ? Bãi đông mồ mả luống tiêu hồn. Sinh thời quen thói ra bừa bãi, Xương cốt ngày sau khó nỗi chôn). Vả lại, với các đối tượng có thể tha thứ mà vẫn bị trấn áp thì Doãn Thưởng cũng không khỏi có chỗ không công bằng. Sử chép “Những người bị Thưởng trị đều là kẻ thủ ác, có kẻ là con em nhà quan lại lương dân lỡ lầm xin sửa đổi lỗi lầm có vài trăm người, đều cho giảm hình phạt, sai lập công để chuộc tội”. Có điều qua một phen Doãn Thưởng thẳng tay trấn áp thì tình hình trị an trong thành Trường An được cải thiện rất lớn “Bọn trộm cắp im tiếng, bọn vong mạng các nơi bỏ trốn, đều trở về quê mình, không dám ẩn núp ở Trường An nữa”⁽²⁰⁾.

Thời Hán lại có Triệu Quảng Hán, xử trị bọn ác thiếu không hoàn toàn giống như Doãn Thưởng, trước tiên đều lấy lý lẽ hiểu dụ, sau đó mới dùng hình pháp để xử trị, không hề lạm sát, tựa hồ công bằng thích hợp hơn nhiều.

Khi Chiêu đế qua đời, Triệu Quảng Hán làm Kinh phụ Đô Thái úy Kinh triệu doãn, Đỗ Kiến ở Tân Phong làm Kinh

(20) *Hán thư*, quyển 90, *Khốc lại truyện*.

triệu duyên, vốn hào hiệp, để mặc tân khách làm điều bậy bạ. Sau khi Triệu Quảng Hán biết, trước tiên sai người tới hiểu dụ một lượt. Đỗ Kiến không biết hối cải, bị bắt theo pháp luật. Một lần có mấy tên thiếu niên ở Trường An tụ họp ở nơi nhà hoang hẻm vắng bàn việc cướp bóc, bàn bạc chưa xong, đã bị Quảng Hán phái Lại lệ tới bắt về xử trị. Lại có một lần nhà giàu Tô Tú bị hai người cướp, không được bao lâu, Quảng Hán đã đích thân mang quân lính tới, sai Trường An thừa Công Xa gõ cửa nói với kẻ cướp "Kinh triệu doãn Triệu quân xin lỗi hai ông, đây là quân Túc vệ đấy. Đưa tiền của ra, bó tay chịu trói thì còn được bình an gặp nhau, may gặp kỳ đại xá, có khi còn thoát". Hai người ngạc nhiên, lại vốn nghe danh Triệu Quảng Hán, lập tức mở cửa ra bước xuống thềm khâu đầu, Quảng Hán quỳ lạy nói "May là cho bắt sống, thật cảm ơn lắm!". Rồi bắt giam vào ngục, sai ngục lại chiếu cổ tử tế, mang cho rượu thịt. Đến mùa đông đem ra chém, trước tiên chuẩn bị săn quan tài, vải liệm, tới báo cho biết, hai người kia đều nói "Chết không có gì oán hận!"⁽²¹⁾.

Đồng thời với việc thi hành chính sách nghiêm khắc trấn áp bọn lưu manh, kẻ thống trị nhà Hán còn học lối "Dời những dân không tuân thủ pháp luật ra Nam Dương cuối thời Trần"⁽²²⁾, "Tần diệt Hàn rồi, dời những dân bất pháp trong thiên hạ tới Nam Dương"⁽²³⁾, dùng cách đóng quân đồn binh, dời bọn thiếu niên vô lại ở các thành thị ra biên giới hoang vu để đảm bảo sự yên ổn cho kinh thành và các thành thị lớn. Ví dụ năm Nguyên Phong thứ 6 dời Hán Vũ đế, "Tha bọn

(21) *Hán thư*, quyển 76, *Triệu Quảng Hán truyện*.

(22) *Sử ký*, quyển 129, *Hoa thực liệt truyện*.

(23) *Hán thư*, quyển 28 hạ, *Địa lý chí hạ*.

vong mạng ở kinh sư, sai đi tòng quân”⁽²⁴⁾, năm Thái Sơ thứ 1, “Lấy Quảng Lợi làm Nhị sứ Tướng quân, lấy sáu ngàn kỵ binh trong nước và mấy vạn thiếu niên lưu manh ở các nơi, hẹn cùng tới thành Nhị Sư lấy ngựa tốt, nên gọi là Nhị Sư Tướng quân”. Sư Cố chú “Thiếu niên lưu manh là chỉ bọn vô hạnh bất nghĩa”⁽²⁵⁾. Xét tháng tám năm Thái Sơ thứ 1, “Phát những dân bị dày trong nước Tây chinh đánh Đại Uyển”⁽²⁶⁾. Tháng 6 năm Nguyên Phong thứ 5 đời Chiêu đế, “Phát bọn thiếu niên vô lại ở Tam Phụ và các nơi bị tố cáo mà đào vong, đóng đồn ở Liêu Đông”. Sư Cố chú “Thiếu niên vô lại là chỉ bọn con em vô lại bị tố cáo mà đào vong”⁽²⁷⁾.

Dời bọn thiếu niên lưu manh ra nơi biên giới hoang vu hoàn toàn không phải là tiêu diệt họ về mặt thân xác, cũng không phải hoàn toàn không quản lý gì họ, mà ở một mức độ nhất định là giảm nhẹ mức độ nguy hại đối với trật tự xã hội. Đồng thời theo với chế độ quản lý nghiêm ngặt của quân đội, thì việc bọn thiếu niên lưu manh cải tà quy chính, làm lại cuộc đời, cũng có một số tác dụng, cũng là một kế sách đúng đắn trong việc giải quyết vấn đề thiếu niên lưu manh.

Thời Ngụy Tân Nam Bắc triều, giai cấp thống trị đối với hoạt động rông rắc của lưu manh vô lại cũng không ngừng thi hành các biện pháp nghiêm khắc, trấn áp lưu manh và hoạt động của chúng, duy trì an ninh trật tự ở địa phương một cách hữu hiệu. Thủ nêu một vài sự thật trong lịch sử.

(24) Hán thư, quyển 6, Vũ đế kỷ.

(25) Hán thư, quyển 61, Lý Quảng Lợi truyện.

(26) Hán thư, quyển 6, Vũ đế kỷ.

(27) Hán thư, quyển 7, Chiêu đế kỷ.

Lưu Tụng thời Tấn làm Đinh úy, từng công khai đề xuất việc khôi phục nhục hình đối với "Bọn vô lại bản tính hung ác", nghiêm khắc trừng phạt không nương tay⁽²⁸⁾.

Nam Bắc triều cũng có ghi chép về việc trấn áp bọn vô lại thiếu niên lưu manh "Không chờ trong triều cho quyền, mà kẻ gian ắt giết, không đợi dưới làng thưa kiện, mà kẻ ác ắt trừ"⁽²⁹⁾.

Bắc triều trong việc trấn áp lưu manh cũng không nương tay mềm lòng. Theo sử sách, sau khi Thái tông nhà Bắc Ngụy tức vị, "Bọn thiếu niên khinh bạc nhân có biến động liền kết bè họp đảng, vùng Tây Hà, Kiến Hưng giặc cướp nổi lên, các quận huyện đánh dẹp không được". Nguyên Thành hầu Nguyên Khuất bèn tâu với Thái tông "Trước giết kẻ đầu sỏ, tha bọn hùa theo"⁽³⁰⁾. Thái tông đi Vân Trung, Hề Cân lưu thủ kinh sư, Xương Lê vương Mộ Dung Bá Nhi chiêu mộ bọn du hiệp thất chí là Lý Thẩm hơn ba trăm người mưu phản, Hề Cân được tin, gọi Bá Nhi vào nhà giải vũ phía đông điện Thiên Văn, tra xét cẩn kẽ, biết được sự thật, lập tức bắt bè đảng giết hết⁽³¹⁾.

Đến thời Đường, cuộc vận động trấn áp bọn vô lại hung đần lại dấy thành cao trào, ảnh hưởng và quy mô đều đạt tới mức trước đó chưa từng có. Ngay cả hoàng đế nhất quốc chỉ tôn cũng từ nhu cầu cung cố chính quyền, bảo vệ trật tự xã hội mà rất coi trọng việc trừng trị bọn vô lại gian ác, ban bố rất nhiều chiếu lệnh chỉ dụ, ví dụ Đường Tuyên tông từng ra lệnh cho Kinh triệu doãn "Như nghe gần đây có nhiều bọn

(28) *Tấn thư*, quyển 30, *Hình pháp chí*.

(29) *Thẩm Uớc, Tiết Cố An lục Chiêu vương bi*.

(30) *Nguy thư*, quyển 24, *Thái Huyền Bá truyện*.

(31) *Nguy thư*, quyển 29, *Hề Cân truyện*.

lêu lổng, không lo làm ăn, thường mang ý xấu, rông càn làm điều bậy bạ, chuyên ở nơi phố phường hăm dọa hà hiếp lấy tiền bạc của người ta. Lại trong đó cũng có kẻ từng làm lệ lại, cậy thế lực sau lưng, đến nỗi như thế. Không nghĩ tới lỗi mình, lại vì thù oán, thêu dệt bịa đặt, hăm dọa người khác. Phải trị thói tệ ấy, để làm sạch nguồn gian. Sau khi lệnh này ban ra, phải ủy phủ Kinh triệu ra sức tra xét, nếu có loại người áy thì lập tức bắt về trừng phạt thật nặng”⁽³²⁾. Lại như Trang tông nhà Hậu Đường cũng có chiếu lệnh như sau: “Lại nghe ở chợ búa có rất nhiều bọn hung đồ, ban ngày thì họp bọn đánh bạc, ban đêm thì kết đảng làm cướp. Nếu không trị tội thật nặng thì lấy gì trừng trị kẻ ác, vậy pháp ty phải ban điều lệnh, cần thận để phòng”⁽³³⁾.

Chiếu lệnh của Đường Tuyên tông và Hậu Đường Trang tông đều khuyến khích quan lại trừng trị bọn vô lại hung ác, ý tứ nghiêm khắc, rất có khí thế trừ ác tối cùng. Trong không khí ấy, quan lại để duy trì trật tự, bảo vệ dân đen ở địa phương bèn triển khai việc bắt bớ bọn vô lại gian nhẫn, quy mô và ảnh hưởng chưa từng có trong lịch sử.

Ở kinh đô Trường An thời Đường có một số bọn vô lại bị gọi là lêu lổng, hoạt động vô cùng rông càn. Bọn chúng hàng ngày đều mặc áo mang đai đội mao, cầm gậy đánh đập láng giềng, vô cùng nguy hại. Mỗi khi Kinh triệu doãn mới đáo nhiệm, trước tiên đều tìm cách giết một số tên đầu sỏ, dǎn mặt bọn dư đảng để lấy lòng người. Lúc Bảo Duật giữ chức Kinh triệu doãn có lần giết mấy ngàn người, khiến

(32) Đường Tuyên tông, *Ủy Kinh Bắc phủ tróc hoạch gian nhẫn chiếu*, *Toàn Đường văn* quyển 8.

(33) Hậu Đường Trang tông, *Nghiêm khoa thị tinh hung hào lệnh*, *Toàn Đường văn*, quyển 103.

chúng phải nén lòng hung ác, trong một thời gian dài không dám hó hé. Khi Hoàng Sào vào kinh, bọn lêu lổng lại thừa cơ nỗi lên cướp bóc, nhất thời quan lại ngăn cấm không được. Cao Nhân Hậu hiểu rõ tình hình, bèn hạ lệnh cho quân đội vào thành, "vào làng xóm đánh bắt". Bọn lêu lổng không biết đại họa lâm đầu, thấy quân đội vào thành, nhanh chóng đổ ra xem, còn chê mù khen giày, mỉa mai châm chọc. Lúc ấy quân sĩ đột nhiên tuốt binh khí sấn lên đánh úp, một trận giết chết mấy ngàn tên. Có tên muốn chạy trốn nhưng cửa phường đã đóng chặt, làm sao còn có đường chạy, đành bó tay chịu chết. Qua một trận đán áp như thế, trong thành Trường An mới khôi phục được an ninh⁽³⁴⁾.

Trương Thốc thời Đường trong *Triều dã thiêm tái* có chép hai chuyện theo phép trùng trị kể đã làm nha lại vẫn không thay đổi bản tính lưu manh, vẫn mở mắt to gan di ăn cướp, hạch sách bậy bạ, từ đó cũng có thể thấy nhà Đường xử trị lưu manh rất nghiêm khắc.

Đương thời có một người tên Mạnh Thần Sảng, người Dương Châu, tính nết hung dữ, lòng dạ độc ác. Ra chợ búa cướp hàng, mở miệng là dâng, vào cửa hiệu đòi tiền, dứt lời là nộp, Đinh trưởng Huyện lệnh thì vái dài đón tiếp, Thừa úy Phán ty thì chỉ biết vâng lệnh, không sao làm gì được y. Trương Tiêm làm Thứ sử Dương Châu nghe tiếng y hung dữ, bèn sai Huyện lệnh Giang Đô bắt y trong nhà trọ mang về xử tội. Sau khi giải y vào phủ, bèn lớn tiếng sai Pháp tào Lý Quang Nghiệp mau hỏi cung, bịa chuyện bí mật, chuẩn theo sắc lệnh đánh một trăm trượng, chết tươi tại chỗ⁽³⁵⁾. Lại có

(34) Tân Đường thư, quyển 189, Cao Nhân Hậu truyện.

(35) Xem Thái bình quảng ký, quyển 263, Võ lại loại, Mạnh Thần Sảng.

Lý Hoằng người Thuân Nghi Biện Châu, hung dữ vô lại, tàn ác bất nhân, thường cưỡi ngựa cao đi rong trên đường phố, dọa nạt đòi nộp tiền, động tới là vài trăm quan, cưỡng ép mượn tiền của các thương nhân tới hàng vạn nhưng không trả một đồng. Đến nỗi người buôn bán mất vía, khép nép sợ sệt. Nhiệm Chính Lý làm Thứ sử Biện Hà, vừa đáo nhiệm hơn mười ngày liền sai thủ hạ bắt y về, sai đánh sáu mươi gậy chết tươi tại chỗ⁽³⁶⁾. Tin tức truyền ra, những người đi buôn làm thợ đều vui mừng reo hò, người ở xa nghe thấy ai cũng khoái trá.

Thời Đường, một số người xuất thân là con em huống ở các nhà quan lại cũng thường dựa vào địa vị hiển hách của gia đình, oai quyền của cha anh, mặc ý làm điều bậy bạ, xưng vương xưng bá, làm hại rất lớn. Mà các quan lại cũng không dám theo phép tra cứu, chỉ có thể mắt nhăm mắt mở khiến họ có chỗ cậy không e sợ, không hề kiêng dè. Một số quan lại có tài không nhịn được cũng nghiêm khắc trấn áp họ. Tôn Quang Hiến trong *Bắc mông tảo ngôn* quyển 3 chép lúc Thượng thư Lý Dương trấn thủ Nam Lương, trong vùng có nhiều kẻ sĩ làm quan trong triều, con cháu ngũ cư ở đó, những kẻ hư hỏng đua nhau làm bậy. Trước đó rất nhiều quan viên vì đều có quan hệ nên không thể ngăn cấm, làng xóm bị chịu khổ chịu hại rất nhiều. Thượng thư nghiêm minh quyết đoán, sai đan lồng tre rộng gọi những kẻ đầu sỏ gian ác tới, hỏi kỹ gia thế lai lịch, quan hệ trong triều, rồi nói "Lang quân lai lịch như thế lại làm việc như thế, lại không làm nhục tới ông cha sao ? Hôm nay trùng trị, nếu các bậc hiền thân quyền nghe thấy, nhất định sẽ thưởng cho lão phu. Xin đừng trách!". Rồi sai tướng sĩ thủ hạ bắt nhốt vào lồng

(36) Xem *Thái bình quảng ký*, quyển 263, *Vô lại loại*, *Lý Hoằng*.

tre dìm xuống Hán Giang. Vì thế những kẻ kiêu rông hoảng sợ nín tiếng, đều giữ chức nghiệp của mình. Thị ngự Thôi Ngọc nhà ở Kinh Châu, hai con hung ác, làm rất nhiều điều thương thiên hại lý. Tiết độ sứ Lưu Đô Úy phán "Họ Thôi có hai con trai, mà vùng Kinh Nam có ba mối hại lớn", cũng đem hành hình.

Lý Dương, Lưu Đô Úy không ngại quan quyền, đối với đám con cháu lưu manh của đạt quan quý nhân vẫn nghiêm khắc trùng trị, quả thật có can đảm tài thức phi thường, về mặt khách quan thì giết một kẻ mà có tác dụng hàng trăm lần, tấn công mạnh mẽ vào các thế lực lưu manh ở địa phương. Tuy cách làm cụ thể có tàn nhẫn một chút, nhưng đối với việc đề phòng khuynh hướng lưu manh hóa trong bọn con em nhà giàu sang thì vô cùng thích hợp.

Nói tóm lại, về hoạt động trấn áp lưu manh thì trước đó chưa có chính quyền nào bằng nhà Đường. Hoàng đế đích thân ban hành kế sách có quan hệ tới việc trấn áp lưu manh, luôn luôn cố vũ các quan lại thực thi việc trấn áp lưu manh, là một việc có ý nghĩa sâu sắc trong lịch sử trấn áp lưu manh ở Trung Quốc.

Đến thời Tống. Năm 960, Điện tiền Đô điểm kiểm nhà Hậu Chu Triệu Khuông Dẫn làm binh biến ở Trần Kiều (cách Khai Phong 40 dặm về phía đông bắc), tự lập làm vua thay nhà Chu, xây dựng vương triều Bắc Tống. Sau đó Triệu Khuông Dẫn và Thái tông Triệu Quang Nghĩa trước sau dùng thủ đoạn vũ lực và ngoại giao thôn tính nhà Bắc Hán là một vương quốc độc lập ở phương nam đóng đô tại Thái Nguyên. Từ đó vương triều Bắc Tống lúc sáng lập từng chiêu mộ, trọng dụng lưu manh cũng từng bước chuyển qua tấn công, trấn áp lưu manh.

Tháng 2 năm Kỷ sửu Kiến Long thứ 2 đời Tống Thái tổ định ra luật bắt trộm cướp, tháng 2 năm Canh tý Kiến Long thứ 3 ban hành lệnh bắt cướp, nội dung có nhiều điều quan hệ với việc trấn áp bọn thiếu niên vô lại⁽³⁷⁾. Năm Thiên Hy thứ 4 đời Tống Thái tổ ban chiếu những người “phạm các tội thập ác, ăn cướp giết người, cố ý giết người, đánh nhau giết người, đốt nhà, ăn cướp”, “mỗi khi gặp tháng 12 đưa ra xét xử, qua ngày khánh tiết thì lập tức hành quyết” (37). Đương thời ở Trạc Châu có nhà hào hoạt là Lý Giáp kết bạn với mấy mươi người khách, tự xưng là Một mệnh xã (Nhóm mốt mạng). Nếu gặp việc không được như ý thì đẩy ra một người liều mạng để uy hiếp đe dọa, trở thành mối lo cho làng xóm trong suốt mấy năm, người làng dám giận chứ không dám nói. Sau khi Tiết Nhan giữ chức Tri Trạc Châu, bèn bắt hết bọn ấy đánh cho một trận no đòn, “Đày Giáp ra biển, dư đảng thì chia ra biên tần vào sổ quân”⁽³⁸⁾.

Ở Khai Phong thời Tống, đám con em nhà quan lại cậy có cha anh che chở, thảy đều ngang ngược tung hoành, quan lại địa phương trong lòng run sợ, rất khó chế ngự họ. Trần Nghiêu Tư giữ chức Tri phủ Khai Phong, quyết tâm trừng phạt đám này một phen. Con trai bạn ông ta là Lý Thái giám là lộng hành nhất, một hôm vì việc tối phủ đường. Trần Nghiêu Tư nói chuyện bình thường trong nhà với y, hỏi cha anh làm quan ở đâu, tình hình ra sao, lời lẽ vô cùng ân cần. Sau đó đột nhiên trách mắng “Ngươi là kẻ xấu xa, như là bọn vô lại! Ta không thể nói với ngươi, quan pháp cũng không trị được ngươi. Người cậy có thể bỏ tiền khỏi tội, không biết nhục nhã! Ta chơi thân với cha anh ngươi, nghĩa

(37) *Tống sử*, quyển 1, *Tống Thái tổ bản kỷ*.

(38) *Tống sử*, quyển 99, *Hình pháp chí*.

như cốt nhục, phải thay mặt cha anh dạy ngươi". Rồi kéo ra khỏi chỗ ngồi, đích thân cầm gậy đập cho mấy mươi gậy. Từ đó về sau, bọn con em vô lại sợ sệt, không dám bậy bạ quá đáng⁽³⁹⁾.

Đương thời các quan lại đối với việc trừng trị lưu manh vô lại có rất nhiều cách thức. Đại khái có xử đánh trượng nhỏ, đánh trượng vào mông, đánh trượng vào lưng, thích chữ vào mặt, thích chữ đi dày, quản thúc ở nhà, bắt theo quân chịu sai phái, giam nhốt trong ngục vân vân. Có điều nhìn chung vì nhà Tống thù trong giặc ngoài không ngớt, không có khả năng về quân sự nên trong việc trừng trị lưu manh cũng bộc lộ sự bạc nhược, không thể sánh với nhà Đường.

Từ thời Tống trở đi, hoạt động trấn áp lưu manh của các đời chưa bao giờ gián đoạn. Hình pháp thời Nguyên quy định "Bọn thiếu niên vô lại kết bè họp đảng làm hại người lương thiện, gây sự đánh nhau thì bắt về đóng gông giải qua đường phố, sau đó bắt được phạm nhân khác thay vào sẽ kết án. Bọn thiếu niên vô lại ban ngày cầm dao kiếm vào chợ búa muốn giết bậc quan trưởng bản bộ thì đánh chín mươi bảy trượng. Bọn quân nhân vô lại nhận tiền giết người, nhận đó cướp đoạt tiền bạc thì đánh tám mươi bảy trượng, bôi bùn trát vôi lên đầu lén mặt giải ngang qua nhà"⁽⁴⁰⁾. Xin xem một số sự thật cụ thể thời Nguyên.

Năm Thái Định thứ 4 nhà Nguyên, Lý Tắc làm Phán quan Kỳ Châu. Năm ấy mất mùa lớn, ông một mặt xin triều đình lập tức chẩn tế, một mặt tìm cách giải quyết vấn đề

(39) Trịnh Khắc, *Chiết ngực quy giám*, *Thuyết phu*, quyển 20.

(40) Tư Mã Quang, *Thốc thủy kỷ văn*, quyển 7.

"cấp bách". Lúc ấy bọn dân du đãng vẫn yên ổn rượu chè cờ bạc, làm hại một phương, Lý Tắc cho là sai, sai quân cung nỏ bắt về xử tội, hỏi ra được bọn láng giềng đánh cướp nhà Vương Giáp, cả bọn năm tên đều bị giết⁽⁴¹⁾.

Nhà Minh quy định nếu bọn vô lại ở Nha hàng cưỡng ép lấy hàng hóa của khách buôn thì bắt kể lấy được hay không đều phải đóng công một tháng, nếu có hàng hóa thì bắt phải trả lại đủ số, sau đó sẽ phát lạc⁽⁴²⁾.

Lúc Vương Kính Tắc làm Thái thú Ngô Hưng, trong quận có rất nhiều kẻ rông càn bất pháp. Vương Kính Tắc mỗi khi bắt được một tên trộm thì gọi gia đình thân thuộc lên, trước mặt đánh mười roi, kể sai quét dọn đường phố. Qua một thời gian lại sai y chỉ ra một tên trộm khác thay cho mình. Bọn trộm sợ bị tố giác, nỗi nhau bỏ trốn, địa phương nhờ thế được yên ổn⁽⁴³⁾. Cách làm của Vương Kính Tắc có chỗ sáng tạo, "Chỉ có trộm biết trộm, mới tiến cử được kẻ trộm thay mình", hiệu quả hơn xa việc "dùng nhiều công sai bắt trộm"⁽⁴⁴⁾, và lại còn sử dụng nhiều cách trùng tri, giáo dục toàn diện, có ý nghĩa sâu xa.

Ở một dải Quảng Tế, Thái Hà, bọn lưu manh ở Tần Hà thường không lo làm ăn, chuyên cướp bóc tiền bạc của thuyền qua lại, mỗi năm nhất định phải đốt cháy mười mấy chiếc thuyền để ra oai. Lúc Trình Minh Đạo làm quan ở đất ấy, bắt được một tên lưu manh, sai y kêu gọi mười mấy tên

(41) *Nguyên sử*, quyển 105, *Hình pháp chí tú*.

(42) *Nguyên sử*, quyển 185, *Lý Tắc truyện*.

(43) *Minh Hội điển*, *Thị triều*, xem *Cổ kim đồ thư tập thành*, *Bác vật hối biến*, *Nghệ thuật điện*, quyển 814, *Nha hội bộ*.

(44) *Tăng quảng tri nang bổ*, quyển thượng, *Thượng tri*, *Thông giàn*, *Vương Kính Tắc*.

đồng đảng ra đầu thú nhưng không hề đánh đập giết chóc gì bọn họ, mà chia ra ở các nơi, cho họ làm nghề chở thuyền, lại thỉnh thoảng kiểm tra ngăn chặn kẻ làm bậy. Từ đó trở đi, trong hạt không còn xảy ra chuyen thuyền bị đốt⁽⁴⁵⁾.

Sai kẻ đốt thuyền cướp tiền làm nghề chở thuyền để sống, khiến họ sửa bỏ lỗi trước, từng bước trở thành người sống bằng sức lao động của mình, trong đó bao hàm cả ý dùng lao động để cải tạo, và lại hiệu quả cũng không kém, đó là chỗ cao minh của Trình Minh Đạo trong việc xử trí bọn lưu manh bất pháp.

Nhà Thanh là triều đại đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc do một dân tộc ít người thống nhất toàn quốc xây dựng chính quyền phong kiến, đối với bọn vô lại lưu manh cũng có chính sách nghiêm khắc trùng trị tương tự. Trong các tài liệu ghi chép về pháp luật hữu quan, có rất nhiều văn bản quy định.

Ví dụ *Đại Thanh luật lê hội thông tân soạn*, quyển 3 *Danh lê luật thương*, *Phạm tội miễn phát khiển* chép "Phàm người trong Bát kỳ chứa trộm, chứa đĩ, chứa bạc và vu cáo gian trá, việc làm như vô lại, không lo làm ăn, lại côn đồ hung hăng, rú rẽ con em tông thất làm bậy, chế tạo dụng cụ đánh bạc, cất giấu tang vật cho bọn trộm cướp, chế tạo hay sử dụng tiền giả, nguy tạo văn khế giả, làm ngân phiếu giả, tất cả những việc lừa đảo lấy tiền đều trị theo tội trộm cướp". Lại sách ấy quyển 95, *Hình luật nhân mệnh*, *Đấu ẩu cáp cố sát nhân* chép "Phàm bọn hung dữ ưa đánh nhau hay gây sự, thấy người khác đánh nhau không hề liên quan tới mình, mà

(45) *Tăng quảng tri nang bổ*, quyển thương, *Thượng tri*, *Thông giàn*, *Trình Minh Đạo*.

lại dám hẹn người đánh hối, giận lây qua cha mẹ, đánh đập tới mất mạng, thì theo lệ xử trị bọn du côn, phân biệt thủ phạm và tòng đảng trị tội". Ngô Vinh Quang trong *Ngũ học lục sơ biên* quyển 22, *Hình luật* viết "Phàm bọn ác côn lừa quan đối dân, hoặc đưa thiếp ra mắt hoặc trình báo các nha môn... đều trị tội thật nặng".

Theo đó đủ biết chính quyền nhà Thanh ngoài việc trừng phạt nặng nề bọn lưu manh người Hán giống như kẻ thống trị các dời, thì đối với con em người Bát kỳ cũng khép bọn vô lại bất pháp dù dỗ con em nhà tông thất làm điều bậy bạ vào tội trộm cướp, điều này một mặt phản ánh việc bọn con em người Bát kỳ có rất nhiều kẻ lưu manh hóa hoặc ngày càng có nhiều hoạt động lưu manh làm nguy hại nghiêm trọng tới lợi ích của kẻ thống trị nhà Thanh, đồng thời cũng nói lên rất rõ ràng, kẻ thống trị nhà Thanh đối với những con em người Bát kỳ sa đọa cũng trừng trị rất nghiêm khắc chứ không muốn nín tiếng dung dưỡng kẻ gian. *Thanh Thực lục* tới *Thanh sử cáo* đều có rất nhiều tâu sớ, quy định, luật lệ chồng chất, không cần trích lục ra đây, người đọc cứ tự tham khảo.

Ở Thiên Tân mà hoạt động của bọn Hỗn tinh từ đây rầm, quan phủ đối với bọn "Lưu manh vô lại, họp bè kết đảng, chứa đĩ gá bạc, khống chế chợ búa, động một tí là họp bọn đánh nhau, cầm khí giới tìm tới đánh đập, sát thương nhân mạng, thậm chí còn phóng hỏa đốt nhà, cây đông ăn cướp, những người buôn bán, thế lực hung dữ, rửa hòn trả oán cứ như kẻ thù là lập tức bị bắt về tra xử, lại càng không sợ roi vọt, căn rằng chịu đau hy vọng lấy tiếng với đồng bọn, để được thăm nuôi", hoạt động rộng càn thi "Quy định rõ luật lệ, phàm bọn lưu manh họp đảng đánh nhau, bắt về xử trị thì

xử theo tội thô phi, xét hỏi rõ sẽ đem chính pháp. Lúc tra hỏi bắt bớ, nếu dám dùng vũ khí chống cự, thì theo lệ giết chết bất luận". Trải qua một thời gian ban hành và thi hành cấm lệnh, tấn công vào khí thế của bọn Hỗn tinh tử, khiến chúng dần dần biết sợ, nín hơi giấu vết. Song song với việc thi hành các biện pháp trấn áp tàn khốc, quan lại Thiên Tân còn chú ý tới việc công tâm, nát óc suy nghĩ, in ấn phát hành một bản *Hỗn tinh tử hối quá ca*, sai họ học thuộc lòng, thề sửa bỏ lỗi trước. Bài ca ấy như sau:

Hỗn tinh tử, đáo quan nha, đa mông giáo huấn. Hỗn tinh tử, tùng kim hậu, cải quá tự tân. Té tư lường, tùng tiền sự, hứa đa ngoan ngạnh. Nhất trang trang, nhất kiện kiện, tự kỷ vấn tâm. Tưởng đương sơ, phụ mẫu ân, nhất ngôn nan tận. Ái tận liễu, tân hòa khổ, dưỡng dục thành định. Nguyên chỉ vọng, vi thiện lương, khả dĩ thương tiến. Nguyên chỉ vọng, thừa tổ nghiệp, khả dĩ thủ thành. Nguyên chỉ vọng, hiếu phụ mẫu, báo đáp dưỡng dục. Nguyên chỉ vọng, bảo thê tử, mãi mại doanh sinh. Thùy tri ngã, táng thiên lương, toàn bất vu chính. Giao liễu ta, hoại bằng hữu, cầu đảng hồ quân. Hữu đích thị, khuyên hài để, bất an bản phận. Hữu đích thị, khiêu tiên hóa, giả thác lương dân. Ý trượng trú, chúng phát bì, nhất hô bá ứng. Ngật xướng đồ, chiếm thị khẩu, ngoa trả tiên văn. Hữu thời tiết, tại nhai dầu, trì dao lộng côn. Đả quân giá, lập oa lõa, nhất vị hoành hành. Đả thương nhân, sinh hòa tử, toàn nhiên bất luận. Chỉ có dắc, bất nghĩa tài, án cổ quân phân. Chỉ đạo thị, kết đảng tập, vô nhân cảm vấn. Khuốc nguyên lai, oa lõa hội, luật vấn tân hình. Tùng nhiên vấn, khiêu pháp

võng, nhất thời kiều hanh. Chung hữu nhặt, bị phỏng nã, đê đáo công đình. Bị già tảo, thượng liên khóa, ngũ hình thụ tận. Thiên ban khố, vạn ban khố, nan ngạo nan xanh. Hữu đích thuyết, năng nhân hình, tài thành quang côn. Na tri đạo, nhiêu thụ tội, hảo hán bất thành. Một nại hà, diệc khẩu đắc, tùng thực cung nhận. Tài tri đạo, thố tấu lộ, hậu hối nan danh. Diệc tăng kiến, tác hồn tinh, lập tử trượng đình. Diệc tăng kiến, tác hồn tinh, phát phổi biến thành. Diệc tăng kiến, tác hồn tinh, trạm lung táng mạng. Diệc tăng kiến, tác hồn tinh, thân thủ luồng phân. Liên lụy liễu, phụ hòa mǎu, nhất gia ngã khốn. Liên lụy liễu, thê hòa tử, cô khổ linh đinh. Giá đô thị, yếu hồn tinh, thu duyên kết quả. Thiên nhân thóa, vạn nhân mạ, nhục một nha môn. Tự cổ lai, hữu huyết tính, trung hiếu vi bản. Na hữu cá, tác phỉ loại, khoa diệu hương lan. Thế giới thương, mưu y thực, khởi vô môn kính. Hà khổ lai, đương hồn tinh, thân phạm điển hình. Giá đô thị, nhiễm ác tập, bị nhân dụ dỗ. Giá tài tri, niêm ca từ, cảm động lương tâm. Tùng kim hậu, phát thê nguyên, hối đầu mãnh tinh. Bất vi phi, bất tác tệ, bất tác hồn tinh. Thảng nhược thị, bất hối quá, thiên tru địa diệt. Vọng án quan, tóc xá ngã, khứ tác lương dân⁽⁴⁶⁾.

(Kẻ lưu manh, tới cửa quan, đội ơn dạy bảo. Kẻ lưu manh, từ hôm nay, sửa bỏ lỗi lầm. Suy nghĩ kỹ, việc trước đây, phần nhiều ương ngạnh. Từ việc lớn, tới việc nhỏ, tự hỏi lại lòng. Nhớ ngày xưa, ơn cha mẹ, một lời khó hết. Hết tâm lực, cay cùng đắng, duồng

(46) Trương Đào, Tân Môn tạp ký, quyển trung, *Hồn tinh tử*.

dục nên mình. Vốn chỉ mong, thành thiện lương, có thể trường tiến. Vốn chỉ mong, nối nghiệp tổ, có thể thủ thành. Vốn chỉ mong, hiếu mẹ cha, đền ơn dưỡng dục. Vốn chỉ mong, nuôi vợ con, buôn bán làm ăn. Ai ngờ ta, mất lương tâm, không lo việc chính. Giao du với, bạn bè xấu, cẩu đảng hổ quần. Có kẻ thì, khoanh để hài, không chịu yên phận. Có kẻ thì, làm hàng giả, giả dạng dân lành. Cậy đồng người, bọn mặt dày, nhất hô bá ứng. Lo cờ bạc, chiếm cửa chợ, lừa gạt tiền dân. Có lúc thì, trên đầu phố, vung dao múa gậy. Đánh hội chợ, kéo bè lũ, thói cũ hoành hành. Đá thương người, chết hay sống, thản nhiên không kể. Chỉ cốt được, tiền bất nghĩa, xúm lại chia phần. Chỉ cho rằng, kết bè đảng, không ai dám hỏi. Nào ngờ đâu, cùng bị bắt, tra hỏi cực hình. Nếu may mắn, thoát lưới quan, nhất thời vênh vao. Cũng có lúc, bị bắt giữ, giải tới công đình. Bị gông trói, bị cùm khóa, ngũ hình chịu hết. Ngàn nỗi khổ, vạn nỗi khổ, xót phận thương thân. Có người nói, chịu đựng được, mới thành vô lại. Nào ai hay, phải chịu tội, hảo hán không xong. Biết làm sao, dành mở miêng, cung khai tội trạng. Mới biết rằng, lầm đường xấu, hối hận muôn lần. Cũng từng thấy, làm lưu manh, chết giữa công đình. Cũng từng thấy, làm lưu manh, phát phổi biến thành. Cũng từng thấy, làm lưu manh, trong lồng mất mạng. Cũng từng thấy, làm lưu manh, đầu phái lìa thân. Làm liên lụy, cha cùng mẹ, cả nhà khốn khổ. Làm liên lụy, con cùng vợ, cô khổ linh đình. Đó đều là, làm lưu manh, gieo nhân gặt quả. Ngàn người chửi, muôn người mắng, nhục nhã cho mình. Người xưa

nay, có huyết tính, hiếu trung làm gốc. Nào có ai, làm vô lại, thôn xóm khen vinh. Sống trên đời, lo áo cơm, há không có cách. Tội tình chi, làm lưu manh, phạm pháp thụ hình. Đó đều là, nhiễm thói xấu, bị người dẫn dụ. Đó mới biết, đọc lời ca, cảm động lương tâm. Từ hôm nay, xin phát thê, quay đầu tinh ngộ. Không làm sai, không làm bậy, bỏ thói lưu manh. Nếu quả thật, không sửa lỗi, trời tru đất diệt. Mong ơn quan, tha về sớm, làm kẻ lương dân).

Bài ca này lời gần ý xa, lấy đó để đổi mặt đổi lòng, biết hối biết sợ, dù có thể giúp người ta bỏ thói ương ngạnh mà xóa bỏ phong tục suy đồi.

Ở khu vực Thượng Hải cũng có một số người biên soạn những bài ca, thuận miệng đọc ra cho người khác truyền xướng, giáo dục người ta để phòng lưu manh. Dưới đây trích lục một bài:

*Phụ mẫu huynh đệ thiên sinh thành, Duy hữu
bằng hữu vô nhất định. Toàn tại tự gia trọng thân
phận, Lưỡng chí nhẫn tình yếu thức nhân. Tháp tử
hảo bằng hữu, Giáo ngô học vấn dắc trường tiến, Tố
sự quy doan chinh, Ngật phạn xuyên y kháo chung
thân. Tháp trước hữu bằng hữu, Yên tửu tiêu đồ đô
hữu phân, Các dạng hoại sự dẫn dụ thành, Ma phi
đồng tiền thương tinh thần, Thụ hại đa doan thoai
bất tận. Tam ma đường, Trương Hân Sinh, Tháp
trước lưu manh Chu Triều Sinh, Tá phát đồng tiền
tượng ân nhân, Giáo y được sát thân gia Trương Giá
Vân. Dân quốc thập lục niên, đồng thời xứ tử hình,*

Tổng thị hưu bằng hữu đích họa ương cǎn⁽⁴⁷⁾.

(Cha mẹ anh em do trời sinh, Giao kết bè bạn không định phần. Toàn bối tự mình trọng thân phận, Hai mắt nhìn đời phải biết người. Giao du với bạn tốt, Khiến cho học vấn được tiến bộ; Hành sự theo điều phải, Áo cơm được hưởng phúc chung thân. Giao du với bạn xấu, Rượu chè cờ bạc đều có phần, Đủ chuyện hư hỏng dẫn dụ mình, Tốn kém tiền bạc hao tinh thần, Chịu hại nhiều bề nói không hết. Tam ma đường, Trương Hân Sinh, Quen với lưu manh Chu Triều Sinh, Cho mượn tiền bạc như ân nhân, Bảo đầu độc giết thông gia Trương Giá Vân. Năm Dân quốc mười sáu, cùng bị xử tử hình, Đầu là bạn xấu thành họa cǎn).

(47) Hồ Tô Đức, *Hộ ngạn ngoại biên*, quyển thương, *Trát bằng hữu*.

Chương 8

Phân tích nguyên nhân hình thành lưu manh

Lưu manh từ ngày đầu hình thành đã có tiếng tăm không tốt, người đời đều chê trách và chán ghét, lưu manh chỉ mang tới cho xã hội một sự nguy hại to lớn chứ không có tác dụng gì hay. Vì vậy về cơ bản thì sự phát triển của xã hội không cần tới lưu manh. Nhưng nó lại là một loại thế lực xấu xa tàn ác kéo dài từ xã hội phong kiến tới xã hội nửa thuộc địa nửa phong kiến, lại như âm hồn bất tán xuất hiện trong xã hội xã hội chủ nghĩa, có lúc thậm chí còn trở nên mạnh mẽ và rộng khắp. Các cuộc vận động thẳng tay trấn áp lưu manh trước nay tuy nhất thời cũng thu được kết quả nhưng sau đó cứ gặp thời cơ thích hợp nó lại cuốn đất quay lại, hoành hành một thời.

Điều đó là vì sao?

Thật ra đó cũng là nguyên nhân hình thành lưu manh. Ngoài các nguyên nhân bên trong như địa vị kinh tế, tư tưởng đạo đức, sinh lý tâm lý của bản thân lưu manh còn có các nguyên nhân bên ngoài có liên quan về xã hội, kinh tế, đạo đức, truyền thống, phong tục. Dưới đây là kết hợp cả hai loại nguyên nhân bên trong và bên ngoài, nêu lên những điểm chủ yếu để tiến hành tìm hiểu.

1. Nguyên nhân nghèo khổ và lười biếng

Nghèo khổ là cội nguồn của tội ác, cũng là một trong những nguyên nhân chủ yếu sản sinh ra lười manh. Lúc người ta không thể duy trì được cuộc sống tối thiểu thì rất dễ dần dần đi vào con đường nguy hiểm, sa đọa thành lười manh.

Từ thời Tiên Tần, Mạnh tử từng nói "Thói thường của người dân thì kẻ có hăng sản sẽ có hăng tâm, kẻ không có hăng sản sẽ không có hăng tâm. Nếu không có hăng tâm thì buông thả vào chỗ bậy bạ xa xỉ, không gì không làm"⁽¹⁾. Triều Thố thời Hán cũng nói "Dân nghèo thì gian tà sinh", "Đói rét tới thân, không kẽ liêm sĩ"⁽²⁾. Lưu Tụng thời Tấn cũng cho rằng "Tuy có kẽ sỉ trong sạch giữ phép", nhưng một sớm "Đói rét bức bách, chí không muốn sống hèn", "nhưng nếu nghĩ ngợi không chịu chết trước, thì đều làm đạo tặc"⁽³⁾. Tư Mã Quang cũng từng nói "Dân nghèo vì đói rét trộm gạo rồi nhân đó cướp tiền", "Năm mất mùa đói kém, ắt có nhiều trộm cướp làm hại dân lành"⁽⁴⁾.

Vì lười biếng nhởn nhơ hoặc đánh bạc chơi gái, khánh tận gia tài mà không muốn lao động để sống nên sa đọa làm lười manh, tính ra đều thế. Trong số dân trôi nổi không có nghề nghiệp gia sản vốn có rất nhiều kẻ có ruộng không muốn cày bừa, có sức không muốn làm việc, chỉ dựa vào những thủ đoạn không ngay thẳng hại người lợi mình để sống.

Đinh Hội tự Đạo Ân thời Ngũ đại là người Thợ Xuân, Thợ Châú. Lúc nhỏ phóng túng ngang tàng, không lo làm ruộng, từng theo bọn khóc mướn học nghề khóc lóc đưa ma, rất thích âm thanh ấy. Lớn lên gặp thời loạn bèn họp bọn

(1) *Mạnh tử, Đăng Văn công thương*.

(2) Xem *Hán thư*, quyển 23, *Thực hóa chí thương*.

(3) *Tấn thư*, quyển 30, *Hình pháp chí*.

(4) *Tống sử*, quyển 200, *Hình pháp chí nhị*.

thiếu niên khỏe mạnh làm cướp⁽⁵⁾. Vương Cảnh thời Tống là người đất Dịch ở Lai Châu, nhà nhiều ruộng đất nhưng lúc nhở chỉ chơi rong, giỏi cưỡi ngựa bắn cung, không lo làm ăn, kết giao với bọn ác thiếu trong làng làm cướp⁽⁶⁾. Thời Thanh có Mã Vinh người đất Tề, nghèo mà vô lại, người làng đặt cho y một cái xước hiệu là Ngã quý (Quý đói). Năm hơn ba mươi tuổi thì càng nghèo túng, áo vá trãm mảnh, hai tay ôm vai ra chợ cướp cái ăn, người trong chợ rất khinh ghét, không coi là con người. Trong huyện có ông Chu tính nết hiền lành hay làm việc thiện, một hôm gặp Mã Vinh ăn cơm không trả tiền bị người trong quán giữ chặt không cho đi, bất giác này lòng trắc ẩn trả tiền cho, lại dắt về nhà tặng cho mấy trăm quan tiền làm vốn buôn bán. Mã Vinh có tiền trong tay không chịu làm gì, chỉ ngồi ăn không, không bao lâu hết tiền lại theo đường cũ. Nhưng lại sợ gặp ông Chu, bèn rời quê trôi dạt tới huyện Lâm. Tối đến ngủ trong trường học, mùa đông lạnh quá bèn giật cát cờ trên đầu tượng Khổng tử làm cùi nấu cơm. Học quan biết được nổi giận, định trị tội thật nặng. Mã Vinh lạy lục xin tha, hứa sẽ tìm cách giúp tiên sinh phát tài, học quan mừng rõ bèn cho đi. Mã Vinh biết rõ Chư sinh Mô giàu có bèn tới cửa vòi vĩnh tiền bạc, cố ý chọc giận người ấy rồi lấy dao tự rạch mặt mình, lên vu cáo với học quan. Học quan đòi được món tiền lớn mới tha không truất người ấy về làm dân⁽⁷⁾.

Hồ Tổ Đức trong *Hộ ngạn ngoại biên*, quyển thượng, thiên *Thuyết ẩn* đã nêu rất đơn giản rõ ràng những nét chủ yếu trong quá trình từ lười biếng trở thành lưu manh "Miệng có cơm, thân có áo, bảo đảm không đói cũng không rét. Trãm thói xấu đều nảy sinh từ chỗ rảnh rồi. Quen thói rong chơi lòng đã nghiện, muốn chơi cờ bạc tay đã nghiện, hút thuốc

(5) *Cựu Ngũ đại sử*, quyển 50, *Dinh Công truyện*.

(6) *Tống sử*, quyển 252, *Vương Cảnh truyện*.

(7) Bồ Tùng Linh, *Liêu Trai chí dị*, quyển 6, *Nga quý*.

phiện Tây dương miệng đã nghiện, chịu hại đến lúc chết. Lại thêm si tâm vọng tưởng muốn chơi gái, khốn khổ cạnh quan tài quỷ giết. Rón rén về trộm tiền vợ nhà, lén lút co ro dưới gầm giường, không chịu khổ thì không đã nghiện".

Toàn bài lời lẽ giản dị rõ ràng nhưng ý nghĩa sâu xa, đủ để răn dạy kẻ phong dâng.

2. Nguyên nhân thiếu sự giáo dục của gia đình

Trong lưu manh có nhiều kẻ nghèo khổ đói rét nhưng cũng không ít kẻ gia đình sung túc, thậm chí là con em nhà giàu sang nhưng vì thiếu sự giáo dục của gia đình nên phong dâng dâm loạn, làm việc phạm pháp, sau cùng sa đọa thành lưu manh thật.

Hàn Phi tử, Hiển học nói "Trong gia đình nghiêm khắc thường không có kẻ hung hăn, nhưng mẹ hiền lại có con hư". Đông Lỗ Cổ cuồng sinh trong *Túy tình thạch*, hồi 7 có một đoạn bàn luận rất đúng như sau:

"*Tả truyện* nói Thương con thì dạy điều nhân nghĩa, đừng để học thói xấu. Dạy con là việc hàng đầu, vì con cháu có hiền hay không thì không chỉ quan hệ tới việc tốt xấu của một đời chúng mà còn quan hệ tới cả sự vinh nhục của cha ông. Điều đó có quan hệ rất lớn, lại có thể không dụng tâm dạy bảo sao? Lời tục nói Thương cho roi cho vọt, chứ trừ thú dữ ra ai lại không có tình cha con. Nhưng cứ thương yêu chiều chuộng, cho con ăn cho con mặc, nuôi cho thân thể to lớn, cho mặc gấm vóc lụa là, tuy dễ coi cũng chỉ là cái thây biết đi, khối thịt biết ngồi thôi. Ngu xuẩn bị người khinh khi, yếu đuối bị người hà hiếp, đã là làm nhục cho cha ông rồi. Còn có đứa hung dữ gây họa, phong dâng phá gia, chỉ vì kẻ làm cha mẹ không hiểu biết, không dạy bảo, nên đứa ngu xuẩn thì

không thể chỉ vẽ cho nó hiểu biết, đưa yếu đuối thì không thể khích lệ cho nó quyết đoán, đưa hung dữ thì không thể đè nén cho nó khoan hòa, đưa phóng dâng thì không thể răn cấm cho nó cẩn trọng”.

Thứ nêu một ví dụ cụ thể.

Trong niên hiệu Đại Đồng thời Lương Vũ đế có Miêu Long, nhà ở thôn An Bình cách cấm thành ba mươi dặm. Ông cha xuất thân hèn hạ, toàn nhờ gian trá mà dựng được cơ nghiệp, lập ra Miêu trang, cũng khá giàu có. Cha y là Miêu Thủ Thành, tuổi trung niên vẫn chưa có con nối dõi, cầu thần lỗ Phật sinh được y nên nâng niu như hạt ngọc trên tay. Chỉ vì cứ cấm đầu chiêu chuộng không lo dạy dỗ, để mặc y thỏa ý làm bậy, rông rὸn phóng dâng, lớn lên chỉ kết giao với bọn vô lại, uống rượu chơi gái, lại thích cờ bạc. Vợ chồng Miêu Thủ Thành răn dạy không được buồn bức thành bệnh, kế nối nhau qua đời, từ đó nhà cửa sa sút, ruộng vườn bán sạch. Miêu Long vẫn chơi gái đánh bạc không chừa, dần dần trở thành vô lại, học lối trèo tường khoét vách, trộm cắp đầu làng cuối xóm, láng giềng làng xóm đều căm ghét, đặt cho y một cái xước hiệu là Quá nhai lão thủ (Chuột già qua đường)⁽⁸⁾.

3. Nguyên nhân sa đọa về đạo đức

Sự sa đọa về tư tưởng, phẩm chất, đạo đức cá nhân cũng là một nguyên nhân quan trọng trong việc sản sinh lưu manh. Mark và Engels trong *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản* từng chỉ ra rằng “Tầng lớp vô sản lưu manh là bộ phận tiêu cực của sự thối nát của những tầng lớp thấp nhất trong xã hội cũ”. Nói tiêu cực tức chỉ việc không mong tiến thủ, không muốn đổi đời, nói thối nát cũng là nói tới sự sa đọa về tư

(8) Phương Nhữ Hạo, *Thiền chân dật sử*, hồi 4.

tưởng và hành vi, ví dụ tham lam hưởng lạc quá phận, không chịu làm ăn ngay thẳng, gian dâm phụ nữ, lừa đảo cướp bóc kiếm tiền vân vân. Từ đó có thể thấy lưu manh là dần dần hình thành trong xã hội chứ không phải sinh ra đã là lưu manh (đúng thế, trong sách cổ cũng có những chuyện vì nhân quả báo ứng mà sản sinh ra lưu manh nhưng đó là lối giải thích duy tâm, không đủ tin cậy). Sự sa đọa về tư tưởng là tiêu chí phổ biến về sự chuyển biến thành lưu manh, cũng có thể nói là con đường tất yếu để trở thành lưu manh.

Ví dụ trong niên hiệu Ung Chính, ở Tô Châu có người đàn ông đẹp trai họ Kiều để tóc dài, deo vòng xuyến, tự xưng là Kiều cô nương, ra vào khuê các, thừa cơ gian dâm phụ nữ. Mãi đến một hôm định cưỡng gian phu nhân Mỗ, âm mưu mới bị bại lộ⁽⁹⁾. Đó đúng là vì dâm loạn hoang đường, bại hoại đạo đức mà sa đọa thành lưu manh.

Lại như hai người Trương Đức, Lý Lộc xuất thân trong gia đình sa sút, lừa đảo kiếm tiền, đưa người ngoài về nhà thông gian với vợ mình. Táng tận lương tâm, bại hoại đạo đức, rõ ràng họ đã sa đọa tới mức cùng cực mà trở thành lưu manh⁽¹⁰⁾.

Sự thối nát sa đọa của hàng người ấy tự nhiên có những nguyên nhân chủ quan, đồng thời cũng có những nguyên nhân xã hội cực kỳ phức tạp, trong đó nguyên nhân đặc biệt không thể coi nhẹ là trong xã hội phong kiến, các tư tưởng và hiện thực thối nát cũng ảnh hưởng và tác động rất lớn tới con người.

Tào Tháo thời Tam quốc tuy là nhà chính trị, nhà quân sự nổi tiếng trong sử sách nhưng lúc trẻ cũng tập nhiễm đủ thói lưu manh. Một lần ông ta và Viên Thiệu cùng đi xem đám cưới, lén vào vườn nhà chủ nhân, thấy tân nương xinh

(9) Cố Công Quỳ, *Đan Ngợ bút ký*, *Kiều tinh mỹ nam tú*.

(10) *Tế Công truyện*, hồi 81.

dẹp hấp dẫn bèn nẩy ý bắt cóc. Đến nửa đêm, Tháo đột nhiên la lớn "Có trộm!". Người trong nhà nghe tiếng la đều vùng dậy đổ ra bắt trộm, Tào Tháo nhân cơ hội ấy tuốt kiếm vào bắt cóc tân nương đi. Trên đường về nhà thấy Viên Thiệu rơi vào bụi gai dày không sao thoát ra, Tào Tháo lại la lớn "Thằng trộm đây rồi!". Viên Thiệu sợ bị bắt, cố sức giãy giụa thoát khỏi bụi gai. Về sau lúc Tháo đã cầm quyền thường nói với mọi người "Người khác muốn hại ta là ta lập tức chột dạ". Để chứng tỏ mình không bị đặt, ông ta bèn ngầm dặn người hầu tâm phúc ngầm giấu kiếm trong người tới chỗ mình, nói "Ta ắt chột dạ, sẽ khép người vào tội chết. Nhưng người đừng nói với ai, sau này ta sẽ có thưởng". Người hầu theo lời làm theo, quả nhiên bị Tháo một đao chém chết⁽¹¹⁾.

Kẻ giàu có mà hoang dâm, kẻ tôn quý mà lộng hành, tất nhiên sẽ phá hoại toàn bộ đạo đức phong tục của xã hội một cách nghiêm trọng, khiến lưu manh chịu ảnh hưởng rất lớn hoặc nhân dịp làm bậy làm càn.

4. Nguyên nhân phong tục lạc hậu

Ở từng địa phương sau một thời gian phát triển lâu dài thì hình thành các phong tục tập quán dân gian, không những khắc sâu dấu ấn vào đầu óc mọi người, ảnh hưởng tới quan niệm giá trị về tư tưởng đạo đức của họ mà còn là một loại quy phạm ý thức xã hội vô hình, có lúc còn bắt buộc mọi người phải hành động trong khuôn khổ của nó, cho dù là các phong tục tập quán sai lầm lạc hậu cũng thế. Cho nên một số phong tục lạc hậu cổ hủ cũng là một nguyên nhân làm hình thành lưu manh không thể bỏ qua. Có những địa phương mà việc lưu manh đánh nhau, giết người rất phổ biến, có những địa phương mà hoạt động dâm loạn của bọn lưu manh rất

(11) Phùng Mộng Long, *Tăng quảng tri nang bối*, quyển hạ, *Tập tri*, Tào Tháo.

thịnh hành, có những địa phương mà bọn lưu manh cướp giật trộm cắp rất phát triển. Nếu truy nguyên nguồn gốc hình thành, đều có thể tìm tới một số yếu tố nằm trong phong tục tập quán ở địa phương.

Tư Mã Thiên từng phân tích chi tiết mối quan hệ giữa phong tục tập quán với hành vi và hoạt động của lưu manh như sau:

“Trước đây vua Nghiêu đóng đô ở Hà Đông, nhà Ân đóng đô ở Hà Nội, nhà Chu đóng đô ở Hà Nam. Ba nơi ấy đều ở giữa thiên hạ, nhưng nước yên, vương giả đóng ở đó, dựng nước đều mấy trăm năm, đất hẹp người đông, kinh đô là nơi chư hầu hội họp, nên phong tục dần theo lối ít kiêm ước. Đất Dương, Bình Dương về phía tây buôn bán với đất Tân, đất Cù, lên phía bắc buôn bán với đất Chủng đất Đại. Đất Chủng đất Đại ở Thạch Bắc bên cạnh người Hồ, nhiều lần bị cướp. Dân ở đó hay khoe khoang nóng giận, du hiệp gian trá, không lo cày cay buôn bán. Nhưng quá gần người rợ phía bắc, quân lính qua lại, vết xe Trung Quốc thỉnh thoảng lăn qua. Dân ở đó thiện ác không như nhau, từ thời Toàn Phổ vốn đã trung thành hung hăn, mà Triệu Vũ Linh vương càng khích lệ, phong tục vẫn còn phong khí thời nước Triệu. Cho nên đất Dương, Bình Dương ở giữa, được như ý. Đất Ôn, đất Thức về phía Tây buôn bán với Thượng Đảng, lên phía Bắc buôn bán với đất Triệu, Trung Sơn. Trung Sơn đất xấu người đông, còn có dân ở đất Sa Khâu của vua Trụ, phong tục nóng nảy, dựa vào cơ mưu mà sống. Đàn ông tụ họp rong chơi, bi ca kháng khái, động thì theo nhau làm bậy, thôi thì đủ việc đào mộ gian trá dâm đãng, nhiều người đẹp trai làm con hát. Đàn bà thì gãy đàn cầm, nổi nhau rời quê, đi khắp nơi mê hoặc kẻ giàu có hay vào làm cung nữ ở khắp

các nước chư hầu”⁽¹²⁾.

Luận giải của Tư Mã Thiên về hai phương diện phong tục truyền thống trong lịch sử và hoàn cảnh địa lý ảnh hưởng tới phong tục tập quán trong dân gian quả rất xác đáng.

Ở Đông Dương, Vũ Châu thời Tống, vì “phong tục ương ngạnh” nên “thích đánh nhau và kiện tụng”⁽¹³⁾. Ở Thiên Tân thời Thanh, “những người nghèo khổ có chết cũng không tiếc, can đảm trong việc cứu nạn mà bất khuất, đó là do tập quán khiến nên như thế”⁽¹⁴⁾.

Các phong tục tập quán lạc hậu ở một địa phương không những ảnh hưởng tới quan niệm giá trị về đạo đức của mọi người, làm hủ hóa một số người sa đọa thành lưu manh, hình thành các tập đoàn lưu manh khác nhau ở những nơi khác nhau, và lại dưới sự tác động, khống chế của các quan niệm đạo đức và phong tục tập quán lạc hậu ấy, chúng còn lớn mật làm những hành vi lưu manh trong xã hội mà không bị trùng phạt chê trách, hoạt động lưu manh công khai xảy ra giữa ban ngày ban mặt mà không bị cấm đoán, có lúc thậm chí còn được ca ngợi, tôn kính. Vì thế quan niệm đạo đức và quan niệm thẩm mỹ bị đảo lộn, pha tạp. Cho nên các tập đoàn lưu manh thu hút rất nhiều kẻ lêu lổng không chịu làm ăn trong xã hội nôい nhau gia nhập, trở thành một thành viên trong đó, mà sự gia nhập của số người này lại làm tăng thêm sức mạnh của tập đoàn lưu manh, càng nguy hại hơn cho xã hội, hình thành một vòng tuẫn hoán xấu xa.

Hoạt động của lưu manh trong lịch sử đã chứng minh điều này từ rất sớm.

Ở Giang Đông thời Tống có thói xấu chuyên dùng

(12) *Sử ký*, quyển 129, *Hóa thực liệt truyện*.

(13) *Danh công thư phán thanh minh tập*, quyển 13, *Cáo bình*, *Tư cắp nhân vụ cáo*.

(14) Trương Đào, *Tân Môn tạp ký*, quyển thượng, *Mộng thời phong tục*.

những người thân thuộc bị bệnh và người tật nguyền để lừa đảo lấy tiền. Có người tên Tưởng Bách Lục bị bệnh chết trong nhà, người anh là Tưởng Bách Ngũ đem lửa chở xác tới vu khống Chu Bách để ăn vạ. Đã lấy việc giết người để vu khống kẻ khác, còn cầm dao đuổi theo hăm dọa, công nhiên hành động, không sợ sệt gì⁽¹⁵⁾.

Thời Thanh ở Phúc Kiến lưu hành tục lệ hung hăng dữ tợn, lưu manh cũng nhán đó lộng hành, mà lại còn được suy tôn khen ngợi. Sử chép:

“Người đất Việt tính cương cường ưa đánh nhau, nóng nảy coi rẻ mạng sống, hơi có việc không hợp ý là đánh nhau giết người, gọi là đánh nhả kẽ thù, không phải pháp luật có thể cấm đoán, lời lẽ có thể khuyên dụ được, thường gây ra những vụ án lớn hàng trăm hàng ngàn người đánh nhau. Đại khái các dòng họ lớn thường tụ tập họ hàng ở chung, nhiều thì vài ngàn nhà, ít cũng vài mươi hay hàng trăm nhà, có lời nào không hợp với người họ khác là lập tức hẹn ngày đánh nhau, ít người thì bỏ nhiều tiền ra thuê người giúp đỡ, nếu người giúp đỡ đánh nhau bị chết thì cấp tiền phủ tuất, nếu bị thương thì cấp tiền chữa chạy, số phí tổn ấy lấy từ nhà thờ họ hoặc phân bổ theo số ruộng của mỗi nhà. Bọn vô lại vô nghề nghiệp rất thích được thuê, có chết cũng không hối tiếc”⁽¹⁶⁾.

5. Nguyên nhân trẻ tuổi

Những ví dụ nêu trên có lẽ đã khiến mọi người chú ý rằng bọn lưu manh không lo làm ăn, làm việc bậy bạ phản

(15) Thái Cửu Hiên, *Dị tử sự vụ cáo*, Danh công thư phán thanh minh tập, quyển 13, Vu lại.

(16) Từ Kha, *Thanh bị loại sao*, Phong tục loại, Việt nhân hiếu đấu.

lớn là thanh niên trên dưới hai mươi tuổi. Cố nhân đã sớm lưu ý tới điều này, nên có lúc dùng từ chỉ giai đoạn con người còn trẻ thêm vào trước một số từ nhất định, chuyên dùng chỉ bọn lưu manh. Ví dụ thường gặp những từ như ác thiếu niên, ác thiếu, thiếu niên khinh bạc, kẻ khinh bạc, thiếu niên ở làng, thiếu niên hiếu sự, thiếu niên vong mệnh, thiếu niên vô lại ở chợ búa vân vân. Cố nhân gọi là thiếu niên tức ngày nay chỉ thời kỳ từ thiếu niên tới thanh niên, khoảng mười lăm đến hai mươi tuổi.

Tuổi trẻ với việc sản sinh ra lưu manh tuy không có quan hệ tất yếu nhưng cũng có một quan hệ nhất định. Trong lịch sử có rất nhiều người trẻ tuổi sa đọa, lưu manh thành nết, sau khi thành người lại có thể sửa bỏ lỗi trước, làm nên sự nghiệp.

Xin xem một số sự thật lịch sử qua các đời.

Vương Hoán thời Hậu Hán, tự Trí Tử, người đất Thế Quang Hán. Cha là Vương Thuận, làm Thái thú An Định. Vương Hoán lúc trẻ thích du hiệp, chuộng sức mạnh, nhiều lần kết giao với bọn thiếu niên hung dữ. Lúc đứng tuổi lại sửa nết, chăm chú vào việc học hành, học sách Thượng thư. Được châu cử làm chức Mậu tài, Tri huyện Trần Ôn. Ở đất đó có nhiều kẻ gian giảo, nhiều năm thành mồi lo của dân địa phương. Vương Hoán tìm cách bắt được giết sạch⁽¹⁷⁾.

Chu Thắng thời Lương, tự Ngạn Hòa, năm hơn mươi tuổi thích đàn đúm theo bạn bè cờ bạc, làm hại làng xóm rất nhiều. Đến khi lớn lên lại sửa nết theo thầy học hành, kiêm trì cả Ngũ kinh, đặc biệt giỏi kinh Lễ và kinh Dịch, đọc rộng văn chương sử sách, lại giỏi những môn tạp nghệ như đánh cờ đánh bạc viết chữ làm toán, đều là sở trường⁽¹⁸⁾.

(17) *Hậu Hán thư*, quyển 76, *Tuần lại truyện*, *Vương Hoán truyện*.

(18) *Lương thư*, quyển 38, *Tru di truyện*.

Lại có Vương Chiêm thời Lương, tự Tư Phạm, lúc trẻ tính khinh bạc, thích chơi rông, gây hại cho làng xóm. Đến khi lớn lên lại sửa nết, có tiết tháo của kẻ sĩ, đọc rộng sách, về đánh cờ và bắn tên thì giỏi nhất⁽¹⁹⁾.

Chu Bảo An thời Trần, tự An Dân, năm hơn mươi tuổi học cưỡi ngựa bắn cung, là công tử con quan nên kiêu căng rong chơi, thích chó thích ngựa, ưa việc đua ngựa, trộm cướp. Chu Văn Dục làm Thái thú Tấn Lăng, muốn dẹp yên các quận không tuân giáo hóa, sai Bảo An coi quận Lâm Tri, lại càng tụ họp với bọn thiếu niên xấu xa, Cao tổ rất lo ngại. Đến khi Văn Dục tây chinh thất bại bị Vương Lâm bắt, Bảo An bèn sửa nết đọc sách, giao du với các bậc sĩ quân tử, nổi Văn Dục coi quân, rất có oai đức⁽²⁰⁾.

Anh công Lý Tích thời Đường từng nói "Năm ta mươi hai mươi ba tuổi làm kẻ vô lại, gặp người là giết, năm mươi bốn mươi lăm tuổi làm tên cướp không ai chống nổi, ai không vừa ý là giết, năm mươi bảy mươi tám tuổi làm thằng giặc tốt, ra trận giết người, năm hai mươi tuổi nhận chức Thiên hạ đại tướng quân, cầm quân cứu người"⁽²¹⁾.

Lưu Mân thời Ngũ đại buổi đầu tên Sùng, râu quai nón, mắt có hai con ngươi. Lúc trẻ vô lại, ưa rượu chè cờ bạc, bị khắc chữ vào mặt đày làm lính. Về sau cải tà quy chính, được cử giữ các chức vụ quan trọng như Phủ doãn Thái Nguyên, Lưu thủ Bắc Kinh, Đồng Trung thư môn hạ Bình chương sự⁽²²⁾.

Trung thừa Lưu Tùng Bình thời Thanh là người Cố Thủ, Hà Nam. Lúc nhỏ hào hiệp giỏi roi gậy, trả thù cho kẻ khác, giết người giữa ban ngày không ai dám tới gần. Đến

(19) *Lương thư*, quyển 36, *Vương Chiêm truyện*.

(20) *Tùy thư*, quyển 8, *Chu Văn Dục truyện*.

(21) *Triệu Đức Lân, Hầu tinh lục*, quyển 6.

(22) *Tân Ngũ đại sử*, quyển 70, *Lưu Mân truyện*.

trung niên sửa nết đọc sách, thi đậu Tiến sĩ ra làm Tri huyện Thượng Hải⁽²³⁾.

...

Tại sao trong thời kỳ quá độ từ thiếu niên tới thanh niên thì người ta dễ sa đọa trở thành lưu manh?

Trước hết, con người trong tuổi thiếu niên thì chưa từng trải, được giáo dục còn ít, khả năng chống lại thói hư tật xấu còn kém, dễ bị ý thức lưu manh lôi kéo, khống chế.

Thứ hai, tuổi thiếu niên chưa có nghề nghiệp ổn định như người khác, thiếu một thu nhập ổn định đủ để chi dùng cho bản thân. Lúc thiếu thốn tiền bạc để thỏa mãn nhu cầu phung phí, rất có thể đi làm những việc hại người lợi mình. Lúc mới bắt đầu còn biết sợ sệt hoặc xấu hổ, nhưng đến khi thành công lại cảm thấy làm việc bậy bạ có điều thú vị, nên càng ngày càng rông ràn không còn sợ hãi.

Thứ ba, sự lách laced trong quan niệm thẩm mỹ cũng dễ khiến người ta sa đọa thành lưu manh. Những người này vì tuổi trẻ, thường không phân biệt được rõ ràng chuyện xấu tốt, không biết thế nào là đúng sai. Như Kinh Bố người thời Tần Hán, lúc trẻ từng có người xem tướng cho y, nói "Bị tri tội xong sẽ được phong tước vương". Kinh Bố lớn lên, quả nhiên phạm pháp bị khắc chữ vào mặt. Khi chuyện ấy xảy ra, y lại mừng rỡ nói "Người ta xem tướng cho tôi nói là bị tri tội xong sẽ được phong tước vương, có lẽ đúng thế chăng?". Những người nghe thấy đều cười nhạo⁽²⁴⁾.

Lại như Vi Ứng Vật trong niên hiệu Vĩnh Thái thời Đường làm Phủ thừa Lạc Dương, đổi giữ các chức Kinh triệu doãn, Công tào, trong niên hiệu Kiến Trung ra làm Thứ sử

(23) Tiểu Hoành Hương thất Chủ nhân biên, *Thanh triều dã sử đại quan*, quyển 12, *Lưu Trung thừa Như Quân*.

(24) Sử ký, quyển 91, *Kinh Bố liệt truyện*.

Trữ Châu, Giang Châu, sau đổi làm Ty Lang trung, đầu tiên hiệu Trinh Nguyên giữ chức Thứ sử Tô Châu, rất nổi tiếng về thơ, lúc già cũng từng viết một bài thơ *Phùng Dương Khai phủ* (Gặp ông Khai phủ họ Dương), phản ánh sự lầm lẫn về quan niệm thẩm mỹ của mình lúc còn trẻ "Thiếu thời Vũ hoàng đế, Vô lại thị ân tư, Thân tác lý trung hoành, Gia tàng vong mệnh nhi. Triệu thị khoa bồ cục, Mộ thiết đồng lân ky (cơ). Ty lệ bất cảm bối, Lập tại bạch ngọc trì. Ly Sơn phong tuyết dạ, Trường dương vũ lạp thì. Nhất tự đỗ bất thức, Âm tửu tú ngoan si" (Lúc trẻ kiêu hùng lầm, Vô lại thấy nhờ ơn. Mình làm ngang trong xóm, Nhà chứa dám trai hoang. Ngày rong chơi cờ bạc, Tôi bắt gái láng giềng, Nha lại không dám bắt, Đứng đợi ở ngoài hiên. Ly Sơn đêm gió tuyết, Săn bắn ruồi non ngàn. Một chữ cũng không biết, Uống rượu ý nghênh ngang)⁽²⁵⁾. Vì Ứng Vật khoe khoang việc lúc trẻ cờ bạc, cướp đoạt con gái, nuôi giấu bọn vong mệnh trong nhà, không biết một chữ, lại không có chút cảm giác xấu hổ, thể hiện rất rõ sự lệch lạc đảo lộn trong quan niệm thẩm mỹ. Lại như Nhạc Sùng Đạo người Tâm Dương thời Thanh, tính phóng đãng chuộng sức mạnh. Lúc trẻ không chịu làm ăn, bạn bè phần lớn là giặc cướp. Thừa kế gia sản cha ông để lại, ăn mặc đầy đủ, phung phí xa hoa. Khi gặp việc thường cậy sức mạnh để quyết định, ai không nghe theo thì lập tức làm nhục. Vì thế cả làng đều khép nép không dám nhìn thẳng. Nhạc Sùng Đạo lại không biết hối hận sửa lỗi, còn dương dương tự đắc nói "Ruồi ngựa so kiểm vốn là việc của kẻ trưởng phu"⁽²⁶⁾.

Vấn đề mối quan hệ giữa tuổi trẻ và lưu manh nếu muốn nói rõ thì là: người tuổi trẻ tư tưởng phóng túng hời hợt, cố nhiên dễ bị tập nhiễm thành lưu manh, nhưng người

(25) Hồng Mại, *Khách trai tùy bút*, quyển 2, *Vi Tô Châu*.

(26) Vương Thảo, *Tùng tản tảo thoại*, quyển 3, *Khâu Tiểu Quyên*.

ở những lứa tuổi khác nếu không lo làm ăn, làm việc phạm pháp cũng sẽ sa đọa thành lúu manh. Điều kiện để thanh thiếu niên lúu manh cãi tà quy chính hoàn toàn không tuyệt đối, cũng tự nhiên mà hình thành.

Lời cuối sách

Vài năm nay, học giới trong nước đối với việc nghiên cứu phong tục xã hội sôi động hẳn lên. Lịch sử lưu manh Trung Quốc dĩ nhiên là một đề tài nóng bỏng trong đó.

Có thể nói lưu manh là một nhóm xã hội đông nhất, thường thấy nhất trong lực lượng tội phạm xã hội, tính nguy hiểm cũng lớn nhất. Cho dù từ ngày đầu tiên này sinh đã có tiếng tăm không tốt, bị xã hội nhất trí phê phán, nhưng nó là một tầng lớp xã hội hạ lưu, vẫn mặt dày qua lại rong chơi ở mọi ngóc ngách của thế giới, mọi giai đoạn của lịch sử. Trong thời thái bình, nó lén lút làm điều ác, ngẫu nhiên để lộ nanh vuốt, trong thời biến động, nó hoành hành bá đạo, lan tràn thành tai họa; bị tấn công mạnh mẽ thì tạm thời thu hình náu vết, nhưng như âm hồn bất tán, một khi có cơ hội lại như bọt bắn nổi lên, lộng hành tác quái, gây rối cho xã hội, làm hại vô cùng.

Vì thế, việc nghiên cứu lịch sử lưu manh Trung Quốc rõ ràng có ý nghĩa xã hội rất quan trọng, không nói cũng rõ.

Về kết cấu, đề quyển sách vừa có độ sâu lý luận vừa sinh động thú vị nên các chương không sắp xếp theo thứ tự niên đại lịch sử, mà theo nội dung lịch sử lưu manh chia thành một số chuyên đề để phân tích nghiên cứu; trong mỗi chuyên đề thì sắp xếp theo thứ tự niên đại lịch sử. Vì thế, tên sách vẫn là *Lưu manh sử*. Vả lại tôi cảm thấy cách sắp xếp ấy có thể xuyên suốt một cách hữu cơ các vấn đề có liên quan với lịch sử này sinh, phát triển của lưu manh, việc miêu tả phân tích lại càng sâu càng rõ. Lại thêm phần lớn ví dụ

trong sách là lấy từ các tiểu thuyết bút ký, có thể hấp dẫn người đọc.

Nguyện vọng chủ quan của tôi là cố gắng làm sao cho quyển sách này vừa có độ sâu về lý luận vừa hấp dẫn người đọc, nhưng trong việc nghiên cứu văn hóa giang hồ và phong tục xã hội thì bản thân tôi cũng chỉ mới mò mẫm bước đầu, lại thêm học vấn nông cạn, trong sách khó tránh khỏi những chỗ sai lầm thiếu sót, nên thành thật mong mỏi các chuyên gia học giả xa gần phê bình chỉ chính, không tiếc lời dạy bảo cho.

Trong quá trình viết quyển sách này, tôi đã được tiên sinh Từ Hoa Long và nữ sĩ Trần Tịnh phụ trách biên tập ở Thượng Hải Văn nghệ xuất bản xã giúp đỡ nhiều ý kiến và cung cấp rất nhiều tư liệu quý báu, giúp cho tôi rất nhiều điều thiết thực, nên ở đây người viết bày tỏ lòng biết ơn chân thành.

Lục Đức Dương
Tháng 6. 1994

LỊCH SỬ LƯU MANH

Lục Đức Dương

Cao Tự Thành dịch

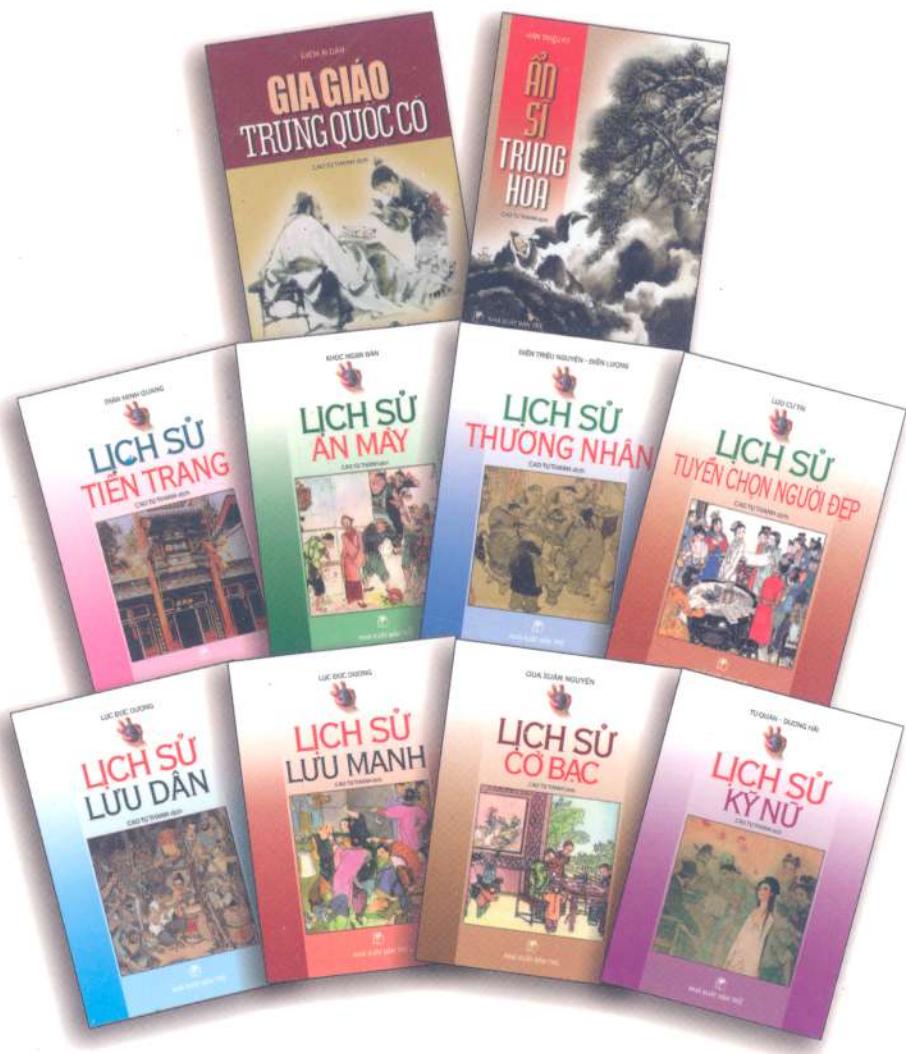
<i>Chịu trách nhiệm xuất bản:</i>	LÊ HOÀNG
<i>Biên tập:</i>	THANH LIÊM
<i>Sửa bản in:</i>	NGUYỄN TRUNG
<i>Vẽ bìa:</i>	DUY NGỌC
<i>Đơn vị liên doanh :</i>	Cty TNHH phát hành sách Sài Gòn

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B LÝ CHÍNH THÁNG – QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH

In 1000 khổ 14,5 x 20,5cm. Tại CTy In Chuyên ngành LĐXH.
Số đăng ký KHXB: 297/77. Giấy trích ngang KHXB số: 249/2001.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 04 năm 2001

Mời các bạn tìm đọc :



GIÁ: 35.000đ